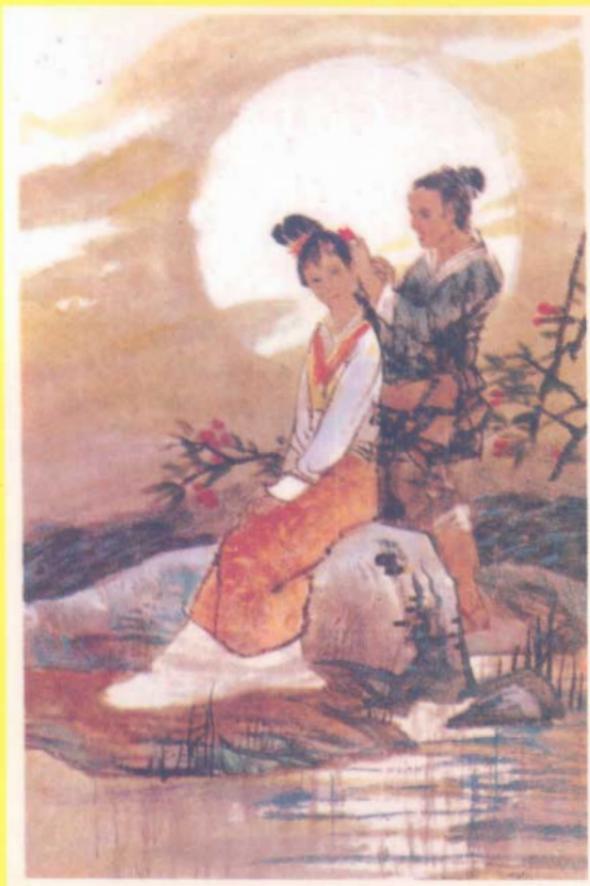


CỔ NGÔ MẠC LÃNG TỬ

TÂY HỒ GIAI THOẠI



*Nếu đến Tây hồ thăm một lượt
Người trần bỗng chốc hóa thần tiên*

(Thơ cổ Trung Hoa)

CỎ NGÔ MẶC LÁNG TỬ

TÂY HỒ GIAI THOẠI

TẬP I

DƯƠNG THU ÁI *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

Lời người dịch

"*Tây Hồ giai thoại*" là một bộ sách ước khoảng 16 vạn chữ Hán, do Nhà Xuất bản "Thượng Hải Cố tịch xuất bản xã" xuất bản lần thứ nhất vào tháng 9 năm 1980 với số lượng 150.000 cuốn, viết bằng cổ văn rất sâu sắc và lý thú.

Bộ sách kể về 16 sự tích như sự tích tiên, sự tích say, sự tích tài, sự tích ẩn, sự tích mộng, sự tích cướp, sự tích hận, sự tích quái v.v... được phân chia thành 15 loại như sau:

1. Những sự tích kể về thân thế, sự nghiệp và đời thường của các nhà thơ như *Bạch Cư Di*, *Tô Đông Pha*, *Lạc Tân Vương*.

2. Những sự tích kể về các danh nhân tài từ khi đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử, mang lại lợi ích cho nhân dân rồi về ẩn, chán cảnh quan trường như *Cát Trì Xuyên*, *Lâu Bộ* v.v...

3. Những câu chuyện tình thơ mộng nhưng éo le, trắc trở mà lại vô cùng trong sạch thanh cao, được muôn đời ca ngợi như nàng *Tô Tiểu Tiêu*, chàng *Văn Thế Cao*, nàng *Phùng Tiểu Thanh*...

4. Những câu chuyện về nhà Phật cứu dân độ thế, từ bi hi xà, dạy dỗ nhân寰 "Mỗi người sẽ được hưởng cái nghiệp do việc làm của mình. Ai gieo nhân lành sẽ được hái trái ngọt như nhà sư *Đạo Tế*, *Viễn Công*, *Viên Trạch*, *Pháp Hải Thiền Sư*..."

5. Những sự tích anh hùng của các bậc trung thần tiết nghĩa, xả thân cứu nước như tướng *Nhạc Phi*, *Vũ Khiêm*, *Tiền Lưu Vương*...

Ở Việt nam trước đây đã có dịch in một số thơ của *Bạch Cư Di*, *Tô Đông Pha* v.v... Các độc giả Việt Nam được biết tên nàng *Tiểu Thanh* qua "*Độc Tiểu Thanh ký*" của *Nguyễn Du*, biết *Nhạc Phi* qua

"Tần Cối tượng" của Nguyễn Du v.v.. nhưng thật sự chưa được biết sâu sắc.

Bạn đọc Việt Nam đọc "Tây Hồ giai thoại" sẽ được hiểu biết từ miếng sự nghiệp văn thơ, sự nghiệp chính trị, sự nghiệp quân sự, sự nghiệp tu hành và cả đời thường của các nhân vật anh hùng, thi sĩ, hòa thượng, văn nhân, kỹ nữ v.v... Hiểu được những giai thoại ở Tây Hồ-Hàng Châu thi sĩ sẽ có nhiều gợi ý, suy nghĩ, hiểu biết thêm về những giai thoại ở Tây Hồ-Thăng Long, về những tên đất, tên người ở Tây Hồ-Thăng Long.

Phản hay là do tác phẩm, phản đối là lỗi người dịch. Xin được đọc giả lượng thứ.

Xin chân thành cảm ơn và giới thiệu cùng đọc giả.

DUONG THU AI

DẤU TIÊN TRÊN CÁT LINH (CÁT LINH TIỀN TÍCH)

Vòng quanh Tây Hồ đều là núi. Núi nhấp nhô trùng điệp, núi uốn khúc lượn lờ. Núi có thể dẫn du khách dạo chơi ngắm nhìn cảnh trời mây non nước. Trừ hai đỉnh cao ở phía Nam và phía Bắc, còn các núi ở bên phải, bên trái thì chẳng có gì đáng bàn. Mà có đáng bàn, chẳng qua chỉ là hình thù và thế núi, chót vót chênh vênh dựng ngược mà thôi. Duy chỉ có một ngọn ở phía Tây tháp Bảo Thúc thì có tên gọi là Cát Linh. Vì sao vậy? Than ôi! Truyền xưa truyền lại rằng, tại núi này vào đời Tấn đã có một con người kỳ dị tên gọi Cát Hồng, từng ở trên đỉnh núi tu luyện thành tiên. Do vì "Nhân kiệt địa linh"⁽¹⁾, cho nên tên họ của người cũng trở thành tên của núi.

Bạn có biết Cát Hồng là ai không? Cát Hồng hiệu là Trí Xuyên, vốn người Cú Dung Kim Lăng. Vào thời Tam Quốc người từng theo Tà Tù học đạo, được Cửu-dan-kim-dịch-tiên-kinh. Tiên công Cát Huyền bay lên trời giữa ban ngày, chính là ông tổ của Cát Hồng. Ngày Tiên công bay lên trời đã từng đem tất cả các phù chú của kinh phẩm trong Tam động - Linh Bảo trước thời nhà Thanh truyền cho đệ tử Trịnh Tu Viễn. nói rằng để xem trong đám con cháu nhà mình ai có thể truyền cho được thì truyền, nhất thiết không được dấu kín. Vì sao

(1) "Nhân kiệt địa linh" câu văn của Vương Bộ nghĩa là do có người tài sản ra hoặc đến ở, nên đất nổi tiếng theo. Tất cả chủ thích trong sách này đều do người dịch biên soạn, nguyên bản không có.

Cát Hồng sinh ra, vốn chẳng phải người thường. Ngặt vì mẹ cha mất sớm, nhà quá khổ nghèo. Cũng may cậu bé Cát Hồng tính tình điềm đạm, đối với tất thảy những ham muốn vật chất trên thế gian, Cát chẳng ước muốn gì. Điều Cát thích nhất chỉ là đọc sách và đàm đạo việc đời. Khổ nỗi, lấy đâu ra được sách mà đọc. Cát đành phải vào núi kiếm cùi, gánh ra chợ bán, kiếm được ít tiền bèn mua giấy bút đem về, mượn sách của người mà sao chép. Vừa chép vừa học, không quản nóng lạnh, chẳng sợ đông hè. Cứ như vậy liền mười năm trời, Cát Hồng đã trở thành một bực đại nho.

Có người khuyên Cát Hồng:

- Học nghiệp của cậu cũng có thể gọi là thành đạt rồi đó. Nếu cậu ra ngoài đời, cầu lấy chức quan, thì lo gì nghèo hèn nữa.

Cát Hồng đáp:

- Đọc sách cốt để hiểu thấu lí đời, chứ đâu phải để cầu lấy công danh bần tiện.

Người khuyên nói:

- Việc công danh có thể từ bỏ, còn cái nghèo hèn thật khó bỏ thay. Nay cậu đã khôn lớn, chỉ vì nghèo khổ, nên chưa thành thân, chẳng ra cầu lấy chức quan, làm sao lấy được vợ?

Cát Hồng đáp:

- Lương Hồng ⁽¹⁾ lấy Mạnh Quang làm vợ, đâu đã đạt được chức quan. Muốn ra làm quan cũng phải đợi thời, chứ

(1) Thời hậu Hán Lương Hồng lấy nàng Mạnh Quang, quan hệ vợ chồng kính yêu nhau như khách. Sau có tích Lương Mạnh để chỉ đôi vợ chồng sống mẫu

dâu có ngồi cầu mà được.

Người khuyên không còn biết nói sao, dành bỏ đi.

Cát Hồng học vấn đã cao, tính tình lại gửi cà vào nơi xa
thảm Cát chỉ thích đóng cửa ở nhà một mình, không bao giờ
giao tiếp với bất kỳ ai. Khi vui vẻ thì lững thững dạo chơi,
ngâm cảnh núi non để thỏa chí của riêng mình. Một hôm,
Cát ngồi vắt chân trên tảng đá trắng ngạo nghễ dưới mây gốc
thông già trên núi Thanh Đại, lặng lẽ ngâm nhìn cảnh sắc
rờn xanh phủ trên triền núi. Chàng cảm thấy mình như là
sinh ra từ trong núi, nhưng lại không gắn liền với núi, như là
mình trời nổi ở ngoài núi, mà lại rời núi rất xa. Cát cho rằng
cảnh sắc này chàng thế có được hai lần. Chàng đã trầm trồ
thởt lên: "Mạnh phu tử đã từng nói "Trước mắt sáng lạn,
thịnh soạn mai sau" ⁽¹⁾. Đó chính là đạo lý này đây! Ngọn núi
này sẽ muôn đời bền vững!"

Không ngờ ngày hôm đó, giữa lúc Cát Hồng đang trầm
ngâm suy tưởng, thì vừa hay có viên quan thái thú Nam Hải,
họ Bào tên Huyền, đem theo rất nhiều môn khách, cùng kéo
tới vãn cảnh ở núi Thạch Đại này. Họ đã dừng lại từ trước ở
một cái đình giữa lưng chừng núi; uống rượu suốt buổi. Lúc
rượu ngà ngà say, họ đi dạo ngắm cảnh núi. Bào Huyền ngẫu
nhiên dắt một viên tướng, du ngoạn đến chỗ Cát ngồi. Bóng
họ nhìn thấy Cát ngạo nghẽ ngồi trên tảng đá, biện ngang lối
lạc, khí phách đường hoàng. Bào Huyền bất giác kinh ngạc,
chỉ vào Cát Hồng rồi nói với viên tướng:

(1) Nguyễn văn "Tụy vu diện, áng vu bối"



庚正班

- Người xem kia, thể thái du nhàn, có tướng ứng với phú quý. Tại sao còn trai trẻ thế này, mà người lại cam sống ở nơi vách đá?

Viên tướng định thần ngắm kỹ, nói:

- Chàng thiếu niên này vốn có tướng giàu sang, nhưng giàu sang cũng chỉ có hạn. Chàng còn có một điều đáng coi chừng hơn người. Thưa tiên sinh, tiên sinh có nhìn thấy không ạ?

Bàu Huyền nói:

- Ngoài tướng giàu sang ra, ta không thấy gì nữa cả.

Viên tướng nói:

- Ngài xem, bộ tóc và lông mi tuyệt đẹp, nét mắt trong sáng gần gũi, đôi con mắt lấp lánh hào quang, dáng vóc khỏe mạnh ngạo nghễ như con hạc rừng. Chỉ sợ đó là người thần tiên lẩn trong phàm trần mà thôi.

Bàu Huyền nghe vậy, nhưng chưa thật tin hẳn. Liền bước lên trước, chấp hai tay nói với Cát Hồng:

- Xin chào trưởng huynh.

Giữa lúc Cát Hồng đang chăm chú mài ngắm nhìn núi non, đầu gục xuống suy tư ở nơi sâu thẳm. Tự nhiên nghe tiếng người nói, rồi lại thấy người đó chấp tay vái chào, vội ngoảnh đầu lại nhìn thì thấy một người dáng vẻ như là một vị lão tiền bối. Cát vội đứng dậy chào đáp lễ:

- Kẻ hậu sinh mài tham nhìn sắc núi, chẳng biết có kiệu giá tới đây, không biết để vội lánh mặt đi. Thật đáng tội chết!

Bàu Huyền nhìn thấy nhìn thấy Cát Hồng khiêm nhường lê phép, càng thêm lòng sung sướng, do vây bèn nói:

- Tôi nhìn thấy thần sắc và tình cảm của trưởng huynh
sáng lâng lạ kỳ, đương là kỳ vội và đuổi dòng sánh vào đường
quan trường tước vị. Vì sao trưởng huynh còn có thời gian
nhàn rỗi tìm núi hỏi sông, làm những việc ẩn thầm tịch mịch
như thế này cho được?

Cát Hồng đáp:

- Kẻ hậu sinh thường nghe nói các bậc hiền nhân quân tử
gánh vác việc non sông xã tắc, đường quan trường nhanh tựa
gió mây. Nhưng cũng có lúc nhàn du sơn thủy như ngày hôm
nay của lão tiên sinh đó vậy. Huống hồ như kẻ hậu sinh này,
đang lúc đời nghèo cùng khổ, đường quan trường xa lắc xa lơ.
Đành phải lạc vào đây thụ hưởng chút khí lành của sông núi,
để nuôi dưỡng tinh linh.

Bào Huyền nghe xong mừng vui hơn hờ nói:

- Trưởng huynh không chỉ có hình mạo siêu phàm mà
nghị luận còn cao sâu kỳ diệu, vượt hẳn ra ngoài sự tầm
thường, thật quả là một bậc cao si. Thật đáng kính! Thật
đáng trọng!

Bào Huyền hỏi họ tên. Cát Hồng nói:

- Chưa từng biết để vái Thái Sơn, lạy Bắc Đầu, kẻ hậu
sinh hèn mọn này đâu giám tấu càn!

Bào Huyền nói:

- Ta là học sinh⁽¹⁾, tên gọi Bào Huyền, thái thú quận Nam
Hải, người qua thời cũ kỵ, chẳng có gì đáng nói.

(1) Tiếng tự xưng khiêm tốn đối với bậc lớn trưởng thời cổ.

Cát Hồng vội vã lạy nói:

- Thật là Thái Sơn, Bác Đầu, quả không sai! Kẻ hậu sinh là Cát Hồng đời nghèo hèn mọn, thật vạn phúc được thấy mặt trời.

Bàu Huyền nghe rồi nói:

- Giờ xin cho gọi là Cát huynh. Nhưng chưa được biết quê của tiên sinh ở nơi nào?

Cát Hồng đáp:

- Thưa, cụ tổ quê ở Cú Dung, Kim Lăng.

Bàu Huyền nói:

- Tôi đã từng nghe nói tới huyện Cú Dung, thời Tam quốc có một vị tiên bay lên trời giữa ban ngày, đạo hiệu là Cát Hiếu tiên già, huynh với ngài cùng họ Cát, nhất định là hiếu rõ lai lịch của ngài.

Cát Hồng vội một lạy nói:

- Người chính là cụ tổ của kẻ hậu sinh này đó. Thật đáng xấu hổ, thật đáng buồn, tôi đã đầu thai xuống phàm trần, nỗi ra quả là thẹn thùng.

Bàu Huyền càng nghe càng cảm thấy vui mừng sung sướng, bèn ngoanh lại nói với viên tướng:

- Hổ tôn cùng một khỉ! Trưởng huynh của ta đây là người thần tiên, sáp sửa không bị oan nữa rồi.

Viên tướng nói:

- Không phải là nói không bị oan. Thực ra tướng lí ấy cũng không thể bị oan. Không phải là tướng lí không bị oan, mà thực ra là trời đất ngăn cách, khí âm dương ngăn cách. Cho nên cũng không thể bị oan!

Cát Hồng nghe hai người nói chuyện tướng lí, bèn hỏi nguyên cớ. Bào Huyền bước lên trước đem lời bàn của viên tướng, nhắc lại tì mỉ một lượt. Lúc này Cát Hồng nghe, tuy đáng vè khiêm nhường không vội vã, nhưng trong lòng đã có một hình ảnh thần tiên khác vào tâm khảm. Cát Hồng thấy Bào thái thú nồng nàn lưu luyến, sợ người bạn rộn việc công, nên nói xong liền cáo biệt ra về. Bào Huyền cầm chặt tay chàng nỡ rời, hỏi di hỏi lại để biết nơi ở của Cát Hồng, rồi mới cho Cát ra về... Thật là:

Giữa đường hiếm gặp tri âm.

Chỉ qua một tiếng là thán ngay rồi,

Huống chi vừa ý thuận lời.

Làm sao chàng thể thành người tri âm!

Bạn có biết vì sao Bào Huyền lại yêu thích Cát Hồng đến như vậy không? Vốn Bào có một người con gái tên gọi là tiểu thư Tiềm Quang rất được yêu chiều quý mến, lại chưa kén được giai tế. Nay thấy Cát Hồng tré trung thật thà, tự nhiên lại có tài trí, thật rất đáng được chú ý. Ngày hôm sau liền sai viên tướng làm ông mai, đến đàm đạo truyền đạt chủ ý của Bào thái thú với Cát Hồng. Cát Hồng ngẫm mình thân phận nghèo hèn, nhiều lần từ chối, nhưng không sao chống nổi tình ý thiết tha nồng đậm của Bào Thái thú. Thế rồi một lời đã hứa cùng tiểu thư kết thành nhân duyên Tân Tán⁽¹⁾. Sau đó ít lâu thì hòa hài thành tình cảm sắt⁽²⁾, vợ chồng sống với

(1) Tân Tán là hai nước thời xuân thu, gia tộc đồng dõi thống trị của hai nước từng lấy nhau, nên gọi là duyên Tân Tán để chỉ hai họ thông gia.

(2) Cầm sắt là hai loại nhạc khí, để ví sự hòa nhịp đầm ấm vợ chồng.

nhau thật là ý hợp tâm đầu. Từ đó Bào Huyền, Cát Hồng với quan hệ chàng rể và bố vợ thường luôn đi lại, đổi trao tâm sự.

Cần nguyên vì cái mà Bào Huyền thích nhất là Ngoại dan cùng với thuật Nội dưỡng. Bởi thấy Cát Hồng xuất thân là con cháu xa của thần tiên, liền đem hết thuật luyện dan mà Bào đã biết được, sớm tối bàn giảng với Cát, chỉ mong mỏi được Cát bảo cho một chút thuật gia truyền. Cát Hồng liền nói:

- Con nghe nói đường tu tiên học đạo, cần phải tự thân rèn luyện, tuy có gia truyền, chẳng qua cũng chỉ là một vài phương pháp hướng dẫn bình thường. Chỉ cần bão dưỡng khí huyết là sẽ kéo dài được tuổi thọ. Còn đối với việc bay bổng lên trời, con nghĩ nhất định cần phải biết Đại dan.

Bào Huyền nghe xong, tự trong tâm khám tự cho là phải. Rồi từ đó cố lưu tâm phòng cầu về thuật Đại dan.

Lúc đó là buổi đầu thời Tấn Thành đế Hàm Hòa, quan tư đồ Vương Đạo muốn vời Cát Hồng bối vào chức giữ việc bảo quản sổ sách của chúa, liền tuyển Cát làm chức Tán kỳ thường thi, lãnh việc ghi chép trước tác. Cát Hồng quyết chối từ không được. Về sau, tại một vùng đông nam, nổi lên rất nhiều sơn tặc, triều đình giao sắc lệnh cho đô đốc Cố Bí thống lĩnh đại binh để tiêu diệt bọn giặc cỏ dại. Cố Bí với Bào Huyền vốn là bạn cũ, nên lúc sắp đi, đã đến chào. Bào Huyền nhận đó mờ tiệc khoản dãi, trong tiệc bảo Cát Hồng ngồi tiếp. Cố Bí nhìn thấy Cát Hồng phong độ hiên ngang rạng rỡ, mới chỉ nói một đôi lời đã có hàm ý rất sâu sa. Đoán biết là người có tài, nên hỏi:

- Trước mắt bây giờ ở vùng đông nam, bọn son tặc nổi lên làm loạn. Chúng tương liên tương kết hoành hành cướp bóc kẽm đến ngàn dặm. Bản quan đỗ đốc phụng mệnh đi tiêu trừ bọn giặc ấy, không biết nên dùng phương lược nào? Cát huynh là người đa tài túc trí, xin cho vài điều chỉ bảo.

Cát Hồng nói:

- Kẻ hạ sĩ ở nơi thôn dã này đâu có biết phương lược nào? Trộm nghỉ, giặc vốn cũng là dân, chúng cuồn cuộn nổi lên, chẳng qua chỉ là vì đói rét bức bách mà thôi. Các quan chức chẳng biết thương yêu vỗ về dân, lại bất sưu cao thuế khóa nặng nề tàn khốc, khiến họ chẳng còn đường sống. Họ liền không sợ chết nữa mà làm loạn, chứ tuyệt nhiên không phải là họ có đại chí muôn cát cứ tranh giành đất đai. Huống hồ bọn giặc ấy nhất thời ô hợp, chưa biết kỷ luật, nếu An chiếu của bè trên nới rộng tình thương yêu, khoan dung độ lượng tức thì trong khoảnh khắc bọn giặc ấy tan ngay. Nhuọc bằng mâu dùn dùng sức mạnh thị uy, thì càng nguy hiểm, việc thiên hạ tất không biết sẽ di tới đâu. Mong rằng lão đại nhân hãy cứu giúp mạng sống cho đất trời và cứu phúc cho triều đình

Cố Bí nghe xong, bất giác mừng vui lộ trên nét mặt. Liền nói với Bảo Huyền rằng:

- Lệnh tể Tri Xuyên của huynh, không chỉ tài cao mà còn thấu hiểu được địch tình. Thật là biết lửa lửa để thu tê giác, mà lại nhiều mưu lược có thể giải tán được giặc dã. Thật là con người có đức nhân cao cả. Cốc rượu lời vàng, bản đỗ đốc lĩnh giáo được nhiều điều lâm vây. Việc quân nguy gấp, lẽ ra chẳng nên làm phiền lụy đến bậc cao hiền. Nhưng nghĩ rằng việc binh cơ không thể lường hết. Giả như trong phút chốc có điều cùn nghi hoặc chưa tường, bản đỗ đốc biết mình thô lỗ

dàn dộn, sợ rằng không thể đối ứng kịp thời. Một bước lỡ sai, há lại không làm chết quân, nhục nước hay sao? Bàn đà đốc có ý muốn tạm rước cao hiền cùng vào chung mản trường, cùng mưu việc quân cơ. Giả như có việc nào chưa tường chưa tỏ, sẽ được lĩnh lời dạy bảo ngay. Như vậy sẽ khiến cho vùng đông nam này được yên tĩnh, thỏa lòng ước nguyện của lương dân. Mong Cát huynh hãy khẳng khái bằng lòng cho.

Cát Hồng từ tạ rằng:

- Kẻ tiêu phu cát cỏ, được tiến dần, chẳng qua chỉ là vì đại nhân tuyển dụng vội vàng trong chốc lát. Nếu mượn hán làm kẻ sĩ trong quân thì khác gì kẻ hiếu biết nông cạn lại dám làm việc tày trời, sao không hỏng việc? Than ôi! Tôi đâu dám nhận!

Cố Bí nói:

- Giới một mặt là có thể nấu để dùng được rồi, làm gì phải có toàn tài. Ý bàn đà đốc đã quyết. Vạn lần mong huynh chờ chối từ.

Bên lấy một sắc thư của Huyện úy trong tùy mệnh quân điền thêm tên Cát Hồng, rồi đưa áo mũ của Huyện úy cho Cát nói:

- Tạm thời hãy bàn tới đây. Một ngày khác sẽ cất nhắc. Mỗi người sẽ có một ân mệnh riêng.

Cát Hồng vẫn từ chối. Bào Huyền ở bên cạnh liền khuyên giải:

- Áu nhi học, tráng nhi hành⁽¹⁾, đó là cái chí của trượng phu. Hiền tế tuy không có hoài vọng cao siêu, dù đã châm chí

(1) Câu thứ 352-353 trong Tam tự kinh của Vương Ứng Lân đời Đường có nghĩa "Trẻ phải đi học để lớn lên thi hành".

học hành công lao vất và mà đâu eó thoát khỏi cảnh đói rét. Hai chữ công danh tất không thể thiếu với mỗi con người. Huống chi, tri kỷ nan phùng⁽¹⁾, ngày nay đã nhận được sự trọng dụng của bờ trên, thật là tri kỷ của hiền tế đó vậy. Sao chẳng xuất quan để ngẩng cao đầu phò tá cho sự thành công của đô đốc, khiến cho hàng vạn dân vùng đông nam đã chết bỗng được hồi sinh, đang nhiều nhương bỗng được yên ổn, há lại không cùng các bậc ôm ấp trái tim nhân hậu cùng sung sướng hay sao? Còn như cái công danh sau này, giữ gìn được hay vứt bỏ đi, không phải là điều không xảy ra trước mắt ta hôm nay, hà tất đợi mà lại không chịu ăn, khát mà lại không chịu uống, uống phí cả cái công trường cây bấy lâu.

Cố Bí nghe xong vui mừng lắm, liền nói:

- Lời nói của Bào lão tiên sinh thật là chí lí. Cát huynh không thể không nghe.

Cát Hồng thấy cả hai người cùng khuyên giải, biết là việc nghĩa không thể chối từ, lúc bấy giờ mới nhận sắc thư, đội mũ, mặc áo, thắt đai. Trước tiên vái tạ thánh án, sau đó vái chủ soái, rồi về nhà bái biệt nhạc phụ, nhạc mẫu và phu nhân. Sau đó theo Cố đô đốc soái lính ba quân lên đường. Thật là:

*Đứng nhận biết Dan, chắc thành tiên
Công danh vất và cũng vị tiền.
Đong duối sa trường, làm điều ác
Sao thể thành Dan tới cứu thiên!*

(1) Khó gắp được người bạn thân.

Có đỗ đốc dẫn quân chưa đến biên giới đông nam, Cát Hồng đã vội hiến kế:

- Sào huyệt của giặc đã dài lại rộng, khó có thể tiêu trừ hết. Dù chúng hàng là kế lợi nhất, chắc nhất. Nhưng nói sao cho chúng hàng cũng không phải là chuyện dễ. Phải làm sao sai khiến được trái tim của chúng, làm sao cho chúng vừa cảm động lại vừa sợ hãi, mới có thể thực sự thuyết phục được chúng. Nay muốn để cho chúng cảm động, cần phải dùng đại ân đối đầu với chúng. Muốn để cho chúng sợ hãi, cần phải dùng đại uy trấn áp chúng. Đại ân chẳng qua chỉ cần một tờ giấy, còn đại uy phải cần tới trăm ngàn quân. Ngày nay quân lính của nguyên soái thống lính có hạn, liệu có thể làm cho chúng sợ không?

Cát Bí nói:

- Như vậy thì biết làm thế nào?

Cát Hồng nói:

- Hồng tôi nghe nói "tiên thanh tối nang động chúng"⁽¹⁾. Nguyên soái có thể phát ra một hịch văn dụ hàng bọn địch ở các phủ châu huyện vùng đông nam. Trong hịch⁽²⁾ này nói rằng: Mỗi phủ đã cất binh thế nào, lương thảo dự trữ bao nhiêu. Mỗi châu huyện đã phát binh thế nào, lương thảo dự trữ thế nào. Đơn vị binh lính nào đang trấn giữ nơi hiểm yếu ở đâu. Đội quân nào đã thừa thắng tiến đánh trại giặc nào, chặt được bao nhiêu đầu giặc, được thưởng bao nhiêu. Nếu

(1) Lời nói trước, tất nhiên sẽ động lòng người.

(2) Hịch: Hịch là lời yêu cầu của nhà vua đối với Hư hịch là hịch giả mạo, lời kêu gọi giả mạo.

phá được một doanh trại địch thì được phong tước gì. Hãy chờ ngày trăm vạn đại binh của bần đỗ đốc tối cùng tiến vào phá giặc. Phải rầm rầm rộ rộ huyên truyền khắp nơi bốn phía, nhưng cũng ngầm báo cho các phủ, châu, huyện biết, không được để lộ rõ thực lực binh mã. Lại phải chuẩn bị nhiều cờ, trống, hỏa pháo, hư trương thanh thế di giết giặc, làm sao cho một số giặc nhìn thấy, tự nhiên chúng sẽ kinh sợ. Sau đó giao lệnh cho Hồng tông soái dân một đạo quân đi tuyên phát thánh án, cứ dọc theo đường, đến đâu thì chiêu hàng, rồi sáp đặt cho chúng ở yên đến đây. Cứ như vậy nhất định chúng sẽ sợ cái uy mà cảm phục, phải đầu hàng.

Cố đỗ đốc nguyên soái khen thật là diệu kế, cứ nhất nhất theo ý Cát Hồng mà làm. Chỉ mấy ngày sau, các phủ châu, huyện truyền tin xôn xao rằng đại binh sắp kéo đến, đã có chỉ hịch dụ hàng, không hàng sẽ bị giết hết. Đại binh có cờ xí, hỏa pháo, lương thảo để sử dụng trong lúc diệt giặc. Bọn son tặc nghe tin, không đứa nào không hoảng sợ. Dứa ngang ngạnh thì muốn ý dựa vào nhiều nơi hiểm trở để hòng được may mắn thoát chết. Kẻ yếu mềm thì sớm hối còn lo chăng kịp. Chưa đầy một hai ngày, tự nhiên lại nghe tin có an chiểu của nhà vua tôi. Khắp hai bên đường đều dán chiếu chỉ, viết rằng:

"Vạn vật đều tự hủy tự diệt, mà sự vun trồng của đất trời vẫn không ngừng không nghỉ. Phàm các dân đen của trẫm, chẳng may gặp cảnh đói rét cơ hàn mà chót đi theo giặc. Trẫm thật xót thương. Nay nếu biết hối, cải tà quy chính, hãy mau mau nộp hết binh khí cho các châu các phủ, rồi trở về xóm làng yên phận làm ăn, sẽ được xá tội, miễn trừ tô

thuế phục dịch và các khoản tiền lương tích nợ. Kẻ cầm đầu không bị trừng phạt nặng mà sẽ xét hỏi sau.

Nếu quá thật còn đói rét, sau khi bình an sẽ được cứu cấp. Ai có thể tiêu diệt hoặc chém đầu tướng giặc đem hiến dâng lên trên sẽ được thưởng vàng ngàn lượng, phong ấp vạn hộ. Nếu còn mê muội không tinh ngộ, ngày đại binh kéo tới, tất cả sẽ thành bột mắm, chả có hối!"

Bọn giặc thấy chiếu thư viết vừa rõ ràng vừa khẩn thiết, chúng đều vui mừng nói:

- Thế là ta đã có đường sống rồi!

Chúng liền đem hết dao thương cung nỏ mà chúng cầm giữ, giao nộp hết cho các phủ châu huyện, rồi mỗi đứa một đường về làng. Các phủ, châu huyện chuyển hết binh khí mà chúng nộp xếp chặt ở trên đầu thành và những nơi quan trọng có lợi cho việc tiêu giặc. Bọn tướng giặc nhìn thấy quang cảnh đó, vô kinh khà thi, muốn ý vào lính đông thì lính đã tàn ra mắt tám chín phần. Muốn dựa vào cứ điểm hiểm trở thì thế đã cõi, lực đã kiệt, làm sao có thể giữ nổi, đành phải tìm đường chạy trốn. Sớm có mấy tên tâm phúc của tướng giặc nghe tin có chiếu thư được thưởng nghìn lượng vàng, phong ấp vạn hộ, thằng này nghĩ cách bắt sống thằng khác để lính thường, thằng kia nghĩ cách chém thủ cấp để dâng công. Dứa tranh, kẻ giật, sau cùng chúng đã đem đầu tướng giặc băm nát như xương mà không thể hiến dâng lấy thưởng được nữa. Tướng giặc đã chết, bọn dư đảng sống sót đứa chạy về đông, đứa trốn về tây, còn lấy đâu ra tông tích tên giặc nào nữa? Kịp khi đại binh của Cố đô đốc kéo đến biên cảnh thì cả vùng đông nam đã là một thế giới thái bình,

không nơi nào còn một tên lính, một viên tướng, một mũi tên, một quả pháo... Cố đô đốc mừng vui hơn hờ nói:

- Tất cả là do công lao của Cát huyện úy cả.

Rồi dâng biểu tấu trình ti mi lên triều đình, để xin trọng thưởng. Triều đình thấy quân đội lưỡi gươm không dính máu, mà bốn phương sạch bóng thù, thật là kỳ công di tích, do đó đã thưởng tước quan nội hầu. Ngày chiếu thư chuyển đến, tất thảy đều vui mừng sung sướng. Cát Hồng nàng nặc chối từ một cách rất khổ sở:

- Hồng tôi vốn là một thư sinh. May mắn được nguyên soái dùi dắt, được vây là do ở Cố đô đốc cả. Nay son tặc đã yên, nếu không có đại binh của nguyên soái oai phong lẫm liệt, thì ai dám tin vào một lời nói, có thể giải tán được quân giặc? Công lao đó tất cả đều do uy hổ của nguyên soái đem lại. Nguyên soái lại khiêm nhường không tự nhận lại quy kết công trạng về Hồng. Lê nào lại che dấu thánh chủ để mà lên tước chưởng? Hồng tự biết mình là kẻ sĩ ở nơi cỏ rác, đâu dám nhận công này. Vạn lần mong nguyên soái thay Hồng hãy từ chối!

Cố Bí nói:

- Công giải tán quân địch, tạm thời không bàn đến nữa. Còn cái uy của đại binh cũng là do hiền hầu hịch cho các phủ Luyện hưng làm theo. Há lại do vốn của bản đồ đốc hay sao? Hiền hầu có công mà không chịu nhận. Triều đình không nghĩ là hiền hầu coi thường danh tiếng, mà tất sẽ nghi ngờ hiền hầu cố ý kiêu tình. Tránh không nhận chức thì có khó khăn gì? Thế nhưng cần nhắc tính toán vì việc nghĩa, thì hầu như không thể được.

Cát Hồng nghe rồi, rất trù trừ lưỡng lự. Vốn là từ trong ý niệm Cát Hồng không bao giờ coi trọng công danh, mà chỉ chăm chú vào đường tu luyện. Thường ngày với Bào Huyền trò truyện. Cát chỉ biết tu luyện, lấy việc được Đơn Sa làm trọng, mà Đơn Sa chỉ có ở Giao Chỉ là tốt nhất. Bấy giờ từ bỏ công danh không được, hiền chuyển ý niệm nói:

- Hồng vốn là thư sinh, không am hiểu điển lễ của triều đình, thật đáng trọng tội. Nay nhờ nguyên soái giáo huấn, từ bỏ chức tước là điều không hợp nghĩa. Thế nhưng, người thì mỗi người một chí, tài thì mỗi tài một dụng, Bây giờ Hồng muốn thành thực từ chối tước hầu, không cầu mong một đời sung sướng. Nhưng vẫn xin được làm một thần tử của triều đình không biết có được chăng?

Cố Bí nói:

- Đã có thụ hưởng thì không phải là kiêu tình. Nhưng không biết hiền hầu muốn cầu được đất nào?

Cát Hồng đáp:

- Chỉ cầu mong được một mảnh đất Câu Lâu cẩn cõi để sở nguyện cả đời. Vậy là đã đủ.

Cố Bí nói:

- Câu Lâu là hạ cấp kém hèn. Sao hiền hầu lại có thể sung sướng ở đó được?

Cát Hồng nói:

- Đó là chí nguyện của Hồng. Mong nguyên soái chu toàn cho.

Cố Bí bằng lòng. Kết quả là đã uyển chuyển hài hòa xong, được một việc. Một ngày khác, triều đình lại hạ chỉ đến nói:

"Xét tấu có đại công, một vùng Câu Lâu, thường vây
không đủ dùng. Để xứng với chí nguyễn từ trước, nay lập tức
bổ nhiệm tước hầu, tuy không nhận, song cứ để trōng đó làm
hư hàm, để coi trọng điển lễ ưu ái công thần của triều
đình".

Cát Hồng vái tạ thánh án lại tạ từ Cố đô đốc, mới phung
chì, về nhà từ biệt nhạc công Bảo Huyền, nói rõ tường tận
muốn được ở vùng Câu Lâu để cầu lấy Đơn Sa. Bảo Huyền
vui lắm! Không lâu Cát Hồng từ biệt nhạc công, dẫn vợ là
tiểu thư Tiềm Quang lên đường nhận chức. Thật là:

*Chức quan ởtit chán trời xa,
Danh chặng cao, lợi chặng mạn mà,
Nếu hỏi cần gì, mong chỉ đỡ.
Ai hay chặng, chỉ ởĐơn Sa.*

Quá nhiên Câu Lâu là một huyện nhỏ, Cát Hồng đến
nhận chức, lập tức đánh nhẹ sưu thuế, giảm hình phạt, khoan
lao dịch, sớm xét xử, chưa đầy hai tháng, cả vùng sạch như
nước. Đúng là dân không đói, không rách, quan được du
nhàn. Bởi Cát Hồng ở nha môn vô sự, nghe nói, biết có nơi
danh thắng là La Phù, nên thường đến đó du chơi, muôn lấy
cái lì của sông núi để học cách tham ngộ của tính mệnh.
Nhìn thấy sông núi vào thời tiết mùa hạ thì cây cỏ sầm uất
xanh tươi, đến mùa đông thì lá vàng rơi rụng, nên đã cảm
ngộ nói rằng:

- Có lẽ nào sông núi cũng có thịnh có suy, khí số cũng có
thịnh có suy chăng?

Tự nhiên đến mùa hoa mai nở rộ, bông nào nở cứ nở,

bông nào rụng cứ rụng, do đó lại cảm ngộ rằng:

- Chẳng phải chỉ có hoa mai có nở có rụng, mà chí khí cũng có thịnh có suy. Cho nên mai đương kỳ, bông nào thịnh thì nở, bông nào suy thì rụng.

Do vậy lại tự cảm ngộ rằng:

- Vạn vật đều ở trong cái khí cả. Có lẽ nào con người lại vượt ra khỏi cái khí được chăng? Người thiếu niên trai tráng nhận được sinh khí là kỳ dương thịnh. Người già lão nhận được sinh khí đã kiệt. Nếu muốn trường sinh tất nhiên cần phải làm sao cho khí này luôn luôn khỏe mạnh, không bước vào thời kỳ suy kiệt, tất có thể được. Đan kinh này sở dĩ quý là quý ở chỗ có thể dưỡng được khí.

Do vậy bất kể sớm tối duy chỉ lấy việc dưỡng khí làm công việc chính. Ban đầu là tinh dưỡng, tiếp theo là điều hòa thở hít, tiếp theo nữa là mím chặt miệng, chỉ để cho khí lưu thông qua lỗ mũi. Tiếp theo nữa là hít vào dài, thở ra ngắn, tiếp theo nữa là nhở ra sau khi nạp được khí mới, lại nạp thẳng vào đan điền. Tiếp theo nữa là cho khí qua hậu môn, lại dọc thẳng lên lưng, dần dần trở thành một quán định. Khí tuần hành được lâu chỉ cảm thấy tinh thần sung túc đầy lòng ngực, khí huyết lưu thông toàn cơ thể, vô cùng thoải mái. Lại nghỉ thàm:

- Từ trong thân ta vẫn sẵn có đại dược. Tại ta không biết hiệu lí mà thôi. Vì sao trong tràn thế này lại lưu luyến thích dùng chất bổ của xương sườn gà?

Lúc này Cát làm huyện lệnh ở Câu Lâu đã trên ba năm. Do vậy cởi bỏ áo nlop trả quan trên, rồi cáo bệnh bỏ chức ra đi. Chẳng bao lâu về đến quê hương, vào bái kiến Bào

Huyền, nói:

- Tiểu tể con ra làm quan ba năm, thật là lưỡng tú thanh phong⁽¹⁾. Duy chỉ có một chấp Đơn Sa, phụng mệnh Thái Sơn cốt để giúp ích dụng cho ngoại dan đó thôi.

Bà Huyền cười rindi nhận, nói:

- Được cái này tất sẽ có bạc vàng, không phải mượn ở thế tục nữa.

Từ đó trở đi, công và tế⁽²⁾ hai người đóng cửa không ra ngoài, không dưỡng khí thi luyện dan. Chẳng bao lâu ngoại dan đã thành chàng những giúp mình tự nuôi mình, lại còn kiêm việc tế thế nữa. Từ ấy về sau, những nghĩ suy vụn vặt để tư sinh, đều là vô ích đối với tính mệnh con người, cho nên Cát Hồng hoàn toàn không bao giờ để ý đến. Tuy không để ý, nhưng cái danh tiếng Cát Hồng tu luyện, sớm đã lan truyền khắp bốn phương.

Có một người ở Hoài Nam là Vương Lưu An, vốn con cháu triều nhà Hán, thời thế tuy đã đổi thay nhưng ông vẫn bảo toàn, chưa để mất. Điều quý nhất đối với ông là sự tu luyện. Chỉ bởi vì chưa có được bí quyết thật, nên vì thế mà không đạt được thành tựu. Ông hận không chết được, nên thường chịu khổ đi cầu tìm các cao nhân dì sỉ. Nay nghe thấy tên Cát Hồng, liền nhờ người dùng đồ lễ hậu, nhiều lần đến thành thực cầu mong được thỉnh giáo chút ít. Cát Hồng lần đầu đã chối từ, sau thấy ông ăn cần không chán, nên đã

(1) Hai túi đựng gió trong, ý làm quan thanh liêm, không có tiền tài dư dật.

(2) Nhạc công và giai tể chỉ bố vợ và con rể.

chuyển tình cảm ra lòng thành kính ngưỡng mộ. Sau cùng đã bằng lòng giao hảo với nhau rất khắng khít thành thực. Kịp đến ngày tướng kiến, Hoài Nam Vương già lẽ ưu dại, muốn mong cầu được thuật tu luyện của Cát Hồng. Cát Hồng nói:

- Việc tu luyện tuy là công của lò của lửa, thế nhưng thành hay bại thực ra là có quan hệ rất chặt chẽ với tạo hóa đất trời, lại phải dựa nhờ vào sự hộ trì của quý thần nữa. Đại Vương nếu có tấm lòng tế thế lợi vật, thì chắc đất trời cũng chẳng hẹp gì, mà quý thần tự nhiên sẽ vui lòng thuận ý, làm cho tâm linh sáng láng thông suốt. Còn như muốn có cõng vọng là có thể chỉnh trị núi sông, muốn trèo cao hơn Bác Đầu, công danh vượt chín tầng mây, thì tất không thể thỏa mãn được.

Hoài Nam Vương nghe xong mừng lâm, vội nói:

- Những lời nói của hiền hùng là vàng ngọc. Tôi dám dám có ý ám mờ. Tôi chỉ muốn thông hiểu những điều chí lí mà thôi. Nếu được thuật tiên, may mắn thành Dan, xin dùng tất thảy để nộp sưu, nộp thuế thay dân.

Cát Hồng nghe xong vô cùng cảm kích nói:

- Đại Vương có lòng nhân nghĩa, làm việc nhân nghĩa thì chắc trời đất quý thần sẽ thấu tình cho. Hồng tôi tuy bạc đức, dám dám không tận súc mình ở bên lò luyện cho được!

Hai người truyện trò tám đầu ý hợp, vui vẻ lạ kỳ, rồi tìm chọn vùng đất lành, dựng lò luyện, bỏ chì và thủy ngân vào lò, rồi bỏ Đan Sa vào, hết lòng nung luyện. Luyện được bẩy bốn chín ngày. Dúng thực chín lần chuyển, Đại Dan mới thành. Hoài Nam Vương mở lò ra, quả nhiên đã luyện thành ba vạn lượng vàng. Không sai lời hứa. Vương Lưu An

đem quá nửa nộp tô, nộp thuế, nộp sưu thay cho nhân dân quận Hoài Nam. Nhân dân cảm ơn sâu sắc sự truyền dạy của Cát Hồng, kính trọng người người như một vị thần minh.

Thế rồi Cát Hồng tinh lặng suy ngẫm thấy rằng con người suốt đời vất vả đắng cay, vậy mà tính mệnh của họ biết đến bao giờ mới kết thúc được. Cần phải bỏ nhà lánh đời, trốn đến nơi xa, tìm nơi đất lành, cần cù làm ăn, cầu muôn những điều nho nhỏ, mới có thể thành đạt được. Kế đã tính xong, lúc này ở bên mình vốn liếng bạc vàng cũng có chút đỉnh, chẳng lo tiền lộ phí, rồi bí mật cài trang, mặc quần áo khác, đổi tên Cát Hồng thành tên khác, lấy biệt hiệu là Bão Phác Tử, chỉ đem theo một người lão bộc đảm đang, nhẹ nhàng ra đi. Lại sợ những người lân cận biết tung tích, bèn thuận theo con đường nhỏ, dọc theo Trường Giang thẳng tới Kinh Khẩu, chuyển đến Đan Dương, lại từ Đan Dương đến Thường Tô. Thường Tô không phải là mảnh đất không có danh thắng để có thể ăn thản được. Nhưng vì sông núi ở đây đã nồng lại chèo siết, cho nên Cát Hồng lại bỏ đi. Di thẳng tới Lâm An, nhìn thấy cảnh đẹp tươi tú lệ nhất thiên hạ của Tây hồ và hai ngọn núi, liền vui mừng khôn xiết nói:

- Nơi này ta có thể chọn để ở được.

Thế rồi Cát dạo quanh chơi Tây hồ một lượt để chọn chỗ thuận tiện. Ở Nam Bình thì hiềm có sương mù. Ở Linh Ân thì sợ khô cằn. Ở Cổ Sơn thì ngại hiềm trở nước nồng. Ở Thạch Óc thì sợ nước ngập chìm, chưa chọn được nơi nào vừa ý. Một hôm đi từ phía tây núi Lâu Hà, tự nhiên nhìn thấy ở phía trước có một ngọn núi lượn lờ, bỗng lại nhìn quanh thì thấy ở phía trái núi ban ngày nuốt nắng trời, ở bên phải ban

dưới dãy trăng tỏa, dưới núi dãy cây cỏ, có thể ở ẩn được. Trên đỉnh núi toàn đá, có thể ngồi tĩnh lặng, có suối trong tám mát, có đinh để an thân. Điều kỳ thú nhất là du khách chỉ lại ôn áo是怎样, chỉ đi qua đây mà không thể dừng lại. Càng kỳ diệu là giữa tiếng đàn hát tung bừng mà ở đây vẫn có thể tĩnh lặng để nghỉ suy. Cát Hồng nhìn rồi vui sướng nói:

- Ta sẽ trú ở đây!

Sau đó Cát Hồng bỏ tiền ra mua miếng đất ở nơi đó, rồi dựng lều quen sống một mình. Sau đó dập lò làm bếp, trước tiên nấu luyện ngoại dan để làm kế nuôi thân. Ban ngày ngồi trên đồi núi ngắm nhìn hóa cơ đổi thay của trời đất, để tham ngộ thêm cái lí của nội dan. Một hôm nhân vì có cảm hứng, Cát Hồng đã dè thơ rằng:

*Thở lòng mong chỉ đạo
Đất trời có Đại Dan
Khi dưới thành mây trăng
Lửa từ mặt trời lan.
Chân tu không ngừng nghỉ
Trời đất tạo hình hài
Cửu chuyền thành ngàn chuyền
Thai trẻ xuất ra ngoài.*

Sau khi Cát Hồng giác ngộ luôn luôn suy nghĩ rằng trời đất sở dĩ không già là vì khí tiên thiên dày dù. Con người là hậu thiên, do khí huyết của mẹ cha sinh ra, cho nên có lớn lên và già đi, không thể sống lâu được. Do có khí của trời đất, con người thở ra hít vào cũng chỉ có thể kéo dài năm sống. Hậu thiên sẽ già đi rồi chết. Sống mãi vĩnh hằng chỉ có tiên

thiên. Rồi lại suy tưởng giác ngộ thêm:

Nếu không như vậy thì chỉ có các bậc thần tiên. Tất thảy đều là chuyện hoang tưởng ư? Vô luận là ai đều nói tổ tiên của ta là tiên ông, có dấu của tiên, có thuật của tiên, đó cũng là chuyện hoang đường ư? Từ đó mà suy, cuối cùng hậu thiên sẽ khai mở ra con đường của tiên thiên. Cho nên lý luận về Đại kinh rất tinh vi, có điều nói về cha mẹ, có điều nói về mậu kỷ⁽¹⁾, có điều nói về hoài thai, có điều nói về điều dưỡng, có điều nói về sinh con cái, có điều nói về xuất ra thần thánh. Những điều đó, bất tất phải nói, dùt khoát không phải là vô cớ mà lập bừa ra âm thanh và màu sắc để khu dối tai mắt của loài người.

Hơn nữa Dan kinh lại có điều nói về Tam cửu Lang quân, Nhị bát Sá nữ, có điều nói về Mậu kỷ Hoàng bà, người không biết điều cho là chọn ngát đánh đập. Thủ nghĩ mà coi, việc chọn ngát đánh đập, dâm dục, thì làm gì có tiên nhiên đặc đạo được. Hơn nữa còn lấy đâu ra kinh nổi tiếng nữa? Trong đó nhất định có điều lý mà con người chưa tham hiểu được rõ đó thôi. Nếu như quả có việc chọn ngát đánh đập, lại có phép thuật của thần thánh thì đó là thuộc về hậu thiên có liên quan gì đến tính mệnh? Hơn nữa làng Ôn nhu⁽²⁾ thì phần đông là Hoàng tiền lộ⁽¹⁾.

(1) Chức quan coi giữ bốn phương

(2). Làng Ôn nhu. Theo Phi Yến ngoại truyện: Hậu được tiến dâng vào ban đêm, hoàng đế Hợp Đức mừng lắm, dùng làm của riêng để hàn hụt, nên không có gì không sa hoa. Nên gọi là Ôn nhu hương (làng Ôn nhu) Ôn nhu chỉ về dàn bà. Thổ Tú Thúc: "Đèn khuya trên trục mong được mộng. Ôn nhu bao giờ trở về quê".

Vốn là từ khi Cát Hồng ở Cau Lậu đã nắm được thuật dưỡng khí điều hơi, có chút hiệu nghiệm, nên ngày nào cũng tu luyện. Hôm đó đang ngồi ở đài Sơ Dương trên đầu núi, thò hít không khí sớm mai ở phương Đông, tự nhiên nghĩ tới hai câu ở trong Dan kinh rất quan trọng rằng:

Trong lò nếu không có hạt thật

Khác gì lửa nước nấu xanh không.

Từ đó Cát Hồng suy tưởng nhận thức được: căn cứ vào hai câu kinh này, tất nhiên việc điều dưỡng cũng không dù tầm quan trọng mà hạt giống thật mới thật sự quý. Nhưng không biết hạt giống thật là vật nào? Nếu muốn nhận biết được vị thuốc thì trong Dan kinh lại có câu:

Ché tre, để dùng tre làm vật.

Gà con phải ú trùng mới thành

Từ đó mà nhìn phải là vật của thân thể con người. Nhưng thân người là hậu thiên sao có thể làm hạt giống được? Do đó lúc ngồi nãm, khi làm việc, lúc nào cũng suy đi xét lại, không giờ phút nào không tìm hiểu xem hạt giống thật là cái gì mà vẫn không sao nghĩ ra được.

Tự nhiên có một đạo nhân đáng người cổ xưa, tóc bạc râu dài, tới thăm Cát Hồng, muốn xin ngủ nhờ một đêm. Cát Hồng nhìn thế thái người đó rất có đạo đức, chí khí, liền mời ngồi, thỉnh giáo đạo trưởng đến có việc gì, người ấy nói;

- Đến để nói với anh về hạt giống thật đó!

(1). Hoàng tuyền: Suối vàng, nơi ở của người đã chết. Hoàng tuyền lộ là con đường đi đến "nơi ở" của người đã chết.

Cát Hồng nghe nói liền quỳ xuống vái lạy, nói:

- Xin mời thày chỉ giáo.

Đạo nhân liền nâng Cát Hồng đứng dậy nói:

- Người anh hùng hãy đứng dậy. Ta là Trịnh Tư Viễn, anh em với ông tổ của anh. Ta tới để truyền mật thuật của tiên tổ cho anh đây!

Thế rồi đem diệu chỉ của thần tiên Cát Huyền ngày xưa lần lượt truyền hết cho Cát. Cát bàng hoàng tinh ngợ.

- Thì té ra những lời dạy trong Đan kinh đều là lời huyền diệu, đều ám chỉ rõ ràng. Điều nói Tam cửu Lang quân tức là cha, Nhị bát Sá nǚ là mẹ. Điều nói Mậu kỷ Hoàng bà tức là bà mai để cho cha mẹ giao cấu với nhau. Sự giao cấu của cha mẹ tức là hai thứ khí âm dương của tiên thiên mà cha mẹ đã tương cảm tương xúc với nhau, lại giao kết giữa đôi luồng mắt mà thành ra hạt ngọc. Hạt ngọc này hít rồi nuốt vào, đó chính là hạt giống thật trong hậu thiên của ta. Mẹ cha giao cấu tức là đánh đậm, ta thở ra nạp vào tức là chọn ngát. Chọn ngát để nuôi dưỡng hạt giống đó, tức là nung luyện thủy hỏa. Nung luyện đúng cách thì hạt giống bắt đầu hình thành cái thai. Cái thai dù thời gian thì đứa bé sẽ được sinh ra. Đứa bé được đẻ ra tức là nguyên thần bắt đầu xuất hiện. Nguyên thần xuất hiện sau đó biến hóa thành cái thần mà thân hình có thể tan biến đi hết được.

Từ khi Cát Hồng được Trịnh Tư Viễn chỉ dạy, lí do đã rõ, tam hết nghi ngờ, bèn đem hết vàng bạc ở trong túi đưa chi lão bộc, rồi cẩn dặn tỉ mỉ, bảo lão đi mua sắm vật liệu. Cát Hồng lại dựng lều quán ở vùng đất rất sâu và rậm rạp, để ẩn mình tu luyện, không cho một người ngoài biết. Thật là:

*Mung lung tuy dẽ cung khó thành
Tận cùng rồi khó cung dẽ sinh
Mỗi thuốc kim dan đều dù cả.
Lo gì dan luyện chẳng tốt lành.*

Sau khi các vật, các thuốc đã dù, Cát Hồng liền đóng cửa rù rèm, ngồi trực bên cạnh nồi nấu trên bếp lò. Thỉnh thoảng đỗ thêm các thứ vào trong, lửa rực nước sôi, để chờ được hạt giống của tiên thiêng. Bà mai Mậu kỷ Hoàng bà tất một ngày nào đó sẽ dẫn được Tam cửu lang quân mắt sáng răng trắng cùng với Nhị bát Sá nữ tóc xanh má hồng, luôn luôn tươi cười hơn hở đến trước bếp lò của Cát Hồng. Tuy giặc đã quấy nhiễu, rồng cọp chưa thể thuần, cũng chỉ hỏng đôi ba lần. Thế nhưng sự giao cấu giữa âm dương, yêu thương quyến luyến lẫn nhau, đó vốn xuất từ lẽ tự nhiên. Sự điều hòa giữa chì và thủy ngân, cái này gắn hợp với cái kia, đâu cần gì tới sức người. Hơn thế đã có bà mai đất dẫn, bỗng nhiên có lúc, trong đầu mày cuối mắt của kim đồng ngọc nữ, đã ẩn ẩn mờ mờ, nổi lên một hạt ngọc, hiện ra màu sáng đỏ rực. Cát Hồng vội vàng kéo rèm cửa nhìn xem thì nhận ra là một hạt giống tiên thiêng của cha mẹ, vội vàng thở ra rồi nuốt vào. Trong lò lại thêm lửa, cứ giữ vững chắc chắn kiên trì không lúc nào ngơi nghỉ. Sau ít phút, Cát Hồng thấy ở trong bụng có gì khác lạ, biết là mình đã có được hạt giống thật, không cần thiết phải thêm vị thuốc phiền phức nữa. Những khái niệm mình cầu được trước đây không còn nữa, duy chỉ còn đọng lại trong tâm sự điều hòa ôn dưỡng, mày may chẳng dám chảy lười. Quả thật là đạo phải cố bí quyết, tu phải hợp với nguyên cơ, hạt giống ở trong ngực đã kết thành linh thai vào một

ngày khác tháng khác. Dù mươi tháng, tự nhiên có tri có giác, dè rạ một đứa bé ở Đan diền làm nguyên thần, có thể tùy tâm tùy thích, xuất nhập biến hóa vô cùng. Cát Hồng đến lúc này mới cảm nhận ước muốn từ xưa đã toại nguyện. Ý niệm càng kiên cường, liền vái lạy tổ tiên trời đất, nguyện thề đem niềm vui giúp đời, không muốn có điều gì lo phiền trên cõi thế gian. Liền sai lão bộc về quê hương báo tin, làm cho gia đình tuyệt vọng, còn tự mình thi dien dien cuồng cuồng, ngày ngày du chơi trên Tay hồ. Tuy Cát Hồng mai danh ấn tích, không lộ ra dấu ấn của thần tiên, sớm du chơi ở Tam Trúc, tối ngủ ở Lưỡng Phong, suốt ngày không ăn cũng không dối, mùa đông không mặc áo cũng chẳng cảm thấy lạnh, nhảy xuống nước không chìm, lao vào lửa không cháy, cứ chỉ hình tàng khác xa với người thường, bỗng đã làm cho người vô cùng kinh ngạc ngỡ ngàng, song cũng vô cùng thèm muốn.

Một hôm, có một vị quý khách muốn Cát Hồng thử cơm. Các vị khách đã ngồi đông đủ, trong đó có một người khách dùa Cát Hồng:

- Nghe nói tiên Ông theo đòi lệnh tổ, hiểu tiên thuật kỳ ảo, có thể thổi cơm thành ong, không biết thực có chuyện ấy không? Và tiên sinh cũng giỏi thuật ấy chứ?

Cát Hồng nói:

- Cơm là cơm, ong là ong, làm sao có thể biến được? Chuyện của tổ tiên, có thực có hư, tôi cũng không được biết. Nhưng tôn khách đã nói tới việc này hoặc già là cơ duyên của cơm thành ong đã đến, mà không thể không như nguyện của tôn Ông.

Vừa nói vừa phun cơm đang nhai ở trong miệng ra trước mặt khách. Khách chỉ kịp nói là cơm rồi úp mặt chạy trốn. Đầu phải là cơm mà là một đòn ống lớn, bao đầy mặt khách rồi tiêm những nọc độc vào mặt vào mồm. Khách với vàng do vật áo đuổi ống, nhưng làm sao có thể đuổi được? Duối được bên trái, chảng đốt bên phải, đuổi được bên phải thì chúng bâu vào đốt bên trái. Khách kêu gào không được, vô cùng kinh sợ, đành phải van lạy:

- Lạy tiên sinh hãy tha cho. Tôi đã biết tội của tôi rồi!

Cát Hồng cười nói:

- Cơm này đâu có thể nói với người. Tôn khách muốn xem thì cứ xem đi. Đã sợ hãi như vậy, sao không ăn cho no bụng? Liền vung đũa, tất cả đòn ống lớn đó, liền lần lượt chui tọt vào mồm, biến hết thành cơm như cũ. Tất cả mọi người ngồi trong bữa ăn không ai không kinh ngạc, liền truyền bá ảo thuật của nhà tiên thật kỳ diệu.

Tại sông Tiền Đường, viên huyện úy cũng nghe biết tin, liền thết tiệc tại bến sông. Mời Cát Hồng tới xem sông nước. Trong bữa ăn đột nhiên có cơn gió to cuồn cuộn làm nổi sóng bạc như dây núi cao dầy băng tuyết, từ bờ biển tít xa dang xô tới. Những người ngâm xem sông nước, tất cả chạy lùi hết lên bờ. Viên huyện úy cũng chạy trốn. Cát Hồng cứ ngồi cười, nói:

- Chỉ có một mục đích đến xem con nước, con nước đến lại không xem, lại chạy trốn, như vậy chẳng phải ra là vô công rồi nghè, uổng phí thời gian ư?

Huyện úy đáp:

- Không phải là không muốn xem mà là phải chạy lên bờ

cao để phòng con sóng vùi chết!

Các thị vệ cũng sợ chết liền bỏ mặc Cát Hồng, công huyệ úy lên bờ cao tránh sóng. Chỉ còn lại một mình Cát cứ ăn cứ uống. Trong khoảnh khắc con sóng xô tới, Cát nang cốc ra phía trước, miệng lầm rầm nói câu chử, diềm đậm bình thường, như chẳng có chuyện gì xảy ra. Dúng là diệu thuật của nhà tiên không thể do hết được. Đầu con sóng cao tới hơn ba trượng, thật kỳ lạ, xô tới trước mặt Cát thì như có một vật gì ngăn trở, liền chia thành hai dòng trôi qua. Riêng chỗ Cát ngồi vẫn khô ráo, không hề có một giọt nước nào. Tất cả mọi người không ai không kinh ngạc dì kỳ.

Một hôm có vị khách cùng bơi thuyền trên Tây Hồ với Cát, nhìn thấy Cát có mấy lá bùa giấy dán trên án thư, khách hỏi:

- Sự linh nghiệm của bùa này có thể nhìn thấy được chăng?

Cát Hồng đáp:

- Có khó gì? Liền lấy một lá bùa thả xuống nước, bùa trôi theo dòng chảy.

Cát Hồng nói:

- Thấy gì không?

Khách cười đáp:

- Người thường thả xuống bùa cũng trôi được.

Cát lại bóc một lá bùa khác thả xuống. Bùa trôi ngược dòng nước chảy. Hồng hỏi.

- Sao?

Khách lại cười đáp:

- Mặt nước Tây hồ phẳng, làn gió nhẹ thổi trên mặt sông, lá bùa sẽ trôi ngược ngay, cũng là chuyện dễ.

Cát lại bóc một lá bùa thả xuống. Lá bùa này bèn làm phép lạ, không trôi lên, không trôi xuống, chỉ quay tròn tít từng vòng ở trên mặt nước. Nhưng khi nhìn thấy lá bùa trôi ở phía trên, lập tức quay trở xuống. Lá bùa trôi ở phía dưới tự nhiên trôi lên trên. Cả ba lá bùa tụ lại một chỗ, thì dừng lại, đứng yên lặng. Cát Hồng liền thu cả ba lá bùa về. Khách cười, thán phục:

- Quà là dị kỳ!

Bỗng có một ngày, Cát Hồng đang đi ở trên Đoạn Kiều thì nhìn thấy ông lão đánh cá làm rầm nói một mình:

- Con cá vừa mới tươi roi rói thế này, tại sao chỉ một lát sau đã chết được? Dành phải chịu bán rẻ vậy, có người mua đây rồi!

Cát Hồng nghe nói thế liền cười:

- Ông đã chịu bán rẻ, tôi đang cần con cá này để nó đến chơi với Hà Bá. Tôi mua xong sẽ thả cho nó đi ngay.

Lão đánh cá cười to:

- Ông thật mua cá chết khô để phóng sinh ư? Nếu ông làm cho nó sống được, thả xuống nước mà nó chạy được, tôi xin cam đoan sẽ không lấy tiền của ông.

Cát Hồng liền thò tay vào túi, lấy ra một đạo bùa, nhét vào trong mồm con cá, rồi thả xuống nước. Con cá lập tức ve vẩy quây quẩn cái đuôi, rồi lặn mất. Mọi người không ai không trầm trồ kinh ngạc.

Lại một năm, sông Tiền Đường đại hạn, muôn ngàn dân

chúng lo sợ, cũng có một đạo sĩ lập đàn cầu mưa, cũng có một nhì đồng cưỡi rồng cầu mưa, trăm kế khổ cầu mà không sao mưa được một giọt nước. Cát Hồng nhìn thấy quang cảnh ấy, bất giác thương tinh, liền an ủi dân chúng rằng:

- Chớ có lo sợ! Để ta sẽ cầu mưa cho.

Bèn lấy trong giếng Dan ở Cát Linh, một ngụm nước, ngâm vào miệng, rồi đứng trên đài Sơ Dương, phun về bốn phía chảng bao lâu, mây đen ẩn u phủ kín bầu trời, rồi đổ xuống một cơn mưa lớn, nơi nào nước thấm đủ dùng.

Một hôm, Cát nhìn thấy có người nghèo khổ, hàng ngày phải đi gánh nước thuê để sống. Bởi trong khi múc nước, vô ý đánh rơi một trăm xu xuống giếng. Không có cách gì lấy lại được, cứ đứng khóc hu hu ở trên bờ. Cát Hồng nói:

- Nay kẻ ngu dần kia ơi, làm sao phải khóc? Để ta lấy lên cho.

Nói rồi liền nhảy xuống mặt giếng hô to:

- Tiền lén ngay! Tiền lén ngay!

Thế là những đồng tiền từ dưới đáy cứ lần lượt bay lên hết, không thiếu một xu nào. Người đó vái tạ rồi đi.

Lại có một năm ôn dịch hoành hành. Cát Hồng không nỡ nhìn cảnh người ốm đau, liền vẽ bùa thả vào trong các giếng. Người nào uống nước giếng ấy thì ôn dịch tự khỏi. Lại có một người vì tiền gạo bức bách, buộc phải bán vợ đi. Người vợ đau xót không chịu, liền định nhảy xuống Tây hồ tự tử. Cát Hồng nhìn thấy liền nói:

- Chớ có cạn nghỉ như vậy, để ta làm cho vợ chàng đoàn tụ lại. Dưới hòn đá xanh lớn ở đình, cạnh gốc thông, có tên

trộm dấu một bao vàng ở đó. Vợ chồng nhà chị đến đó đào lấy. Ngoài việc mua gạo ra, còn có thể dùng tiền đó làm vốn sinh sống qua ngày!

Hai vợ chồng đến đó đào, quả được vàng, cầm tạ Cát Hồng không ngớt.

Đã từng có vị khách tới cầu kiến, Cát Hồng đang ngồi ở trong nhà với khách. Bên ngoài lại có khách khác tiếp tục đến tìm. Liền lại có một Cát Hồng ra tiếp, rồi cùng người đó bước vào. Cát Hồng vẫn cười nói tiếp vị khách đến trước, chưa hề phải đứng dậy ra khỏi chiếu ngồi. Điều đó nói lên Cát Hồng xuất thần diệu dụng. Mỗi lần khách đến chơi gặp ngày giá rét, Cát Hèn nói:

- Lửa của nhà nghèo lấy đâu ra? Rồi từ trong miệng phun hơi khí nóng, thế là cả gian phòng liền ấm áp. Mùa nóng nực khách đến, Cát lại nói:

- Các cũng không chịu được nóng. Thế là từ trong miệng phun ra lăn khí lạnh, cả gian phòng đều mát mẻ lạ thường.

Tháng hoặc có người mời Hồng đến dự tiệc. Cát có ý không muốn đi. Khách mời cứ khẩn cầu tha thiết, nhiều lần miễn cưỡng, Cát bất đắc dĩ phải theo đi. Đi chưa được vài trăm bước, Cát liền kêu đau bụng, rồi nằm lăn quay xuống đất, trong giây phút đã chết. Người đến mời kinh sợ, vội nâng đầu Cát lên, đầu đã đứt khỏi thân, lại nâng tay chân, cả tay chân đều đứt hết, thân thể nát bét không ai dám đến gần. Người đến mời vội chạy về báo cho nhà Cát biết, thì đã thấy Cát ngồi ở trong nhà. Người đến mời không dám nói gì nữa, bèn chạy đến chỗ Cát chết, nhìn, thì chẳng thấy thi thể Cát đâu nữa.

Thần tiên kỳ dị như vậy cho nên mọi người đều gọi Cát Hồng là tiên ông tái thế. Mỗi khi nói tới việc dùng thuật tiên để cứu người, thì công trạng của Cát không sao tường thuật hết được.

Nhưng ngao du ở trên mặt hồ dã lầu, mọi người chỉ biết Cát là một vị thần tiên. Ngày ngày đều bị người ta đến phiền nhiễu, không muốn ở đây lâu nữa, nên Cát Hồng đã rủ khăn phủ áo trở về cố hương. Lúc này Bào Huyền và vợ Cát là Tiềm Quang đều đã qua đời. Vật còn đây mà người đã mất, đau buồn man mác, liền hỏi đến con cháu để dừng lại nương nhờ ở đây. Người từng viết các tác phẩm nổi tiếng như Bào Phác Tử nội ngoại thiên, Y thư kim quy phương trâm quyển, Trữu hậu phương bốn quyển, để lưu truyền cho hậu thế. Còn những thời cơ để lộ ra tiên thuật, thì tung tích lại như người thường cũng nhiều lắm. Những lúc lòng buồn thì ngồi một mình ở trong nhà. Năm 84 tuổi, Cát Hồng ngồi suốt ngày, khí thơm tỏa đầy nhà, không nói, không cử động, lặng yên như ngủ. Người nhà đánh thức thì thân thể đã hóa, người đã sớm ra đi. Kịp nhìn thấy nhan sắc của người, tuy chết mà như còn sống, sờ vào thân thể của người vẫn mềm mại, vẫn ấm áp. Đến khi nâng thân thể người cho vào áo quan thì nhẹ như chẳng có vật gì. Thế mới biết người tiên và người trần khác biệt nhau nhiều lắm. Các triều đại sau này biến đổi, có người trèo lên Cát Linh thăm lại dấu tích xưa, vẫn như thấy hương tiên phảng phất, trang nghiêm đến kỳ lạ, bởi mảnh đất linh thiêng, nên con người hào kiệt muôn đời bất hủ, đến ngày nay vẫn còn tên gọi là Cát Linh đó thôi!

DẤU TÍCH CHÍNH SỰ BẠCH ĐỀ

Thơ cổ viết: "Cảnh vật nhân thân thành tháng khái" ⁽¹⁾. Cảnh tú lệ của núi non Tây hồ tuy do tự trời sinh ra, nhưng công tu tạo lại do bởi sức lực con người. Phong cảnh của Tây hồ không thể nói người đời không biết tạo nên hình dáng, chính là đến đời Đường, một vùng đất Hàng Châu còn đều là nơi bùn đất lầy lội, cư dân thưa thớt, con người còn khó sinh sống, nói chi đến sông núi? Mãi đến đời Đường Huyền Tông, Lý Tiết đến làm quan thích sứ, lưu tâm đến việc chính sự, mới hiểu rõ sự diệu linh thông khổ của nhân dân đều vì nguyên cớ tại nguồn nước mặn. Bởi vậy ông đã tới Tây hồ, đích thân uống nước hồ, thấy rằng nước hồ trong ngọt, có thể nuôi dân sinh sống được, liền suy nghĩ đến việc phải dẫn nước vào thành, để trừ khôi cái khổ sở bởi nguồn nước mặn, nhưng chưa nghĩ được cách nào đào đắp. Đã nhiều lần xem xét, mãi sau mới phát hiện ở nước Tây hồ vốn có hơn mươi lạch nhỏ chèo ngầm trong lòng đất. Tất phải đào giếng để thông với nhau, mới có thể dẫn nước Hồ vào thành được. Nhân dân có nước ngọt mới có thể sinh sống được. Do vậy đã không tiếc tiền của, chia khoán sức dân, đào được sáu cái giếng to ở trong quận thành. Bạn có biết sáu cái giếng ấy là những giếng nào không? Đó là:

(1) Cảnh vật trở thành nơi danh thắng là bởi có con người.

Tướng Quốc tinh ⁽¹⁾

Tây tinh (còn có tên gọi là Hóa Thành tinh)

Kim ngưu trì ⁽²⁾

Bạch Quy trì⁽³⁾

Phương tinh

và Tiểu Phương tinh

Sau khi sáu giếng này thông được với nhau, quả nhiên nguồn nước ở đây đã trong lại ngọt, nhân dân không còn bị khổ sở bởi nguồn nước mặn nữa. Từ đó con người tụ tập sinh sôi, làm ăn ngày càng giàu có. Cảnh diệu linh khổ sở dần dần chuyển hóa thành cảnh giới phồn hoa, song cũng chưa có ai nghĩ đến chuyện lén ở Tây hồ. Sau khi chàng may Lý Tiết bị bãi chức, viên quan sau này chỉ lo việc thúc dục sưu thuế, không hề quan tâm gì đến nỗi khổ của dân. Năm qua tháng lại, mưa gió phũ phàng, dần dần sáu giếng này bị lấp tắc, nhân dân lại phải ăn uống nước mặn chát chúa, thì dân cư lại dần dần tiêu điều hoang phế. Còn Tây hồ lạnh lẽo kia tắt nhiên là chàng ai muốn nói tới nữa. Mãi đến đời Trịnh Nguyên, đất Hàng Châu lại có một vị quan thích sứ tài ba lũng lẫy tăm tiếng đến nhận chức, mới tu phục lại sự tích cũ của Lý nghiệp hào, tạo nên bộ mặt mới cho Tây hồ, làm cho Tây hồ trở thành thắng cảnh ở vùng đông nam.

Bạn có biết quan thích sứ hiền tài ấy là ai không? Đó là

(1) Tinh là giếng

(2) Trì là ao: Ao Trâu vàng

3) Ao rùa trắng



Bạch Lạc Thiên người Thái Nguyên, tên gọi là Cư Dị. Lạc Thiên sinh ra đã thông tuệ hơn người, tài hoa trùm lấp thiên hạ. Có người từ trên biển tới, nhìn thấy những kỳ tông di tích của ông, truyền kể với mọi người. Cho nên tất cả mọi người đều gọi ông là thần tiên giáng thế. Dời nhà Đường⁽¹⁾ dùng thơ để chọn quan. Có một vị lão tiên sinh tiền bối tên gọi Cố Huống, danh tiếng lẫy lừng thiên hạ. Lúc đó các danh sĩ đều coi trọng ông là chúa tể của

thơ văn. Phàm là các thơ văn làm ra đều phải đem đến để thỉnh giáo ông, rồi mới được xếp hạng cao thấp. Con mắt của ngài Cố Huống này rất khe khắt. Thấy những bài văn thơ nào không vừa ý thì chẳng bao giờ nói gì. Nếu thấy ông đã xem một lần, lại xem một lần nữa thì có thể biết được đó là bài hay. Cho nên những người đưa thơ đến trước cửa nhà ông đều phải nhón gót dừng lại mà không dám bước vào. Bởi vì tương truyền cửa của nhà ông Cố Huống là cửa sắt khóa vàng, khó có dịp cho người khác bước vào trong lầm.

Lúc đó Bạch Lạc Thiên tuổi mới hai mươi, nghe danh Cố

(1) Nhà Đường năm 618 đến năm 907 sau Công nguyên.

Beep pad Tien sao Tien



Huống chẳng ngàn ngại, cũng vác một quyển thơ, tự mình đưa đến trước cửa, đưa cho người hầu đem vào cho Cố Huống. Người hầu của Cố Huống nhận thơ vẫn đã quen rồi, nên vừa nhận vừa nói:

- Xin mời tướng công cứ về đi. Chờ lão gia xem xong, sẽ đến nhận tin tức sau nhé.

Bạch Lạc Thiên nói:

- Chưa chắc đâu! Phiền anh cứ đem vào. Tôi đứng chờ ở đây. Chỉ sợ rằng lão gia sắp mời tôi vào để gặp mặt đó!

Người hầu cửa nhìn thấy Bạch Lạc Thiên tuổi còn trẻ mà đã khuếch khoác, cũng chẳng thèm trách móc anh ta, chỉ cười sặc sụa, rồi chuyển vào trong nhà. Lúc này Cố Huống đang ngồi ở trong phòng sách, chán ngán vì phải xem mấy bài thơ đỗ, ông thu dẹp vào mép bàn rồi uống trà tiêu khiển. Tự nhiên thấy cửa mở, người hầu lại đưa vào một tập thơ. Ông đỡ cầm trên tay. Vốn là vị Cố Huống này vô cùng quý trọng nhân tài, không bao giờ hờ hững cẩu thả. Nhưng chỉ vì đã đưa vào những tập thơ không sáo rỗng thì cũng sao chép vay mượn, nếu có điều gì mới mẻ thì chỉ là những nhân vật đóng vai yêu tinh làm trò quái đản, không có bài thơ nào xem lọt con mắt. Cho nên ông đã để lộ ra rất nhiều thái độ cao ngạo, làm cho bao người hoảng sợ. Thế nhưng tự trong đáy lòng ông rất lo để sót mất chân tài. Cho nên tập thơ đưa đến, ông đã cầm trên tay. Trước tiên ông xem chữ đ𝐞 ở ngoài bìa, viết bấy chữ rằng:

THÁI NGUYÊN-BẠCH CÚ DỊ THI CÁO⁽¹⁾

Ông thấy không có một chữ nào khiêm tốn, lại chẳng có ý

(1) Bản thảo tập thơ của Bạch Cú Dị Thái Nguyên.

cầu mong sự dạy bảo. Lại nhìn thấy tên của người này là
BẠCH CÚ ĐỊ, liền cười làm lên:

- Tên hán là Cú Đị⁽¹⁾, chỉ sợ giá gạo ở Tràng An đất quá
thời, hán muốn "Cú" mà dấu có "Đị".

Nói thì nói vậy, cười thì cười vậy, nhưng chỉ sợ để mất
câu hay, nên ông đã vội mở ra xem. Mới xem được bài thư
nhất, đã cảm thấy có cá tính độc đáo, chữ không rỗng tuếch
như người khác. Lại mở xem bài thư hai càng cảm thấy trong
cái bình thường giàn dị đã có hương vị ngọt ngào. Thế là
những nét cười đùa, biếm cợt vội vàng tan biến. Rồi tự tay lật
mở giữa tập thơ, đột nhiên nhìn thấy một bài thơ vịnh cò
thơm, viết rằng:

*Dày dồng cỏ chen mọc
Khô tốt năm hai lần
Lửa đại thiêu chẳng hết
Gió xuân thổi lại lan.
Cỏ mọc chen đường cũ
Xanh thảm phủ thành hoang
Cùng Vương Tôn tiên biệt,
Đào đạt tình dâng tràn.*

Cố huống đọc xong bài thơ này không kìm được đã dập
mạnh tay xuống bàn nói:

- Bài thơ này có chí khí Đào-Lữ⁽²⁾, lại có sự sắc nhọn của

(1) Cú ở đ. đị là đẽ. Cú Đị là đẽ đ.

(2) Đào Tiềm (Đào Uyên Minh), Lữ Bát Vi (Lã Bát Vi)

Dỗ-Lý⁽¹⁾. Thật là một giai tá tuyệt hay!

Cố Huống liền hỏi người hầu:

- Vì Bạch tướng công này đã đưa tập thơ tới, vì sao không mời ông vào nhà, lại để cho ông ta đi hả?

Người hầu đáp:

- Con trai không biết hay dở thế nào, cứ dục đuổi ông ta về. Nhưng ông ta nhất định không chịu về, vẫn đang còn dang đứng ở ngoài cửa kia, để chờ lão già gọi vào đó!

Cố Huống nói:

- Như vậy thì tốt, hãy mau ra mời vào!

Người hầu vừa bước ra thì Cố Huống cũng vội đứng dậy theo hắn ra ngoài tiếp đón. Hai người gặp nhau thật là mừng vui khôn xiết. Cố Huống nói:

- Ta được đọc một áng thơ tuyệt tác! Không ngờ lại còn có hạt giống này cho trời đất. Sao lại may mắn đến như vậy!

Nói rồi mời Bạch Lạc Thiên vào trong thư phòng, mời ngồi, dái Bạch theo lễ như dái khách quý. Trong tiệc rượu bàn bạc truyện cổ kim, thành đối tri kỷ. Lúc ấy đã có người vui đùa dề hai câu thơ:

Cố tài tử siết chặt chìa khóa quý

Bạch Lạc Thiên phá cửa sắt nhà quan.

Từ đó trở đi thơ của Bạch Lạc Thiên lừng danh thiên hạ, được phong thường bàng tiến sĩ hạng ưu tú vào lúc hai mươi bảy tuổi. Vào đời Đường, phàm người nào đỗ tiến sĩ đều

(1) Dỗ Phú, Lý Bạch

phải mở tiệc chiêu đãi ở trên sông Khúc. Yến tiệc xong rồi thì phải xuống dưới tháp Yến ở chùa Từ Ân đẽ tên. Thời ấy, ai được tấn phong đều phải lấy son đỏ viết tên mình, như thế mới vang vang. Rồi mọi người đẽ thơ ghi lại sự việc ấy. Thơ của Bạch Lạc Thiên đẽ có hai câu:

Dưới tháp Từ Ân đẽ tên tuổi

Mười chín người, ta rất thiếu niên!

Tài thơ của Bạch Lạc Thiên đã nổi tiếng, tuổi lại trẻ trung, cho nên đã được gọi vào làm học sĩ Viện Hàn Lâm, sau đó được đổi làm quan Tả Xà di⁽¹⁾, mỗi lần tàu lên triều đình, luận sự cương trực, không để có điều gì thiếu sót, khuất tất. Thiên tử không vui, liền bảo với quan tể tướng là Lý Giáng rằng:

- Bạch Cư Dị do trãm cất nhắc, sao dám trực ngôn bừa bãi. Trãm đâu thể dung tha được?

Lý Giáng vội vàng quỳ xuống tâu rằng:

- Lời nói đẽ mở đường rộng rãi, đó là việc làm cho triều đình thịnh trị. Bạch Cư Dị dám nói lời thẳng thắn, chính là hán đã báo cái ơn cất nhắc của bệ hạ. Mong bệ hạ hãy cứ tạm thời dùng hán để phát huy thịnh đức.

Thiên tử nghe lời nói ấy, trong lòng rất vui sướng, vẫn đổi đãi với Bạch Cư Dị như ban đầu. Sau vì luận sự xúc phạm làm cho đình thần giận dữ, quở trách Cư Dị lâm lời, liền biếm bỏ, chuyển đi làm quan Tư Mã ở Giang Châu. Sau đó ít lâu, Mục Tông tức vị, nghe tài danh của Cư Dị, lại gọi về

(1) Xà là vút bỏ, di là lưu lại, là chức quan chuyên can gián nhà vua.

Viện Hàn Lâm để viết các chiếu cáo ⁽¹⁾ của nhà vua. Nhưng vì thiên tử thích săn bắn, đi lại vô thường, Bạch Cử Dị không chịu được, lại làm một bài châm "Nối bước người biết lờ", dâng lên thiên tử để châm biếm khuyên răn. Thiên tử xem xong, dùng dùng nói giận. Lúc này Tể tướng cũng bó tay, không có người giải cứu, Bạch Lạc Thiên liền bị trích ⁽²⁾ đi làm quan Thích Sứ ⁽³⁾ ở Hàng Châu. Lạc Thiên nghe báo không hề phiền muộn, liền nói:

- Ta là Bạch Cử Dị đã may được cất nhắc, làm quan một ngày thì xin tận tụy với chức vị một ngày. Ở triều thì nói hết điều được mất. Dị giữ nước tất phải chăm sóc muôn dân. Chỉ có như vậy hả tất phải phân rõ trong ngoài. Hơn nữa ta nghe nói Hàng Châu có sông có núi, dù làm cho tinh ta vui thú, có gì mà phiền muộn. Bèn thu xếp hành lý rời Đông Kinh đưa gia quyến đi nhận chức ở Hàng Châu. Thật là:

Há phải nhà vua đuổi hiền nhân.

Hay tại lòng ai thích bụi trần.

Bởi tại Tây hồ nhiều sông nước

Muốn ai tới đó điểm thêm xuân.

Chẳng bao lâu Bạch Lạc Thiên đến Hàng Châu nhận chức Thích Sứ.

(1) Gửi văn thư cho các quan lại đến nhận chức và thông báo của nhà vua với nhân dân.

(2) Biển trích: quan lại bị giáng chức hoặc cách chức đổi đi nơi khác xa xôi.

(3) Thích sứ: Chức quan thời cổ, vốn chỉ coi việc tuần sát một địa phương sau thành trưởng quan một địa phương, đổi nhà Thành lâm xung trì châu là thích sứ.

Hết cù giải quyết xong công việc giao tiếp, ông liền đi khắp nơi thăm viếng những bệnh tật khổ sở của nhân dân, mới hiểu được sáu cái giếng mà Lý Nghiệp hẫu đào mở khi xưa, năm qua tháng lại mưa gió phũ phàng, không người tu sửa, đều bị lấp vùi, nhân dân khổ sở vì nước mặn, đời sống xơ xác tiêu diêu. Lạc Thiên điều tra kỹ lưỡng rồi cấp tốc sai nhân định trùng tu sáu cái giếng ấy, chẳng bao lâu việc xong, nhân dân cảm kích vô cùng. Lại thăm xét được một khoảnh ruộng ở vùng Hạ Đường, có dư ngàn mẫu, đều nhô vào nước Tây hồ tươi tẩm cho. Gần đây bởi đê hồ sụt lở, đọng lại chảy đi không kể thời vụ, khó có thể cứu trị được, nên từ lâu đã trở thành mảnh đất hoang hạn. Lạc Thiên lại nhân đó xây đập đê hồ, cao hơn đê trước có đến mấy thước, khiến đê hồ trũng được nhiều nước. Trên cửa đê lại sơ nước cao và to để chảy đi mất, nên lại cho xây một kè chắn nước để có thể khi mở khi đóng. Từ sau khi xây được kè, nước tích thừa dùng, nước chảy không kiệt, cho nên cả vùng Hạ Đường nhân dân không còn chịu nỗi khổ của hoang hạn nữa, cho nên họ cảm kích vô cùng.

Bởi Lạc Thiên làm được mấy việc đức chính⁽¹⁾, nhìn thấy nhân dân có vẻ dần dần giàu có đồng đúc hơn lên, khác hẳn khi xưa, trong lòng cũng rất sung sướng. Thế rồi, mỗi khi chính sự nhàn rỗi, thường ngày ông vẫn lên Tây hồ ngoạn cảnh. Ông nhìn thấy vùng đất Nam Sơn, sác cây óng ánh mượt mà, chạy dài suốt mấy chục dặm là một bức phên rào xanh thẳm, thật là mát lòng, mát dạ con người. Lại nhìn thấy

(1) Đức chính: Công việc có đạo đức, chính sự có đạo đức mang lợi cho dân.

thành quách ở vùng Đông Kim Thành Ba dựng ở phía đông, lại nhìn thấy tháp Bảo Thúc, Cát Tiên Linh; Thủ Hà Diểu Thạch, Bắc Cao Phong vây quanh miền Tây bắc, Nam Cao Phong, Nam Bình Sơn, Phượng Hoàng Sơn vây quanh miền Tây Nam, Cuối cùng thì một hồ Minh Thánh bị bao chặt ở trong, uyển chuyển nhấp nhô như một cái gương nước khổng lồ. Nhưng hận vì nước rộng khơi sâu, làm gì cũng phải dùng thuyền, không tiện cho việc đi lại dạo cảnh. Lại nhìn thấy một chấm Cô Sơn uyển chuyển trong nước, mà vùng Tây Linh thì đều là tùng trúc, đi lại phải cần đến ngựa xe, do đó lại dấy lên trong lòng ông một niềm hứng khởi với núi sông. Thế là bắt đầu từ Đoạn Kiều trở đi, ông cho đáp một con đê dài, chạy thẳng đến Cô Sơn. Cuối cùng thì từ một hồ phân thành hai hồ: hồ trong và hồ ngoài. Rồi trên con đê dài ấy cho trồng vô số đào, lí, thùy dương. Mỗi độ xuân về hoa nở rộ, hồng hồng biếc biếc, hệt như một dài gấm đào dài mấy dặm. Dẫn tới có biết bao người ở nội thành và ngoại thành xách hèm mang rượu, hoặc thơ phú dàn thơ, đều tới mặt đê thưởng thức, du ngoạn. Người qua kẻ lại đông như kiến cỏ quanh năm không ngớt. Lúc đầu thì du khách chỉ là trong bến quán, sau đó là người lân cận, dần dần là khách từ phương. Chẳng bao lâu thì cả thiên hạ đều biết tiếng Tây hồ.

Lạc Thiên đã làm người chủ của sông núi Tây hồ. Có người hiểu sự đã nói: "Chỉ nghỉ ngơi đây cũng thừa sức khỏe", rồi cho dựng một cái đình⁽¹⁾. Lại có người nói "Ở đây có thể

(1) Đình là một gian nhà xây dựng ở bên đường hoặc trong vườn hoa để người nghỉ.

đù súc ngâm nhìn núi xa", liền cho xây thêm một lầu dài⁽¹⁾, Lại do đây là nơi tĩnh mịch u mặc, nên những người hiếu phật đã xây chùa. Những người hiếu tiên đã chọn tên ở nơi thang địa xây nên cung điện, những người trung thần hiếu nghĩa đã cho xây miếu mạo, những người hiếu danh đã cho xây đền từ để trở thành hiền triết. Tây hồ tháng địa không nơi nào không có người chiếm giữ. Đối với những lầu rượu quán trà, nơi vắng vẻ nhất cũng có năm ba nhà rèm rượu treo cao.

Còn như ở những nơi sầm uất thì hầu như nhà nào cũng có lò rượu. Ban đầu chỉ tọa điểm cho Tây hồ, thế rồi sau tọa điểm cho vùng phía tây tới Linh Ân, Thiên Trúc, phía nam thì tọa điểm cho tới Tinh Từ, Vạn Tùng Lĩnh. Thế là cả các vùng xung quanh Tây hồ đều được tọa điểm trở thành một thế giới gấm hoa. Về sau con dê này, bởi do Bạch Lạc Thiên xây đáp nên được gọi là Bạch công dê. Lạc Thiên nhìn thấy quang cảnh đó rất hài lòng mẫn ý, nên có đề thơ rằng:

*Lầu dài ngâm biển tó sáng hè
Bờ đất ven sông phủ nắng sa,
Tiếng sóng đêm về chờ bên miếu
Sắc liêu xuân tang biết cảnh ta!
Áo dỏ lụa đào hồng khoe quà
Cờ xanh chuốc rượu ngâm lê hoa,
Ai dã xây chùa tây nam đó
Cô thâm lung cong ngả bóng tà!*

(1) Lầu dài: Dài gác cao.

Từ đó về sau nhân dân cảm phục Bạch Lạc Thiên, mọi việc đều hết lòng hết sức lo lắng cho dân, nhân dân hi vọng thành kính cầu mong ngài được hưởng thụ mãi ở Tây hồ. Việc chính sự vừa xong, Bạch Lạc Thiên liền đi đến các nơi danh thắng vân cảnh, làm thơ. Người đã tới Yên Hà, Thạch Ốc, nam bắc Lưỡng Phong, Lãnh Tuyền đình, tháp Lôi Phong và Hư bạch đường, Nhân Tâm đình, Vọng Thuyền đình ở trong thành. Phàm có cảnh vật nào đẹp đẽ nào không bao giờ người không đề thơ để tăng thêm cảm khoái danh thắng. Chỉ hận vì không có bạn thơ nào đồng nhịp đáp với người để cùng người chung sướng họa. Bỗng một hôm có người bạn tri âm cùng ngâm thơ uống rượu với người khi xưa, tên gọi là Nguyễn Vi Chi cũng sắp được đến Triết Đông nhậm chức Quan Sát lại⁽¹⁾. Tuy chỉ cách một con sông nhưng vì việc quan ràng buộc nên không thể đi lại thăm hỏi. Thế nhưng xa xôi mấy trăm dặm đường, tin tức vẫn có thể đổi trao mà trong lòng rất mừng vui sung sướng. Nhưng biết khi nào mới có thể đến thăm được, nên đã sai người tới viếng hỏi. Bạch Lạc Thiên thăm nghĩ:

- Minh và Vi Chi hai người đều lấy rượu, thơ, sông, núi làm mục đích cuộc sống. Trước kia thấy mình đi làm Thích Sư Hàng Châu, lại thấy mình nói thân tuy được ở đất nước của Minh thánh, nhưng vẫn còn niềm vui của sông nước Tây hồ. Người rất giận ta. Hôm nay người đã kinh lịch tới Vũ

(1) Quan Sát lại: Một chức quan thẩm xét, phụ trách một đạo hoặc một châu, đời Thanh gọi là Quan Sát lại, đến đầu năm Dân quốc thì gọi là Đạo doãn.

Huyệt Lan Dinh trên đường rừng núi âm u, người há ch่าง khoe vẻ đẹp thì cũng lại trách giận ta ch่าง? Liệu Tay Hồ là nơi danh thắng nhất thiên hạ có làm hài lòng người ch่าง? Ta cần phải trang điểm thêm đẹp để đón người mới là diệu sách.

Quả thực chưa được mấy ngày, sau khi tới nhiệm sở có một vị hòa thượng tên gọi là Hạt Thượng Nhân từ Triết Đông tới Hàng Châu, thay Nguyên Vi Chi đưa đến một phong thư. Vội vàng xé bì thư xem, lại không hề có một câu thăm hỏi. Duy chỉ có một bài thơ theo luật thất ngôn, khoe khoang cảnh đẹp châu thành của ông. Ông cảm thấy sung sướng được làm quan ở nơi thắng địa ấy. Thơ rằng:

*Phù kín châu thành chí có mây
Nước trong núi dựng trước mắt dày
Bốn mặt luôn thường che màn trường
Suốt ngày xum họp tại lâu dài
Sông Ngàn rực rỡ bên thềm tờ
Từ và chiêng trống vang luôn hồi
Ta chích Ngọc Hoàng quan hương án
Bị bỏ lại về chốn Bồng Lai.*

Lạc Thiên xem xong biết là thơ đến chọc tức mình, bèn cười nói:

- Ông muốn chọc tức ta, để ta phản bác lại, xem Ông có lời nào đối lại ta ch่าง?

Do vậy cũng không một lời thăm hỏi, chỉ làm một bài thơ, sai người đưa đi. Nguyên Vi Chi được thư xé ra xem, cũng chỉ là một bài thơ, đọc lên rằng:

*Dược Hộ Thương Nhân chuyển bức thư
Thư khoe nhà cửa giống tiện cù
Cánh bàng tung cát nhìn đã ngắn
Thấy khói Lan Đình thú cảnh xưa
Cờ quạt giữa trời sinh khí mạnh
Trăng sang lầu cao cảnh hư vô
Quan anh ngầm trách Giang Nam quản
Đâu biết Hàng Châu chẳng giống như...*

Nguyên Vi Chi xem xong biết là Bạch Lạc Thiên rõn
minh, nên lại phân bác họa vẫn đáp lại một bài, vẫn là khoa
trương, nhưng tàng ẩn một ngụ ý phân bác Hàng Châu, rồi
sai người gửi đến cho Lạc Thiên. Lạc Thiên đọc, thấy thơ
rằng:

*Đô tiên khó vẽ, khó dề tha
Quan này đến đây há được u
Sau mưa lam khói trùm quanh khắp
Lầu gác đầy non txa đèn xưa
Tiếng người vang vọng muôn ngàn vách
Đêm nuốt sắc hổ vạn tượng hư
Xin hỏi Tây Châu bờ La Sát ⁽¹⁾
Đâu sóng áp vào trách được u?*

Vốn là sông Tiền Đường khi chưa đắp được kè chắn ở bờ,
đều con sóng xô đến cao tới mấy chục trượng, tưởng như lên

(1) La Sát: Tiếng Phạn là con quỷ ác, uống máu ăn thịt người, có thể bay lên trời
hoặc chui xuống đất, rất đáng sợ.

tới lưng trời, cho dù có thiên binh vạn mã lồng lộn cũng không cuồn cuộn hung dữ như con sông này. Cho nên Nguyên Vi Chi đã cho vào thơ để cười mỉa. Bạch Lạc Thiên xem xong, cười:

- Lần này Vi Chi gửi bài thơ đến cười ta, nhưng cười sai rồi. Nước triều của sông Tiền Đường như là núi bạc sông vàng, đó chính là kỳ quan của thiên hạ. Cho dù "Sóng Quàng Lăng tháng tám" trong bài phú của Mai Thừa đời Hán đã tự cho là hùng vĩ, nhưng so với sông sông Tiền Đường của ta cũng chỉ bằng một phần vạn. Tại sao Vi Chi lại lấy La Sát để phản bác ta? Từ đó dù thấy vẻ đẹp của Hàng Châu ta quả thật là ông ta chưa biết đến. Nếu không nói rõ ra, há chẳng mai một mất ư? Do đó, Lạc Thiên lại làm một bài thơ gửi cho Nguyên Vi Chi. Thơ rằng:

*Ông hỏi Tây Châu việc dưới thành
Rượu say gấp giấy viết rõ ràng
La Sát dùng đá dà lấp kín
Áp dào sóng thẳn cung khiếp kinh
Quỳ thẳn roi vút mà không động
Sóng dù thét gào vẫn làm thịnh
Ai hay thái thú lòng như vậy
Kiên ngoan chổng chơi vẫn dư tình.*

Nguyên Vi Chi xem xong bài thơ này mới hiểu được sâu sắc hai chữ La Sát, nó là đặc trưng để ca tụng sông Tiền Đường, chứ không phải là để chê bai như ông tưởng, mới tự biết mình là đã cười sai ông ta, bèn nín lặng không nói được câu nào. Sau đó vì có công việc, ông đã đi Hàng Châu, được

du ngoạn mới thực sự hiểu được cảnh đẹp của Tây hồ quả thật là tuyệt mĩ, vùng minh không thể sánh kịp. Lúc đó mới tin phục, từ ấy không dám tranh biện gì nữa. Thật là:

Rặng liễu trùm hoa giải yếm hồng

Núi rung sóng động, l่าน mị cong

Dẫu cần lè bước tìm đâu đó

Người đẹp trong hồ tựa vùng đồng!

Bởi Lạc Thiên chỉ là một tài tử, lúc nào cũng non non nước nước, ngày ngày sánh cùng người đẹp ở Tây hồ, lại lúc nào cũng thơ thơ rượu rượu, với tâm hồn u uất thẳm sâu, đâu có thể yên tâm bình thản, nên không ngăn nổi trái tim dần dần đã gửi tình vào thanh cung sác. Bên cạnh đã nuôi hai người thiếp, một nàng gọi là Phàn Tố, một nàng gọi là Tiểu Man. Phàn Tố giỏi về ca hát, mỗi khi cất tiếng, giọng trong thánh thoát du dương, như tiếng oanh vàng thở thở. Tiểu Man giỏi về nhảy múa, mỗi khi múa, tay chân uốn éo lá lướt như rồng bay phượng lượn. Vì thế Lạc Thiên vô cùng yêu dấu, cứ quanh quẩn bên hai nàng suốt ngày không rời. Nhờ đó đã có hai câu thơ tặng hai nàng rằng:

Phàn Tố tựa miệng anh đào

Tiểu Man nhu lụng dương liễu

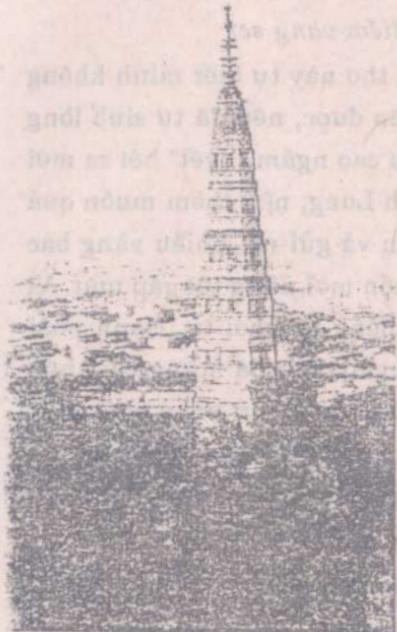
Miệng anh đào không phải chỉ riêng ngợi ca cái miệng, mà là tán dương cái giọng hát hay. Lưng dương liễu cũng không phải là chỉ riêng yêu quý cái lưng của nàng mà là yêu thích cái lưng giỏi múa của nàng. Cho nên về sau cũng có người làm thơ phản bác cái miệng anh đào, đã không ngớt tán dương, thơ rằng:

*Tiếng oanh thót lọt hàm răng bóng
Nuốt ngọc sáng ngời rộn đá xanh
Đôi môi chum chím tươi hồng mọng
Miệng anh đào thấy hàn giật mình.*

Lại có thơ phản bác lung dương liêu nhú sau:

*Áo quần lá luốt vẫn đứng đứng
Đáng đẹp tận cùng bởi cái lung
Nhẹ nhàng thon thả, hồn siêu đám
Cành liêu ngày thơ đám sánh cùng!*

Lạc Thiên đã có hai người thiếp yêu đẹp tuyệt trần sống cùng. Thế rồi ngày ngày dắt hai nàng vào sâu trong hồ trong núi, hoặc là đón hương ở đầu hồ sen, hoặc là đón gió ở sườn ngọn núi mà ca hát, hoặc là múa một khúc ở dưới trăng, rồi làm thơ ghi lại sự ấy. Mọi niềm vui thú của núi non sông nước, mọi hạnh phúc của thơ tựu gió trăng, trong mười phần thì thực Lạc Thiên cũng được hưởng tới tám chín phần. Lại gặp lúc kỷ cương luật pháp của thời Đường rất lỏng lẻo, phản là các quan phủ đang nhậm chức, trong yến hội được uống rượu lại được các kỹ nữ hầu hạ, hoặc là đi ra khỏi thành phải được nghênh tiếp, có ngựa cưỡi, có người hầu, đó là chuyện thường, không ai cho là lạ. Lạc Thiên vì thấy trong đám kỹ nữ không có à nào đặc sắc, lại vì bên cạnh đã có Phàn Tố, Tiểu Man dù để thỏa mãn tình cảm rồi, cho nên chẳng còn để ý đòi hỏi đến à kỹ nữ nào nữa. Tự nhiên, một hôm nhìn thấy có à kỹ nữ tên gọi Thương Linh Lung thon thả dịu dàng, vô cùng xinh đẹp, rất đáng yêu kiều, lại tài giỏi về đường cầm kỳ, mọi thứ đều có thể ứng thù giao tiếp. Vì thế, Lạc Thiên



vô cùng say mê yêu quý, ngày
nào cũng bất nàng đến hầu hạ.
Một hôm cùng nàng uống rượu
dưới trăng, đương lúc say mê
ngây ngất thì tự nhiên Nguyên
Vi Chi sai người tới đưa thư
thăm hỏi. Lạc Thiên xem xong
thư bèn cười nói với Thương
Ling Lung rằng:

Nguyên tướng công lúc
nào cũng chỉ khoe phong cảnh
Triết Đông đẹp, thường cứ so
sánh với Tây hồ của Hàng Châu
ta. Cứ tranh luận về sông với
núi đã không thể so sánh được.
Hôm nay lại có nàng cùng ta
uống rượu, ngắm tuyết dưới

trăng, lại thêm một dáng đẹp về cảnh phong lưu trăng gió.
Chỉ sợ Nguyên tướng công đã phát hiện ra điều còn kém ta.
Thôi để ta một bài thơ cười ông ta một trận!

Rồi bèn theo思路 làm một bài thơ gửi cho Nguyên Vi
Chi rằng:

Tây cảnh Triết Đông thật dáng chê
So với Hàng Châu quả bỗn bề
Miếu vú kém xa chùa Thiên Trúc
Tiền hồ, sao quý tựa Dạ khê

Bụi trán hạc núi nồng xuân ấm

*Cò bái sóng trào ướt cánh le
Lầu cao ngâm tuyết ông có muốn
Hồng lan gạch biếc điểm vàng se!*

Nguyên Vi Chi nhận được bài thơ này tự biết mình không thể tranh luận với Bạch Lạc Thiên được, nên đã tự sinh lòng kính phục. Nhưng bởi có câu "Lầu cao ngâm tuyết" hỏi ra mới biết đó là vẻ đẹp của Thương Linh Lung, nên thèm muốn quá chừng, vội viết thư cho Lạc Thiên và gửi rất nhiều vàng bạc cho Thương Linh Lung, mong muôn mời nàng tới gặp mặt. Vì tình bạn thân thiết, Lạc Thiên không nỡ chối từ. Dành phải sai người đưa nàng đi. Vì Chi vừa giáp mặt đã mừng vui khôn xiết, liền giữ nàng ở lại Triết Đông, lưu luyến nhau suốt mấy tháng trời, rồi mới trả về. Thế là xong một việc. Thật là:

*Nước non cảnh vật đã tháng rồi.
Có sao quan kỵ chẳng kéo lôi?
Há chẳng biết được tài giàn sắc,
Tài cạn át là sắc sinh thời!*

Vào thời kỳ này Lạc Thiên tuy vui thú ham mê với thơ cùng rượu, song việc chính trị lại không hề sao nhãng, vẫn nghĩ cách trang điểm cho phong cảnh Tây hồ trở thành nơi tháng cảnh lừng danh thiên hạ. Đã trôi qua ba năm, quan nhiệm đã hoàn thành. Triều đình đã biết được công trạng chính tích của ông, liền triệu ông về kinh đô làm chức quan Mật Thư giám⁽¹⁾. Lạc Thiên nghe tin báo, mừng ít buồn nhiều, nhưng lại không dám chống lại thánh chỉ. Dành phải

(1) Mật Thư giám: chức quan trông coi sò sách lưu trữ bí mật của triều đình.

từ biệt Hàng Châu ra đi, ông nghĩ rằng:

- Ta sống ở trên Tây hồ, sớm hoa tối trăng, đông tuyết hè gió, trong ba năm trời mọi thứ vui sướng nước đều đã thường thức qua. Nay biết ta đi, nhìn cảnh sắc núi non như lưu luyến chẳng muốn rời. Ta nghe tiếng chim hót như oán than rầu rỉ, muốn giữ ta lại. Ta từng ở đây, làm chức quan Thích Sứ đã phụ bạc cả tài danh. Nay phụng thánh chỉ chuyển đến, mà vội vã đi ngay, há chẳng sợ núi non sông nước cười ta là kẻ vô tình ư?

Rồi liền sai người sửa soạn một bữa tiệc thịnh soạn, thân hành bước lên bờ đê của Tây hồ, vái lạy các chư thần hoa liễu núi sông: "Mong trời đất tha thứ cho lòng thành kính tạ biệt của Bạch Lạc Thiên tôi để hiểu trọn cái duyên tôi với Tây hồ? Vái lạy xong bèn cùng với Thương Linh Lung và các kỹ nữ tài danh thả hết tâm hồn thành th취 khóc lóc, uống mê uống mệt cho tới lúc say mướt như bùn, rồi đe thơ rằng:

Dường dài cảnh thăm khói mây dan

Rượu thịt tiên đưa át tiếng đàn

Mây liễu chẳng hay lưu giữ ngựa

Phép vua chỉ được trọn ba năm

Dưới bóng dây ta phô tiếng hát

Nụ thắm trong hoa là luốt thuyền

Ngoanh đầu ngâm lại lòng lưu luyến

Từ biệt Tây hồ thực khó khăn!

Dè thơ xong mới quay trở về. Đến ngày sắp lên đường,

nhân dân Hợp Thành cảm phục ân đức của Bạch Lạc Thiên trong ba năm trời, cả già cả trẻ, cả lớn cả bé đều quây quần

tiễn biệt ông quanh đầu ngựa. Lạc Thiên mỉm cười cầm tạ
rằng:

- Ta đã ở đây qua suốt ba năm. Thật ra cũng chẳng làm
được điều gì tốt đẹp!

Rồi thuận miệng đọc hai câu thơ:

Chỉ giữ được nước hồ

Để cứu dân khát đói!

Sau đó bà con giải tán, Lạc Thiên mới bắt đầu cuộc hành
trình dài. Trên đường đi, Bạch Lạc Thiên không bị đau ốm,
cũng không có gì sầu muộn, mà chỉ không nói không cười,
lòng chẳng được vui. Suốt từ sáng đến tối, rượu cũng không
uống, thơ cũng không làm. Những bạn bè đưa tiễn thấy Lạc
Thiên như vậy, không kiêu vì duyên có gì, dành tìm cách lán
la hỏi:

- Ông làm quan Thích Sứ ở Hàng Châu ba năm tuy thoái
mái sung sướng nhưng chỉ là ngoại quan. Nay may nhờ thánh
ân ông mới được cất nhắc đến chức quan Mật Thư giám
quyền cao chức hiến, đó là chuyện tuyệt hay! Có điều gì đang
buồn phiền mà cứ chau mày chau mặt thế vậy?

Lạc Thiên trả lời:

- Việc lên hay xuống, vinh hay nhục, đó là việc ở ngoài
thân ta. Ta đâu có buồn phiền vì cái đó. Cái làm ta buồn
phiền là cái bệnh ở trong lòng ta.

Các bạn lại hỏi:

- Chúng tôi thấy dáng ông đi mạnh khỏe, cơ thể lại không
có chỗ nào đau đớn, thế thì ông mắc bệnh gì?

Lạc Thiên nói:

- Để ta nói cho nghe:

Một âm em dịu, một thân mềm
Đêm ngày trói buộc chặt con tim
Đón đau toan bõ, không sao bõ
Khổ muôn dìm sâu, chẳng nỡ dìm
Luyến luyến lưu lưu ta tự buộc
Ngào ngào ngọt ngọt bồi hình em
Áy ai muôn hỏi bệnh chi nhí
Chính bệnh tương tư, khóc phải tìm

Các bạn nghe xong đều kinh ngạc cười rằng:

- Dám chìm trong thanh sắc với phấn phấn son son, lão tiên sinh có thể nói là tư không kiến quán⁽¹⁾ rồi đó. Huống hồ như miệng anh đào, lưng dương liễu luôn ở bên cạnh tiên sinh. Tiên sinh luôn luôn được tiêu khiển, có sao chỉ một mình nàng Thương Linh Lung lại khiến cho tiên sinh dám say đến thế?

Lạc Thiên nói:

- Thương Lung Linh tuy nhiên thông minh hiểu biết, nhưng chẳng qua cũng chỉ là một thứ điểm tô cho núi non hồ nước, chỉ giúp ta thêm hưng khi thơ lúc rượu mà thôi. Khuất mắt đã là thứ mây trời chảy, đâu đủ sức trói buộc tâm can ta? Cái bệnh tương tư của ta chính là hai ngọn núi Nam núi Bắc và một sông nước Tây hồ.

Các bạn nghe nói đều vỗ tay cười ầm ầm.

(1) Chuyện thường nhìn thấy, thường nghe thấy.

- Cái bệnh tương tư này thật là vô cùng mới mè kỳ lạ.
Nhưng thật đáng tiếc hai vị Kỳ, Hoàng ⁽¹⁾ không để lại
phương thuốc nào để trị bệnh này, cho nên không có thuốc
nào chữa khỏi. Biết làm sao bây giờ?

Nói xong mọi người đều cười ò, cả Bạch Lạc Thiên cũng
cười nói:

Chỉ nghe ham sông núi

Không thấy nói tương tư

Đã biết tương tư khổ

Mới thấy Tây hồ thơ!

Lúc này Bạch Lạc Thiên đã sấp đi qua địa phận Triết
Giang. Các thuyền của Hàng Châu di đưa tiến sáp sửa phải
quay về. Ông lưu luyến bến rịn chằng nỡ rời. Liền làm bài thơ
tuyệt cú bát họ phải đem về Hàng Châu dán trên Bạch Đỉnh
tử ở Tây hồ. Thơ rằng:

Sông núi Tiền Đường, từ li biệt

Không uống rượu nhiều, ngại ngâm thơ.

Muốn gửi mái chèo lòng thương nhớ

Nhán bảo Tây hồ trăng gió xưa!

Từ đó trở đi, nhân dân đều biết câu chuyện vì tưởng nhớ
sâu sắc Tây hồ nên Bạch Lạc Thiên đã mắc bệnh tương tư.
Người người truyền nhau, họ cười dùa bàn bạc. Sau đó vì lời
nói làm người trên giận dữ, Bạch Lạc Thiên lại phải điêu di

(1) Kỳ, Hoàng đế chỉ về y thuật, phương pháp chữa bệnh. Kỳ là Kỳ Bá, Hoàng là
Hoàng đế, tương truyền hai vị này là thủy tổ của nhà y.

làm Thích Sư ở Tô Châu. Vùng Tô Châu tuy cũng có cảnh đẹp, có thể du ngoạn thường thức như Hồ Khâu Sơn, Quan Ân sơn, và hai Dộng Dinh hồ đông tây, nhưng Bạch Lạc Thiên vẫn tâm tâm niệm niệm chỉ hướng nhớ đến Tây hồ, lời lời tiếng tiếng đều chỉ nói đến Tây hồ. Ông đã nói với một người bạn mới thân quen rằng:

- Con người ta với Tây hồ đã kết duyên từ ngàn đời xưa rồi⁽¹⁾. Ta phải được cùng sống cùng chết, suốt đời được hưởng thụ Tây hồ. Vì duyên phận gì ta chỉ được sống ở đây có ba năm? Hơn vậy trong ba năm này việc quan bận rộn, xao nhãng thi thư, đã làm phí của ta biết bao công việc, những đầu núi bến sông, ta đã đi thăm hết được đâu. Nghi kĩ lại tình cảm của ta đối với Tây hồ cũng chưa được thực sự thẩm thiết lắm đâu. Nay dột nhiên vứt lại cũng bởi việc quan trói buộc, không thể được nhìn thấy Tây hồ một lần nữa. Ta thật là một con người bội bạc lắm thay!

Người bạn nói:

- Mắc bệnh tương tư thì cũng phải tương tư cho thực tế. Không chỉ tương tư vẫn vơ vơ vẫn để làm tổn hại thanh danh. Bạch tiên sinh đã yêu mến Tây hồ như vậy, còn đời tôi lại chưa biết đến Tây hồ, không biết hình thù mặt mũi Tây hồ thế nào. Liệu tôi có biết được dải ba phần về cảnh đẹp của Tây hồ để hiểu được vì sao tiên sinh mắc bệnh như vậy chăng?

(1) Nguyên văn "Túc thể nhân duyên": duyên kiếp từ ngàn đời xưa (theo Pháp hoa kinh nhà Phật).

Lạc Thiên cười:

- Ông muốn biết màu sắc của Tây hồ đẹp như thế nào
chẳng? Trong chốc lát làm sao có thể miêu tả hết được? Dợi
để tôi nói một cách khái quát cho ông nghe nhé.

Nói đoạn cầm bút đề bài thơ sau:

*Khiến ta khóc khoái rượu chèo cầu
Lược kể ông nghe cảnh Hàng Châu,
Thiên Trúc lừng danh đồi thâm biếc
Tiền Đường hồ gọi giải xanh dầu
Nhà rông hiện nhiều dày hoa la,
Thuyền nhẹ lại qua txa rồng chầu
Tiếc thay sông chèo dài trăm dặm
Bỏ quan, ta lại đến Hàng Châu!*

Người bạn nghe được hai câu thơ có các chữ "đồi thâm
biếc" và "giải xanh dầu", bất giác vui mừng tột độ, nói:

- Hóa ra cái đẹp của Tây hồ là như vậy đó! Thảo nào ông
từng thường thức cảnh ấy nên giờ đây mắc bệnh tương tư.
Ngay đến như tôi, chưa từng được ngắm cảnh ấy, chỉ nghe
thôi mà cũng đã nẩy mầm có bệnh tương tư ở trong lòng rồi
đấy.

ít lâu sau, Bạch Lạc Thiên lại được gọi về kinh. Về sau
chỉ làm đến chức quan Hlinh Bộ thượng thư. Bởi vì tình cảm
của ông không nồng nàn với đường quan trường, nên ông đã
cáo xin về nghỉ tại vùng Lý Đạo ở Đông Đô, đào ao, trồng
cây, xây lầu đá, ngắm núi non, cùng tiêu dao nhàn tàn với
Lưu Vũ Tích, Bùi Độ, Bạch Thành Giản, Dệ Bạch Mẫn
Trung, lấy hiệu là "Hương Sơn Cư sĩ", lại lấy hiệu là "Túy

Ngâm tiên sinh". Khi đã già lại cùng với tám vị chí sĩ tuổi cao có đức độ, có tài là Hồ Cảo, Cát Mân, Trịnh Cử, Lưu Chân, Lư Chân, Trương Hồn, Dịch Kiêm Mô, Lưu Chính, di lại giao hảo luận đàm thế sự cho nên người đời yêu mến, hâm mộ, gọi là "Hương Sơn cửu lão". Bạch Lạc Thiên thọ 75 tuổi. Lúc sắp mất, người vẫn lưu luyến không muốn rời bỏ nàng Tiểu Man, nên đã làm một khúc tuyệt cú để vĩnh biệt nàng.

Một khóm cây tham vạn vạn cành

Nôn nhu vàng, mềm tựa tờ xanh

Xum xuê mãi ở vườn hoang dại

Một đời thanh sạch, lặng một mình.

Nói tóm lại, danh tiếng về văn chương của Bạch Lạc Thiên cả thiên hạ đều kính trọng, điều đó khởi cần nói. Khi làm quan ở Hàng Châu, đào dập lại sáu giếng, nhuộm màu đổi sắc cho Tây Hồ, đó là công tích của cả đời của ông. Cho nên sự tích ấy đã lưu truyền đến ngày nay. Nhân dân đã không ngừng xây đền chùa kính vái để làm một GIAI THOẠI VỀ TÂY HỒ.

DẤU TÍCH TÀI HOA Ở LỤC KIỀU (LỤC KIỀU TÀI TÍCH)

Hai chữ "tài tử" vẫn thường dùng để ca ngợi các văn nhân. Thế nhưng trong các thi thư khoa giáp, văn nhân đã đầy cả thiên hạ, còn tài tử hói đã có mấy ai? Thằng hoắc, nhân gian sinh ra được một hai người, chẳng qua cũng chỉ nở lên một thời như phong, hoa, tuyết, nguyệt, đâu có thể có người có dấu tích tài hoa muôn đời bất hủ từ cổ chí kim, để cho người người hằng trầm trồ mến mộ? Nay không ngờ ở trên Tây hồ lại có một người. Bạn có biết đó là ai không? Người này họ Tô tên Thức, tự gọi Tử Chiêm, hiệu là Đông Pha, người Mi Sơn-Tứ Xuyên. Ông ra đời vào năm Cảnh Hựu đời Tống Nhân Tông, vừa sinh ra đã thông tuệ lạ thường, vừa đọc qua đã có thể ghi nhớ hết, vừa đặt bút viết ra đó làm kinh động lòng người. Lúc đó người cha của ông tên gọi là Lão Tuyền (1), tuy chưa thi đỗ khoa chế (2) nhưng được giữ chức lão tài tử lúc đó. Chỉ vì trong con mắt nhìn thì thấy Vương An Thạch (3) không gần gũi với nhân tình, là một kẻ xấu, không thể dựa được, nên dành phải bỏ di lưu lạc. Bản

(1) Trong Tam tự kinh của Vương Ứng Lân đời Tống có viết "Tô Lão Tuyền, nhị thập thất, thủy phát phẫn, đột thu tịch, bị vị lão, do hói tử" (Tô Lão Tuyền tuổi hai mươi bảy, mới phát phẫn, đi học hành, tuổi chưa già, đã lo muộn).

(2) Khoa chế: Dịch thân nhà vua ra đề thi, nhà vua chấm bài thi.

(3) Vương An Thạch (1021-1086) người Lân Xuyên đời Tống. Thủ tướng triều Thần Tông, lập chí cải cách chính trị, nhưng bị phái cũ của đại biểu lợi ích địa chủ phản đối, chính sách cải lương bị thất bại.

thân Ông không nghĩ tới công danh, thấy mình sinh ra được cậu con trai là Đông Pha tài hoa như vậy, sao chẳng mừng vui? Ai ngờ tinh hoa thời đó lại tụ tập lại cả ở trong một nhà. Chẳng bao lâu sau, người vợ của Tô Lão Tuyễn là bà Trịnh Thị lại sinh ra Tô Triệt, tự là Tử Do. Thiên tu tốt đẹp của Tử Do, cũng không kém gì anh trai. Cho nên mọi người khi đó đều ngợi ca thần phục gọi Lão Tuyễn là Lão Tô, gọi Tử Chiêm là Đại Tô, gọi Tử Do là Tiểu Tô. Gọi gộp lại cả ba cha con là Tam Tô, với lòng vô cùng kính ngưỡng.

Ngạt nỗi, ở vùng đông nam Mi Sơn xa lắc hẻo lánh, không ai là người tri kỷ Lão Tuyễn nghe biết có Trương Phương Bình người Thành Đô, một thời danh tiếng lẫy lừng thiên hạ, liền dắt cả hai con trai từ My Sơn thăng đến Thành Đô để gặp Phương Bình, mong Ông tiến cử. Trương Phương Bình vừa nhìn thấy vân chung của hai cậu bé, lập tức vô cùng kinh ngạc, nói:

- Chao ôi! Quả là kỳ tài! Tiến cử với người khác họ đau dù tài để cẩn nhắc tài hoa. Cần phải tiến cử với người giỏi nhất, mới không bị làm.

Lúc này người được coi là bậc thầy cai quản văn chương đứng đầu trong triều đình duy chỉ có một người là Âu Dương Tu⁽¹⁾, do đó Trương Phương Bình viết thư tiến cử, lại sai người dẫn cả hai cậu tới kinh sư. Âu Dương Tu xem xong thư tiến, liền xem bài viết của hai cậu, không kìm được đã đập

(1) Âu Dương Tu (1007-1072) người Tống Lư Lăng tự Vĩnh Thúc, hiệu là Túy Ông về sau gọi là Lục Nhất cự sĩ, nhà văn có nổi tiếng đời Tống soạn nhiều sách, nổi tiếng là Tân Đường thư, Tân Ngũ đại sử và Cự Sĩ tập.

bàn quát lớn.

- Bút vượt gân Hán, mực ngưng xương Liễu ⁽¹⁾. Về sau quyền lực văn chương tất sẽ thuộc cả vào hai người này. Trương Phương Bình quả là người biết tiến cử được người tài. Cứ thế hết lời ca ngợi, rồi đem thẳng tới cho Tể tướng Hán Kỳ xem. Hán Kỳ xem xong cũng kinh ngạc nói:

- Hai người này không chỉ văn tự giỏi giang, mà nghị luận cũng vô cùng cương trực. Nếu đem giúp sức cho giang sơn thì thật là điểm lành, may mắn cho triều chính.

Từ đó tài danh của hai người rầm rộ, tràn khắp Tràng An.

Đến đời Gia Hựu nguyên niên, Tô Thúc, Tô Triệt đều đã tiến sĩ. Âu Dương Tu thường đem văn chương của tới cho mọi người xem, ông nói:

- Đây mới thực sự là con người của cuộc đời chúng ta. Chỉ sợ rằng sau ba chục năm nữa, loài người chỉ biết có văn chương họ Tô, mà không biết có ta nữa.

Lúc đó Nhãn Tông Hoàng đế đích thân ra dè thi hối, họ trả lời, vua rất hài lòng. Bấy giờ vào cung, long nhan mừng tươi hớn hở, nói với Thái hậu rằng:

- Ngày hôm nay trẫm có được hai văn sĩ, đó là Tô Thúc và Tô Triệt người Tứ Xuyên. Chỉ tiếc rằng trẫm đã già, sợ rằng không thể dù khả năng kịp dùng được nữa. Dành phái lưu lại cho đời sau vậy.

(1) Hán là Hán Dũ, nhà văn cổ nổi tiếng đời Đường (768-824) từ Thoái (hiện nay là huyện Nam Dương). Liễu là Liễu Tông Nguyên nhà văn bút danh thời Đường (773-819) người Hà Đông, tự là Tử Hậu là nhà văn nổi tiếng cùng thời Hán



Rồi muôn ghi lại các sự tích nhà Tống nên chiêu nhập vào
Hàn Lâm⁽¹⁾. Tể tướng ra đè, hạn viết các việc già, mỗi
người thi riêng một phòng kín. Kết quả là cả hai đều thi đỗ
loại ưu, được vào thẳng Sứ quán, được gọi là Học sĩ, vô cùng
vinh hiển. Không ngờ về sau, Thần Tông Hoàng đế lên ngôi,
Vương An Thạch nắm quyền.

Vương An Thạch là một người cố chấp, ngang ngạnh, chỉ
mong muốn thực hành "Thanh miêu tiền pháp"⁽²⁾. Tô Thức,
trái lại, nói Thanh miêu tiền pháp bất tiện, có hại cho dân.
Vương An Thạch lại có ý thay đổi chế độ khoa cử. Tô Thức lại
nói: "Khoa cử không nên thay đổi, mà cứ nên để nguyên như
cũ". Thần Tông muốn mua đèn, Tô Thức lại tâu nên bãi bỏ
việc mua đèn. Việc nào cũng trái ý, Vương An Thạch không
sao chịu được bèn đưa ra ngoài nhận chức ở Hàng Châu. Tô
Thức nghe báo, vừa hay được toại nguyện với tâm hồn thích
du sơn ngoạn thủy, lòng vui thích thú nói:

- Ta nghe Lý Nghiệp hầu, Bạch Thái phó đều đã để lại
biết bao chính tích ở Hàng Châu từ lâu rồi. Các vị đã để danh
thơm lưu truyền đến thiên cổ. Lần này ta đến Hàng Châu già
như đến được Tây hồ, ta cũng sẽ làm một số việc tốt như hai
ông Lý, Bạch để được hưởng tiếng thơm, chẳng sung sướng
lắm sao?

Thế rồi chuẩn bị lên đường. Lúc này người em là Tú Do

(1) Hàn lâm: là thi chọn tiến sĩ đời Minh Thành, thi đỗ được nhập vào Hàn Lâm Viện.

(2) Thanh niêu tiền pháp là pháp luật mới của Vương An Thạch đời Tống, đó là
vào giữa hai vụ mùa xuân và mùa thu triều đình cho nông dân vay một
khoản tiền, sau khi nông dân thu hoạch thì trả vốn và thêm cả lãi.



cũng làm quan ở trong kinh sư,
thấy người anh nhiều lần xúc
phạm tới Vương An Thạch, sợ
mang họa lớn, rất lo lắng. Nay
lại nghe tin anh đi Hàng Châu,
rời xa miệng cọp, mới thật sự
vui mừng. Nhưng lại sợ anh
đến Hàng Châu, tính cũ phát
sinh, lại làm thơ phú cười cợt
triều đình, khởi lên mầm họa.
Vì thế nên cùng người em họ là
Văn Đồng sửa tiệc tiễn biệt.
Trong bữa tiệc đã chán thành
tha thiết khuyên bảo Tô Thức.

Dông Pha tin phục lời khuyên
sâu sắc ấy. Đến lúc sắp sửa lên đường, Văn Đồng sợ anh quên
mất lời khuyên trước, lại làm hai câu thơ tặng Tô Thức rằng:

*Khách bắc đến thăm, khoan viếng hỏi
Tây hồ tuy đẹp, chờ làm thơ!*

Dông Pha ghi nhận rồi ra đi, chẳng mấy đã tới Hàng
Châu. Từ xa đã nhìn thấy sắc núi, cảm xúc dâng trào, lòng
đầy phấn chấn. Sau khi nhậm chức, hễ cứ xong việc quan,
ông liền đi thăm phong cảnh Tây hồ. Quả thực Tây hồ rất
đẹp. Chỉ thấy:

Ngọc trong suốt tựa lưu ly dưới đáy sâu vạn mẫu

Một giải xanh ròn đòn chà cá dài ba trăm dặm cùng bay

Gió xuân dập dờn đào khoe sắc, mận phô hoa như vẽ

Ngày hạ nắng phủ thảm xanh, sen hồng nở tựa tranh

*Mây thu láp lánh quanh hàng rào cúc non vàng óng á
long lanh*

Tuyệt mùa đông bay là tà

Hòn đảo chênh vênh mai lạnh ngọc tàn

*Mây sớm liền Thiên Trúc, khí chiều vắt ngang chín dặm
trùng*

Gió sinh ra từ cửa Hồ Viên động

Mưa bay về từ Long Tinh sườn non

Tóc cài hoa kien trì tinh tại lòng sơn

Hồi bạn khách vào thăm chùa Long Ân có ai còn?

Lúc này Đông Pha ở trên Tây hồ xem không biêt chán, tình yêu thiết tha. Hết cứ có thời giờ ránh rồi thì bắt kể là trời nắng hay mưa, nhất định đều phải đi du ngoạn. Nhìn thấy phong cảnh núi non biển ảo vô thường, nắng có phong cảnh của nắng, mưa có kỳ diệu của mưa. Bởi thích thú nên đã đẽ một bài thơ:

Nước hồ dày áp trời quang thủ

Sắc núi trùm mây thật diệu kỳ.

Nếu sánh Tây hồ cùng Tây tử

Bên dặm bên nồng chẳng kém chi.

Kể từ đó thơ vừa làm ra người người truyền tụng, đã có người gọi Tây hồ là "Tây Tử hồ". Ngày xưa Đông Pha nghe tiếng Tây hồ, hận là chưa được ngâm nhìn. Ngày nay ngâm nhìn Tây hồ thì có cảm giác nhìn thấy còn đẹp hơn nghe kể rất nhiều. Ở đó uống rượu ngâm thơ, tình cảm đạt dào, tình cách giò trắng đâu có thể kìm giữ được, đâu có thể dồn nén được, cho nên đã đòi hỏi tới âm thanh và sắc đẹp. Lúc đó ở

sông Tiền Đường có một kỹ nữ nổi tiếng tên gọi Triều Vân, dáng đẹp tuyệt vời mà tính tình không giống Dương Hòa, chỉ ưa thích những tài tử phong lưu. Nàng khinh ghét nhất là những kẻ dung tục nơi thôn dã.

Lúc đó có một viên quan ở trong triều giàu có luôn luôn đến muôn mấy nàng làm vợ. Ngược lại, nàng xem tướng người rất giỏi. Nàng không cho lọt qua con mắt, nên quyết chênh thuận tòng. Đông Pha biết chuyện đó liền gọi nàng đến hầu rượu. Thấy nàng không nhuốm tật xấu, chàng giống hệt người trong bọn phong trần, cho nên rất yêu nàng, rất thương xót nàng. Uống rượu tối lúc say, Đông Pha mới hỏi nàng:

- Nàng lọt vào cõi gió bụi này được mấy năm rồi?

Triều Vân trả lời:

- Đã được bốn năm.

Đông Pha lại hỏi đùa:

- Đã bốn năm, chắc là sớm làm mây, tối làm mưa, chỉ sợ những sự vui thú trong gió bụi, còn giỏi hơn cả Vu Sơn⁽¹⁾?

Triều Vân đáp:

- Mây mưa tuy nồng nàn cũng do gió thổi lại. Mà tấm thân này bồng bềnh vô chủ, thật không biết ai là người giúp đỡ dậy trống. Nơi đây là nước và lửa của địa ngục. Không thoát được ra khỏi, nỗi khổ đau có thể nói hết, còn sung sướng gì?

(1) Vu Sơn: Tên núi ở tỉnh Tứ Xuyên. Tích này chỉ sự ăn ái nam nữ.

Dòng Pha nói:

- Đã biết khổ mà lại không biết sướng? Tại sao không sớm theo người tốt. Cứ theo vẻ đẹp của nàng còn lo lắng gì mà không cho lọt qua mắt xanh.

Triệu Văn đáp:

- Người yêu thương, thiếp lại hiềm người ta là kẻ rượu thịt. Người mà thiếp bằng lòng thì người ta lại ngán thiếp là kẻ phong trần. Biết tìm người tốt ở đâu?

Dòng Pha nghe xong rất mừng vui, cười lớn:

- Ta không ngán nàng là kẻ phong trần, nhưng không biết nàng có hiềm ta là kẻ rượu thịt không đéo?

Triệu Văn nghe nói vội vàng quỳ xuống đất vái lạy rằng:

- Dội ơn người cứu giúp, chẳng hay người đã có chủ rồi? Vô luận là làm kẻ nồng khẩn sửa túi hay là làm thằn trâu ngựa thiếp cũng xin cam lòng.

Dòng Pha mừng vui vì biết nàng có chí khí, bèn lấy nàng làm thiếp. Thật là:

*Phong lưu nên chàng tiếc bụi trần
Liêu sinh liều chết cũng vụ nhàn
Hoa bông nếu chàng sa xuống đất
Đầu thế cùng hoa dệt thành khăn.*

Một hôm Dòng Pha thết khách trên bờ hồ, gọi một kỹ nữ tên là Quần Phương đến hòm rượu. Rượu ngà ngà say bất nàng ca hát. Quần Phương không dám chối từ nên đã ca bài "Tính phận phi" như sau:

*Lệ thăm uớt khăn hoa đắm sương
Sầu đến My Phong ngọc tu*

Nỗi hận này chinh phục phần mình
Càng chẳng có ai người coi giữ
Mưa nhỏ mây tàn lá dâu meon
Chiều chiều sớm sớm cả đơn
Đêm nay nỗi nỗi sau hòn đất phản
Mặc nước trôi qua đây phản bội

Dong Pha nghe xong thở dài hỏi:

- Bài từ này bút mực phong lưu quá, do người nào làm ra đó? Lúc đầu Quản Phuong không cầm nổi. Chẳng có được Dong Pha hỏi đi hỏi lại nhiều lần, không thể không trả lời, nàng bèn nói:

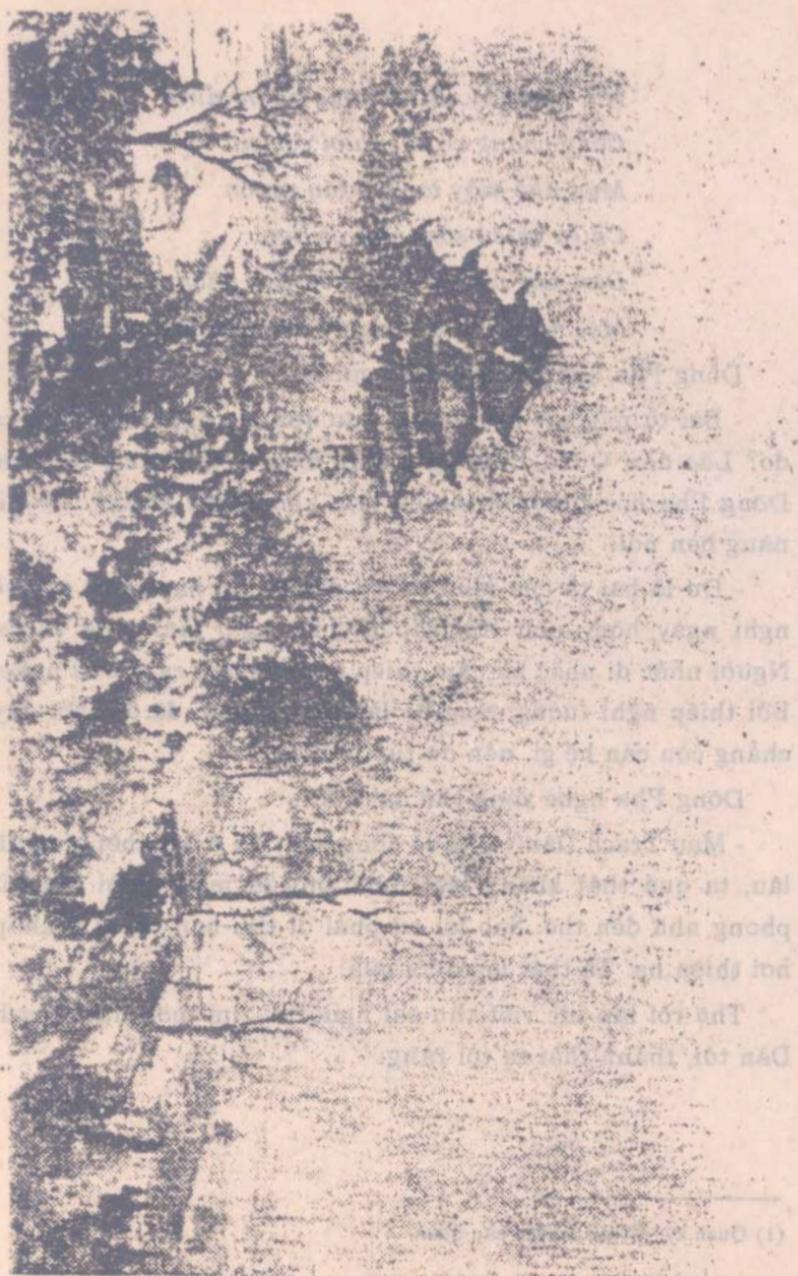
- Đó là bài từ của Mao Tường(⁽¹⁾), mèn hem ngon trả về nghỉ ngày hôm qua. Khi sắp từ biết ngai lâm sang thiếp. Người nhác di nhắc lại cảm thiếp liền được ca cho ai nghe. Bởi thiếp nghĩ tướng công đó là mèn hem da di khói dày chẳng còn can hệ gì, nên đã tùy tiện ca.

Dong Pha nghe xong thở dài nói:

- Mao Trạch Dân với ta là đồng liêu. Ta ở đây thời gian dài lâu, ta quả thật không biết được ông là mèn hem từ phong nhã đến thế. Sao lại cứ phải đi tìm bạn tri kỉ ở khắp nơi thiên hạ. Ta thật là có lỗi quá!

Thế rồi lập tức viết thư sai người đi tìm mèn Mao Trach Dân tới, thành thật tạ tội rằng:

(1) Quan kỵ: Mỹ nữ chuyên hầu quan.



Quà thật tiếc đệ có mắt như mù. Thật cũng chẳng nên
lầm phiền quan anh đã ra đi phải trở lại. Khổ nỗi người
muốn quan anh trở lại, chính là cái mây mưa của nàng Quần
Phương đã thêm thắt tình ý vào đó.

Nói xong cả hai cùng cười lớn. Hài lòng vì đã lưu giữ được
Mao Trạch Dân ở trên Tây hồ cùng ngâm thơ, cùng uống
rượu suốt cả tháng trời, mới để cho ông ra về. Từ đó, Mao
Trạch Dân liền trở thành nổi tiếng, lại được phục chức quan
cao hơn ở nơi khác. Thật là:

Tuy hiểu sác nghe hát

Lời hay lại thương tài

Khúc ca hương ngào ngọt

Quan mắt lại phục hồi.

Dong Pha làm quan ở Hàng Châu chẳng những thơ rượu
liên miên mà với việc chính sự cũng rất tùy tiện. Một hôm có
hai quan kỵ⁽¹⁾ một tên là Trịnh Dũng, một tên là Cao Oánh,
cả hai đều mang đơn đến để nhờ quan phán xử. Đơn của
Trịnh Dũng xin được trả về quê, đơn của Cao Oánh xin được
bỏ nghe hát để di lấy chồng. Dong Pha xem xong, đều gật
đầu bằng lòng, bèn cầm bút lên viết bài từ "Giảm tụ Mộc Lan
hoa" ở ngay trên hai tờ đơn của hai nàng. Thơ phân trên tờ
đơn của Trịnh Dũng đề:

*Trịnh trang hiếu khách, Dũng ngũ lâu tiền, tiền tung
trách*

Lạc bút sinh phong, Tịch tịch thanh danh bất phụ công.

Nghĩa là:

Trịnh nét na mến khách, tiếp ta trước lầu, đầu rơi khôn

dời

*Gió sinh từ ngọn bút, danh thơm lan rộng đó đây, công
chẳng phụ.*

Trên tờ đơn của Cao Oánh đề:

Cao son bạch tảo, Oánh cốt băng ca na giải lão?

Tòng thủ nan tú, Lương da thay phong nguyệt mạn hò.

dịch là:

*Núi cao nắng sớm, xương Oánh da trắng lớp lanh dầu
thoát già?*

Từ đây di dời về nam, đêm thanh gió mát trăng dày hò.

Viết xong, Đông Pha đưa cho các chủ công đồng liêu trong phủ cùng xem. Các vị xem xong đều chỉ tấm tắc khen từ có ý nghĩa đẹp, nhưng không thể hiện được cái kỳ xảo tuyệt diệu thế nào. Đông Pha cười rồi dùng hút sen khuyên tròn một chữ ở đầu mỗi câu, các quan đều xem lại mới biết là trong bài từ đã phê tám chữ "Trịnh Dung lạc tịch, Cao Oánh, tòng lương" ⁽¹⁾. Ở trên hai lá đơn ấy, Không ai không thán phục tài cao và sự đùa vui thú vị lanh man của Đông Pha.

Lại một hôm, trên công đường, có một tiểu dân đến trình, một lá đơn kiện rằng:

- Nguyên cáo là Ngũ Tiếu Nhất, kiện Trương Nhị nợ tiền không trả.

Đông Pha liền sai người bắt Trương Nhị tới. Trương Nhị cũng trình một lá đơn viết rằng:

(1) Cho Trịnh Dung về quê, cho Cao Oánh đi lấy chồng.

- Người bị kiện là Trương Nhị xin bẩm với quan rằng Nhị tội không đủ sức để hoàn trả được.

Dòng Pha bèn tra hỏi Ngô Tiểu Nhất rằng:

- Trương Nhị nợ anh bao nhiêu tiền?

Ngô Tiểu Nhất nói:

- Hán nợ tiểu nhân tiền tờ lụa cộng là hai vạn. Hẹn trong ba tháng phải trả. Quá một năm rồi, một xu cũng không trả. Mong quan trên giúp tiểu nhân đòi lại.

Dòng Pha hỏi Trương Nhị:

- Người nợ tiền tờ lụa của người ta, có đúng không?

Trương Nhị nói:

- Thưa, quả con cõi nợ ông ta hai vạn là đúng.

Dòng Pha nói:

- Dã nợ người ta, sao không trả?

Trương Nhị đáp:

- Tiểu nhân mua tờ lụa của ông ta, vốn là muốn làm quạt để bán. Chẳng ngờ quạt làm xong, đúng vào dịp tiết xuân, mưa triền miên, tiết trời lạnh mặt. Bay giờ không thể bán được quạt. Cho nên đành phải chịu nợ đến nay.

Dòng Pha nói:

- Dã làm ra quạt thì có thể bán được. Người hãy về đem một số quạt đến đây, ta và người cùng mang tiền chợ bán.

Trương Nhị vội vã chạy về đem một hòm quạt đến. Dòng Pha sai người mở ngay hòm quạt ra kiểm, loại quạt lụa trắng có bốn mươi chiếc. Bèn lấy bút ra phê. Hoặc là viết chữ thảo của tháp, hoặc là viết chữ khai thư⁽¹⁾, hoặc là vẽ mấy cây

(1) Còn gọi là châm thư, cách viết chữ chính thể châm phuong.

khô, hoặc là vẽ mây phiến trúc thạch. Chẳng bao lâu sau đã vẽ, đã viết xong, liền sai Trương Nhị;

- Mau đem ra chợ bán để lấy tiền đem trả cho Ngô Tiểu Nhất.

Trương Nhị ôm quạt vái lạy rồi đi ra. Mới đi ra khỏi cửa phủ là đã gặp chuyện may mắn. Những người nhìn thấy nét chữ, nét họa của Tô Đông Pha đều tinh nguyễn bỏ cả ngàn quan tiền ra mua một chiếc quạt. Chỉ trong khoảnh khắc số quạt đã bán hết. Còn một số người đến chậm không kịp mua, buồn rầu ú rũ ra về. Trương Nhị bán được tiền, trả hết cho chủ nợ là Ngô Tiểu Nhất mà vẫn còn thừa lại rất nhiều quạt, lòng đầy sung sướng. Không chỉ riêng Trương Nhị sung sướng mà tất cả mọi người ở trong phủ đều cảm động sung sướng.

Đông Pha lại nhìn thấy người Hàng Châu, tuy có rất nhiều người giàu có, nhưng cũng còn nhiều người nghèo, liền đem số tiền công phu dùng không hết còn thừa lại, tích góp lại được rất nhiều, mang mua ruộng đất cho dân cày cấy để cứu giúp những người dân nghèo thiểu ở Hàng Châu. Cho nên tất cả nhân dân Hàng Châu bất kể là người được nhận ơn hoặc chưa nhận được ơn đều cảm động đều coi ông như cha như mẹ. Đông Pha lại thấy loại cỏ phong mọc dày hò làm tác nghẽn nhiều nơi, liền nghĩ:

- Lý Bạch hai vị đã lưu lại di tích mà nay lại dàn dàn mai một. Ta đó đến đây làm quan, nếu không biết khai thác mà mang theo gương hai vị, há lại không hổ thẹn hả sao?

Dương định tiến hành thì không ngờ triều đình thấy ông làm quan ở đây đã tròn bốn năm, nên đã chuyển ông tới Mát

Châu. Ông than rằng:

- Thế là không toại ý của ta rồi. Ta đã có duyên với Tây Hồ, không thể không trở lại.

Thế rồi vội vã đem công việc chưa hoàn thành, gắng làm cho hết!

Dông Pha tới nhậm chức ở Mạt Châu, được ít lâu lại phải dời đi Từ Châu. Đến nhậm chức ở Từ Châu được ít lâu lại phải dời đi Hồ Châu. Bạn có biết vì sao không? Chỉ bởi tại khi ông còn ở trong kinh đã từng khuyên can Thanh miêu tiền pháp của Vương Đại Thạch là bất tiện. Đến nay thực hiện Thanh miêu tiền pháp quả nhiên thất bại, dẫn đến nhân dân đói khổ, sinh ra hòn oán. Vương An Thạch quyết định lên đầu Dông Pha. Hắn nói rằng Dông Pha là mầm mống tai họa của hắn, do đó hắn sai chân tay đi dò la tìm sơ hở, làm lối của Dông Pha, để hòng luận tội ông. Hắn đã sớm nghe được một tên tam phúc là Ngự sử Thư Dân, đánh hơi thấy nói khi ở Hàng Châu ông chỉ hay làm thơ diễu cợt triều đình, nên đã làm một bài sớ hạch tội ông, tấu lên triều đình như sau:

"Tôi Thức làm quan ở Hàng Châu chỉ thích làm thơ châm chọc triều chính. Bệ hạ phát tiền để cứu dân nghèo, Tôi Thức nói:

Đem lời dẹp đánh lừa con trẻ

Lạm tiêu quá nửa tại Thành đố

Phép nước rõ ràng của bệ hạ là mở khóa thi để chọn quan tài giỏi. Tôi thức lại nói:

Sách đọc vạn trang không học luật

Giỏi nhu Nghiêu Thuấn cũng bằng không

Bệ hạ cho xây thủy lợi, Tô Thức lại nói:

Biển Đông mà rõ ý minh chủ

Ruộng muối tất thành ruộng lúa tươi.

Bệ hạ có nghiêm lệnh cấm bán muối, Tô Thức nói:

Nếu như nghe nhạc quên được vị

Ba tháng khôi cần có muối ăn.

Tô Thức đúng là tên nghịch thần. Mong bệ hạ nhốt ngục để trị tội".

Só vừa tâu lên, nhã chức trách xem những tội trạng đó liền sai người đến Hồ Châu bắt thẳng Tô Thức về kinh, nhốt vào trong ngục Ngự sù, cả nhà kinh sợ không biết làm cách nào. Người em là Tô Triệt đang làm quan ở trong kinh, thấy anh mắc nạn, giận dữ nói:

- Khi sắp đi, ta đã nhiều lần khuyên anh ta đừng có làm thơ. Anh vẫn ngang ngạnh chẳng nghe, cho nên mới có họa hôm nay!

Lиền dѣ đơn lầy chuc quan duong nhiệm của minh để xin chuoctoi cho anh. Vương An Thach thấy anh em kết bè bảo hộ nhau, liền nói:

- Quan chuc là an huê và vinh dự của triều đình đâu có phải là nghè nghiệp cha truyền con nối. Sao có thể đem tiền ra chuoc được?

Rồi ngay cả Tô Triệt cũng bị biếm bỏ làm Giám tửu trưởng ở Duân Châu. Thật là:

Bóng gió xin dừng ngõ bất trung

Phải trái đều mang một dạ trống

Nếu như minh chủ biết suy xét

Tất hiểu dân tình quá bần cùng!

Lúc này tại vị là Thần Tông Hoàng đế, vì đọc mấy câu thơ
bóng gió ấy nên ở trong cung cảm thấy rất không vui. Bỗng
Tù thánh Tào Thái hận nhìn thấy, liền hỏi:

- Vì sao quan gia không vui?

Thần Tông đáp:

- Những chính sự mà triều đình thi hành đều bị Tô Thức
sát hại, mà những lời sàm báng đều là những câu thơ.

Thái hậu nghe xong, giật mình hỏi:

- Tên Tô Thức này phải chăng chính là tài tử đỗ cùng
bang với em là Tô Triệt? Tô Thức Tứ Xuyên phải không?

Thần Tông nghe xong cũng giật mình nói:

- Chính là tên Tô Thức ấy. Sao nương nương lại biết?

Thái Hậu đáp:

- Ngày ấy Nhân Tông Hoàng đế tự đến hiến, ra đề thi. Bởi
triều về cung, người vui vẻ nói: "Trẫm hôm nay ra đề thi nên
đã được Tô Thức, Tô Triệt hai người, thực là bậc đại tài làm
rạng rỡ cho non sông gấm vóc. Nhưng hận vì trẫm đã già, sợ
không kịp mở rộng tài đó, nên dành phải gửi lại cho người
sau dùng vào việc lớn vậy!"

Nói xong rơi nước mắt hỏi:

- Hai người đó bây giờ ở đâu?

Thần Tông không thể dấu được, đành phải nói thật.

- Tô Thức mới bị trói bỏ ngục. Tô Triệt thì bị trích ra
ngoài.

Thái hậu buồn bã nói:

- Người mà được tiên đế yêu mến đến thế, tại sao quan

gia không biết tiếc?

Thần Tông hiểu ra, nên đã có ý muốn tha. Vừa lúc đó lại gặp Đông Pha ở trong ngục, nhìn lú người gian với con mắt của người hàn học, liệu chừng không thể thoái được. Lại nghĩ đến lời khuyên của Tử Do lúc sắp từ biệt, vì không nghe nên đã vấp phải thảm họa này. Nên đem mọi nỗi khổ sở ở trong lòng làm một bài thơ, nhờ tên lính coi ngục đem tới cho em. Ai ngờ tên lính coi ngục lại là tên gian do Ngự sử Thư Dân cử tới, dặn hán lưu tâm quan sát mọi hành vi của Tô Thức, tất cả đều phải báo cho hán biết. Tên cai ngục được bài thơ này, đâu dám không báo? Thư Dân được bài thơ, lập tức đem trình lên Thần Tông, nói rằng Tô Thức ở trong ngục oán hận triều đình Thần Tông mờ ra đọc, thì thấy:

Thánh chủ như trời vạn vật xuân
Bởi ta ngu ám tự thiệt thân
Trăm năm chưa dù đến nợ nước
Mười miệng không cùng càng khổ dân
Đây chốn non xanh ta gửi xác
Ngày gió đêm mưa chỉ thương Thần⁽¹⁾
Đời nay là bạn, là huynh đệ
Hạt mập trái lành chưa hết nhăn!

Thần Tông xem xong bài thơ này, thấy lời từ bi ai thống thiết, nhưng không hề ẩn ý oán hận, bất giác trái tim rung động. Lập tức ban chiếu chỉ thả ngay, nhưng phải điều đi Hoàng Châu làm quan Phó sứ Đoàn huyện. Đông Pha ra khỏi

(1) Chỉ vua Thần Tông

ngục; vì chiểu chỉ của Hoàng đế quá gấp gáp nên không dám ở lại lâu, nên lập tức cùng gia quyến di Hoàng Châu. Dời trên chiểu thư đó không cho phép đem theo công văn giấy tờ, nên Đông Pha dành phai chí khẩn, đi giày cờ, cùng với người hầu nói thon đãi cùng đi. Ngày ngày hai người vui chuyện trên đường. Đông Pha rất thích nghe nói chuyện ma quỷ, cứ nghe hết chuyện này, lại đòi nghe chuyện nữa. Người đó nói:

- Trong bụng tôi không biết có ma quỷ.

Đông Pha nói:

- Nếu không có, thì cứ bịa ra cho có mà nói cũng được.

Dẫu cần phải có quỷ thật mới nói

Cả hai cùng cười vui vẻ, cùng nhau đi. Thật là:

Bút ngọc mục son dạ gầm thêu

Tuy nói đang quở lại dù điều

Ngôn ngữ thao thao không nói được

Dành dùng kế quỷ để vẫn theo!

Từ khi Thần Tông nghe Tào Thái hậu kể tiên đế xưa từng gọi Đông Pha là đại tài, bèn sai các thị thần đi đến khắp nơi tìm những thơ ca của Đông Pha đem về để xem. Xem bài nào, yêu bài ấy, nói:

- Quà thật là đại tài!

Trong lòng người đã có ý sẽ dùng Đông Pha vào việc lớn. Chỉ ngại một điều là Vương An Thạch và Đông Pha không hợp nhau, cho nên cứ chần chờ lần lữa. Bỗng một hôm có người truyền tin Tô Thúc đã chết tại Hoàng Châu. Lúc ấy Thần Tông đang dùng bữa sáng, không kim nổi nghẹn ngào đã nói:

- Tài năng hiếm thấy! Tài năng hiếm thấy! Lẽ nào lại như vậy sao?

Thế là Thần Tông bỏ bữa cơm sáng. Sau lại nghe tin truyền Tô Thúc không thể chết được, nét mặt nhà vua liền vui mừng hân hở, vội tháo phé trát ở trước ngực, điều Tô Thúc lên Nhữ Châu. Tô Thúc đang biểu cảm tại Thần Tông xem xong vẫn biểu cảm thấy vô cùng kỳ diệu, liền nói với các quan tá hữu:

- Tô Thúc quả thật là kỳ tài, các người có thể ví như ai ở thời xưa được nhỉ?

Các quan tá hữu đều nói:

- Trù phi là Lý Bạch đời Đường.

Thần Tông nói:

- Lý Bạch có cái tài của Tô Thúc, nhưng trái lại, không có cái học của Tô Thúc. Như hiểu biết của ý trâm thì Tô Thúc còn vượt xa hơn Lý Bạch.

Dông Pha sáp di Nhữ Châu, lại dâng biểu lèa trình, nói:

- Thần có ruộng ở Thường Châu. Xin cho di cư về Thường Châu.

Thần Tông liền chuẩn tú cho về Thường Châu.

Không ngờ sau đó ít lâu, vua Thần Tông yên giá⁽¹⁾. Vua Triết Tông nối ngôi. Dông Pha dương cảm cái an Thần Tông cho đổi chau, vô cùng đau thương bi thảm, chỉ nghĩ rằng đã mất đi một bậc anh chúa, không thể được tiếp dùng nữa. Không ngờ sau đó ít lâu đã có chiếu chỉ nhà vua thăng chức

(1) Yên giá: chết

cho Tô Thức làm Leng Đồ các Hàn Lâm Học sĩ. Đồng Pha vui vẻ lên đường, chẳng mấy ngày đã tới kinh, được gọi vào đại diện. Lễ triều kiến đã xong, Tuyên nhân Thái hậu hỏi:

- Trước đây khanh làm chức quan gì?

Tô Thức với quỳ xuống trả lời:

- Đà tâu, trước đây thần làm Đoàn huyện Phó sứ. Sau đội ơn vua được đến Nhữ Châu, rồi lại nhờ ơn vua được đến Thường Châu.

Thái hậu lại hỏi:

Tô Thức trả lời:

- Nay thần đang đợi tội⁽¹⁾ làm Hàn lâm học sĩ

Thái Hậu nói:

- Sao lại đột nhiên như vậy?

Tô Thức nói:

- Tất cả đều do ân của bệ hạ Hoàng đế, Thái hoàng, Thái hậu ban cho:

Thái hậu nói:

- Không phải.

Tô Thức nói:

- Hoặc do quan đại thần luận văn tiến cử

Thái hậu nói:

- Không phải.

Tô Thức kinh sợ nói:

(1) Tiếng tự khiêm tốn nói là làm việc không ra gì, đang chuẩn bị nhận tội.

- Thần tuy bất tài, thực không dám tiến thân bằng con đường khác.

Thái hậu nói:

- Đó chính là chủ định của tiên đế. Cứ mỗi lần tiên đế đọc vào chương của khanh, đều chép miệng thán phục. Thật là kỳ tài! Thật là kỳ tài! Nhưng chưa kịp tiến cử để sử dụng tài của khanh, nay bồ tiện phụng di mệnh của tiên đế, cho nên đặc biệt tuyển chọn khanh.

Tô Thức phủ phục xuống đất, nghe lời xong cất tiếng khóc lóc đến khàn cả tiếng. Cả Thái hậu và Triết Tông Hoàng đế cũng cùng khóc lầm Ý. Các quan cận vệ tá hưu đều cảm động rầu rỉ. Khóc xong, Thái hậu ra lệnh lấy đòn gắm cho Tô Thức ngồi, mời Tô Thức uống trà. Lai sai thấp duốc ngự tiền hoa sen vàng để đưa Tô Thức trở về viện. Thật là:

Bị biếm bỏ đã lâu

An mới đến từ đâu.

Vua trước và chủ mới

Đều quý tài như nhau!

Thế rồi Đông Pha cảm động với thánh An, tính cũ lại tái phát. Phàm những chính sách nào có trở ngại cho triều đình, bất tiện với tinh dân, ông đều dùng sớ tranh luận như trước, làm cho những người đương quyền rất bức tức. Hoàng đế ngồi trên chín trùng cao vời vợi, đâu có thể quản hết các việc, nên ông đã sớm bị bọn gian thần đuổi ra ngoài làm tri phủ ở Hàng Châu. Đông Pha nghe tin báo, tuyệt nhiên không nghe lời đèn pha xúi dục, ông vui vẻ:

- Trước kia ta chưa toại nguyện với Tây hồ. Ngày nay ta

có thể hoàn toàn thỏa mãn. Thế rồi đưa già quyền ra khỏi kinh. Nhận dân Hàng Châu trước đây đã chịu ơn huệ của Đông Pha, nay biết tin ông trở lại, không gì vui bằng. Tất cả mọi người đều sửa soạn đốt hương, sắp lễ ra đón ông từ ngoài xa.

Lại nói Đông Pha đi qua Kim Sơn, nghe nói Phật Án thiền sư là một vị cao tăng, trước kia có quen biết, nay ở Kim Sơn tiếp kiến một số người đến hỏi đạo. Đông Pha cũng muốn lên núi xin được gặp. Chẳng ngờ những người hỏi đạo đông kề có hàng trăm, hàng ngàn người, đang chen chúc xô đẩy nhau. Đông Pha muốn sai người tới đuổi dân để dẹp đường, nhưng lại thấy thế là bất nhã, nên nghĩ:

- Ta đã có cách!

Đông Pha bèn mặc áo quan, My dai ngọc mà Hoàng thượng ban thường cho trước kia đeo vào bụng, bắt người di hai bên đất tay. Thế rồi hiện ngang ngực nghê bước vào. Nhận dân nhìn thấy người ăn mặc như vậy đều cho là vị quan to, nên tự động tàn ra thành một con đường cho ông đi vào. Sắp đi đến trước hương án, Phật Án thiền sư đang ngồi giảng đạo ở trên đài cao, từ xa đã nhìn thấy, vội vàng cất tiếng hỏi:

- Tô Hoc sĩ từ đâu đến thế? Ở đây không còn chỗ cho ngồi nữa rồi.

Đông Pha nghe biết là Thiền sư dùa, lập tức dùa trả lại:

- Đã không còn chỗ nữa, hà tất gì lại không tạm thời mượn áo từ thân của hòa thượng để làm giường Phật?

Phật Án nói:

Sơn tảng có một cát đỗ, nếu học sĩ giảng được thì thôi.
Nếu không giảng được thì xin mời học sĩ cởi đại ngọc trên
thân ra để lại mãi mãi trấn giữ cửa núi.

Dòng Pha liền cởi đại ngọc rủi, sai các quán tài hữu đạt
trên hương án. Phật Án nói:

Sơn tảng vốn không có tú đại⁽¹⁾, tại cảng không có ngũ
uẩn⁽²⁾, thì Học sĩ ngồi ở chỗ nào?

Trong phút chốc, Dòng Pha không giải được, nên mặt đỏ
dừ. Phật Án lập tức gọi người hầu thu lấp đại ngọc, để mãi
mãi trấn giữ cửa núi. Dòng Pha thấy Phật Án quá là hiếu eau
Thiền lý có chút sơ phong⁽³⁾, bèn bò dài ngọc lại và thế mà
đi. Thật là:

Dĩ nhiên tú đại mà không có
Đại ngọc bặt buộp vào lồng ai
Phật pháp đều nằm trong không kí
Sơn môn có trấn chí mệt nhói!

Dòng Pha đến Hàng Châu nhìn thấy các cụ già rá tiếp
đón từ xa; trong lòng rất vui mừng, đã kịp thời dâng biếu ta
o, liền viết cảnh tượng ấy như sau:

Giang sơn cổ quốc
Đến mà chưa về
Người già thương nước

(1) Tú đại: Bốn thứ lớn nhất là địa (đất), thủy (nước), hỏa (lửa), phong (gió).

(2) Ngũ uẩn: Năm thứ ẩn tảng là Sắc (vật chất), Thủ (buồng thủ), Tưởng (suy xét), Hành (Hành động), Thức (Ý thức).

(3) Cơ phong: Ngôn ngữ Phật không để lại dấu tích ẩn tượng, nhà Phật dùng nó
để giác ngộ con người.

Chào mừng hè!

Dến nhiệm sở, công việc vừa xong, liền lên hồ vân cảnh, để thỏa thích lòng khao khát. Chẳng ngờ năm ấy, trời làm hạn hán, mất mùa, đói rét và bệnh tật cùng phát sinh, nhân dân khổ sở không sao kể hết được. Đông Pha nhìn cảnh ấy không thể cầm lòng, nên đã dâng biểu tâu triều đình xin giảm một phần ba số gạo nuôi dưỡng người đi trên bến lộ. Lúc đó Độ diệp⁽¹⁾ của nhà quan cấp cho hòa thượng xuất gia rất đắt, lại cần số lượng nhiều để cấp cho nhà sư trong bến lộ, mong đổi lấy gạo cứu đói cho dân. Lại cần được nhập nhiều gạo vào nhưng giá gạo phải được giảm thấp. Tất cả đều được triều đình chuẩn tú. Bởi thế nhân dân đã vượt qua được nạn đói, đều nhờ công sức của Đông Pha. Những người dân bị đau ốm, tùy từng nơi, đều được lấp nhà thương, chế ra thuốc, phân phát cho lương y để chữa cháy. Những người dân được cứu sống nhiều không sao kể xiết. Không ngờ sau vụ đại hạn thì gặp mùa thu mưa lớn. Nước ở Tây hồ dâng cao mênh mông tràn ngập làm hư hại hết cả hoa màu ngô lúa. Đông Pha biết chắc là sang năm dân tất sẽ đói to, do đó đã tâu thỉnh triều đình, giảm đóng một nửa số gạo, lại xin cấp nhiều Độ diệp, nhập nhiều gạo vào để chuẩn bị năm sau xuất gạo ra. Triều đình chuẩn tú hết mọi điều thỉnh cầu. Quá nhanh vụ đói năm sau, nhân dân dựa vào đó mà tránh được nạn đói khổ, không bị chết chóc tan hoang. Ai nấy đều cảm phục ân đức của Tô Đông Pha không sao kể xiết. Thật là:

(1) Độ diệp: Văn bằng xuất gia của quan lại cấp cho hòa thượng hành đạo Phật thời cổ.

Hạn hán chắc dân sẽ đổi to
May thay, người đã sớm liệu lo.
Nếu để nguy mới tìm cách cứu
Thì dân tất sẽ xuống hết mòn!

Sau đó không còn hạn hán, đời sống của dân được ổn định. Ngày ngày Đông Pha đều lên hồ, đến vùng Giang Cán, Lục Tỉnh khảo sát kỹ luồng địa hình, nói biết sở dĩ sáu giếng⁽¹⁾ thường luôn bị ú tắc. Vùng Hạ Đường thường bị hạn hán đều bởi tại nguyên nhân là nước hồ nông. Nước hồ nông là bởi có phong mọc trùm kín dày hồ. Nước hồ nếu không bị ú tắc bởi cỏ rác, tất sẽ chưa được nhiều nước. Có thể chèo vào Vạn hà⁽²⁾, tắt Vạn hà sẽ có đủ nước. Nay nước hồ, Vạn hà không được hưởng lợi của nước hồ dành phải đổ ra sông. Con nước sẽ dồn vào thành mà đục ngầu bùn cát. Ba năm một lần nạo vét, gây nên mối họa lớn cho dân trong thành, do đó sáu giếng dần dần hư hỏng. Nay lập kế hoạch, cần phải trước tiên khai quật hai dòng sông Mao Sơn và Lam Kiều, đào sáu xuồng, bắt con sông Mao Sơn phải chuyên nhận nước sông, con sông Lam Kiều thì chuyên nhận nước hồ.

Lại xây kè để tiêu và giữ nước hồ. Thì là nước hồ không dồn vào thành mà sáu giếng có thể khai thông với sông, nhân dân sẽ được hưởng lợi lớn. Nhưng muốn che nước hồ sâu, cần phải bỏ hết các ruộng cỏ phong di. Muốn bỏ ruộng cỏ phong thì vớt cỏ phong lên biết chất vào đâu? Lại nghĩ, từ phía nam

(1) Sáu giếng: Tiếng Hán là Lục tinh

(2) Vạn hà: Con sông do súc người đào dập cho thuyền bè đi lại, gọi là sông mảng.

hồ lên phía bắc hồ ước độ ba chục dặm. Nếu đi lại ven hồ thì suốt ngày cũng không tới được. Sao không vớt cỏ phong và vét bùn đất lên đắp một con đê dài để thông từ nam tới bắc? Chẳng những ruộng cỏ phong hết mà nhân dân còn đi lại thuận tiện. Thật là cái lợi lớn của nhất cử lưỡng đắc⁽¹⁾. Ruộng phong đã hết, lại chiêu mộ nhân dân trồng cù ấu thu lợi, để lấy tiền tu sửa cho hồ. Thật là một việc làm kỳ diệu! Trước tiên ông cùng các quan thảo luận, lập kế hoạch, tỉ mỉ kỹ lưỡng, sau đó dâng sớ lên triều đình. Triều đình xem tấu, thấy việc làm mang lợi cho dân, sao lại không phê chuẩn được? Mấy ngày sau có sắc chỉ đưa xuống. Đông Pha vô cùng sung sướng, lập tức chọn ngày lành, chiêu mộ người làm. Lúc này là sau vụ đói, nhân dân sống khó khăn. Nghe tin quan Thái thú mоб người làm, trà tiền cấp gạo hàng ngày, đều tụ tập đến, đông như ong, như kiến, người đào kẽ đắp, người gánh, kẽ xây. Chỉ vài tháng sau, cỏ phong đã hết, đắp thành con đê dài ngăn cách hồ thành hai, phía tây gọi là "Lý hồ" phía đông gọi là "Ngoại Hồ"⁽²⁾.

Trên bờ đê làm sáu cầu⁽³⁾ thông nước hai hồ và tiện cho thuyền dân chơi bời ngắm cảnh. Sáu chiếc cầu ấy đều được đặt tên:

Cầu thứ nhất gọi là Ánh Ba (Ánh sáng).

Cầu thứ hai gọi là Tôa Lan (Khảm sóng)

(1) Một việc làm đạt hai mục đích.

(2) Hồ trong và Hồ Ngoài.

(3) Sáu chiếc cầu là Lục Kiều.

Cầu thứ ba gọi là Vọng Sơn (Ngắm núi)

Cầu thứ tư gọi là Áp đê (ép đê)

Cầu thứ năm gọi là Đồng phô (Bến đồng)

Cầu thứ sáu gọi là Khóa Hồng (qua cầu ướng)

Hai bên bờ đều trồng đào liêu, phù dung. Đến mùa hoa nở, nhìn con đê hệt giống như một dải mây gấm, đẹp tuyệt vời. Cả phong đã hết, nước hồ đã sâu, hai dòng sông Mao Sơn và Lam Kiều đã đào sâu, một dòng nhận nước sông, một dòng nhận nước hồ, nước triều sông không đổ vào thành mà Lục Kiều cũng không bị hại bởi bùn cát, có thể vừa tháo để thông. Đồng Pha thấy công việc lớn đã hoàn thành, chí xưa đã toại, lòng mừng vui phấn khởi, bèn làm một bài thơ tỏ ý vui:

Sáu cầu vắt ngang phân trời Hán

Núi Bắc núi Nam đã thông liền

Hai nhấp vạn mẫu đều kinh hoàng

Chiều phong xưa đã cuộn lên trên.

Từ đó về sau, Tây Hồ đã trở thành tiên cảnh. So với thời Bách Lạc Thiên phong cảnh còn phồn hoa hơn nhiều. Phàm người tới vãn cảnh Tây Hồ đều vui thú quên chẵng muốn về. Cho nên đã có người ca tụng:

Nếu đến Tây Hồ thăm một lượt

Người tràn bồng chúc hóa thành tiên.

Gặp khi việc chính sự thư nhàn, Đồng Pha thường ước hẹn các quan trưởng đồng liêu, các tao nhân mặc khách đến Tây Hồ ngắm cảnh. Trên mỗi thuyền đều phân mày nàng kỹ nữ đưa thuyền mời khách thăm các nơi, vừa uống rượu vừa

nghe hát, vừa mải mê say đắm tối lúc mặt trời rơi xuống phía tây, khói sương trùm lấp, Đông Phà mới cho người bước lên thuyền nhà gỗ chuông vàng làm hiệu, mời các thuyền kia cùng về. Những chiếc thuyền kia nghe tiếng chuông ngân vang, bèn cùng đẩy mái chèo, tụ về một nơi, người ca cứ ca, kẻ múa cứ múa, sung sướng mê say. Hoặc hội tụ ở chùa Hồ Tâm hoặc hội tụ ở đình Vọng Hồ, mãi đến trống diêm canh một canh hai khuya vẫn còn chưa muộn tàn về. Các kỹ nữ mặc quần áo sắc sỡ, cưỡi ngựa, tay xách đèn nến, cõng ánh trăng trên lưng, mùi hương thơm sực nức, sắc đẹp tuyệt vời, tựa tiên giáng trần, chia thành từng tốp ra về. Các nam thanh nữ tú ở trong thành, các du khách tới thăm, không ai không gọi ông là "phong lưu thái thú"⁽¹⁾. Có người làm thơ ca ngợi ông:

*Say mê chí muốn dân sung sướng
Suy nghĩ xa gần chí muốn diễn
Việc nào dân lợi, ông ham chuông
Bao trùm ân nghĩa, nặng tình riêng!*

Lúc đó một kỹ nữ xinh đẹp tên gọi Cầm Thao, lần trước khi Đông Phà gặp nàng chỉ mới mười ba. Lúc ấy nàng thông minh hiền dịu, chỉ thích đọc sách Phật. Lần này Đông Phà trở lại, Cầm Thao đã trở thành một thiếu nữ hai mươi chín tuổi rồi. Đông Phà xót thương nàng có đôi chút tính Phật, chỉ sợ nàng rơi xuống cõi phong trần, mê muội không tỉnh ngộ. Ông muốn cảm hóa nàng bèn cho gọi nàng lên hồ uống rượu. Giữa tiệc đang say, ông nói với Cầm Thao:

(1) Quan Thái thú đức đỗ tài hoa.

- Nàng đã thích xem sách Phật, nhất định là nàng hiểu
Phật lý. Dêm hôm nay ta làm một hòa thượng già. Nàng thử
lại thăm chùa, ý nàng ra sao?

Cầm Thảo nói:

- Xin vâng!

Dòng Pha lại hỏi:

- Thế nào là cảnh ở trong hồ?

Cầm thảo đáp:

Ráng chiếu với cò lè cùng bay

Nước thu cùng trời cao một sắc ⁽¹⁾

(1) Nguyên văn: Tương truyền đây là hai câu thơ của Vương Bộ (650-675) là nhà thơ xuất sắc đầu đời Đường. Năm ngoài hai mươi tuổi nhân dịp dựa bữa tiệc mừng tết trung thu (9-9) ở Dãng Vương các, ông có làm bài thơ và lời tựa về Dãng Vương các rất nổi tiếng. Sau đó trên đường sang Giao Chỉ thăm cha, ông bị đắm thuyền chết đuối trên Trường Giang. Tục truyền từ đó ở khúc sông này, cứ vào khoảng đêm khuya thanh vắng, người ta thường nghe văng vẳng có tiếng ngâm hai câu thơ tả cảnh sắc trong bài Dãng Vương các tự: *Lạc hà dù cò lè phi, Thu thủy công trường thiên nhất sắc* (*Ráng chiếu rơi với bóng cò lè cùng bay, nước thu với trời xanh một sắc*). Lại nói thêm, trong dịp đi sứ Trung Quốc, Hồ Tông Thốc (cố thuyết nói là Mạc Đĩnh Chi) trong một buổi chiều tà nhân chèo thuyền dạo chơi trên khúc Trường Giang, nơi Vương Bộ chết đuối, được nhân dân địa phương kể cho nghe câu chuyện trên. Hồ Tông Thốc bèn ra đứng trên mũi thuyền nói to: - Hà iết dù công nhì tự? (làm gì cần đến hai chữ dù và công nữa) Ông giải thích hai câu này tuy hay nhưng thừa hai chữ "dù" và "công". Vì đã nói "Tè phi" (cùng bay) thì mặc nhiên là có ý "dù" (với) rồi; đã nói "nhất sắc" (một sắc) thì cũng mặc nhiên là có ý "công" (cùng) rồi. Sau đó ông sửa lại: "Lạc hà cò lè phi. Thu thủy trường thiên nhất sắc" (*Ráng chiếu, cò lè cùng bay, Nước thu, trời cao một sắc*) và từ đó trên khúc sông ấy người ta không còn nghe thấy tiếng ngâm thơ của oan hồn họ Vương nữa. (Theo Cố văn giải

Lạc hà dù có lợ tè phi

Thu thùy cộng trường thiên nhất sắc.

Dòng Pha lại hỏi:

- Thế nào là người trong cảnh?

Cầm Thao trả lời:

- *Quần trùng sâu bức Tương Giang thùy*

Buộc tóc Vu Sơn một đoạn mây.

Dòng Pha lại hỏi:

- Thế nào là cảnh trong người?

Cầm Thao đáp:

Học theo Dương học sĩ

Rùa giết Óc tham lam!

Dòng Pha nghe xong đập bàn nói:

Trước cửa tuyết rơi xe ngựa hiếm

Bà già già làm vợ nhà buồn!

Cầm Thao dại giác ngộ, ngay hôm đó gọt hết tóc làm ni cô, đến tham học Phật Án thiền sư. Về sau cũng được thành chính quả. Đó gọi là "Dòng Pha tam hóa Cầm Thao"⁽¹⁾.

Khi Dòng Pha ở Hàng Châu việc chung là chính sự, việc riêng là chơi thăm cảnh hồ. Bất giác lại đã ba năm. Triều đình biết ông có công khai phá xây dựng, lại hạ chiếu triệu ông về kinh vào Hàn Lâm Thừa chỉ. Dòng Pha nhận mệnh, lại vội vã vào kinh. Nhân dân cảm phục an đức, người người đều rơi nước mắt, thậm chí nhà nhà đều họa tượng thờ ông. Thật là:

(1) Dòng Pha ba lần giác ngộ Cầm Thao.

*Nhó ông, thiên tử triều
Cảm đức, thấy đều buồn
Người tốt đều lương thiện
Ai bảo chẳng thể làm?*

Dòng Pha liền tới Biện kinh⁽¹⁾ triều kiến nhà vua. Vừa hay nước Liêu⁽²⁾ cử một vị sứ thần tới, truyền mệnh của nước họ, nói rằng nước Liêu có một câu đối, cần nước Tống đối lại. Nếu đối được thì coi là thượng bang, không đối được phải làm hạ bang. Câu đối ấy chỉ có năm chữ:

Tam Quang nhật nguyệt tinh⁽³⁾

Thiên tử liền truyền cho các quan, ai là người đối được câu đối này thì được gia quan, tiến chức, tiến tước. Văn võ trăm quan phụng chỉ đều lầm nhầm nghĩ suy: Trong câu này đã chỉ ra ba sự việc, một chữ "tam" đã chiếm mất rồi, thì còn lấy chữ số nào để đối được nữa. Cho nên các quan đều yên lặng như hến. Thiên tử thấy các quan nín thịnh, đang vô cùng sốt ruột lo lắng, thì tự nhiên trong ban bộ chuyển ra một người tên là Tô Thức, có tài có học, nằm phủ phục trước bệ vàng, nói:

- Thần có một câu đối xin hiến dâng.

Rồi lập tức cao giọng đọc là:

(1) Biện là tên con sông Biện ở tỉnh Hà Nam.

(2) Liêu: Mối triều đại ở phía bắc Trung Quốc đầu đời Tống do Da Luật A Bảo Cơ xây dựng (915-1201) nay là Liêu Ninh tỉnh Hồ Bắc.

(3) Ba thứ sáng nhất là mặt trời, mặt trăng và ngôi sao.

Tử thời phong nhã tụng⁽¹⁾.

Thiên tử nghe xong long nhan rạng rỡ mừng vui. Vội vàng ra lệnh cho quan hầu viết lại, rồi đưa cho sứ giả nước Liêu, hỏi:

- Câu đối này có đáng được làm thượng bang không?

Sứ Liêu xem xong, há miệng không nói được câu nào, chịu làm hạ bang rồi lui về. Triều đình quả nhiên già quan cho ông lên tới chức Lễ Bộ thượng thư.

Lúc này Vương An Thạch tuy đã chết, nhưng bọn gian thần của Vương An Thạch như Thư Dân v.v.. vẫn còn đầy trong triều đình, chưa thể trừ khử hết được. Chúng thấy Đông Pha được thiên tử biết đến, quan chức đã dần dần cao lên, rất ghen ghét đố kỵ, nên lại vu cho Đông Pha sàm báng triều chính. Chúng vào hùa với nhau cùng phụ họa thêu dệt, thế là ông lại bị trích biếm đi Huệ Châu. Đông Pha vì đường xá quá xa xôi nên không đem theo thê thiếp. Duy chỉ có Triều Văn khổ sở đòi đi theo hầu nên ông đã đem nàng cùng đi. Đến Huệ Châu chưa đầy một năm, vì không hợp thủy thổ, Triều Văn bị bệnh hoạn liên miên nên đã mất. Đông Pha và cùng thương tiếc nàng, nên làm một bài từ "Trang Tây Giang" như sau:

Xương ngọc đau buồn sương tuyết
Da trắng tự có gió tiên.
Nàng tiên bể thường qua thăm rừng thơm nức.
Vẫn mang theo lòng chả cá xanh trong

(1) Bốn mùa đều dùng là Phong (ca dao quốc phong), nhã (một điệu hát ở cung đình văn nhã), tụng (thê thơ) phò nhạc để múa trong cung đình).

*Đa trắng nõn nà không cần son phấn
Gió mưa không phai nhạt mơi hồng
Tình cao cuồn cuộn mây sáng cao vời vợi
Không bao giờ với hoa lê chung giấc mộng cùng.*

Dông Pha đã chôn cất nàng ở bái táng sau tháp Đại Thánh núi Tè Thiên. Bởi nàng đọc câu như mộng, như bào rỗi mắt, nên ông đã làm một dãy như đình ở trên mộ, rồi dần dần trở thành một ngôi mộ nổi tiếng. Sau này cứ đến tiết thanh minh, nhân dân đều tới đây vẩy rượu, tưới tắm làm cho đất luôn ẩm.

Dông Pha ở Huệ Châu, thấy người địa phương xây hai cái cầu ở phía đông tây, xây chưa xong, liền cởi đai khâm tê giác ra để giúp công sức cho họ. Ai nấy đều cảm ơn. Chỉ đáng hận là bọn gian thần biết ông vẫn ở Huệ Châu yên ổn khỏe mạnh. Chúng lại càng xiểm nịnh triều đình, biếm ông đến vùng Dam Nhĩ ngoài biển xa. Người em là Tô Triệt ở trong kinh, không chịu được, có lời tâu, liền cũng bị biếm đi Lôi Châu. Hai người gặp nhau ở một chỗ. Ai nhìn thấy cũng phải ngậm ngùi. Dông Pha hoàn toàn không để ý gì, vẫn dát con trai là Tô Mai, vượt biển đến Dam Nhĩ. Ông cho rằng như vậy cũng tạm được yên thân nghỉ ngơi. Không ngờ bọn Thư Dân lai gửi công văn tới các phủ huyện, cấm không cho ông cư trú ở trong phòng quan khác, mà bắt ông phải ở trong rừng núi, để bị trường khí dịch bệnh mà chết. Dông Pha không còn cách nào, đành phải tự mua một gian nhà để ở. Nhưng cũng thật vui mừng, vẫn thương của Dông Pha, cả thiên hạ đều biết tiếng. Những người có học đều nói:

- Tô học sĩ là người từ trên trời rơi xuống. Nay bỗng đến ở vùng ta. Đó là phước lớn của tạo hóa ba sinh.

Tất cả mọi người đều đến vái chào, rồi cứ người đến gành đất, san nền, tu sửa nhà cửa.

Dông Pha vốn dĩ là một người khảng khái, có lòng thương người tha thiết, không chút ưu tư phiền muộn, ngày ngày lấy việc cùng uống rượu làm thơ với các môn sinh học già làm vui. Không chút lam khí ôn dịch nào xâm phạm đến trái người. Về sau triều đình cảm động biết được ông là một trung thần, liền miễn xá hết tội, cử ông giữ chức Ngọc cục quan, và bắt giết hết bọn nịnh thần Thư Dân v.v... Nhân dân thảy đều sung sướng.

Thật là:

*Hai người thường tự khoe
Diệu kế chẳng ai bì
Đâu ngờ chuốc lấy vạ
Tang dãy nhà, sầu bi!*

Dông Pha đội ơn ân thánh biến qua biển, theo đường tới Thường Châu Bởi Tú Xuyên xa xôi, đi về bất tiện. Nếu trú ở Thường Châu thì sẽ được ở rất gần với Tây Hồ của Hàng Châu, còn có thể đi lại đôi lần để vui tuổi già. Do đó ông đã mua một gian nhà ở Thường Châu. Chưa dọn đến thì ngẫu nhiên trong một đêm trăng ông đao gót đến một ngõ hẻm. Bỗng nhìn thấy một bà cụ đang tựa cửa khóc thảm thiết đến lạ kỳ.

Dông Pha vội hỏi:

- Vì sao cụ khóc lóc đến mức sầu khổ như vậy?

Cụ trả lời:

- Tôi có một gian nhà tổ tiên để lại, do các bậc tiền nhân tạo ra tốn hao phí biết bao tâm lực đã được trăm năm. Nay

dứa con tôi hư hỏng đã đem bán cho người khác, bát tôi phải ra khỏi nhà. Thân già không có nơi nương tựa, tôi biết ở đâu bây giờ. Làm sao mà tôi không đau khổ cho được? Nói xong cụ lại khóc. Đông Pha hỏi cụ nhà ấy bán cho người nào. Thị té ra gian nhà ấy chính là gian nhà mà Đông Pha vừa mới mua được. Đông Pha bỗng xót thương, liền rút tờ khế khoán ra, đưa đến trước mặt bà cụ, rồi cho vào ngọn đèn đốt cháy. Đông Pha đã trả lại gian nhà tổ cho bà cụ, mà không đòi lại một đồng nào. Bà cụ cảm ơn không nói thành lời. Nhân dân ở bên cạnh biết chuyện thảy đều trầm trồ ca ngợi. Thật là:

*Dốt khoán tuy việc nhỏ
Nhưng lòng nhân ái sao!
Suy ra thành đức độ
Danh truyền nay vẫn cao!*

Ý của Đông Pha muốn ở Thường Châu nguyên là vì được gần Hàng Châu, có thể luôn luôn tới Tây Hồ ngắm cảnh. Éo le thay cảnh dời, điều mong muốn khó gặp được lần thứ hai. Ở Tì Lăng chẳng được bao lâu, một buổi sớm, tự nhiên ông không bị ốm, mà lặng lẽ tạ thế. Sau khi ông mất, có người nói, triều đình đang sắp giáng chỉ với ông làm tướng, bởi nghe tin ông mất nên mới dừng lại. Mãi đến đời Huy Tông hoàng đế, bởi chuộng đạo, người đến Bảo lục cung trai tiêu⁽¹⁾. Có một vị đạo sĩ giỏi pháp thuật ở trên Tiêu đài, vái lạy, dâng biểu rồi cử phù phục ở dưới đất không dậy. Mãi lâu sau mới dậy được. Huy Tông hỏi:

(1) Trai tiêu: Những người đến kỳ thờ cúng phải ăn chay.

- Mọi ngày thì dậy được. Hôm nay vì sao lại dậy muộn thế?

Đạo sĩ trả lời:

- Vừa tới điện Ngọc Hoàng Thượng để định dâng biểu trình thì vừa hay gặp Khôi tinh đang tấu. Phải chờ Khôi tinh tấu xong mới dâng được biểu.

Huy Tông hỏi:

- Khôi tinh là vị thần nào? Tấu về việc gì?

Đạo sĩ trả lời:

- Tấu về việc gì thần không được biết. Nhưng vị thần Khôi tinh này chính là Tô Thức của báu triều.

Vua Huy Tông nghe xong, vô cùng sung sướng, bèn truyền chỉ bắt đưa văn chương bút tích của Tô Thức đến cho người xem. Xem xong, người vô cùng trầm trồ khen ngợi và kính trọng. Rồi lại truyền chỉ: "Phàm những ai tàng giữ được thơ văn, memento⁽¹⁾ của Tô Thức, đem nộp hết cho triều đình thì được quan thăng vàng thưởng". Kể từ đó về sau, các bậc đại sĩ phu và các bậc diền phu lão dã không ai là không di sưu tầm memento của Đông Pha. Bởi vua Huy Tông mến mộ tài danh, nên đã khôi phục tước quan cho Tô Thức, truy tặng Tô Thức là Thái sư, thụy⁽²⁾ là Văn Trung. Nhân dân trăm họ ở Hàng Châu vì thấy triều đình kính trọng ông như vậy, bèn

(1) Memento: dấu mục, chỉ bút tích

(2) Thụy là danh hiệu thời phong kiến vua và các bậc đại thần truy tặng sau khi chết.

cảm nhớ đức xưa, liền dựng đèn thờ Bạch - Tô nhị công⁽¹⁾ ở
Cô Sơn. Đèn thờ ấy đến nay vẫn còn, người đến vẫn cúng Tay
Hồ không ai không tới ngưỡng mộ cảnh ấy.

(1) Chỉ Bạch Cư Dị và Tô Thúc.

THI TÍCH Ở CHÙA LINH ÂN

(LINH ÂN THI TÍCH)

Tây Hồ có mươi cảnh đẹp là:

*Tô đê xuân hiếu
Khúc Viên phong hà
Bình Hồ thu nguyệt
Đoạn Kiều tàn tuyết
Luồng Phong tháp vân
Tam Dàn án nguyệt
Lối Phong tịch chiếu
Nam Bình ván chung
Liễu Lăng ván oanh
Hoa Cảng quan ngư⁽¹⁾*

Rồi đến các đình đài, lầu gác, chùa Phật, danh sơn không dấu là không lưu lại những thơ phú của các bậc danh nhân. Nhưng vì sao hai chữ "Thi Tích" ⁽²⁾ chỉ được ghi ở chùa Linh Ân? Than ôi! Thơ ở Linh Ân, mỗi câu mỗi chữ dù qua thiên cổ cũng chẳng thể phai mờ, thì cho dù thơ không lưu lại dấu tích, nhưng dấu tích vẫn tự lưu lại.

(1) Đầu tiên của thơ.

(2) Sáng xuân ở Tô đê, gió sen ở Khúc Viên, trăng thu ở Bình Hồ, tuyết tàn ở Đoạn Kiều, mây phủ ở Luồng Phong, trăng in ở Tam Dàn, chiếu chiếu ở tháp Lối Phong, chuông tối ở Nam Bình, nghe oanh hót ở Liễu Lăng, xem cá ở Hoa Cảng.

Bạn có biết đó là thơ của ai không? Không phải là thơ thời Minh⁽¹⁾, cũng không phải là thơ thời Tống - Nguyên⁽²⁾, càng không phải là thơ thời Ngũ đại⁽³⁾, mà chính là thơ của người đầu đời Dương⁽⁴⁾, họ Lạc tên gọi Tân Vương, người huyện Kim Hoa, Nghĩa Ô, Triết Giang. Người này sinh ra đã có trí tuệ rất sớm, bảy tuổi đã biết làm thơ phú. Chẳng những có thể làm thơ phú, mà lời lẽ độc đáo đến kinh sợ lòng người. Khi làm văn, đặt bút viết ra là có sức đắm níu nghiêm song. Lớn lên ông đã nổi tiếng khắp nơi. Cùng thời ấy còn có Lư Chiếu Lan, Vương Bột, Dương Quỳnh với ông nữa xưng là "Lư Lạc Vương, Dương tử tài tử". Khi đó, Vương Bột từng làm phú ở Dàng Vương các, được nhân dân trong nước rất ca ngợi. Cho nên Lạc Tân Vương thường nói với mọi người:

- Nếu nói về tài danh, ta xấu hổ khi được đứng trước Vương Bột, lấy làm sỉ nhục khi ở đằng sau Lư Chiếu Lan.

Ông là người tự phụ như vậy đó. Khi làm quan, lúc đầu giữ chức Thi Ngự sử vô cùng vinh hiển. Bất kỳ, khi đó Đường Cao Tông Hoàng đế yên giá, Võ Tắc Thiên Thái hậu làm triều⁽¹⁾, lúc đầu còn sợ nhân dân nghị luận, lập thái tử lên làm đế. Về sau thấy nhân tâm quy thuộc đã biếm để tới đất Thường Châu, rồi lên ngôi nữ chúa, tự xưng là Kim Thuận

(1) Minh 1368-1662

(2) Tống 960-1279. Nguyên 1260-1368.

(3) Ngũ đại 907-959

(4) Dương 923-936.

Hoàng đế, dần dần đem con cháu tôn thất nhà Đường giết chết hết trừ hậu họa. Lạc Tam Vương lúc đó nhìn thấy không chịu nổi, liền dâng sớ xin lập Lộ Lăng Vương lên ngôi Hoàng đế, không được phép bỏ nhà Đường lập nhà Chu. Võ Tắc Thiên xem xong nổi cơn thịnh nộ lập tức biếm Lạc Tân Vương đi làm Lâm Hài thừa⁽²⁾.

Võ Tắc Thiên đã biếm bỏ Lạc Tân Vương, sợ rằng lại có người tiếp tục có lời lẽ như vậy, nên đã lập ra nghiêm hình trọng phạt, muốn cốt để khóa chặt miệng bàn dân thiên hạ. Võ không biết được miệng thiên hạ tuy bị kẹp chặt, nhưng con tim của thiên hạ vẫn được tự do, vẫn rất bất bình. Người người đều bi phẫn. Điều Võ làm đã xúc phạm tới cơn đại nộ của một vị tướng quân.

Vị tướng quân này họ Lý, tên gọi Kinh Nghiệp, vốn là một trang nam tử, có huyết thống. Bởi được hưởng tước lộc của nhà Đường, nhìn thấy Võ Tắc Thiên thân làm hậu phi của Đường triều, được thừa ân thụ sủng, được trọng vọng không ai bằng. Nay bỗng một ngày bỏ Đường lập Chu, đại bội đại nghịch với luân thường, không hiểu đường trung nghĩa, nên đã huấn luyện tinh binh, xông vào cung khuyết. Lại sợ bàn dân thiên hạ mỉa muội với những điều nhìn thấy nghe thấy,

(1) Võ Tắc Thiên là hoàng hậu của Đường Lý Tri (tức Đường Cao Tông) tên là Cù, sau khi Lý Tri mất, tự thay chồng lên làm vua, đổi tên nước là Nhà Chu. Ở ngôi 22 năm, là vị nữ Hoàng đế đầu tiên và duy nhất trong lịch sử Trung Quốc.

(2) Quan trợ lý giúp việc như phủ thừa, huyện thừa.

mà không nhận rõ tội trạng. Lại biết Lạc Tân Vương, là một đại tài tử, đã bị Võ Tács Thiên biếm bỏ, nên Lý Kính Nghiệp đã yêu cầu Lạc Tân Vương làm một bài hịch văn để kể tội Võ. Liền sai người tới Lâm Hài mời Lạc Tân Vương vào trong quân. Lúc này Lạc Tân Vương bụng đang sôi sục uất ức, chẳng chốn thở than. Bảo ông làm hịch thì trúng ngay nỗi bí lụy của ông. Thế là ông cầm bút tinh táo nghiêm trang, thay Lý Kính Nghiệp làm một bài hịch văn như sau:

*Nguy Chu Võ Tács, tính không hòa thuận.
Con nhà bần tiện, ơn được Thái Tông.
Chèo vào hậu cung, làm kẻ hầu hạ!
Từng làm dứa ô, mặc áo tội lỗi,
Lớn lên tanh hôi, làm loạn cung thất!
Dần dần vùi lấp, tình của Tiên vương.
Muu đỗ bất lương, xung làm nghiệt đế!
Nhìn trung thần ghét ghen dố kỵ,
Được hiến vinh chẳng dám nhũng người.
Bỏ lời khuyên răn của tôi trung vào túi,
Dùng khéo khôn đế mè hoặc chùa
Làm bẩn nhơ nguyên phi tráng lệ,
Hâm vua ta vào chốn bụi lầy!
Lại thêm tim rắn độc, dạ sai lang thành nết
Chuyên ngạo mạn tà dâm, tàn hại kẻ có lòng
lương thiện.
Giết chi, chặt anh, thi vua, hại mẹ
Thần thánh nghe cũng ghét cay ghét dắng
Đất trời nhìn nào thể dung tha.
Lại khu khu ôm giữ tâm xà, trộm nhìn thần khỉ,*

*Con yêu của vua bí mật dấu ở biệt cung
Kết liên cùng tặc thù, giao cho chúng nhiều
trọng trách.*

Than ôi!

*Hoặc Tù Mạnh không được dùng,
Chu hу hầu bị chết!
Yết trác hoàng tôn, biết lực nhà Hán chẳng còn,
Long ly để hậu biết triều đình nhà Hạ sắp mất!
Cựu thần vua Đường là Kính Nghiệp
Vốn công hầu trung tử
Phụng thành nghiệp của tiên vương.
Thụ án của bần triều
Tổng vi tù hung bi đều định sẵn.
Viêm quân son roi lệ đau phai chuyện thường
Dùng gió mây phản khí, chí yên xá tắc
Thiên hạ thất vọng bởi triều chính suy tàn!
Vậy nên giương cờ nghĩa
Để quét sạch yêu nghiệt cứu nước cứu nhà nhà
Nam liền Bách Việt, bắc tận Tam Hà
Thiết kỵ thành đoàn, ngọc giáp dương tiếp
Gạo dò Hải Lăng dự trữ trong kho không bao
giờ hết,*

Giang phố cờ vàng

Cộng thành đâu còn xatit!

Chuông lệnh reo, gió bắc khơi

Kiếm khí xung, nam dâu bình

Tiếng hò reo, tất núi nghiêng đèo lò

Tiếng giận dữ, tất gió mây biến sắc

*Thế áy đánh địch, địch nào chẳng tan
Thế áy lập công, công nào cũng thắng!
Bạn các người, hoặc sống ở nơi đất Hán
Hoặc thuộc họ nhà Chu
Hoặc muôn thận trọng trong lời nói
Hoặc nhẫn mệnh cũ của nhà vua
Lời nói còn vang bên tai,
Người trung hả quân ghi sâu trong dạ.
Một năm đất suy tàn còn đó
Sao vội gửi thân vào sáu thước cõi đơn?
Ta có thể chuyển họ thành phúc!
Thôi bỏ chuyện xưa!
Cùng lập công dụng nước thù vua
Để không hẹn cùng quân mệnh!
Phàm ai được hưởng tước hays cùng tờ chí với
sơn hà
Nhược bằng còn quyền luyến với thành áp xa hoa
Bồi hồi chun bước, ngồi đợi trông mong đẹp,
Tất sẽ bị tai họa chu diệt dâng cay!
Xin hãy nhìn đất nước hôm nay!
Ai đang nắm giữ thiên hạ trong tay?*

Bài hịch văn này vừa tung ra, đã lan đi khắp thiên hạ. Ai chẳng oán ghét tội ác của Võ hậu? Ai không kính ngưỡng lòng trung của Kinh Nghiệp? Không phải xét suy, họ liền đi theo cõi nghĩa. Một hôm, bài hịch này truyền tới ngự tiền Võ hậu. Võ hậu đọc rất kĩ càng, đọc đến câu:

*Được hiển vinh chàng dám nhường người,
Dùng khéo khôn để mè hoặc chúa không nhịn được.*

Dã phải lấy tay áo bịt miệng, cười gần. Lại đọc đến hai câu:

Một năm đất suy tàn còn đó,

Sao với gửi thân vào sâu thước cỏ dại!

Liền bất giác chau mày kinh ngạc hỏi:

- Bài hịch này do ai làm?

Tả hữu bẩm:

- Đây chính là văn của người đang sở lần trước, tên gọi Lạc Tân Vương, đã bị biếm đi làm quan thừa ở Lâm Hải.

Võ Tác Thiên nghe xong, liền thở dài than thở:

- Ta biếm hắn, chỉ biết hắn là một viên quan bình thường. Ai ngờ hắn lại có kỳ tài đến thế! Mà làm cho hắn lưu lạc như vậy không phải là ngẫu nhiên đấy nhỉ? Đó là tội của quan Tể tướng.

Bài hịch của Lạc Tân Vương tuy làm rất hay, có thể cảm động lòng người, nhưng sự tranh giành với Võ Tác Thiên trong việc bỏ Đường lập Chu suốt mười tám năm nay vốn là ý của trời. Sức của Lý Kính nghiệp làm sao tranh đấu nổi với Võ hậu? Cử binh không lâu thì hoàn toàn bị thất bại. Lý Kính Nghiệp đã thua, Lạc Tân Vương làm sao có thể khiến mình đứng vững được. Tự nhiên ông cũng biến mất, không còn tích lũy nữa. Võ Tác Thiên tất nhiên không buông tha, luôn cho người tìm kiếm. Có người nói ông đã chết ở trong quân. Lại có người nói ông đã chạy về Nghĩa Ô. Lại có người nói ông đã gọt tóc đi làm hòa thượng. Tìm töi hơn một năm, cũng không thấy hình bóng ông ta đâu. Võ hậu dành phái hạ lệnh bãi bỏ việc tìm kiếm ấy. Thật là:

Trù loạn phải nên trung dung toàn,

*Có trung không dung sẽ thác oan,
Hịch văn kêu gọi hùng thiên hạ
Cờ ngựa tung hoành cung nát tan!*

Bình thường Lạc Tân Vương yêu mến nhất là Linh Ân. Lần này tới ẩn ở đây, tuyệt đối không để lộ ra một chút hình tích nào. Linh Ân đáng yêu ở chỗ nào? Nói sơ qua một đôi lời là rõ ngay. Chùa Linh Ân cách thành Tây mươi hai dặm. Thời nhà Hán gọi là Hồ Lâm, bởi vì có con hồ trán trắng thường ngồi ở dưới bệ nghe kinh. Đến đời nhà Đường vì kỵ húy vua bèn gọi là Võ Lâm. Nó phát nguồn thẳng từ Tân An, từ Phú Xuân đến Dư Hàng, lượn lờ uốn khúc năm trăm dặm rồi dòng lại thành huyệt ở Lưỡng Phong Tam Trúc. Trên ngọn Bắc Cao Phong có tháp bẩy bậc. Nhìn từ xa hệt như một dãy núi dàn trải ra, núi ở trong hồ như một tấm gương nổi, mây rủ xuống, vạn tượng rủ xuống, những cánh thuyền qua lại tựa nhau những đàn hải âu. Sau đó là những ngọn núi như ngọn Di Lai Môn, ngọn Thạch Duẩn, ngọn Hương Lư, ngọn Sư Tử, ngọn Liên Hoa, ngọn Phi Lai. Các động đá thì có các động như động Hồ Viên, động Ngọc Nữ, động Long Hoàng, động Sá Húc. Các suối thì có suối Nam, suối Bắc và suối Đại. Các khe nổi tiếng thì có khe Nguyệt Quế, khe Phục Tê, khe Vĩnh Thanh, khe Ý Tích. Trong đó được du khách ham thường thức nhất chỉ có vùng xung quanh khe Lãnh Tuyền. Có nhiều nơi yên tĩnh như am Thao Quang, am Bạch Sa, am Thạch Duẩn, am Trà, am Võ Trước, am Tùng Yên. Các lầu gác đẹp nổi tiếng là gác Vọng nguyệt, gác Siêu Nhiên, gác Vĩnh An, gác Di Đà, gác Văn lai, đều là những cảnh quan do trời xây đất dựng cả. Duy chỉ có chùa Linh Ân

là do Tây Tạng Huệ Lý xây dựng vào đời Tấn Hán Hòa Nguyên niên. Cửa núi gần chật với vách đá chênh vênh, trên cửa treo một tấm biển đề "Tuyệt Thắng Giác Trường" do Cát Hồng⁽¹⁾ viết. Đến năm thứ tư đời Cảnh Đức thì đổi tên là Hương Nguyệt Lâm. Lại có Bạch Vân nham và Tùng Ân nham. Rừng nổi tiếng nhất trong thiên hạ không rừng nào hơn ở đây. Trước cửa là Lãnh Tuyễn đình chính là do quan Thích Sứ đời Đường tên gọi là Nguyên Dư xây dựng nên, cao không vượt quá tám tầng⁽²⁾, rộng không thua một trượng⁽³⁾, mờ mờ ảo ảo đúng là cảnh tiên. Mùa xuân có biếc hoa thơm có thể làm cho con người hết mọi ưu phiền, khiến cho con người thoái mái. Mùa thu cây núi tỏa um tùm, nham thạch làm bình phong che khuất, mây dùn lén thành đống, nước ngang bắc thành. Ngồi mà ngắm nhìn thì thấy mọi vật tuần hoàn thay đổi. Các vách đá trước đình đều tạc tượng các vị Thổ Tôn, La Hán. Dúng thật là công sức của thần, búa rìu của qủy.

Dưới suối trong, những quái thạch ẩn tàng kiêu hanh trong lòng nước chảy siết. Những con cá lội bơi tung tăng phun bọt nước, hệt như dòng bích ngọc tuyệt vời. Nằm có thể câu cá ở bên gối. Ngồi có thể rửa chân ở bên giường. Kể từ khi ngôi đình này được tạo dựng, các du khách đều muốn bước lên đình dừng chân nghỉ ngơi trong chốc lát, để nói những câu chuyện ngoài cuộc đời, vượt ra khỏi thế tục. Chữ

(1) "Bản tu tuyệt đẹp" xem Đầu tiên trên Cát Linh.

(2) Tám độ dài tám tích, mỗi tích 0.333m.

(3) Trượng: độ dài 10 xích.

"Lãnh" ở trong "Lãnh Tuyền đình" có lẽ đã chỉ rõ là nơi để cho con người khai ngộ đó chăng?

Ở phía tay phải của đình chưa đầy một dặm, có một ngọn núi gọi là Cố Thạch sơn cao đến bốn chục vĩ⁽¹⁾, núi xanh thẳm đáng diệu kỳ, những phiến đá bẹt quanh cây dừa nổi, nhìn từ xa tựa như một bông sen ngàn cánh. Ở lưng núi có một cái hang nhỏ, miệng hang rộng chưa đầy hai thước, nhìn vào u ám tối mờ, đình ngọn không thể nào trèo lên được. Trên đó có một cái huyệt do vượn tráng đào. Con vượn tráng đó vẫn là con vượn do Tuệ Lý pháp sư nuôi dưỡng. Mỗi lần nhìn thấy vượn tráng ra suối hét lên một tiếng dài, thì tất cả các con vượn khác đều tập hợp lại, người ta gọi đó là "viên phụ"⁽²⁾. Những du khách hiếu kỳ thường đem thức ăn đến cho vượn. Nghe tiếng vượn kêu liền chạy ra cho ăn. Sau đó người ta đã xây một cái dài cho vượn ăn. Đến triều Tống, có một nhà sư tên gọi Thủ Nhất, hoặc sớm hoặc tối, mỗi lần gõ vào mõ hình con cá gỗ mấy tiếng thì con vượn già ấy lập tức chạy ra, làm bạn với Thủ Nhất, giúp Thủ Nhất đốt hương thay nước, hoặc rửa rau gánh nước. Lúc rảnh rồi liền cùng ngồi đấu cờ tranh thua được với Thủ Nhất. Dối với mọi công việc, vượn đều hiểu hết cả, chỉ có điều là không nói được mà thôi. Từ khi Thủ Nhất có con vượn này, chẳng những sớm tối không hiu quạnh, mà lại được các du khách tới xem vượn đều bỏ thí đồ chạy cho. Chính vì có con vượn này, mà ngày nào

(1). Mỗi vĩ là năm tấc \times 40 = 200 tấc = 20 xích \times 0^m, 333 = 6,6^m

(2). Viên phụ: Con vượn bố

cũng có người đem hoa quả đến cho ăn.

Bỗng một hôm, tri phủ Lâm An, họ Viên tên Nguyên đến chơi chùa Linh Ân, vào nhà phương trượng⁽¹⁾ ngồi nghỉ, dâng trà cho nhà sư, dâng xong, ngẫu nhiên hỏi:

- Ở cái núi quý này có một cái hang gọi là "Hồ Viên động"⁽²⁾, trong hang có một con vượn ngàn tuổi, có thể biết việc của người, có đúng vậy không?

Nhà sư nói:

- Linh tính tương thông, người và vật không có gì ngăn cách. Quả có như vậy!

Nhà sư già mời tri phủ tới Lãnh Tuyền định chơi, rồi cho chú tiểu tới nơi ở của Thủ Nhất trường lão, bảo gọi vượn ra xem. Thủ Nhất vội vàng gõ ba tiếng vào mõ cá gỗ. Vượn già lập tức từ trong động chui ra, Thủ Nhất nói:

- Quan lớn ở bản phủ muốn được gặp vượn, nên đã lặn lội vất vả tới đây.

Vượn già nghe thấy nói đi gặp quan lớn, liền quỳ ngay xuống đất lác đầu hai cái, như tỏ ý không muốn, Thủ Nhất nói:

- Làm việc tùy duyên. Đầu thế lựa chọn. Duyên trời đã gặp. Cần phải bằng lòng.

Thủ Nhất nói xong bốn câu ấy, vượn già liền theo chú tiểu bước tới trước mặt tri phủ, dơ hai tay như dâng chào hỏi khách. Rồi quay lại gật gật như thăm hỏi vái chào bén sơn

(1) Phương trượng: chùa, nơi sư ở.

(2). Động là hang, Viên là con vượn: Hang gọi vượn.

trưởng lão. Tri phủ cũng linh cảm thấy điều kỳ diệu ấy, Trưởng lão nói:

- Còn nhiều điều linh diệu kỳ hơn! Vượn còn biết đánh cờ nữa!

Tri phủ nói:

- Biết đánh cờ thực à? Biết đánh cờ gì?

Trưởng lão nói:

- Bất kể là cờ vây⁽¹⁾ hay cờ tướng. Vượn đều tinh thông hết!

Tri phủ nghĩ thầm:

- Lừng danh thiên hạ, duy chỉ có lão tồn. Sao cái con khỉ này dám nhảm nhí như vậy?

Liền sai lấy bàn cờ ra. Trước tiên đánh cờ tướng. Vượn già dơ tay mời tri phủ đi trước. Tri phủ liền dùng thế "hai trung lạc nguyệt"⁽²⁾, một nước tuyệt đỉnh mà từ trước chưa ai thắng được. Vượn già bình tĩnh, không vội vàng hấp tấp, chỉ di mấy nước, thế cờ trở lại bình thường. Mấy nước liền sau thì tri phủ hoảng hốt:

- Ta thua rồi! Ta thua rồi!

Viên tri phủ thường ngày là cao thủ chơi cờ, nước nào cũng đều hay cả. Lần này do vì tâm tư bối rối nên đã thua. Tri phủ lại nghĩ:

(1) Cờ vây (vi kỳ) một trò chơi dùng quân cờ để phân thua được. Bàn cờ ngang dọc có 19 đường hợp thành 361 nước. Dùng quân cờ đen hoặc trắng bao vây đối phương, bên nào ăn được nhiều quân, mở rộng được địa bàn là thắng.

(2) Vót trắng ở trong biển

- Cờ vây ta được tiên truyền cho, vây hãy chơi tiếp một ván. Vượn già xua tay, tỏ ý không muốn chơi nữa. Tri phủ nói với Trưởng lão:

- Bản phủ chơi cờ vây vốn là tay cờ cao nhất trong thiên hạ. Vượn già thua nửa quân ta cũng vẫn coi là thắng. Nay ta mời chơi nữa, vượn tỏ ý khó khăn, hay là vượn hoảng sợ? Phiền nhà sư nói cho vượn hiểu, cứ thử chơi, xem sao?

Lão trưởng liền truyền bảo vượn già chơi cờ nữa. Tri phủ định đi trước, vượn già đỡ tay ngăn lại, dùng tay phải cầm một quân đặt vào giữa ngực. Tri phủ cười thầm.

- Từ xưa đến nay làm gì có nước này!

Rồi liền đưa tay ra ứng chiến. Đến cuối cuộc cờ, lại thua, tri phủ nói:

- Hai chục năm nay, ta chưa hề thua ai ván nào. Hôm nay chẳng ngờ, đánh với con vượn già ba ván, ta lại thua hai. Lê nào không có chuyện kỳ quái hay sao? Chỉ sợ người ngoài biết ta thua con vật kỳ dị này, chẳng nực cười lắm sao?

Lòng lo sợ vô cùng. Không ngờ trưởng lão Tế Diên bước tới trước mặt, sờ vào đầu vượn nói:

- Một nước cờ xưa kể đã lâu,

Thiện ác trong bàn chẳng trước sau.

Nay bời thiện cơ trời để lộ

Có duyên, duyên vạy, chẳng lo đâu!

Nói xong túm lấy sau gáy của vượn già. Chỉ thấy vượn gật đầu hai cái, đứng thẳng người ở bên cạnh bàn cờ, xô đi đẩy lại rùng mình rồi bất động. Nhìn kỹ đã hóa thành khúc gỗ, rồi thành mồ đá, giống hệt ngọn Lão Tàng ở trên núi Thiên

Dài. Tri phủ kinh ngạc dị kỳ. Trường lão vội truyền lệnh cho người hầu lấy một ít cùi khô cho vượn già cưỡi. Các vị sư đọc các câu chú thường ngày, cùi gỗ lập tức bốc cháy hết!

Thủ Nhật đọc câu kê:

- Xuất! Xuất!

Vượn già lấp suối, bạn với tiểu tăng
Chẳng nhớ tên tuổi, tí sưu đâu cần
Hư không dẹp nát, cắt đứt xích xiềng
Thế ngoại siêu nhân, ăn trong hang tối
Xuống khe xuống suối, tìm ngó chọn sen
Sức mọn tài hèn, may mà gặp lão
Tiên cơ dạy bảo, biết thuộc về ai
Chẳng nói như người, có bàn tay giỏi
Đã bị tiên gọi, xách đầu da cao
Mồ hôi tuôn trào, thân run lấy bây.
Mau chạy, mau chạy! Mặt trời dở nhanh
Hãy tới Vị thành, đường đi đã rõ!
Ái chà chà!
Ai là người tám vạn bốn ngàn
Thế gian chẳng có liêu nhàn hoa u!

Thủ Nhật đọc xong rồi ra về. Tri phủ cưỡi bão:

- Con vượn già này có thể nói là rất giỏi phép thần thông biến hóa, sao lại có thể bị Diên hòa thương chỉ nói một đôi câu, rồi tắt nhẹ đã chết? Nhưng cái chết cũng rất lạ kỳ. Sau khi vào lửa, rõ ràng ta còn thấy nó nhanh tay vái lê ở trong mây rồi mới đi. Đó là một cung án!

Dấy là chuyện ở Hô Viên động, thời bỏ qua không nói nữa!

Giờ nói tới Lạc Tân Vương, đặc biệt vô tam tích; tất trong
làng thơ sẽ thiếu hẳn một người tài, chẳng ngờ sau đó mấy
năm, lại xuất hiện một tài tử, tên gọi là Tống Chi Văn.

Tên tuổi Tống Chi Văn cũng chẳng kém gì Lạc Tân
Vương. Nhưng lúc này nhìn thấy nữ chủ Võ Tắc Thiên làm
triều, tung hoành dâm dục, không coi ai ra gì. Trong triều
đinh duy chỉ có một người tên là Trương Xương Tông và một
người tên là Trương Dị Chi, là hai người được Võ hậu yêu quý
nhất. Lúc đó Tống Chi Văn tuổi nhỏ tài cao, cũng có lòng
muốn được quý trọng, bèn làm một bài phú "Minh hà" để ngỏ
ý mình. Võ hậu xem xong, mỉm cười nói:

Ý thơ tuy đẹp, nhưng vẫn là giọng nói trẻ con.

Nên bỏ không dùng Tống Chi Văn phản ghét không chịu
được, liền bỏ quan mà đi du lang bốn phương, lấy thơ rượu
làm vui. Một hôm đi đến Tây Hồ ở Hàng Châu, leo lên hai núi
Nam, Bắc rồi di dạo một lượt. Bởi yêu quý cảnh đẹp chùa
Linh Ân trên Phí Lai trong suốt tú lệ, bèn ghé vào chùa nghỉ
trot để đêm ngày quan sát sự diệu kỳ của cảnh vật.

Vốn ngọn núi ở sau chùa Linh Ân rất cao gọi là Thủ Linh
từ dưới trèo lên rất khó khăn vất vả. Mà trên núi lại có lạch
nước lúc nào cũng chảy xuống, không cần các sư phải đi gánh
mà nước vẫn tự chảy vào bếp nấu cho các sư dùng. Mặt núi
nhìn về phía đông mặt trời mọc chiếu thẳng vào, khi nước
triều sông Tiền Đường dâng lên, nhìn quanh thì thấy như
cảnh tiên hiện ra trước mặt. Lúc đó Tống Chi Văn ngán nín
không được hết, lòng yêu mến vẫn còn dư, muốn làm một bài
phú để ca ngợi cảnh đẹp của Linh Ân. Cảnh giới ở đây, cái
hùng vĩ thì thật là hùng vĩ, cái huyền ảo cũng thật là huyền

áo. Có thể rất đáng cho vào thơ tất cả, nhưng không biết bắt đầu từ đâu, cứ suy đi nghĩ lại, chưa tìm được câu nào hay cả. Thời tiết lúc ấy là mùa thu, đêm trăng sáng vàng vặc, tùng trúc với suối đá rơi chiếu vào nhau. Tống Chi Văn ngâm mãi không muốn ngủ. Do đó đi dạo theo hàng cây, chỉ cảm thấy bóng cây dịu dàng khà ái. Nhưng tiết thu làm cho con người cảm thấy hơi lạnh lạnh, bất giác khe khẽ ngâm một câu thơ:

Bên núi sác cây ngâm gió lạnh

Tống Chi Văn ngẫu nhiên xúc cảm ngâm câu này. Đang muốn nghĩ thêm một câu khác để hợp thành một câu đối hay, nhưng lúc đó không sao nghĩ ra được. Do đó miệng ngâm câu này cứ đi đi lại lại quanh quẩn ở trước điện. Bỗng nhìn thấy ở trên điện, dưới đèn ngọc lưu ly, trên bờ đoàn⁽¹⁾ có một vị sứ già đang ngồi ở đó, nhìn thấy Tống Chi Văn cũng không đứng dậy, chỉ cảm thấy người đó muốn ngâm mà không ngâm được. Không nhận được liền hỏi:

- Lang quân tuổi trẻ đã muốn ngâm thơ, phong cảnh đều ở miệng ta cả, sao lại hờ hờ vất vả tìm đâu?

Tống Chi Văn nghe xong, bất giác vô cùng kinh ngạc nói:

- Ngoài Lư, Lạc, Vương, Dương ra, tôi cũng xin coi ngài là một dương kim tài tử.

Thế nhưng vị hòa thượng này mở miệng nói đã khinh bạc như thế vậy? Muốn gào thét quát mắng ông ta, lại thấy ông ta nói tuy có vẻ cười cợt khinh miệt, nhưng lại có vẻ chỉ là lối nói trên cửa miệng, mà thực chất lại có ý nghĩa, nên lại hỏi:

(1) Bờ đoàn là cái đệm hình tròn kết bằng cổ hương bờ để các nhà sư ngồi thiền hoặc quỳ vái.

- Phải chăng sư phụ cũng biết ngâm thơ?
- Ngược lại, lão tăng trả lời:
- Thơ của lão tăng mới nghĩ được ra.
- Sao không đọc lên để cùng nghe?

Lão hòa thượng đọc:

- Suối reo trên đá duợm mưa thu

Tống Chi Văn thấy lão tăng đổi lại một câu sâu sắc, huyền ảo, bất giác kinh ngạc nói:

- Té ra lão sư phụ vốn là một nhà thơ, đệ tử con thật là thất禮, xin nhận cho con một lạy.

Vái xong lại hỏi:

- Lão sư phụ đã xuất khẩu thành thơ, tất nhiên là trong lòng nhất định chưa đầy đạo lý. Đệ tử con nhìn thấy suối đá chùa Linh Ân dẹp đẽ tuyệt vời, muốn làm một bài thơ để ghi lại cảnh đẹp ấy, tuy nói chỉ ở trên cửa miệng, nhưng nhất thời con nghĩ chẳng ra, chỉ làm được có hai câu đầu. Xin sư phụ dạy bảo không biết có thể giúp con hoàn thành câu đó được không?

Lão tăng hỏi:

- Đã có hai câu? đọc nghe thử!

Tống Chi Văn liền đọc:

Núi Tựu thơm chót vót

Cung Long khóa dùu hù

Lão tăng nghe xong, không cần nghi ngờ, bèn thuận miệng đọc:

- Sao không tiếp:

Lầu xem biển xanh mọc

Cửa đối Triết Giang triều!

Tống Chi Văn nghe xong càng thêm kính phục nói:

- Lão sư phụ quả thật là bao tiền bối kỳ tài. Độ tử sao sánh nổi một hai. Lão sư phụ đã ló ra một chút sao chẳng tác thành cho con để ngồi ca tháng cảnh Linh ẩn?

Lão Tăng nghe lời nói ấy không nỡ chối từ, liền đọc tiếp:

Quế từ trăng rụng xuống

Hương trời trời theo mây

Treo lên tháp vịn cây

Thâm suối xa chẳng thấy

Sương bạc hoa nở nhiều

Bằng nhẹ lá dần tung

Tuổi cao biết nhiều lả

Khoác áo tránh bụi theo

Chờ tối Thiên dài lờ

Xem ta qua Thạch kiều

Vì lão tăng ấy không phải suy nghĩ, thuận miệng đọc hết bài.

Tống Chi Văn nghe xong mới phục lamen ra, nói:

Giai tát⁽¹⁾ của lão sư phụ, thành điệu hùng hồn, mà ta khúc triết, quả thật đã nổi tiếng trên thi đàn như cùng thời với Lu, Lạc, Vương, Dương vậy! Quyết không phải là ngẫu nhiên phát ra những câu thơ lão tăng xác tích như vậy. Không biết vì sao lại thâm nhập vào đường Phật?

Vì lão tăng nghe thấy hỏi vậy, chỉ khẽ khẽ thở dài, mà không đáp. Tống Chi Văn biết có ý gì đây, nên cũng không tiện hỏi thêm nữa. Nhưng nhường sớm tối với lão tăng ở trong chùa, cùng hàn huyên, ngầm quan sát, thầm tim hiểu, mới biết được vị lão tăng ấy chính là Lạc Tán Vương. Muốn hỏi

nhà Ác (nhà ác) là nhà ác.

nhà Ác (nhà ác) là nhà ác.

(1) Giai là dẹp, tác là hay, Giai tát là tác phẩm hay.

Chỉ đáng tiếc là sự nghiệp của Lý Kinh Nghiệp không thành, làm di sản huyễn mộng phiếm công lao đạo hinh "Thiền sư trú tam" (1) của Lạc ngự sù, làm cho bao người xót xa, thất vọng dứt quẩn đứt cu đứt lõi đứt tím đứt đứt rát đứt lõi đứt ion. Vị Lão tăngache xong, hết giờ nhύ đồng mây mờ mịt và iệu. Đó là một cảnh mây nổi từ trời qua. Cửu cồn mồm đất dâng khói mù rải rác trên đồi đán, khói mờ mèo bao phủ kín đất quanh mít. Đến ngày hôm sau, khi Tông Chí Văn thu Mô tang kiết trù truyện thi đã không biết người đi phương Bắc. Chỉ khi Tông Chí Văn đi khỏi, vị lão tăng ấy mới tiến về chùa Lô cát trong cửa gác rất nhiều nhà sú ốc, tách riêng với người oay ổi. Bởi lão tăng có cảm thạo nết lối giao tiếp, tóm ôi lão là ẩn sĩ khét tiếng (2). Hương sot trèo the may (3) non sút mèo ẩn tuig non bên đặt tên một gian phòng là "Thiền Hương viện" rồi mời lão tăng vào ở trong đó.

Lại trôi qua một thời gian rất lâu, bỗng một ngày, người không bị đau ốm mà lặng lẽ qua đời. Mọi người truyền nhau nói người ta được chính quái (2) Trần thế tuy đã tối thay nhưng thiên hạ vẫn lưu truyền lại một bài thơ gọi là Cảnh sắc ngan dời của Linh Ân. Và từ đó không một ai dám trực tiếp làm thơ về cảnh chùa Linh Ân nữa, vì thế cho nên mới gọi là **Thi Tich**.

(1) Sâu sắc đến mức ngàn đời.

(2) Nguyên bản: "Thiên hương văn ngoại phiếu".

(3) Tu luyện ngộ đạo

CÔ SƠN ẨN TÍCH

Ta thường nghĩ, con người sinh ra ở trong trời đất, đều có dù mặt mày râu tóc, lại tồn tại cả họ lán tên, đó là điều rõ ràng, đâu có gì tàng án. Cái gọi là sự tàng án của con người đó là tính tình: tính thích sâu sa, tính u ám lặng lẽ, tính quên sự thanh nhàn không muốn sống trong vinh hoa phú quý nơi trần thế để mai một cuộc đời. Tuy chả muông thú vật không thể ở cùng người, nhưng vẫn gửi thân trong nhân gian, chúng đâu có ham chuộng bạc vàng tiền của? Trái tim chúng chỉ khát khao nhất là bầu trời. Nơi chúng vào ra gửi gắm đó là rừng núi, mà đặc biệt là thích lao vào những luồng gió cao rộng, khoáng đạt. Đó là cái ẩn của chúng. Tuy nhiên, chữ ẩn chỉ có một, nhưng cái ẩn của tính tình, cái ẩn của thời gian, cái ẩn của nơi chốn, chắc hẳn phải hơn hai. Cái ẩn của Sào, Do là sự trốn tránh thiên hạ. Cái ẩn của Kinh Man là sự nhường đất nước. Cái ẩn của Thư, Nịch là sự trọng sach của xác thân. Cái ẩn của bấy người là cái ẩn tránh thế. Cho nên, "thường cúc tú lu"⁽¹⁾, đều có suy tư cảm giác khác nhau là vậy. Nhưng có một người không có cảm giác gì, chỉ thả tâm hồn mình vào nơi âm u tĩnh mịch hoang vắng thanh nhàn để làm kẻ án dật. Duy chỉ có Lam Hòa Tịnh tiên sinh ở vào đời Tống là tiêu biểu nhất.

Tiên sinh tên Bô, tự là Quân Phục, Hòa Tịnh là hiệu húy của tiên sinh, người Tiền Đường - Hàng Châu. Trước kia tiên

(1) Ngâm hoa cúc nghĩ tối vị cá mè.

sinh có tên là Khắc Kỷ, từng làm quan Thông nho học sĩ đời Tiền Lưu vương. Nhưng Quản Phục còn trẻ, lại côi cút cô độc nên không được cất nhắc. Khi lớn lên tiên sinh lại nhạt nhẽo không quý trọng quan trên, chỉ dốc chí vào việc học hành. Các sách kinh sử của chư tử không quyền nào không thông hiểu. Trong khuôn khổ đức độ của giọng giồng, sống trong gia đình cảm thấy buồn tẻ, liền đi du lịch ở vùng Giang Hoài. Đi đã lâu, thấy con người chỉ thích trực lợi, chạy theo bá vinh hoa, hoàn toàn không thích hợp với mình. Hơn nữa sự tươi đẹp của núi sông không đâu bằng Tây hồ, tiên sinh liền vội vã quay về, nghỉ ở nhà. Nhưng cảnh nhà nghèo khổ, những đồ cần dùng hàng ngày như cơm áo cũng không đủ. Quản Phục sống mà như đã chết. Có người khuyên tiên sinh nên lấy vợ, lại có người khuyên tiên sinh ra làm quan. Quản Phục đều không nghe. Tiên sinh tự nghĩ rằng:

- Con người ta sinh ra cái quý nhất là hợp với chí. Chỉ mà thích thì đó mới là cái quý của ta. Mà cái chí ta thích không phải là gia đình nhà cửa, không phải là công danh phú quý. Ta cảm thấy chỉ có non xanh nước biếc là tương hợp với tình ta. Dành chuông gỗ trống, gẩy đàn ca hát, không thể nói là không hay. Theo chí của ta suy xét thì hoa nở đẹp đến mấy rồi cũng rụng cánh, đời cũng phải ăn và còn cười "Cử án tè mì"⁽¹⁾ là lâm chuyện. Nhiều gấm trường vàng không thể nói

(1) Cử án tè mì: Nói cảnh vợ chồng giữ lẽ, vốn là câu chuyện Lương Hùng đời hậu Hán với vợ là Mạnh Quang. Nàng Mạnh Quang là vợ Lương Hùng, mỗi lần bụng cõi rau thức ăn cho chồng đều nâng mâm nâng cao ngang tầm mắt để biểu thị lòng cung kính. Sau này dùng hai chữ tè mì để vi hai vợ chồng tôn kính lẫn nhau.

là không vinh hiển, nhưng theo ta nghĩ thì cảnh này nái vẫn thích hơn. Chỉ đáng xấu hổ là con người trào phúng không có tài mà thôi! Khi xưa, một nhà sư tu hành ở đây, một lần đánh gãy đòn rìu.
Trong lòng Hòa Tịnh, tồn giữ quan niệm đó: Tiên sinh dù chí không Mỹ vocation, cũng không làm quan, vung vẩy kiêu ngạo như sáu đá. Nhưng sau này, đây là lối mòn cũ, người ta bắt
Lại qua thời gian lâu, tiên sinh cảm thấy những cái nhìn thấy, những điều nghe được ở thành thị, so với sự thoải mái để chịu ở rừng núi không thích hợp chút nào. Cho nên sớm tối ông đã lên hồ chọn một mảnh đất để ở. Lục Kiều hóng, lấp
đi áo. Lưng Phong cõi đơn, cao chót vót lại hữu quanh. Thiên
Trúc, Lịch Tựu đã là nơi ở của sứ sai. Thạch Óc, Yên Hà đều
bị các đạo sĩ già chiếm giữ. Phong tám mặt nhìn, núi non
xanh thẳm trùng điệp bao quanh bày ra như những bức họa.
Mặt hồ phảng lờng như gương trong xanh mây vạn mẫu, có
thể dung bao quát toàn bộ cảnh dãy của hồ, có thể thoái mái
vọng nhìn bốn phía duy chỉ có Cố Sơn. Quan sát kỹ thi ở đây
núi phản ra, nước hợp lại, như gần gũi, như xa xăm, đường đi
khắp, cầu thông liền, không nồng, không sâu rất hợp với lòng
người. Tiên sinh đã quyết định dừng chân lại, trú ngụ ở đây.
Do đó, người ta đặt cỏ lấp lèu, che trúc dàn phên.

Quan Phục chọn được nơi này để ở, tam hòn thoái mải,
không chút băn khoăn. Do vậy buổi sáng được đứng ở trên
núi cao như lầu, buổi tối được nằm trên phiến đá, cuốc đất
trồng hoa, trồng cây theo ý. Chưa đầy ba bốn năm mà
phong cảnh trên Cố Sơn đã khác xa ngày trước, Phạm những
du khách tới thăm cảnh hồ không ai là không thích dừng gót
ở nơi kỳ diệu ấy để hưởng thụ cái cao sang của sự an đạt. Vay

như lời Lão Tử nói:

mà Hòa Tịnh không biết được điều đó, vẫn chỉ viết chữ để thơ làm vui. Tiên sinh rất giỏi viết kiếu chữ thảo, nét chữ rất đặc đáo, làm thơ nói lên sự trong

tráng đậm bậc của Cô Sơn, tự viết cái chí của mình, tuyệt nhiên không lặp lại những điều nhảm thừa của người khác, cho nên mới được lưu truyền đến nay, được người người trân trọng. Khi đó có quan thú Tiết Anh Kính rất thích thơ của tiên sinh. Lúc việc chính sự thư nhàn, thường lui tới Cô Sơn, sướng họa với tiên sinh. Hòa Tịnh không kiêu ngạo không tự ti, cứ giao tiếp bình đẳng với hán. Ngược lại, cũng chưa hề có một lần nào vào thành xin yết kiến với hán. Tiết Ánh cũng tha thứ mà lại càng kính trọng hơn.

Hòa Tịnh quyết không coi những người quyền quý có địa vị cao sang làm trọng, mà chỉ lo liệu các chuyện vui thú trong nhà, ở trong vườn. Dào tươi mận thắm, đỏ xanh vàng tím, xuân lan thu cúc, nguyệt quế phong hà, không phải là không thích trồng. Nhưng duy chỉ có hoa mai là được ông yêu quý nhất. Trên cao dưới thấp, sườn non cạnh suối, quanh nhà ven hào, không đâu là không có mai. Hòa Tịnh yêu nhất chỉ yêu một loại mai sắc trắng khắp thân, hương thơm vị mát rất



hợp với tính tình của Ông. Kể từ đó, theo năm theo tháng, bất giác vừa vặn đã trồng được ba trăm sáu mươi gốc, liền nghĩ:

- Con số này là con số tròn của một năm. Một năm cùi gạo có thể không lo lắng gì nữa! Quả là trời xanh đã không nỡ bỏ rùng của Lâm Phục ta. Cuộc sống hàng ngày của ta, há chẳng phải ta đã thu lợi từ rùng mai đó sao?

Thế rồi lấy một cái bình, mỗi cây mai thu lợi được bao nhiêu ông liền gói lại, bỏ vào trong bình. Ba trăm sáu mươi cây là ba trăm sáu mươi gói. Mỗi ngày lấy ra một gói, mở ra được bao nhiêu tiêu bấy nhiêu. Nếu lấy được gói năm phân thì tiêu năm phân. Nói tóm lại là tiêu nhiều ít tùy số số lợi thu được của mỗi cây mai, lấy đó làm mức chí hàng ngày. Mỗi khi gặp kỳ hoa mai nở rộ, liền cả thang ông không ra đến ngoài. Ông chỉ say sưa với thơ với rượu ở trong lều. Quả thật là các bậc vua chúa cũng không được vui sướng như ông. Những câu thơ nói về mai rất nhiều, được truyền tụng nhiều nhất là các câu:

*Ánh thưa ngang rủ dòng trong biếc
Hương thản lay động ánh trăng chiều*

lại có câu:

*Sau tuyết vườn rồng cây mới nở
Dưới dại bên nguồn thoát cành ngang.*

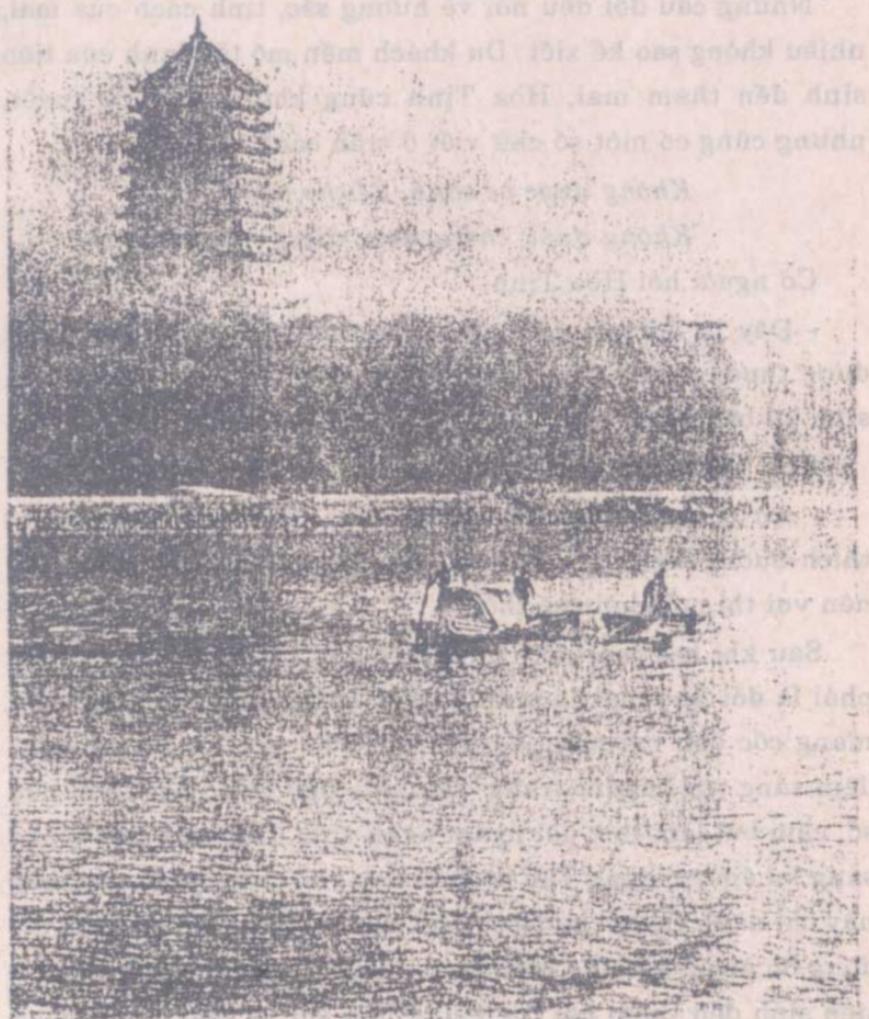
hoặc là:

*Nhin xuống mặt hồ cây động ngược
Bên thềm lá luốt một cành non.*

lại có câu:

*Nhuỵ sợ lụa là dành cắt vụn
Cuống ngung sáp đỗ vá cành tươi.*

Cholon Pagoda Six Harmonies Pagoda



Cholon Pagoda Six Harmonies Pagoda

lại có câu:

Nhang cách khói mây tranh tinh mịch

Nửa vùng tàn tuyết chẳng hon tình.

Những câu đối đều nói về hương sắc, tính cách của mai, nhiều không sao kể xiết. Du khách mến mộ tài danh của tiên sinh đến thăm mai, Hòa Tịnh cũng không kém cự tuyệt, nhưng cũng có một số chū viết ở trên cánh mai:

Không được bẻ cành, để cho người ngắm

Không duối, chẳng mồi, đừng có gian tham!

Có người hỏi Hòa Tịnh:

- Đây là lèu của tiên sinh, mai của tiên sinh, mai của tiên sinh được thương thức. Tuy không cho người ta bẻ cành, nhưng mai của tiên sinh lại bao người ta khóc cắn, không cho được.

Hòa Tịnh cười nói:

- Ăn cáp có nhiên là không được phép nha. Tôi không thích hương sắc của mai vì tôi đã không phải là con người, nên vui thì nói chơi thế thôi.

Sau khi hoa mai nở, chỉ sơ tiết trời không đủ sương. Không phải là đốt khô lá mà dần hút hết sáo mủi. Lát sau phải mang cốc đến mà múc lấy ánh hò. Sớm tạnh rào xem mây, đêm sáng ngồi ngâm trăng, sau giấc ngủ trưa, ngồi bên cửa sổ, cầm bút làm thơ, dài ngâm ngắn vịnh. Chỉ thấy trời trong sáng lại êm ru, cùng Tây hồ tươi đẹp vẫn thế. Cảnh như may này chỉ dành riêng cho Hòa Tịnh hưởng, của những người sói động òn ào đâu có thể biết được. Người mến mộ danh tài của tiên sinh đến thăm hỏi, tiên sinh liền vui vẻ tiếp đón, không bao giờ lánh mặt chối từ. Thế nhưng phẩm hạnh của Hòa Tịnh vốn cao, phàm người hùa theo thói tục thì tiên sinh

không dì lại. Tiên sinh coi thường tài danh nên khi tiếp kiến với ai, không nói điều cao sang làm người hoảng sợ, mà chỉ nói vài điều giản dị rồi liền quay gót trở về. Còn những người nào ý có thể hợp, tâm có thể đầu, thì hoặc là viết chữ, hoặc là làm thơ, tài súc tương đương thì thường dì lại chơi bài. Thế nhưng tương đương với tiên sinh Hội có mấy người? Cho nên tuy Hòa Tịnh tiên sinh không trốn tránh người, mà phần nhiều người ta lại tránh tiên sinh. Thế nhưng các vị bao táng, các bạn thơ vẫn cùng tiên sinh qua lại. Mỗi khi gặp cảnh nước non tươi đẹp, Hòa Tịnh thường không ở nhà, liền nghĩ ra một cách là mua đôi chim tiên hạc, đặt ở trong vườn, nuôi dạy cho thuần, liền thả cho chúng bay vút lên trời mây, mãi lâu sau chúng lại bay trở về lồng. Hòa Tịnh vui mừng nói:

- Tiên hạc là con của ta đó!

Liền làm một câu thơ:

Xuân tinh bến cò đóm khách la,

Mùa lạnh dưới thềm mong biển xanh.

Hồi đó khách quý khắp bốn phương, không quản xa xôi ngàn dặm, tới thăm Hòa Tịnh rất đông. Thế nhưng Hòa Tịnh tinh tinh khoắng dat, trừ những ngày hoa mai nở rộ, đóng cửa không ra ngoài, còn các ngày khác tiên sinh thường ngồi trên chiếc thuyền nhỏ, ngao du khắp hồ khúc, suốt ngày không về nhà. Đặc biệt là không ai có thể biết tiên sinh ở đâu. Dùa đồng tử coi giữ nhà cũng không thể biết được tiên sinh ở đâu. Từ sau khi nuôi được tiên hạc, lại thấy hạc biết rõ tính người, mỗi khi hạc muốn ăn muốn uống, thường gục đầu hót líu lo trước mặt Hòa Tịnh. Hòa Tịnh sớm ra đi, tối trở về, hạc thường ra chào đón. Bởi thế đã thành thói quen, nếu nói

với đồng tử:

- Nếu có khách từ xa tới vội và không thể gặp được ta. Tạm thời hãy mời khách ngồi chơi, rồi thả ngay một con hạc ra cho nó bay vút lên trời. Nếu ta nhìn thấy hạc liền biết ở nhà có khách, ta sẽ quay thuyền về ngay. Như vậy thì các khách quý của ta sẽ được hài lòng.

Thừa tướng Vương Tùy lấy việc được mùa ra thăm Hàng Châu. Khi đến, nghe tin Hòa Tịnh làm lều cỏ ở, nên đã đến thăm tiên sinh. Vừa gặp, Vương Tùy đã nói:

- Ân sỉ sao không ra làm quan?

Hòa Tịnh đáp:

- Không phải không muốn ra, mà là không có tài để ra.

Vương Tùy nói:

- Cần phải có tài gì?

Hòa Tịnh đáp:

- Trên hết lòng vì vua, dưới ban ơn cho dân. Kẻ sống ở nơi cỏ rác này sao có thể làm được như vậy?

Vương Tùy cười đáp:

- Ta nghe nói những người đi ở ăn đều cùng một đạo, lấy núi rừng làm nơi kinh bang tế thế, cũng tức là mưu định cho triều đình.

Hòa Tịnh đáp:

- Tài của Bô chẳng qua chỉ là vụn tròng hoa trái, nuôi dưỡng cá chim và ngâm sơn vịnh thủy mà thôi. Bô tuy bất tài, nhưng cũng có thể làm thơ phú, tia tốt chữ nghĩa văn chương.

Vương Tùy thấy vội hài lòng đối với cảnh đẹp của vườn

rừng và những vần thơ gieo ở nơi đẹp đẽ kinh sợ này. Thấy Hòa Tịnh nói ra lời thanh tao cao nhã, đặt bút thành thơ, văn học cao siêu, mới than rằng:

- Cao danh của Lâm tiên sinh, quả là có thực!

Nhin thấy gian lều ông ô, hơn được cái chuồng nhưng kém cái nhà, nên xuất vàng bạc tiền lương của mình ra để dựng mới cho ông một căn nhà đặt tên là Sào Cú các, Phóng Hạc đình, Tiểu La phủ. Công trình hoàn thành, tiên sinh đã gửi lời cảm tạ Vương Tùy như sau:

*Được on xây dập, mặt mày biến sắc, chim
vượn khiếp kinh.
Đau ngò nai đất nghèo cùng khổ
Lại được vững vàng muôn đời bất hủ, muôn
thuở chẳng đời.*

*Xưa kia, danh hiền ông to lớn tuyệt vời
Vân ngó nhìn xuống xó đất bùn cùng tâm tôi
Vân lo cho đất suy, cây cành cối
Bát quá chí một phen gác, một túp lều
Từ ngàn xưa chưa từng có gót ngọc bước qua
Muốn tôi xem phai vòng quanh bước
Giữa cảnh hoa chen chúc, quả đầy cành lá lướt
Chưa bao suy nghĩ phong nhã, ân tàng.
Ngắt đẽ tài dĩ mới thành biến trúc
Cảnh núi sáng lạn vững vàng
Đẹp hồng nhu chất dày ngọc quý
Ngọc đá giao nhau, trạm hoa tượng ánh
Cây quý trồng nhiều, hổ vào rừng rậm
Niềm tin có thể đoạt được màu xanh của núi sòng*

quát và vén bì *Lâm trùn* với bối cảnh *Nguyễn Dân* / ẩn dưới
và *Tử* là trù diệu tiếng vang. Hòa Tịnh là một vị cao僧 càng
tỏa rộng, có người tau đến kinh vuôi. Năm thứ năm, Tường
Phù, vua Chân Tông biêt tình không ngán, khen giỏi, bèn
giáng sắc tái các phủ, các huyện, lệnh phải dem yết, vóc lương
thực, tái châm sác, nuôi dưỡng ơng. Hòa Tịnh tuy cảm động
với thánh ân, những tuyệt đối không vì thế mà kiêu ngạo với
đó. Có người đã khuyên ông: (gõ) ười n. l. n. ò. H. H.
- Thánh an đã dái với tiên sinh long trọng đến phụ vây,
sao không ra làm quan để thừa hưởng?

Hòa Tịnh đáp:

- Vinh hiển chỉ là bụi danh, Quan chúa là mệt nguy hiểm.
Làm sao có thể sừng sững tồn nghiêm như hai ngọn núi kia,
làm sao có thể trong biếc như sắc hồ kia. Ta cứ ăn uống, nằm
ngồi ở trong khoảng trời xanh, ấy chẳng phải là sự hưởng thụ
sung sướng đó sao? Còn như phòen họa chỉ là gieo mộng ngắn, ở
nơi tham lanh này, mai là những ngày dài. Ta quyết không
dám đem cái này để đổi lấy cái kia.

Nan da, mèo, gau, tho, lep, tường

Bòi, hắc, chư, khai, tui, á, quen, châm, out, A

nhất, nh, đan, Kén, đinh, noi, dày, khói, phòen, tim, mìn

, Thắng, qua, Thiên, Trúc, đồng, suối, chí

Cầm, chí, mờ, oay, lán, im, lùm, kh, mìn

Thơ Hòa Tịnh phẫn hồn, là những câu giài lá, rất nổi
tiếng, nhưng ông, tùy tiện làm ra, nói tùy tùng, vút bỏ. Có
người thấy thế, lấy làm tiếc, nói: Anh ơng, nh, oay!

- Thơ là vật phong nhã, được con người phong nhã gìn giữ
lưu truyền, đó là niềm vinh hạnh của nhà thơ. Những câu thơ

hay của tiên sinh được con người thương thực, sao chép để
tôn giữ đến mai sau. Sao tiên sinh là để dang vút bỏ cõi hồn
và để nêu cao tên tuổi đất nô Hán sáu nghìn năm -

Tình và cảnh giao thoa phải do mình. Muốn thế để nói
hở, vốn cái đó không phải của ta. Hơn nữa ta ở nơi tam tổ,
lại muốn hay theo họ? Cảnh, thế chẳng phải là điều trái
ngược lòn hay sao?

Quan Thị lang họ Lý, ta công canh ở Hàng Châu, là người
thanh cao trong sạch, ghen thui tặc nhữ nhằng, da cam trai
gái bón cột trên hồ, ban thanh minh tung không bao giờ đặt
chan tới bờ hồ. Bỗng một hôm trời ẩn, tuyết nhẹ, tự nhiên
ông muôn ra ngoài thành và a cảnh. Mọi người đều nói, ông
đã làm chủ Tây hồ, chia sẻ mọi đặc vị tan khép tới hồ hợp
mặt. Ai ngờ không phải vậy, long lanh tới Cố Sơn thăm hỏi trò
trayes với Lãnh anh si tiên sinh, đến với mồi tro và T

Hoa tinh bối không lay vỡ, tên không có con. Con trai
của hươu anh tien sinh là Lam Hưu, được tiên sinh dạy bảo
rất tận tâm nên đã đỗ tiến sĩ giap khoa. Có người đã phán
bắc là hươu sinh nết, nghĩa con non iòn kím bùn quèt ấy mới là quỷ
Ban than minh là cảo ái, tại đây chau dang khoa, the m
vinh hay nhục?

Hoa Tình dập: Ông là tên người con gáiница, dưới nh mói thời

- Không phải vinh, cũng không phải nhục. Bởi tinh thần của mỗi con người đều có sở thích hợp khác nhau. Điều thích hợp là vinh. Điều không thích hợp là nhục. Không thể gộp vào mà hỏi được.

Vào hồi đó, Hòa Tịnh tuy ở ẩn tự sống, thế mà Mai Nghiêu Thần thường nói:

- Tri thức của Hòa Tịnh rất cao siêu, bàn bạc tất là Khổng Mạnh, ngữ văn tất là Hàn Lý, học rộng hiểu nhiều. Gửi thiệp thơ ca của ông tới triều đình, nhất định sẽ được trọng dụng.

Từ đó trở đi, hễ nói thì ai ai cũng khuyên tiên sinh ra làm quan. Hòa Tịnh nghe thấy, chỉ mỉm cười mà thôi. Và cũng từ đó cái danh đại án ngày càng chấn động vang xa. Cùng thời đó, Phạm Trọng Yêm cũng có thơ gửi tới Lâm án sĩ:

Trái tim cao tya trắng bồi hồi,
Đau phái nghìn chung xuống điều dài
Còn cười mây trắng sao tự tại
Chờ mưa xuống núi, vượt ra ngoài!

Các nhà thơ nổi tiếng thời đó như Trần Nghiêu Tả, Mai Nghiêu Thần, Cung Tông Nguyên v.v... đều có thơ ca ngợi Hòa Tịnh. Hòa Tịnh nhìn thấy vẫn lạnh nhạt tướng thơ làm cho ai chứ không phải cho mình. Ông chỉ lấy giò hoa trắng tuyết để vui suốt bốn mùa, đi khắp đông tây nam bắc để hưởng trápm vẻ đẹp của của núi non sông nước. Khi dương mọc, lúc chiều tà, mát nhìn cảnh sắc chùa lạnh lẽo, chuông đệm ngân để ý lắng nghe.

Hoa thơm da tình, nhìn ngua lồng trên bờ đê
qua rặng liêu
Ngày dài vô sự, ngồi ngâmhoa ngâm cá dưới
hồ trong,
Pha nước chèng tiễn, tạm đến quán rượu thay trà
Dưa cây đã lâu rồi lại vào chùa vãn cảnh

*Đi dạo Lục Kiều để thưởng thức hương sen
mùi dâm*

*Trăng tròn tháng tam tết, dao quế phách ba canh
Uống rượu trước hoa, không cần người tiếp
Nghe caanh qua rặng liêu, dì lại vướng gi.*

Nuôi hạc trồng mai đó là nghiệp lớn. Cho nên Hòa Tịnh
tiên sinh vẫn nằm cao trên núi, chấn chuông đặt gót mà
thành. Hơn ba chục năm trời, không một ngày không sương
vui đầy đù. Tiên sinh thành tâm ở ẩn, chứ không phải chuyện
bất ý già dối. Làm sao biết được? Biết được do đọc thơ của
Ông. Thơ viết:

*Hua theo thói tục là phản đạo
Giận thần nghèo bệnh chính lừa trời
Vân chuông truyền dạo, trường thiên có
Gạt bỏ ẩn áo, ta ẩn thời!*

Đọc thơ Ông, từng chữ đều thấy Ông vui với cảnh ẩn dật.
Khi đã già, sợ cháu và con cháu của cháu, không giữ được ý
chỉ, liền tự xây một ngôi mộ ở bên lầu trên Cô Sơn, để thấy
rõ chuyện về ẩn ở Cô Sơn của Ông. Trước tiên trong tường
nhà đã nhìn thấy Thiên thư ở Thủ Thiên môn. Lúc ấy các
quan đại thần như Vương Khâm Nhuệ v.v... đều mời Phong
Thiền Thái Sư ra để khoe với người ngoài nước, ba hoa về
triều chính lúc đó. Cho nên lúc Hòa Tịnh sáp mặt đã từng
làm một bài thơ tuyệt cú để tự minh chứng ý chí ngay thẳng
của mình, còn mang theo ý vị châm biếm đương thời nữa.
Thơ rằng:

*Núi thẳm bên hồ dựng lán tranh
Đầu mộ rào tre cũng rủ mành*

Vì sao chàng có phong thiên quanh!

Đại diện xem xét điều kiện và số lượng nhà xuất xe trên thành phố

- Ta sáp yết định! Phút nay ta Nam Sơn phái bắc Bắc Sơn,
May hao hao và làm thế khai giao là ôb iem groti oai iao
Làm Lai mâu vui mừng cây trống rồng mai mèo nêu mrie nết
gabu Ba chét ném May tan được hương tan thành dae tua Mai,
kéva dír kai ta tay der di tay Mai xao xao, tay Mai cùi heo
méo vòi vòi gòi gòi Biri groti groti groti mài iob big y là

Thế là người thanh thản ra đi, không đau khổ

Con cháu chia nhau, khi già lòn non, mồ côiREN TÁNG. Được biết khi Hỏa Tinh chúa đặt tên là OoSem, từng làm khách ở Lam Giang, kỳ ngộ nhìn thấy tên là Lai Khiết, tên gọi là Ly Tu là người trong nhà sang lập triều Lý, và có công lớn cho đất nước, không ai biết tên. Dùy là Hỏa Tinh và là linh hồn sinh thiêng dà của phái mà bà thường okre tuốt phèn cung. Vì thế Ly Tu là bà sau với tên Hỏa Ngòi, và sau đổi làm tên cho Tần ty. Khi bắt ngòi bỗng chui ra tám ty, ông ta là kiếp quái Thái Thú & Hằng Chaop, nên người ta name sau Lam Quán Phèn tên sinh da dan áo, marsh lửa này top Hằng Chaop chúa có thể được bà ôm tròn. Sau khi tu thiêm số, việc cung đài her, ông ven tham hời tin tức của Lam Quán Phèn. Một ngày da met kín Lai Khiết là một cách đây vài tháng

Lý Tư nghe tin, kinh ngạc nói:

- Tôi là Lý Tử, thừa thám án được đến Hàng Châu, một

là để thương thức cảnh đẹp của Tây Hồ, hai là có thể được thịnh gián thi phuot diệu. Vì sao? Phuot thời xưa Chẳng ngờ người đã du tiên. Sau Lý Tự và hai bất hạnh đến như vậy? Do đó, người đã mặc áo xô, khóc lóc thảm thiết, rồi dựng một ngôi mộ ở bên cạnh lều để thờ tiên sinh! Đề việc đi tìm các di cảo của tiên sinh, đọc đến bài thơ mà tiên sinh làm chung, tất giác than rằng:

Tiên sinh quả thật là một an si! Phẩm đức của người hưu truyền thiên cổ bất tuyệt ở nơi đây!

Bên dưới những bài thơ đỡ khắc lên đá rời đặt vào trong mộ. Lúc đó Nhân Tông Hoàng đế nghe tin truy tặng là "Hoa Tinh Xứ sì"⁽¹⁾, ban thưởng cho gia quyến gạo năm mươi thạch⁽²⁾ lúa năm chục thát⁽³⁾ để vinh hiển danh tài đại an của người.

Người đời sau mến mộ đức tài cao nhã của tiên sinh đã xây một ngôi đền ở trên lều tranh cũ của tiên sinh. Về sau phục đỗ thần vị cà bà đền thờ, Ly Nghiep hầu, Bách Lạc Thiên, Tổ Đông Pha vào trong một đền lớn hợp lại gọi là đền Tự Hiển. Cho đền này vẫn thờ phung hương khói ngút ngào ngạt bất tuyệt đến muôn đời.

Đến nay, đền Tự Hiển vẫn còn là một lò gốm kín đáo kín kẽ, không ai biết, chỉ có những tên tuổi cao tay gốm sứ mới biết.

(1) Xứ sì: người ở ăn không ra làm quan.

(2) Mồi thạch gồm mươi đấu gạo.

(3) Mồi thát thời cổ là bốn trượng, nay là 10, trượng; mồi trống 10, thát.

SỰ TÍCH PHONG NHÁ Ở TÂY LINH (TÂY LINH VĂN TÍCH)

Kinh thi⁽¹⁾ có câu: "Xuất kỳ động môn, hữu nữ như vân"⁽²⁾ lại có câu "Xuất kỳ nhansen dō, hữu nữ như dō"⁽³⁾. Từ đó mà nhìn thì dù biết ở lầu xanh chật hẹp, từ tùng đã từ lâu, còn như chữ "như vân, như dō" chẳng qua chỉ là hình dung về đẹp đẽ của son phấn, vẻ tươi tắn của gấm lụa, chưa nói tới hương thơm trong sắc đẹp, tài cao trong bút hồng, để lưu danh tới thiên cổ. Cho nên quần áo đẹp đẽ chỉ có thể làm vui trong chốc lát, một khi ngựa xe đã thua đã vắng thì tất là chúng đã chạy vào trong nhà các bạo cao sang. Đó là chuyện thường! Ai ngờ có những cái rất thường mà lại thấy xuất hiện sự linh thiêng của sông núi, thì không thể nói là không có sự biến ở trong, như chuyện của nàng Tô Tiểu Tiếu trên sông Tiên Đường thời Nam Tề đó vây!

Tô Tiểu Tiếu sinh ra ở trong một gia đình kỵ nữ. Cha không rõ người nòi nào. Khi mẹ chết thì cửa nhà nghèo xác, mùi vị của gió trăng rời không biết sẽ ra sao! Cũng may ngôi nhà của nàng ở trên cạnh cầu Tây Linh, ngày ngày được thưởng thức hương vị của sông nước Tây hồ. Lại may, nàng sinh ra có tâm hồn thông tuệ, mặt đẹp như tranh. Từ xa,

(1) Kinh thi là tên tập sách ghi chép lại những bài thơ ca từ đầu thời Tây Chu đến thời Khổng Tử, gồm 305 bài thơ, là tác phẩm vĩ đại thời cổ Trung Quốc.

(2) Ra ngoài cửa động nhìn thấy có nàng đẹp như mây.

(3) Ra khỏi cửa thành, nhìn thấy có nàng đẹp như hoa dã mít

trông nàng như cành liễu dung đưa theo gió sớm, trông gần
đẹp tựa đứa phù dung lúc buối bình minh. Năm mươi hai
mươi ba tuổi, tóc nàng đen nhánh mượt mà, mặt mày như vẽ,
đôi mắt xanh đen. Ai nhìn thấy cũng đều bất giác sững sốt
mừng vui kinh ngạc và nghĩ rằng từ xưa chưa nhìn thấy ai
đẹp bằng. Đến năm mươi bốn, mươi lăm tuổi, không riêng chỉ
có sắc đẹp tuyệt trần, mà còn một diệu kỳ diệu nữa là nàng
chưa được theo thày thụ học. Ai ngờ thiên tính thông minh,
nàng nói ra câu nào đều là lời hay ý đẹp cả. Tay hò lúc đó tuy
cô đẹp, nhưng chỉ là vẻ đẹp tự nhiên, chưa có sự tô điểm của
bàn tay con người, nên đường đi quanh co làm cho du khách
phải qua nhiều vất vả. Từ Tây Linh đi về đông đến Cô Sơn,
nhìn thấy Đoạn Kiều là hết. Muốn ra giữa hò tất phải đi
thuyền. Từ Tây Linh đi về phía tây một dải tùng xanh uốn
khúc lượn lờ chuyển tới tận Nam Sơn, vòng quanh hò phải
mất một hai chục dặm, đi bộ rất mệt nhọc. Lúc đó Tô Tiếu
Tiểu tuổi tuy còn nhỏ, nhưng hiểu biết lại khác người
thường, bởi nàng nghĩ:

- Dàn ông đi lại có thể cưỡi ngựa, mình là cô gái bé bỏng
há lại không biết may gấm thêu hoa hay sao?

Liken báo người đóng cho một chiếc xe nhỏ xinh xinh,
có chỗ ngồi, xung quanh có rèm màn rủ xuống rồi đặt tên là
"Du Bích xa". Xe Du Bích này hình dáng thế nào? Đã có bài
từ "Lâm Giang Tiên" làm chứng như sau:

Ní tựa mây xanh rủ bốn bề
Trường màu trắng phủ cửa làm rèm che.
Bánh xe trạm trổ hoa lan hoa quế
Xe lướt nhẹn tựa thuyền không cần mái dầy

Ngựa chạy không để lại dấu chân, là quái họa
nhất trong trang
Đặng man man như hoa lá, lát luốt tấp đều
sao cẩn thận
Tiếng trống như ngọc ấn, ngọt ngọt hương thơm
lại quính nhí
Chưa cần nhìn thấy mặt đã ngày ngút mè hàn,
lại nết nết
Ngày ngày lướt dưới rặng tùng, lát luốt lát quính
nét quính già
Đêm đêm ở thôn bến nước, lát luốt lát quính
nét quính già
Từ ngày có xe, nàng thuê một người đẩy đi dạo chơi
ngoạn cảnh nói cảnh hởi tự do tự tại chẳng ngại một ai. Ai
nhìn thấy cũng đều cho là kỳ diệu. Họ xôn xao bàn tán
nhéo nỗi. *Cô gái này nếu là con nhà khuê túc phủ quý, bà tại sao*
lại không có người theo hầu? *Làm sao có thể làm cho hàng*
xuất đầu từ điện? Nàng chỉ ngồi ở trong xe, để chờ bao người
khao khát muôn nhìn. Nếu bao nàng là con nhà tiểu nhân thì
chỉ lát bụng phải có chút e thẹn, ngượng ngùng. *Làm sao lại có*
về thân tiền hành điện như vậy được?

Tat cả mọi người đều nghĩ hoặc hoặc chí đi theo sau
xe mà luận bình, mà mò đoán. Tờ Tiểu Tiểu nhìn cảnh
tương dối chẳng nói nang gì, miệng khẽ ngâm câu thơ:
quốc lộ 1A
Yên dần bành bao Yang lieu thừa

Chuong Dồi dì thẳng tới Tay Hồ
đi qua dãy
Xuân hoa thư nguyệt chung muôn hời
đi qua dãy
Nhà & Tay Linh thiếp họ Tô
đi qua dãy
Mọi người nghe thấy vay cũng còn nhiều điều chưa hiểu.
Nhưng rồi xe lướt qua. Ai sad sắc nước dời thi hiếu được rõ
cù chi của nàng. Thế rồi, người nào thích cù thích, thèm cù
thèm, mà không biết bao người đã nhẹ nước miếng xuýt xoa
mấy bạn. Nhưng nhìn thấy nàng tuổi tựa cành non, thời như
ép sữa, không ai dám điện rờ làm điều ống buồm. Vậy thế mà

đã có biết bao công tử tài hoa, hương thân khoa giáp. hoặc muốn mua nàng về làm ca nhi, hoặc muốn lấy nàng làm thiếp, tình nguyện bỏ ra cả ngàn lượng vàng không tiếc, xôn xao đến hỏi. Tô Tiểu Tiếu đã từ chối tất cả. Có một bà mối lái họ Cố đến khuyên nàng:

- Cháu chó có nghỉ làm! Một cô gái con nhà kĩ nữ được gả vào nhà giàu sang phú quý, tuy nói là làm hầu làm thiếp, cũng còn hơn gấp vạn ở nhà, sớm đưa tối dón thỏa sức sướng vui. Hơn nữa với tài sắc của cháu như vậy, sợ gì chàng có nhà vàng đế ở.

Tô Tiểu Tiếu đáp:

- Lời của dì nương quả thật là thương yêu cháu. Nhưng cháu lại có một cái nết là chỉ yêu thích non nước Tây Hồ. Nếu sa vào lưới, chui vào lồng, thì chỉ có thể ngồi ở dưới đáy giếng ngắm nhìn trời, làm sao có thể ngao du Lưỡng Phong Tam Trúc được. Hơn nữa phú quý bần tiện đều do mệnh buộc. Nếu mệnh mình quả có phúc được ở lầu vàng, thì quyết chàng sinh ra ở trong nhà sướng ca. Nay cháu đã đẻ ra ở trong nhà sướng ca, chắc mệnh cháu chàng được ở lầu vàng. Nếu vào cửa nhà quan, tất gặp sư tử Hà Đông⁽¹⁾ tuy chàng ra uy giận dữ thì năm ba con hầu nàng thiếp, nó cũng ghen lồng ghen lộn. Hơn thế, vật hào hoa bóng nhoáng dùng chàng thế bèn, kẻ giàu sang phú quý tình đâu chỉ một? Lao thân vào thì

(1) Nguyên văn "Hà Đông sư tử" chỉ người đàn bà đánh ghen tàn ác (thơ Tô Thúc còn có câu "sư tử Hà đông thét" chỉ người vợ họ Liễu của Trần Quý Thường đời Tống thường giận dữ hung bạo, Tô Đông Pha gọi là sư tử Hà Đông thét, nay chỉ người vợ bạo ngược).

dẽ, chui đầu ra thực khó, sao bằng đem bông hoa đẹp ở trong
rừng vàng, đặt vào giữa chợ để các chàng xem ngắm.

Có mũi dẽ ngửi, mũi nào chàng thích mùi thơm. Có mắt
đẹp nhìn, mắt nào không ưa sắc đẹp. Ngàn vàng mua một nụ
cười⁽¹⁾, liêu hoa nhất định lâm người tranh nhau. Mười
hú⁽²⁾ giành chàng được lâu, những người trăng gió dám dâu
nhịn nhường. Hơn nữa, phấn hương làm đẹp con người.
Cũng như đàn cá thích mồi ngọt ngon. Lời bay theo ngọn bút
son. Sao bằng bái bái búp non suối đào. Sớm đưa chiều dòn
đạt đào. Dạ uyên ương có thể nào bằng chim.

Xuân hồng thu tía dâm chìm

Hai gày chung cội, chung tim yêu dào

Thề nguyên yêu, khéo ngọt ngào

Như ban ngày, dẽ thề nào đổi thay

Quên mồi, vứt cũ được ngay

Như dám mây nổi ngày ngày trời... trời...

Nay vui mai bô, đời không bằng chút nước

giọt sương

Tạm có bông không, nghĩa đời khác chi hoa khói

Tình dã yêu, người là lượt triền miên,

Cười vụng, lén nhìn sinh lâm chuyện

Ý dã quyền dù xấu vẫn ua vẫn đẹp

Thích dừng thích ngồi chàng cản ngăn

(1) Nhất tiểu thiên kim mài: tiếng cười của người đàn bà đẹp nặng ngàn vàng
cũng mua.

(2) Hú: S đầu là một hú

Tựa cửa dâng cười, con nhà danh giá đâu cần
 Vội mà vắng vẻ cô đơn, đâu thoảng vương
 cháng bở.
 Lầu xanh phán đó, cuộc sống sinh nhai tuy
 cháng đường hoàng
 Da tía tóc đen, đâu không phải món hàng lạ,
 nhu mềm ấm áp?

Từ đó cháu nghĩ, với tài của cháu:

Một bút một nghiên, cũng có thể mò được nhà ngọc ở
 quán Sđ. Voi mạo của cháu, thoảng cười thoảng giận, xin thè
 sè xây được nhà vàng ở lầu Tân. Ké nộp tiền, đưa nộp của, sẽ
 không ngọt đánh đổ vân nhân. Ngựa sắc trắng, ngựa sắc
 vàng, sẽ đợi dày trước cửa. Dùng trái tim son trẻ, để toại ước
 nguyện phong lưu. Nếu như có thể làm một giai nhân tuyệt
 sắc ở trong quán kỳ lầu xanh, có lẽ nào cháng hơn làm hầu
 làm thiếp, theo hàng theo thú, khoác chăn mè, ôm xiêm dại ở
 trong cửa ông hầu!

Chí hướng của cháu là như vậy đó. Không biết dì nương
 cảm thấy thế nào?

Dì nương nghe nói thế, bất giác cười, bảo:

Người khác coi lầu xanh là đất oan nghiệp⁽¹⁾ chướng. Té
 ra cô cháu gái của ta đã thấu tỏ nhân tình thế cổ, đã hiểu rõ
 như vậy và đã coi lầu xanh là đất Phật⁽²⁾. Nếu ý cháu đã

(1) Nghiệp: từ nhà Phật tiếng Phạn là Karma có nghĩa là làm ra, đó là kết quả
 của việc làm, lời nói, ý nghĩa v.v... Nghiệp địa (đất oan, nghiệp chướng) là
 mảnh đất oan trái do việc làm kiếp trước mà kiếp này phải gánh chịu.

(2) Đất Phật: Nguyên văn Tịnh thổ là nước của Phật, đất sạch sẽ

quyết thì khôi phái nói nữa. Để chờ thân già này tìm lấy một lang quân có tài có sắc đến cùng cháu gái bồ dưa⁽¹⁾ là được chứ gì?

Tô Tiếu Tiếu nghe xong chỉ trả lời dì bằng một nụ cười.
Thật là:

*Mười phân nhan sắc mười phân tài
Cố sao mưa gió nỡ dập vui
Phải chăng số kiếp đào hoa nhí
Mà cho hòng hạnh mọc tướng ai?*

Một hôm Tô Tiếu Tiếu cưỡi trên Du Bích hương xa đi dạo quanh một vòng bờ hồ, mải mê ngắm quang cảnh nước non, để tiêu khiển tình nhàn. Bất ngờ gặp một lang quân tuổi còn trẻ, cưỡi trên con ngựa thanh thông⁽²⁾, yên bằng vàng, chuông bằng ngọc, từ trong eo Đoạn Kiều⁽³⁾ đi ra. Bỗng nhiên nhìn thấy Tô Tiếu Tiếu ngồi trong hương xa, thân như quỳnh, mặt như ngọc, tựa như tiên xuống trần, chàng sững sốt kinh ngạc, vội nghỉ:

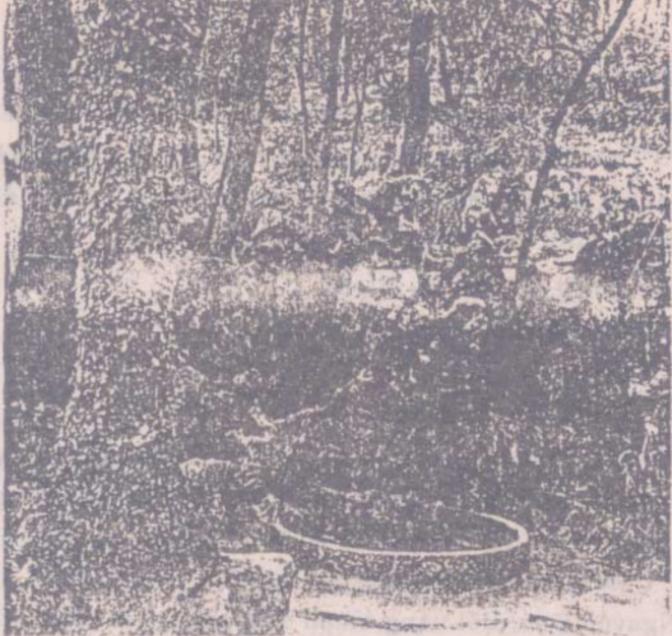
- Có lẽ nào ở trên trần thế lại sinh ra một trang tuyệt sắc gai nhân đến như vậy?

Liền dừng cương, cù mè say lén lút nhìn trộm, hết bên trái lại quay sang bên phải. Vốn Tô Tiếu Tiếu đã nhìn thấy

(1) Bồ dưa: nguyên văn là phá qua. Qua là quả dưa, phá qua là bồ dưa. Bởi chữ qua tách ra thành hai chữ bát là tám, hai lần tám là 16 tuổi. Tuổi 16 gọi là "qua kỷ", tức là kỷ bồ dưa, ý nói đến tuổi lấy chồng.

(2) Ngựa có sắc xanh và trắng

(3) Đoạn Kiều: Một trong mươi cảnh đẹp của Tây Hồ xem "Linh Ân thi tích" (Thi tích ở chùa Linh Ân)



Chỗ
Rồng
Dragon
Well



Đường Mòn
Trong Rừng
Trúc

A bamboo
path at
Clouds
Lingering

vị lang quân niên thiếu tuấn nhã, cũng đã động tâm can. bèn
chẳng tránh chặng ký, cứ nhìn thẳng vào chàng. Ngựa ở bên
trái xe, Tô Tiểu Tiếu liền nhìn sang bên trái. Ngựa ở bên phải
xe nàng lại nhìn sang phải. Nhưng cả hai không ai nói với ai.
Tô Tiểu Tiếu dành cát tiếng ngân bốn câu:

Thiếp cưới xe Du Bích

Chàng cưới ngựa thanh thông

Ở nơi đâu kết ngai

Tây Linh, dưới rặng tùng!

Tô Tiểu Tiếu ngâm xong liền sai người đánh xe lướt chạy.
Vị lang quân trẻ tuổi nghe xong, vừa kinh sợ vừa vui mừng,
hồn tiêu tan, phách tán loạn. Bạn có biết vị thiếu niên ấy là
ai không? Chàng họ Nguyễn, tên Úc, biểu tự là Văn Sinh, là
con trai Nguyễn Đạo. Bởi vâng mệnh cha, chàng tới công cán
ở Triết Đông, nghe nói Tây hồ nhiều cảnh đẹp nên phỏng
ngựa tới thăm, bỗng bất ngờ gặp xe hương của Tô Tiểu Tiếu,
bốn mắt nhìn nhau, sao chàng lưu tình? Sắp đi, nàng lại
ngâm ra câu "kết đồng tâm". Muốn sinh ra lửa phải có khói,
dầu có thể bỏ qua? Nhưng không biết nàng là con người như
thế nào? Hồi thăm nhiều lần mới có người nói:

- Tô Tiểu Tiếu là con nhà kỹ nữ. Tuổi mới 15 rất có danh
tiếng. Các chàng công tử sang trọng ở trong thành không ai
không thèm muốn nàng. Nhưng nàng là cô gái phong lưu
nhất mực, tính tình bướng bỉnh, lúc này sợ rằng nàng chàng
cho ai trèo ngắt nụ hoa ấy.

Nguyễn Úc nghe xong nghĩ thầm:

- Dã là con nhà kỹ nữ, tất không ngăn cản việc đi lại, mà
lại còn mong được gặp. Bướng bỉnh mà không thể trèo bẻ, đối

với loài hoa đó, chỉ lưu luyến đi lại chốc lát cũng là thú vui cho con người rồi.

Ngày hôm sau chàng đã đem gấm vóc châu ngọc cùng trăm lượng vàng đến lễ. Chàng bát người bưng, còn mình thì cưỡi trên ngựa thanh thông, vòng quanh dã ở tây bắc hồ, nhìn nơi tùng bách xum xuê, thẳng tới bờ tây Linh Kiều, rồi xuống ngựa. Chàng bước tới trước cửa, nhìn thấy hoa trùm liễu rủ, thật là cảnh thanh u tuyệt đẹp. Lại sợ đường đột với người đẹp, nên chàng không dám tùy tiện góp cửa, cứ bồi hồi đi lại ở trước cửa. Vừa may dì nương mở cửa, từ trong nhà bước ra, nhìn thấy liền hỏi:

- Quan nhân tới đây có việc gì? Không phải là không muốn tới Dao nguyên⁽¹⁾ đó chứ? Có muôn hỏi đường không?

Nguyễn Úc thấy dì Cố hỏi mình, bèn bước vội lên trước vái một lối, cưỡi nói:

- Nếu không muốn tới Dao nguyên thì còn đến đây làm gì?

Dì Cố đáp lối nói:

- Đã biết Dao nguyên thế thì muốn tìm ai?

Nguyễn Úc đáp:

- Ngày hôm qua gặp nàng trên bờ hồ như là duyên trời run rủi mong gặp được người đẹp, được nàng coi trọng không nỡ bỏ rơi. Lúc sắp sửa về nàng còn tặng cho một bài thơ, chỉ đường tới Tây Linh. Cho nên lòng vô cùng lưu luyến, có sửa

(1) Là vườn đào: "Đào hoa nguyên ký" là tác phẩm nổi tiếng của Dao Tiềm, đời Tần. Ý chỉ cảnh tiên đài.

vật mọn, đường đột muốn xin gặp mặt.

Dì Cố nói:

- Quan nhân đã muốn gặp cháu gái của già, tại sao lại không gõ cửa mà cứ đứng hoài ở đây mãi thế?

Nguyễn Úc đáp:

- Cho con được hỏi, già là dì của người đẹp?

Chàng lại vái một cái rồi nói tiếp:

- Không phải kẻ vân bối⁽¹⁾ không gõ cửa, vì vừa mới tới đây, không có người đến để ăn cần thăm hỏi mà đã dám đường đột om xòm, sợ lại nói là kẻ thiếu niên này cuồng vọng lè nào lại không làm cho cháu của già giận dữ? Cho nên kẻ vân bối phải đứng ngay như ngỗng để chờ đợi cơ duyên. Böyle giờ may đã gặp được dì. Vạn lần mong dì truyền đạt cho, nhất định sẽ đèn đáp công ơn.

Dì Cố đáp:

- Truyền đạt thì dễ, nhưng cháu của dì còn là một khuê nữ⁽²⁾, đậu khấu⁽³⁾ vẫn còn nằm trong vỏ ở trên cành, vị tất đã cho người để hái. Xin quan nhân chờ cổ uống phí tâm can.

Nguyễn Úc nói:

- Chỉ mong được gặp mặt nàng đã là vinh hạnh lắm rồi. Ai dám vọng tưởng đến mộng ở Vu Sơn. Xin dì hãy yên tâm đi!

(1) Gọi người già là bậc tiền bối, tự xưng là vân bối, ý sinh sau.

(2) Khuê nữ là gái chưa chồng.

(3) Đậu khấu 1 loại đồ dùng làm thuốc, còn để chỉ người con gái còn trinh tiết, chưa lấy chồng.

Dì Cố cười nói:

- Thật khen cho một mối tình thương hương tiếc ngọc, hãy chờ đó, già đi gọi cho.

Nói rồi quay lại, trở vào trong nhà. Dì chưa được bao lâu lại bước ra nói:

- Cháu gái của già nghe tin có quan nhân cưỡi ngựa thanh thông đến thăm, bèn bảo già ra mời quan nhân vào trong nhà. Nhưng cháu gái già vẫn chưa ngủ dậy, không thể nhắc gót ngọc, mong quan nhân tha thứ cho.

Nguyễn Úc nói:

- Đã được phép vào nhà, chắc là đáng tiền mong đợi, phải mau chuyển bước tới thềm hoa, ai dám chậm trễ. Cầu mongdì báo lại cho cháu gái cứ yên gầm đệm chó quẩn gì, cứ ngủ cho ngon.

Nói rồi mới nghiêm minh lách qua khóm trúc, quanh co gấp khúc tới rặng tùng, rồi bước vào trong phòng. Phòng ấy tuy không khác vẹ, nhưng mặt nhìn thẳng ra núi hồ, vô cùng u sảng.

Dì Cố dẫn Nguyễn Úc bước vào ngồi trong phòng, rồi liền bỏ đi. Úc ngồi trong phòng biết rõ ràng núi hồ ngoài cửa sổ vô cùng tươi đẹp, mà chàng cứ ngỡ là chưa từng nhìn thấy bao giờ. Trí óc chàng chỉ tưởng đến thân hình người đẹp, bỗng chàng nghĩ:

- Vào lúc này đây chắc rằng người đẹp đã dậy rửa mặt, chải tóc rồi.

Lại chờ hồi lâu, bỗng chàng nghĩ:

- Vào lúc này đây, nhất định nàng đang trang điểm, cài

trâm ngọc, đính hoa tươi?

Dang nghĩ vậy bỗng thấy hai đứa hầu nhỏ, một đứa xách bình trà, một đứa bưng hộp quả, bày ra trên chiếc bàn dài ở cạnh hò, rồi mời Nguyễn Úc uống trà, xơi quả.

Dứa hầu nói:

- Lúc này cô nương đang tô son điểm phấn sáp xong, để chúng con mời cô lại cho người được gặp.

Nguyễn Úc nói:

- Thật khó nhọc cho hai con. Hai đứa nói với cô nương chậm chạp cũng chẳng sao, cứ để ta ngồi uống trà chờ đợi cũng được.

Chàng cảm thấy từng ngụm trà đều có sắc hương của người đẹp ẩn tàng trong đó, uống vào thật ngọt ngào, hồn mộng ru êm!

Lại ngồi chờ hồi lâu nữa, mới nhìn thấy một đứa hầu từ phía trước lật bụng trà ra nói:

- Tiểu cô nương đã tới rồi kia!

Nguyễn Úc nghe nói nàng ra, vội quay mình đứng dậy để đón chào. Chợt một luồng hương thơm phảng phất, Tô Tiểu Tiểu từ trong rèm gấm yếu điệu thong thả bước ra. Chỉ nhìn thấy:

Dung mạo như hoa tươi cắt vụn xếp thành.
Lưng uốn cong như cành liễu non mềm mại
Má hồng rực rõ da trắng non nà
Thật giống như oanh non yến nhỏ
Tóc óng ánh như mây, mây liền với tóc
Mí xanh sắc nhọn tói đầu mày.

Lời nào kể hết, bút nào tả xiết, tư dáng đẹp tuyệt trần,
ngay cả bóng nàng cũng chao ôi, tuyệt! Tuyệt!

Nguyễn Úc nhìn Tô Tiểu Tiếu trang điểm ngày hôm nay,
không giống về mà chàng gặp nàng ở bờ hồ hôm qua, mừng
vui đến nỗi thèm hồn vò chử. Chờ Tô Tiểu Tiếu bước vào
trong phòng rồi mới vội gọi người mang lê bày biện lên bàn,
rồi uốn mình thi lễ nói:

- Ngày hôm qua may mắn gặp duyên. Tuy vô tâm, mà
bỗng dung được gặp tiên giá của cô nương. Lại may mắn
được cô nương biết đến mà ngâm câu thơ dòng tâm ấy. Dêm
về mừng vui đến nỗi không sao ngủ được. Cho nên hôm nay
mới dám sợ cô nương quở trách mà đường đột, thu xếp
tắc tơ tờ lòng kính mờ, muốn được vái biết đáng tiên, để coi
là cuộc kỳ ngộ cả đời. Nhưng vẫn còn sợ sòng trời vời vợi,
chẳng dể lại gần. May mắn được vào Đào Nguyên, lại được
nghênh tiếp thế này, thật là đại hạnh đại phúc cho Nguyễn
Úc tôi! Xin cô nương đứng dậy, nhận của Nguyễn Úc một lạy
bái kiến!

Tô Tiểu Tiếu thấy chàng khiêm nhường giữ lễ, lại có đồ
vật trao tình, rất vừa lòng toại ý, vội cười nói:

- Tiện thiếp chỉ là gái mọn chốn thanh lâu, dẫu dám nói
tới điều khinh trọng, may được lang quân chung tình nhìn
tới. Do vậy tiện thiếp đã có cảm trong tâm mà ngâm nhỏ câu
thơ để tỏ bày lòng ý. May mắn được lang quân không vứt bỏ,
lại ăn cần tới thăm. Tới thăm là đã quá vinh hạnh, có sao lại
còn mang vàng ngọc, lụa là huy hoàng trịnh trọng như vậy?
Có khác gì coi rau phong rau phi quý tựa cành quỳnh, nên
không dám nhận. Nhưng hận vì trang điểm thơ lố nên đã ra

chạm, vì vậy mắng tội với lang quân. Xin mời lang quân đứng dậy nhận của Tiếu Tiếu một lạy!

Hai người vái lạy lẫn nhau rồi mới ngồi sang đông tây hai phía. Uống xong trà, Tô Tiếu Tiếu nói:

- Nam nữ quyến luyến từ xưa không sao tránh được, huống chi đời ta? Nhưng hận vì xuân chưa đến độ, nên hoa vẫn phải chờ, làm khó nhọc cho mắt xanh của lang quân, biết làm sao đây?

Nguyễn Úc nói:

- Sao cô nương lại nói như vậy? Một trang thiên tư quốc sắc, được nhìn thấy một lần đã là quá hiển vinh. May mắn hôm nay đã không bị nàng cự tuyệt, lại vất và khoản dãi như thế này, thật là vinh hạnh vượt ra ngoài ý muốn.. Ngọc còn trong đá, chau vẫn trong hòm, ai dám không biết đường lui tới, mà còn nỡ nghĩ điều gian dối cho được. Mong cô nương hãy yên lòng, tiếu tử uống xong ngum trà, xin lập tức cáo lui.

Tô Tiếu Tiếu nghe xong, mừng lầm, nói:

- Lang quân đã có lòng khoan dung như vậy, xin được sớm tối trò chuyện, không làm chi phải nghỉ ngơi cả. Hà tất lang quân ra về sớm như vậy?

Nguyễn Úc nói:

- Cô nương nếu không trách móc, thì tiếu tử mới dám mạnh dạn lưu lại uống thêm chút thời gian nữa, để được no say thấu sắc rồi mới ra về, để cho hồn mộng được yên à, thì thật là cảm ơn lầm lầm!

Tô Tiếu Tiếu nói:

- Thiếp muốn lưu lang quân lại, dám mong lang quân



TÔ TIẾU TIẾU

Nhà thơ Nguyễn Úc nói: "Tôi đã không thể nào quên được hình ảnh cô nương Tô Tiếu Tiếu với vẻ đẹp duyên dáng, tinh khôi như hoa lan."

Tô Tiếu Tiếu mỉm cười, nói:

- Thiếp không tự biết mà lang quân đã biết thì có thể nói là thiếp tự biết rồi đó! Thư thả mời lang quân tới cạnh hiên tùng sam⁽²⁾ trước lầu thiếp ngủ, lên gác kính nhìn sác núi trong hồ, trò chuyện tâm tình, được không?

Nguyễn Úc nói:

- Vốn là không nên vào nhà để làm phiền phức, nhưng cô nương đã có thịnh ý, Nguyễn Úc tôi xin được lưu lại đây một

chiếc cỗ cho, muốn dùng chén rượu để tăng thêm tình nghĩa. Nếu nói để no say thấu sắc, thì tiện thiếp chỉ là thân bồ liễu, có chi để mà thấu. Nghe lời nói vậy tránh sao khỏi hổ thẹn.

Nguyễn Úc nói:

- Ngọc trắng không tự biết mình tinh khiết. Hoa lan không tự biết mình tỏa hương thơm. Duy chỉ có trái tim đói khát, con mắt thèm thường của đệ⁽¹⁾ chỉ thoáng nhìn là biết ngay. Nếu lại ngồi lâu thêm nữa sợ rằng dung quang đen láy kia

của cô nương sẽ bị đệ lấy cắp đi mất thôi.

Tô Tiếu Tiếu mỉm cười, nói:

- Thiếp không tự biết mà lang quân đã biết thì có thể nói là thiếp tự biết rồi đó! Thư thả mời lang quân tới cạnh hiên tùng sam⁽²⁾ trước lầu thiếp ngủ, lên gác kính nhìn sác núi trong hồ, trò chuyện tâm tình, được không?

Nguyễn Úc nói:

- Vốn là không nên vào nhà để làm phiền phức, nhưng cô nương đã có thịnh ý, Nguyễn Úc tôi xin được lưu lại đây một

(1) Dệ: Chính là đệ, tiếng tự xưng khiêm tốn, đệ đây không phải là em.

(2) Tùng sam: cây thông.

khác cũng là được hưởng phúc trong một khác, đâu dám chối từ? Thế nhưng đây chỉ là chút vật mọn, mong có nương bàng lòng nhận cho, không để bày ở đây nữa, cho tôi thêm xấu hổ.

Tô Tiếu Tiếu nói:

- Lần đầu được lang quân chiếu cố sao lại dám nhận lễ hậu như thế này? Nếu như chối từ mãi lại sợ tự cho mình là người ngoài, biết làm sao đây?

Nguyễn Úc nói:

- Một tấc tơ, một nửa xu, làm bẩn cả Chương dài⁽¹⁾. Nếu nàng còn nói nữa chắc đệ xấu hổ đến chết mất.

Tô Tiếu tiếu nói:

- Lang quân đã lưu Tùy Liệu⁽²⁾, nâng cao danh giá cho thiếp. Thiếp đâu dám không vái mừng để khắc thêm tình sâu nghĩa nặng.

Liền sai thu lề vật rời mời Nguyễn Úc lên gác kính ngồi chơi. Nguyễn Úc lên gác chỉ thấy mười phần u nhã, một khung cửa sổ tròn mở rộng nhìn thẳng ra mặt hồ, nước hồ gợn sóng, hệt như một vàng trắng tròn, ở trong treo một đôi câu đối:

Dòng gác nhốt trắng non

Mở cửa thả mây núi!

Ngoài cửa sổ có rèm, trên rèm treo một tấm biển đẽ hai chữ "Kính Các"⁽³⁾. Dưới gác là hoa đào, dương liễu, đơn quế,

(1) Chương dài: Nghĩa bóng là nơi kỹ nữ ở.

(2) Đem lề vật đến cho, như Lạn Tương Như lấy ngọc Tùy Hòa trả cho nước Triệu.

(3) Kính Các: Gác kính, gác làm bằng thủy tinh.

phù dung... Cả bốn xung quanh đều nở rộ hoa tươi. Trong cửa sổ long lanh cánh sắc mặt hồ, xanh xanh trắng trắng, không gì không phản chiếu qua gương. Nếu trên hồ có cánh buồm nào lướt qua gác kính, chỉ cần nhìn vào trong gác, là thấy bồng bềnh ẩn hiện, chẳng cần phải nhìn lén ra ngoài. Cho nên các du khách đã tới đây thường luôn có cảm tình, không bao giờ cạn kiệt. Trong gác có dày dày đủ đồ chơi cầm kỳ thư họa⁽¹⁾. Nguyễn Úc nhìn thấy cảm như thần hồn bay bổng, do đó ngợi khen:

- Tây hồ được gọi là nơi danh thắng, không ngờ gác kính của cô nương lại chính là tiên cung của Tây hồ. Sao dẽ lại may mắn đến thế đã được vào trong, thật là sung sướng.

Tô Tiểu Tiếu nói:

- Một căn phòng có rác thô thiển, không được điều vẽ trang trí, chẳng qua đây chỉ là mượn sông núi làm sắc cảnh đó thôi. Lang quân dám gọi là tiên, thế mà cũng nói được ư?

Nguyễn Úc nói:

- Ý của dẽ quá thực nghĩ như vậy đó. Nếu cô nương có nói như thế nào, chắc là dẽ không biết đường đối đáp.

Tô Tiểu Tiếu cười:

- Đối đáp thì có khó gì? Chẳng phải là vì quá yêu thiếp, cho nên dã dể cho gác này lọt vào mắt xanh đó chăng?

Nguyễn Úc nghe xong, cũng cười, nói:

- Tâm lòng của dẽ mà dẽ không tự biết. Cô nương đã thay

(1) Cầm kỳ thư họa, không làm là Cầm, kỳ, thi, họa. Vì trong thư gồm cả thi, thư ý rộng họa thi, cả văn, truyện, cổ sự... đều ở trong thư.

dè mòc nó ra. Trái tim thông tuệ của cô nương quả thật đã vượt lên trên thiên cổ.

Hai người đang trò truyện ý hợp tâm đầu, thì thấy một đứa ở bụng rượu thịt đến bày trước cửa sổ nhìn ra mặt hồ, mời hai người cùng uống.

Tô Tiểu Tiếu nói:

- Có chén rượu nhạt, không dám dâng lên thù tiếp, để tăng nỗi hổ thẹn của chủ nhân. Mong chàng chiếu cố cho thiếp được thỏa lòng:

Vốn là Nguyễn Úc chỉ muốn được gặp nàng đã là may rủi. Nay được mời vào phòng riêng, lại mang rượu ngon ra khoán dãi sao chẳng vui mừng, liền uống vài chén, tình cảm dâng trào, cứ lầm lết đưa mắt nhìn trộm Tiểu Tiếu. Lại nhìn khép phòng một lượt, bỗng nhìn thấy một bài thơ dâu dề là "Kính các" treo ở trên tường chữ viết rất ngay ngắn, vẫn diệu trong sáng, liền đọc:

Núi hồ sông khúc tốt mọi nhà
Gác kính phong tình có một ta
Đêm đêm thường giữ trăng soi tò
Sớm sớm mây trùm trắng tựa da
Ngán nước không ngừng dung thân sạch
Hoa nở buông trùm xuân sắc da
Chỉ trách duối mày cùng góc mắt
Nhìn chàng đẹp đẽu, thẹn thẹn là...

Nguyễn Úc đọc xong cảm thấy kinh ngạc nói:

- Té ra là một giai tá của cô nương, càng đọc càng thấy lạ lùng. Thật đã làm cho con người thèm muốn. Kì diệu nhất là ở đuối mày góc mắt tại sao lại nói là chàng đẹp? Có phải là

nàng quá khiêm tốn chăng? Xin thương cho một chi⁽¹⁾.

Do vậy đã rót một cốc!

Tô Tiểu Tiếu nói:

- Tiên thiếp khiêm tốn quá nên đã phải chịu tội với lang quân. Lang quân ngợi ca quá mức, có phải được nhận lệnh kính trọng không?

Liền lại rót một chi.

Hai người đang đùa vui, chén qua chén lại. Bỗng dì Cố bước tới cười nói:

- Tốt rồi! Hai người chẳng cần đến bà mai nữa nhỉ?

Nguyễn Úc cười nói:

- Nam nữ ngồi uống chung tuy rất gần với sự riêng tư, nhưng vẫn còn là sự đi lại giữa chủ và khách. Nếu như soi tờ hồng được may mắn thì vẫn rất cần phải mượn tới phù kha⁽²⁾. Dẫu dám vô lễ mà khinh lòn phạm thượng, để chuộc lấy tội lỗi ưu phiền.

Nói rồi mọi người đều cười vui vẻ.

Tô Tiểu Tiếu mời dì Cố vào cùng ngồi. Họ uống mãi. Mọi người đều đã say. Nguyễn Úc muộn có say, nói:

- Vừa rồi dì Cố nói, chúng ta không cần đến bà mai, thì cứ để cho bà mai nghỉ ngơi. Nhưng không biết cái rìu chặt cành của dì Cố có sắc hay là cùn đấy?

(1) Chi là cốc rượu, từ thời cổ.

(2) Phù là cái luồi rìu chặt gỗ, kha là cành. Phù kha là cái cán rìu, ý nói là bè trên.

Dì Cố nói:

- Quan nhân không cần phải lo lắng. Cho dù rìu không sắc thì trong thiên hạ cũng không có bà mai nào chặt phá người thân. Nếu quan nhân không tin thì cứ uống một cốc rượu đầy, chờ lão già thử xem mặt quan nhân xem sao đã.

Do đó rót một cốc đầy dung tới trước mặt Nguyễn Úc. Nguyễn Úc nhận, nói:

- Dì Cố đã có nhiệt tình như vậy chờ có nói một cốc, có say đến chết cũng cam lòng. Thế nhưng phủ kha chưa giờ lên chặt thì làm sao có thể thử xem mặt được.

Dì Cố cười nói:

- Cứ thử xem mặt trước, sau giờ phủ kha cũng chưa muộn.

Nguyễn Úc nói:

- Nếu như đã tin tưởng như vậy thì xin cạn chén, xem sẽ như thế nào.

Bèn cầm cốc uống một hơi, cạn hết.

Dì Cố nhìn thấy rất vui mừng, rồi cười nói với Tô Tiểu Tiếu:

- Cháu hiền của ta. Cháu là con người thông tuệ, có lòng nhân hậu, có con mắt tinh đời biết nhìn người, không phải là con người lưng dằng trước mặt dằng sau, thà mồi buông câu hại người, sao có thể là người khuynh tâm bất chính. Cho nên ta là dì của cháu, ta có điều muốn nói thẳng ra với cháu. Đại phàm là nam nữ yêu thương nhau rất khó được toại nguyện. Mỗi khi tìm được người toại nguyện thì lại có biết bao cách trở. Ngày hôm nay Nguyễn quan nhân hanh thông

bạch diện, còn hiền sanh nữ⁽¹⁾ thì rạng tráng mày ngài, được trời tái hợp, may mắn tương phùng. Huống hồ chàng thương nàng quý, hòa hợp nồng nàn. Nếu tính đến không dám đà, hẳn phải quay đầu mà đi. Có thể nói là nhân duyên gấm vóc đã mất trước mặt rồi đó. Nay không dám nói thẳng ra, chỉ đáng tiếc là cháu gái già qua kỳ⁽²⁾ còn chưa đủ. Chỉ vì một việc này, ta là dì của cháu, cũng đã nghỉ dùm cho cháu cả rồi. Nay cháu đã hơn 15 tuổi, cách kỳ đón tết chẵng còn bao xa. Nếu đợi được đến kỳ cưới xin cập thời, ngàn vàng đưa tới, còn chi chẵng bằng lòng. Nếu không được người đó, mà vẫn thô vú bạo, gian hoan theo kiểu ngu xuẩn quê mùa, lại không sớm có ngày mềm mềm ấm ấm, ngọc tiếc hương thương, mà sầu khổ đáng cay cả đời đó ư?

Tô Tiểu Tiếu nghe xong, không nhịn được cười nói:

- Sao dì lại nói thẳng thế, tưởng cháu cũng là người đã tìm đến đó thôi!

Nguyễn Úc lúc này đã trong tình trạng nửa say nửa tỉnh, lại được cảm tình nồng ấm của Tô Tiểu Tiếu gọi dần nên đã si mê đến mức không thể tự chủ được. Chỉ hận là không được cùng nàng hoa chúc ngay. Bay giờ nghe dì Cổ đã mở đầu thay cho mình, lại nhìn thấu Tô Tiểu Tiếu nghe xong thì mừng vui không giận, tựa hồ như ý muốn bằng lòng, không kìm được niềm sung sướng, nên đã rót một cốc to, bưng đến trước mặt dì Cổ, nói:

(1) Sanh nữ: Con gái của em gái gọi là sinh nữ.

(2) Qua kỳ: chưa đủ tuổi 6, xem chú thích bộ dưa.

- Dì Cố đã thử tài văn chương vô cùng tinh diệu, làm cho cháu là kẻ văn sinh vô cùng hái phục. Dì đã gợi mở sâu sắc, cháu xin khấn đầu lạy tạ. Böyle giờ bất tiện, xin tạm mượn rượu thơm làm hoa dâng tiến, mong dì cạn cho.

Dì Cố nói:

- Già này văn chương có gì là hay, may gặp được Nguyễn quan nhân bình luận tài tình mà tự nhiên đã trúng vào ý chủ.

Tô Tiếu Tiếu nói:

- Thương khách đã chiếu cố, nay xin mượn cảnh phong lưu của non nước Tây Linh mời chàng một cốc. Dì nương có sao chỉ cần bán phấn son, thế không quá tầm thường ư?

Dì Cố nghe xong gật đầu lia lịa.

- Ta sai quá, sai quá! Nên phạt, nên phạt!

Rồi đem cốc rượu Nguyễn Úc bưng tới, uống một hơi cạn, nói:

- Ai bàn chuyện ngoài chiếu, phải lấy đó làm lệ!

Tô Tiếu Tiếu nhận đó sai đưa hầu mở cửa sổ lụa, mời Nguyễn Úc xem ngắm cảnh trong hồ. Nguyễn Úc xem xong tuy cũng có ca tụng, nhưng tâm gan thì cứ để cả ở nơi Tiếu Tiếu, lúc nào cũng chỉ nhìn dáng nőy nụ cười tươi đẹp của nàng, đến nỗi hồn tán phách tiêu. Rượu đã say tới tám chín phần mà vẫn chưa muôn từ biệt. Bất giác mặt hồng đã lặn về tay, sắc trời hoàng hôn dần dần mới miên cưỡng đứng dậy tạ biệt. Tô Tiếu Tiếu nói:

- Vốn còn muốn lưu giữ lang quân lại để hưởng tận dư hoan, nhưng lại sợ Bắc Sơn tung bách làm lạc lối yên vè, cho

nên thiếp không dám giữ cương ngựa nữa. Nếu tình chưa nỡ
quên mong chàng trở lại.

Nguyễn Úc nói:

- Chưa được vào cửa
Lòng muốn ngâm nhìn
Bước vào nhà trên
Lại muốn nhập thất⁽¹⁾.
Đau đớn quên mất.
Sớm mai xin hầu!

Nói rồi vái chào hai ba lần, rồi đi.

Thật là:

Sắc đẹp phải chàng xuất tú thần
Có sao lại cứ mẩn mê nhân,
Ai hay mắt dối, si hồn phách
Hết gấp đau còn biết có thân!

Nguyễn Úc là con trai của tướng công đương triều, chỉ
ham sắc đẹp, vàng bạc đều coi khinh. Ngày hôm sau, quả
nhiên chàng chuẩn bị một ngàn lượng vàng nộp sinh lỗ, lại
đem trăm lượng vàng tạ ơn bà mai. Lúc này chàng đã hỏi biết
rõ chỗ ở củadì Cố, nên trước hết chàng đến nhà dì Cố để biểu
tiền mối mai, nhờ dì đến nhà Tô nộp sinh lỗ. Mụ đàn bà này
nhìn thấy vàng lồng lánh chơi mắt, thì làm sao chàng có con
mắt vui sướng cho được? Vờ vờ vĩnh vĩnh chối từ vài câu, liền
nhận ngay, nói:

(1) Nhập thất: Vào buồng, vào phòng

- Đã nhận được cao tình của Nguyễn quan nhân như vậy, việc của cháu gái tôi đều gửi cả trên thân già của tôi thôi! Bảo đảm là gấm thượng hạng thơm lừng, cứ vào nhà là dùng được thôi mà.

Nguyễn Úc nói:

- Nếu được như vậy sẽ cảm tạ vô tận.

Nói xong,dì Cố lưu Nguyễn Úc ngồi xuống rồi sai người hầu nhà Nguyễn bưng đĩa sinh lễ cùng tới nhà họ Tô. Dì Cố nói thêm với Tô Tiểu Tiếu:

- Ngàn lượng vàng sinh lễ hậu rồi đấy! Con trai một vị tướng công là bậc cao sang rồi đấy! Phong lưu, chất phác, đôn hậu, lại trẻ trung. Tráng tréo da tinh, phong lưu lại tuấn tú. Cháu gái của dì được tuổi phá qua mổi không bị nhục nhã với thanh danh ngày trước. Sau này tiếng thơm sẽ truyền mãi. Xin cháu nghỉ xem, chờ có để lỡ cơ hội này nhé!

Tô Tiểu Tiếu nói:

- Dì Cố đã ăn cần khuyên nhủ, lo liệu cho cháu không chút sai sót. Cháu còn khờ dại đâu dám không vâng lời.

Dì Cố thấy nàng bằng lòng, tràn đầy niềm vui, bèn đem sinh lễ thay nàng bưng vào trong nhà, rồi vội vội vàng vâng trả về nhà mình, báo cho Nguyễn Úc biết. Nguyễn Úc được tin báo lòng vui khôn tả xiết, rồi cùng với dì Cố đến nhà Tô Tiểu Tiếu tạ lễ. Tiểu Tiếu bèn rót rượu khoản dãi. Nguyễn Úc lại cho gọi gia nhân, vè lấy một trăm lượng vàng đến để làm hoa chúc phí. Dì Cố truyền sự việc ấy cho nàng biết, nhờ người chọn ngày hoàng đạo cát nhật, rồi mời tất cả họ hàng thân thích cùng các bà già hàng xóm. Đến ngày chính thức, giăng đèn kết hoa, cảng màn trải chiếu, sênh chiêng trống

nhạc, tấu hát giữa sân vô cùng náo nhiệt. Họ hàng bà con thân thích đều ngồi ăn uống ở nhà ngoài. Riêng Tô, Nguyễn, hai người ngồi uống chung với nhau một cốc hợp cẩn⁽¹⁾ ở trong phòng. Sau khi mọi người ở nhà ngoài đã ra về từ lâu, mà hai người còn uống mãi tới khuya. Cả hai vừa lòng đẹp ý, chàng nhìn nàng đẹp tự hoa, nàng tướng chàng đẹp như ngọc. Thật là một cuộc tình mỉm mỉm, hai cuộc đời hòa chung thành một. Mỗi chap tối, Nguyễn Úc đã bắt phải ngừng uống ngay, để bước vào những phút giây chán gối. Tô Tiểu Tiểu thì e e thẹn thẹn, ngượng ngượng ngùng ngùng, dùng dằng uống nữa. Hết chén trái đến chén phải, cốt để kéo dài. Nguyễn Úc thấy Tô Tiểu Tiểu có tâm trạng muốn kéo dài thời gian, cũng là một thứ e thẹn nũng nịu, thì càng thêm sốt ruột, khó xử, không biết nên làm thế nào, đành phải hạ giọng nói khẽ:

- Dêm đã khuya, rượu cũng đã say lâm rồi, mong nàng đi nghỉ thôi!

Tô Tiểu Tiểu đâu có chịu nghe lời, nàng hình như có ý cứ muốn ngồi đợi đến lúc trời sáng. Nàng còn thẹn thùng thì dì Cố bước vào, nói như trách mắng:

- Dêm khuya thanh vắng ngọt ngào, sao còn ngồi tựa Lam kiều chưa đi uống giọt cam lồ quỳnh tương? Còn ngồi chỉ đỡ ván vương, như ngày như đại chàng đương ngóng chờ. Không sợ hoa chúc cười ư?

Liền bắt đưa ở dọn cất hết rượu đi, bắt buộc cả hai đứng

(1) Hợp cẩn: cốc đựng rượu dùng trong hồn lễ thời cổ xưa gọi là cẩn. Cho nên lễ cuối cũng gọi là hợp cẩn.

dậy cởi áo vào giường nằm. Đến lúc ~~ngày~~ Tiểu Tiểu không còn biết làm cách nào khác nữa, chừng nữa như chống lại, nữa như bàng lòng chịu ưng thuận để cho Nguyễn Úc dắt vào trong màn.

Dến gần trưa ngày hôm sau, hai người mới ngủ dậy chải tóc rửa mặt. Dì Cố đã bước tới chúc mừng. Nguyễn Úc nhiều lần tạ ơn bà mai dì Cố. Từ đó về sau, tình thương yêu giữa hai người như sơn như keo, giây lát chẳng rời. Ngày ngày nếu không dong thuyền uống rượu, nếu không dạo gót ngọc cảnh bờ liễu giữa mặt hồ, thì nàng cũng ngồi trên xe hương Du Bích. Còn Nguyễn Úc thì cưỡi trên con thanh thông tuấn mã cùng di vân cảnh danh thắng ở hai ngọn Bắc Nam. Thật là được thành cá bơn⁽¹⁾ chứ không thích uyên ương⁽²⁾.

Dược ba tháng giữa khi tình đang gắn bó keo sơn, không ngờ người cha của Nguyễn Úc ở trong triều có sự biến khẩn cấp, sai người tới bắt chàng phải lập tức về ngay. Hai người đau nỗi chia tay, khóc lóc sụt sùi suốt mấy ngày. Không còn cách nào ở lại được nên dành phái thề nguyện, hẹn ước, rồi vội vàng chia tay. Thật là:

*Gặp gỡ trên đường át có duyên,
Nào ngờ duyên hết phải về liền.
Khuyên ai chờ trách ai tệ ác*

(1) Cá bơn là loại cá trên thân có hai màu khác nhau, bên màu sẫm, một bên nhạt, hai con mắt mọc ở trên thân cá về cùng một bên, tục gọi là cá bản.

(2) Uyên ương: một loại chim ở dưới nước, con đực là uyên, con cái là ương, lông rất đẹp thường bay sóng đôi, nên thường ví uyên ương với đôi vợ chồng yêu thương nhau thắm thiết.

Đây tối, dắt đi, thày tại thiên!

Sau khi Nguyễn Úc ra đi, Tiểu Tiếu không giây phút nào không tưởng nhớ tối chàng, liền đóng chặt cửa, không bước ra ngoài.

Deo đuôi theo danh thơm của nàng, trước đây đã có biết bao người mến mộ, nay nàng đã nhận sinh sinal lẽ ngàn lưỡng vàng của con trai tướng công, hành động đó đã làm đình tai nhức óc biết bao người. Đã có biết bao chàng trai giàu sang phú quý biết được tin này đều xôn xao àm ī đến nhà họ Tô ở Tây Linh, để cầu nàng phục trưởng⁽¹⁾. Thế nhưng nàng đều tạ tuyệt, chỉ nói là phải về gia đình dưỡng bệnh. Nàng buồn bã chẳng biết làm gì, dành phải ngồi xe Du Bích di vân cảnh Lưỡng Sơn, để tiêu tan nỗi phiền muộn.

Có mấy chàng thiếu niên tinh tế thấy nàng đi dong chơi, biết chàng có bệnh tật gì. Họ thầm thì biết được đoạn nhân duyên với chàng công tử họ Nguyễn là do dì Cố tác hợp, cho nên họ đã ngầm ngầm chuẩn bị đồ lễ, đến cầu xin dì Cố làm mối cho. Dì Cố là người có khiếu về môn này. Phàm công tử nào đến cầu dì, đều phải là nhân vật giàu sang tuấn nhã, có thể làm vừa lòng Tiểu Tiếu, lại có thể hào hoa rộng rãi, không keo kiệt bùn xỉn, biết bồi dưỡng cho dì tiền trầu nước thì mới nhận dì cho. Nếu như không hợp được như vậy, dì đều lạnh lẽo từ chối.

Những người bị dì từ chối có nhiên là nhiều. Nhưng người được dì đón nhận cũng không phải là ít. Từ đó ngựa xe đến

(1) Trưởng là cái màn vây quang giường, ý nói cầu được chung chăn gối, khi đổi màn khác gọi là phục trưởng.

Tây Linh, sớm cũng như chiều, lúc nào cũng đông chật cửa. Nếu nói người đến đông không ngọt thì việc nghênh tống tất phải mệt nhọc lắm. Nhưng cũng vui vì Tô Tiếu Tiểu tính tình trầm mặc, mà những điều quý ước lại khá nghiêm. Khi nàng mệt mỏi, không ai dám buông lời bỡn cợt. Đến lúc nàng vui, mọi người mới được cất bước theo hẫu. Khi nàng yên giấc, chim kêu sao tĩnh mộng êm. Lúc dạo gót dưới trăng, biết bao cảnh hoa theo bước. Từ xưa chưa từng với ai dùa cợt, cũng chẳng bông dùa để mình thêm thích thêm vui. Cho nên ưng thù đôi chén, giao tiếp vài lời, chỉ có người vất và, còn nàng vẫn được an nhàn tự tại. Kỳ diệu thay, trong khi lạnh nhạt, nàng bỗng buông lời, thoảng đưa mắt ngắm, như an ủi, như trao vời, đã khiến cho bao người hồn xiêu phách tán. Chỉ cảm thấy nàng đa tình đa cảm, quyết chẳng có ai người dám ngạo mạn trách chê. Cho nên danh giá nàng cao chẳng thể ai bì, mà tình giao hảo ngày càng thêm rộng. Tô Tiếu Tiểu chỉ biết mình có niềm vui mơ mộng, mà không thấy mình khổ sở đau thương. Với tấm thân kỹ nữ trên sóng nước Tiền Đường, mà xuân hoa thu nguyệt nhạt trao vô tận. Hoặc yêu nàng tươi đẹp, hoặc thương nàng lận đận, hoặc thích tiếng cười tươi, không ai người không say đắm, không tán dương nàng ở khắp mọi nơi. Tính nàng thích cảnh núi sông trong sáng tuyệt vời, nên chẳng được một ngày nhàn rỗi. Nếu giành được một phút thành thời, nàng bèn ngồi lên xe du lịch, để đi tìm nơi u sơn kỳ tích, nơi bước chân người chưa đặt gót tới một lần, để thả tâm hồn vào chốn xa xăm của muôn đời thiêng cổ.

Bỗng một ngày, nàng bước tới Thạch Óc sơn, mây khói

phè mờ, lúc này chính là giữa tiết mùa thu, mây trắng lấp ló, lá vàng dày núi, cảnh vật thật đánh yêu. Tiểu Tiểu liền dừng xe, xem ngắm cảnh trời, thấy lòng xao xuyến. Lát sau nàng bỗng nhìn thấy phía trước đối diện chùa Linh có một trang thư sinh trẻ tuổi đang nhặt khoan thông thả, nhàn vãn cảnh chùa. Chàng thấy gai nhăn dừng xe lại, liền nảy ra ý nghĩ bước tới thăm hỏi. Bước chưa đầy ba bốn bước bỗng chàng lùi lại. Tô Tiểu Tiểu nhìn thấy thế biết là chàng tiến thoái trù trù, nhất định vì duyên cớ chàng là kẻ thanh bần, nên nàng xuống xe, dạo gót sen vàng tới trước chàng, hỏi:

- Thiếp là Tô Tiểu Tiểu trên sông Tiền Đường, phẩm giá tuy bần tiện, nhưng cũng biết mặt anh hùng. Vì sao tiên sinh đã đưa bước lên rồi lại lùi xuống?

Chàng thư sinh nghe xong, sung sướng tới giật mình:

- Qúa là Tô phương khanh⁽¹⁾ đó ư? Nghe tên này đã lâu, mà chỉ hận vì chàng có lí do để gặp, lại sợ phương khanh hàng ngày chỉ tiếp toàn người giàu sang phú quý, thấy kẻ hàn hao này chàng thèm để ý ngó trống, cho nên đã bước lên lại lùi xuống. Chẳng ngờ phương khanh đã bước xuống xe trò chuyện, có thể nói là được gặp mặt còn sung sướng hơn nghe tên nhiều nhiều!

Tô Tiểu Tiểu nói:

- Thiếp chỉ có hư danh mà thôi, chẳng qua chỉ là kẻ sa vào son phấn. Còn đối với tuệ tâm của đáng trọng phu đã làm đò mắt kẻ hèn này. Duy chỉ mình thiếp biết, tuyệt chủng dám

(1) Phương khanh: tiếng gọi người con gái mà mình yêu mến.

nơi cùng ai. Nay tận mắt nhìn thấy phong vận của tiên sinh, tất sẽ là đại khôi trong thiên hạ. Thiếp muốn dựa vào công danh của tiên sinh để thiếp khảo nghiệm.

Thư sinh nói:

- Tôi chỉ là một nho sinh, đã không có kỹ tài của Lý nhạc sư, lại không có dũng cảm của Hàn Lương thần, một thân cỏ rác, đối rét chẳng thể liệu lo được cho mình, còn nói gì đến hai chữ công danh cho được? Phương Khanh xin chủ có nhìn nhầm như vậy.

Tiểu Tiểu nói:

- Lúc này Nam Bắc phân rẽ biên cương. Chúa thượng cầu hiền tài đã lâu. Công danh tuy có, nhưng lại có ở nơi để khuyết vương đô, cần người tối doạt. Tiên sinh cư trú ở nơi núi non hoang vắng thế này thì công danh sao thể đến được? Cần phải gắng công nỗ lực, dùng phụ công lao trời đất đã sinh ra cái tài của mình.

Chàng thư sinh nghe nàng nói rõ ràng thấu đáo, bất giác thương tâm nói:

- Trời xanh ơi, hời trời xanh! Trời xanh đã phù hộ cho nhân quần được sống, sao độc chi không phù hộ cho Bào nhán? Lê nào trời không bằng một nữ nương ở trên sông Tiền Đường, nhìn thấy Bào nhán đây nghèo hèn đã đem lòng xót thương than than thiết?

Tiểu Tiểu nói:

- Tiên sinh chủ trách thiếp trực ngôn. Cứ như thiếp hiểu, không phải là trời xanh không vun tròng, mà chỉ sợ tiên sinh thích tròng mà không bỏ sức ra đó thôi!

Bào sinh nghe xong bèn dặm đôi chân nói:

- Phương khanh trách ta chưa hẳn là đúng, không biết để khuyết vương đô đường xa ngàn dặm, hành lý chẳng có nửa vai, bụng không túi rỗng, dụng hết sức đuối theo danh vọng cũng không thể nào tới được đâu.

Tô Tiểu Tiếu đáp:

- Tiên sinh nếu không có nghị lực tề gia trị quốc, Tô Tiểu Tiếu thiếp đâu dẫu kín thầm yêu, liệu khó bỏ sức. Nếu chỉ như là bạn khách đường túi cơm giá áo, ham chuộng bạc vàng, thì tiện thiếp đâu có cần tình ấy.

Bào sinh nghe xong càng kinh sợ nói:

- Phương khanh mới sơ giao nông cạn mà nói là sâu sắc đến như vậy?

Tô Tiểu Tiếu đáp:

- Một cái nhìn mà mặt gan đốc hết, giao vấn chẳng nóng. Một ơn nhỏ mà trả vàng trăm lạng, đâu gọi là tình sâu? Xin tiên sinh chờ cơ nhận làm.

Bào sinh đáp:

- Miếng cơm Xiếu mẫu có đáng là bao mà ngàn năm còn cầm tay? Khi đã thi ăn cho người! Huống như một trăm lượng vàng? Nhưng chỉ sợ Bào nhân tôi vô phuớc để phụ công biết tôi của phương khanh. Tôi biết làm sao đây?

Tô Tiểu Tiếu đáp:

- Nghe tiên sinh tự nói tôn danh, nhất định là Bào tiên sinh rồi. Nếu tiên sinh không chê thiếp mang dấu tích con nhà kỹ nữ, thiếp xin mời tiên sinh vào hàn môn, để được toại lòng thân kính.

Bào nhân nói:

- Phương khanh là nàng tiên, ở nơi tiên cung. Có lẽ nào kẻ bần sĩ dám khinh mạn. Đã dùng ưu lẽ chiêu dãi thì nên mau mau nhận lấy. Nào xin mời xe hương đi trước, để tôi cất bước theo bụi hồng.

Tô Tiểu Tiểu đã bước lên xe, còn quay lại nói.

- Gặp gỡ giữa đường, vạn lần chờ lấy câu chuyện giữa đường mà nói cho sướng miệng.

Bào nhân đáp:

- Một lời của bạn tri kỷ, đâu dám vứt bỏ!

Nói xong kẻ trước người sau, tạm biệt.

Chẳng bao lâu xe hương của Tô Tiểu Tiểu về tới nhà đã có rất nhiều con em của các quý khách và phú gia, hoặc đang nâng chén ngồi đợi ở nhà nàng, hoặc là trai chiếu ở trên thuyền sai người tới mời nàng, òn ào tấp nập. Vừa nhìn thấy nàng về, liền kẻ mời người kéo, giành giật lấy nàng. Tô Tiểu Tiểu đều trả lời rằng:

- Hôm nay thiếp làm chủ, đã mời một quý khách. Cũng sắp tới nơi rồi. Thiếp không có thời gian nữa. Xin vái biệt các chư vị tướng công, ngày mai xin nghe lời dạy bảo.

Mọi người đâu có chịu nghe, họ cứ cầu xin mà không chịu đi. Tô Tiểu Tiểu không chú ý đến họ nữa, bèn bước vào trong, sai người sửa soạn tiệc rượu. Chẳng bao lâu, Bào Nhân đã tới. Nhìn thấy trước cửa, người chen chúc đông nghịt, kẻ hầu người hạ đều ăn mặc đẹp đẽ lạ thường. Chỉ riêng mình mặc vân bào⁽¹⁾ đi hài cộ, đến trước cửa chẳng dám bước vào.

(1) Vân bào: áo bóng cũ.

Nào ngờ Tiểu Tiếu sai một đứa ở từng dí dong xe đã nhận được mặt chàng, đứng chực sẵn ở cửa để đợi. Vừa nhìn thấy chàng, nó liền xô đẩy mọi người dân ra, rồi mời chàng bước lên gác kính. Tiểu Tiếu bước ra chào đón, nói:

- Bào tiên sinh đã tới, đường núi khúc khuỷu, nhọc mệt gót giày, thiếp thực áy này.

Bào nhân đáp:

- Nhà cháu phòng ngọc, hàn nho vào ngõi, thật quá không xứng.

Đại Tiếu nói:

- Khói hoa qua mắt, đâu dám bí mặt anh hùng?

Bào Nhân đáp:

- Thiên thu nghĩa hiệp⁽¹⁾ ai ngờ lại ở trong phòng the khuê các.

Hai người đang nói chưa hết câu, đứa hầu đã bưng rượu tới dồi ẩm. Uống chưa được bao lâu, ở bên ngoài lại đón mồi, lại ôn ào giục già. Tiểu Tiếu tuy không hề để ý đến, nhưng Bào nhân nghe thấy thì cảm nghĩ không an lòng nên từ tạ nói:

- Tình của phuong khanh đã ăn sâu vào xương túy, nỗi quyến luyến của phuong khanh dù có thông tiêu đạt dàn⁽²⁾ cũng không gọi là dài. Nhưng hận vì lúc này ở đây, mi thì thấp, hơi thì ngắn, không thể nói thỏa thích chuyện tâm tình, làm nhọc lòng của phuong khanh, lại tăng thêm hiềm khích

(1) Cử chỉ hảo hiệp từ ngàn xưa nay mới thấy.

(2) Tiêu là đêm, dàn là trời sáng, ý nói suốt ngày suốt đêm.

ong bướm. Tốt nhất là hiểu lòng nhau rồi, tôi về là hay hơn cả. Có ở lại đây cũng không sao nói được hết lời. Thôi xin hẹn ngày khác. Ý phương khanh ra sao?

Tiểu Tiếu đáp:

- Thiếp đã mời Bào tiên sinh tới đây, vốn đương định tảo tháp⁽¹⁾ dang chán hiến gối, lại chỉ sợ sa vào cảnh tư túi giở trảng chú không phải là thiếp sơ tâm không dám khảng khái tặng trao đâu. Huống chi tiên sinh đường đường là một trang quốc sỹ, chí chẳng để ở nữ nhi. Tiên sinh muốn đi, thiếp không dám giữ.

Sau khi rời khỏi, nàng lấy ra hai gói nặng, tặng Bào nhân, nói:

- Trâm lượng vàng để tiên sinh dùng lúc hành trình. Thiếp mong nhận được tin tức tốt lành.

Bào nhân nhận rồi bước lại gần nàng, vái một lỗ nói:

- Tình của phương khanh sâu như nước thẳm, vài lời nói đâu đủ tạ ơn, xin khác sâu trong ngũ tạng⁽²⁾

Nói xong liền bước đi, Tô Tiểu Tiếu ra tiễn tới ngoài cửa.

Thật là:

*Du khách về Ngũ Làng
Kiếm quý giá ngàn vàng
Chia tay thoát trao tặng
Thương yêu một tấm lòng.*

(1) Tảo là quét, tảo tháp ý nói là lau sạch tro bụi ở trên giường nghênh bạn đến chơi.

(2) Ngũ tạng: Tâm, Can, Tì, Phế, Thận.

Bào nhán ra đi, chuyện tiếp sau không nói nữa! Giờ kể về Tô Tiểu Tiếu. Sau khi tiễn Bào nhán đi khỏi, mới quay lại lần lượt lo liệu với mọi người. Họ chờ đợi tới mức không chịu đựng được nữa, vùng vằng oán hận ở sau lưng. Khi nhìn thấy Tiểu Tiếu bước tới trước mặt, không ai dám hé răng nói lời nào, chỉ nhán nhở toét miệng cười. Thế là mọi người lại vui vẻ như cũ. Họ thản nhiên nói cười, nơi nơi đều sặc nước hương thơm ké qua người lại, không ai là không tươi tắn mới me. Vui mừng nhất là các quý tử con các vương hầu, họ thương nàng xinh, tiếc nàng đẹp, nên tiếp nàng chẳng những như thương khách mà còn tỏ tình nồng hậu sướng vui. Ai tiếp dãi không nồng thấm, không chu tất nàng bèn bỏ đi, coi như khách qua đường. Không có gì khổ hơn với một người con gái, giọng nói không phải là không hay, sắc mặt không phải là không đẹp, mà phải dám chìm trong dòng hạ tiện, đâu cần được tự ái. Không gì đáng hận hơn người con gái có chồng ở xa, ai gọi không đến, ai hỏi không xong, chỉ một chấn không thể lương vô hạn. Làm sao được một cô mảng như Tiểu Tiếu, gấm đep kín thân, đầy dầu ngọc biếc, cá ngán không ăn, lụa chè chẳng ấm, không ai bảo là thân hèn, mà không thích không thèm. Cho nên từ tuổi 15 cho đến tuổi 20, trong bốn năm năm sau này, Sở quán Tân lâu, phúc đều hướng tận. Vẫn nhán mặc khách bốn phương, sĩ phu đại thần không ai nghe tên nàng không vấn vương tìm đến. Lúc này dì Cố đi lại ăn càn, thường ca tẩm nhuận đã trở thành nghề nghiệp. Dì thường ca ngợi Tô Tiểu Tiếu:

- Cháu gái ta tính tình cao đẹp, làm kỹ nữ tuy có lúc bông dừa, nhưng là dì, ta biết nó không như vậy đâu. Phải nên biết

cháu ta có tài cầm mày bát tráng, chỉ thích vui chơi với hoa
cùng liêu, thật là một trang kiệt xuất ở chốn lầu xanh.

Tô Tiếu Tiếu nghe xong chỉ đáp lại bằng một nụ cười!

Bỗng một ngày có Quan sát sứ trên sông là Mạnh Lang tự
cây mình là người trẻ tuổi da tài, nghe tiếng đồn Tô Tiếu
Tiếu, cho rằng đó là lời đồn hão, không tin trong đám hồng
quần lại có người nhu vậy. Ngẫu nhiên có việc ở Tây Đô, tiện
ghé qua Tiền Đường, vẫn có một vệt ngang vát vào trong tim
hình bóng Tô Tiếu Tiếu, nên cũng muốn thử gặp nàng. Bèn
kiếm chuyện dì chơi hồ, gọi một chiếc thuyền, trên có lầu lớn
làm công quán, bày rượu thịt, mời các tân khách, đem theo
cả người hầu, bát Tô Tiếu Tiếu đến chuốc rượu. Tự cậy mình
là quan đương đạo, cho gọi kỹ nữ, tất nhiên phải đến ngay.
Khi tên hầu được sai tới đó, trong nhà họ Tô chỉ có một bà
già trả lời:

- Ngày hôm qua nàng bị nhà Diên Hán Uyển nắn nị mời
đi Tây Khê xem mai. Sự rằng mai mới về được. Ngài là người
nhà của vị tướng quân nào? Nếu muốn mời cháu gái ta tới
uống rượu, thì phải để danh thiếp lại đây. Chờ khi cháu về,
nó xem, thì mới đến dự được.

Tên công sai nói:

- Ai có thiếp mời nó. Đó là lệnh của Mạnh Quan sát tướng
công bắt nó đến tá túu⁽¹⁾ đó.

Bà già nói:

(1) Tá túu: tá là giúp đỡ hầu hạ, túu là hầu rượu.

- Cháu gái nhà tôi từ xưa không hiểu được tố cáo tếu⁽¹⁾ gì? Nếu phải tố tếu, sao không đến hàng rượu, gọi một người đến làm cho.

Tên công sai thấy Tô Tiếu Tiếu vắng nhà, không có cách nào, bèn phải đem từng câu từng câu của bà già nhắc lại cho Mạnh Lãng nghe. Mạnh Lãng trầm ngâm hồi lâu rồi nghĩ.

- Nàng đã là một kỹ nữ nổi tiếng, hẳn là nàng không có thời giờ nhàn rỗi thật chăng? Nếu quả nàng không có nhà, có lẽ đó là thực tình.

Lại sai một đứa hầu.

-- Thì ngày mai phải tới nhà nàng. Nhưng ngày mai phải chuẩn bị lễ vật để từ hậu⁽²⁾

Tên công sai nhận lệnh. Ngày hôm sau, mới sớm tinh mơ đã đi, nên khi đến cổng nhà họ Tô vẫn còn chưa mở, danh phái trở về. Lại đến lần thứ hai, bà già nhà Tô nói:

- Vừa rồi có tin báo là hôm nay sẽ trở về. Thế nhưng giờ này làm sao có thể về tới nơi được? Sớm nhất cũng phải là sau buổi trưa.

Sau buổi trưa tên công sai lại tới. Bà cụ vẫn nói là nàng chưa về. Tên công sai chỉ lo lờ việc, bèn cứ ngồi lì ở cửa chờ đợi. Chờ mãi, chờ mãi, đến lúc mặt trời sắp lặn về tây rồi mà

(1) Tố tếu: tố là làm, tố tếu là làm rượu, nấu rượu. Ở đây có ý chỉ bà già tai nghẽnh ngang, tá tếu lại nghe thành tố tếu.

(2) Từ hậu: tuổi trẻ dối dai, chiêu dối với bậc tôn trưởng

nàng vẫn chưa trở lại. Hoàng hôn rồi vẫn chưa thấy bóng nàng. Dành lại phải chờ đến canh khuya, mới nhìn thấy hai ba đôi đèn lồng với bảy tám người quản gia, vây quanh đầy một chiếc xe hương, ven theo bờ hồ tới gần. Khi nàng bước từ trên xe xuống trước cửa nhà, tên công sai liền vội vội vàng vàng bước tới hô gọi. Chỉ nhìn thấy Tô Tiếu Tiểu mặt đỏ bừng, đang say túy lúy. Hai ba đứa hầu đang xúm lại vực nàng vào trong nhà. Khi mọi người trong nhà biết được tin rõ ràng là Tô Tiếu Tiểu đã ngủ rồi, mới dám ai về phòng này. Tên công sai nhìn thấy quà thực nàng say, còn biết nói gì, làm gì, đành phải quay về, bẩm báo cho quan hiết. Mạnh Lãng hỏi:

- Quà thật say ư?

Sai nhân đáp:

- Chính mắt tiểu nhân con nhìn thấy, có ba à hầu vực nàng bất động vào trong nhà. Quà thật say lắm ạ.

Mạnh Lãng nói:

- Đã là say thật, ta lại tha cho nàng một lần. Nếu ngày mai lại tả thoát hữu thác, thì ta không tha cho đâu.

Dến ngày thứ ba, khi tên công sai đến, đưa ở trả lời:

- Tối hôm qua nàng say vẫn chưa tỉnh. Hiện còn đang ngủ chưa dậy. Ai dám vào đánh thức nàng được?

Sai nhân đáp:

- Người hãy đi gọi một tiếng. Nói là Quan sát sứ Mạnh Lãng ở trên sông, đã đến gọi nàng ba ngày rồi. Nếu lần này không đi, ngài nóng tính lắm, chỉ sợ lại sinh ra lầm sự chẳng lành thôi!

Dứa ở cười, đáp:

- Có sự gì được? Cứ nói là nàng tới muộn, chẳng qua chỉ bị phạt hai cốc rượu là xong chứ gì. Thôi về đi!

Sai nhân nghe nói vậy không chịu nổi, bèn trở về thuyền bẩm:

- Tiều nhân đã truyền gọi, nhưng à kỵ nữ ấy chỉ ngủ thôi, à không chịu dậy, hoàn toàn không đặt tướng công ở trong tâm đầu.

Mạnh Lãng nghe xong vội giận dữ quát:

- Một con kỵ nữ, sao lại dám ngang ngạnh bướng bỉnh đến thế? Phải bắt à đến đây, làm nhục một trận mới hả!

Lại nghĩ:

- Từ đi bắt à, à nhận ra mình là quan đi làm khách, nhất định à không sợ. Cần phải nhờ quan phủ huyện, lập tức bắt đến, mới hiểu thế nào là lợi hại. Liền sai người đến phủ huyện nói. Phủ huyện được tin đều ngầm ngầm kinh sợ, nghĩ:

- Con người này quan to, quyền quý. Hơn nữa tính tình lại bạo ngược. Hơi cố ý chống lại là bị tai họa ngay. Liền cho người tới khe khẽ nói cho Tô Tiếu Tiểu biết để nàng mau chóng đến chầu quan Thái giám viết thư giải thích, sau đó mặc áo xanh, xõa tóc, tự đến nhận tội, thì may ra có thể miễn được tai họa. Nếu còn chù chừ thì tất không thể dung tình.

Dứa hầu liền nói hết cho Tô Tiếu Tiểu nghe. Tiểu Tiểu nghe xong vẫn cứ nằm trên giường cao không hề để ý. Dì Cố biết chuyện, rất lo lắng, vội vàng bước tới trước giường, nói:

- Viên quan họ Mạnh này, ai ai cũng đều nói hắn là tay vô cùng bạo ngược. Cháu đừng có cho là chuyện thường. Cửa nhà gia đình chúng ta muốn cất đầu lên, cố nhiên không khó, nhưng bị tan nát thì cũng dễ thôi. Cháu nên vội vã đứng dậy ngay từ điểm đó, không thể để cho hắn lảng nhục một lần, làm tổn hại tới danh thơm.

Tô Tiểu Tiếu đáp:

- Dì Cố chờ có vội vã lo sợ. Hai ba ngày hôm nay hắn mồi, cháu không đến, cho nên mới phải khuếch trương thanh thế. Cháu chẳng qua miễn cưỡng bắt buộc phải đi cho xong chuyện, làm gì phải trang điểm?

Dì Cố nói:

- Không thể như vậy được. Cứ theo lời quan phủ huyện nói thì ngay đến quan trong phủ huyện cũng phải sợ hắn, nên phải cho người đến bảo với cháu. Phải cầu lấy thư của mấy vị quan to, đến nói chuyện trần tình thì cháu mới được tha tội. Nếu không như vậy nhất định sẽ xảy ra họa to đấy.

Tô Tiểu Tiếu bị dì Cố nói cẩn kẽ, chỉ cười hì hì, cất thân đứng dậy nói:

- Vui giận nhất thời trong rượu hoa với kỹ nữ, có họa gì lớn được? Cháu vì mệt mỏi nên muốn nghỉ ngơi ngủ cho lại sức, sao dì Cố nhát gan thế, cứ giục giã cháu!

Tô Tiểu Tiếu mặc quần áo rồi chậm chạp bước tới trước dài gương ngầm nghĩa. Dì Cố nói:

- Cháu bây giờ đến để nhận tội, chứ không phải đến để nhận làm người mời rượu đâu. Chỉ cần khoác một cái bao tài, mặc một bộ áo xanh cũ là được rồi. Làm gì phải trang sức cầu

kỳ?

Tiểu Tiểu cười:

- Trang sức là để tỏ lòng cung kính. Cung kính mời chào, cơ tội sẽ được tha! Làm sao lại có thể xõa tóc, mặt bẩn, áo xanh, khinh bạc người ta được?

Cho nên Tiểu Tiểu đã không nghe lời dì Cố. Cuối cùng đã chải mây lượn trắng, tô điểm, trang sức đẹp như tranh nhũ hoa. Án sáng qua loa rồi ngồi lên xe hương, bước thẳng lên thuyền ở trên hồ, rồi cho người vào báu.

Lúc này Mạnh quan sát đang mời rất nhiều tân khách uống rượu ngâm mai. Bỗng nghe báo Tô Tiểu Tiểu đến, trong lòng tự dung mừng thầm, nhưng lại cần tỏ ra một trận bực tức, dẫu thế lặng yên được. Cần phải gầm gừ quát thét vài câu, rồi sau đó sẽ định tội. Hắn liền hỏi:

- À tự đến hay là quan phủ huyễn bát đến?

Tà hữu báu:

- À tự đến!

Mạnh quan sát nói:

- Đã biết tự đến thì dẫn à vào gặp.

Vừa bảo vậy, vừa ngồi lên ghế cao, để làm ra vẻ oai vệ. Chẳng bao lâu, người con chưa bước tới mà lỗ mũi hắn đã người thấy thoang thoảng mùi sạ lan ngào ngạt. Hương thơm đã làm cho khí tức giận của hắn tiêu tan quá nữa. Khi nàng bước tới trước mặt, tuy nhiên chỉ có áo quần giàn dị dạm nhạt, nhưng là một tấm thân đẹp tuyệt trần, nét mặt ngồi ngồi dung quang, ửng tiếp không ngọt. Hắn như tự nhiên nhìn thấy một nàng tiên giáng xuống phàm trần. Tên Mạnh

quan sát này tuy nói là tinh tình tàn bạo, nhưng đang tuổi tráng niên, lòng hiếu sáu khá mạnh mẽ. Nhìn thấy nàng tươi đẹp như vậy, giận là không nuốt được vào trong miệng, chỉ ngại là người ngoài nhìn thấy bất nhã, nên đành phái kìm lại. Tô Tiểu Tiếu cũng không vội vàng hấp tấp, bước tới trước mặt, cũng không quỳ gối, nhưng vái một vái dài rồi nói:

J. - Tiện thiếp là Tô Tiểu Tiếu, kính chúc tướng công vạn phúc!

Tới lúc này trái tim Mạnh quan sát mềm nhũn, không nói được lời nào rắn rỏi nữa, nhưng lại hỏi:

- Ta đã cho gọi nàng ba ngày, sao nàng lại chống ta không đến, có biết tội không?

Tiểu Tiếu đáp:

- Nếu nói theo phép tắc của đại quan thì tướng công với tiện thiếp li cách vời vợi như trời cao với nước sâu, đâu dám chống lại. Đối với danh tiếng của tướng công là bậc cự khanh, nhân ngày xuân tuần sát ngoạn cảnh, tiện thiếp đến chậm về muộn cũng tại bởi cái tội phong hoa tuyết nguyệt, thiếp đam say trong hoa khói, không biết tự chủ. Cho nên năm năm, tháng tháng, ngày ngày đều không sao tránh được. Tiện thiếp tuy tội vạn lần đáng chết, nhưng không thể không tận thường. Cũng không riêng chỉ với một mình tướng công mà thôi đâu. Dám mong tướng công mở rộng ân đức tha thứ cho!

Quan Sát nói:

- Thôi ta cho qua! Nhưng hôm nay nàng đến đây để mong lấy sống hay cầu lấy chết?

Tiểu Tiếu đáp:

- Yêu thì muốn cho sống, ghét thì để cho chết⁽¹⁾. Tất thảy đều ở trong cái muốn của tướng công cả. Làm sao tiện thiếp có thể tự định được?

Quan sát nghe xong bất giác cười lớn, nói:

- Phong lưu thông tuệ, quả nhiên là danh hạ vô hу⁽²⁾. Nhưng ở đây tỏ tài qua miệng lưỡi, không phải là thực học. Nếu nàng có thể làm phú thơ cho ta xem, ta chẳng những không tăng thêm tội, mà lại còn được ưu ái nữa.

Tiểu Tiếu liền hỏi dè. Quan sát liền chỉ vào cành hoa mai cảm trong bình, nói:

- Hôm nay ngâm mai, thì lấy mai làm đề.

Tiểu Tiếu nghe xong, cũng không suy nghĩ, cất giọng ngâm

*Hoa mai tuy xương rắn
Sao chóng nổi xuân han!
Đối phản hồng thành trắng
Để mắt xanh han hoan!*

Mạch quan sát nghe xong, biết là ý thơ đều bao hàm việc trước mắt, mà không cao sang, lại không ti tiện, nên rất mừng vui hân hở, liền bước xuống khỏi chỗ ngồi, tự tay dắt Tiểu Tiếu nói rằng:

- Vốn phuơng khanh quả là một trong tài tử trong đám nữ nhi. Bản quan đã hiểu sai, quả là thất lễ quá!

(1) Nguyễn văn "Ai chi dục kỳ sinh. Ô chi dục kỳ tử"

(2) Tiếng đồn quả không sai!

Tiểu Tiểu đáp

- Tiện thiếp có tài gì đâu? Chẳng qua chỉ là lời tình khúc triết, ngẫu nhiên trùng ý tướng công đó thôi!

Mạnh quan sát nói:

- Lời tình ý hợp, chính mới là cái khó của con người tài.

Bèn dát Tiểu Tiểu ngồi lên ghế trên, rồi mới vui vẻ uống.

Trong lúc uống rượu, Tiểu Tiểu nhìn trái nhìn phải, cười nói khôi hài, làm cho các quan khách thấy đều vui mừng sung sướng. Lúc này Mạnh quan sát nhìn thấy nàng gần gũi chan hòa, bất giác thầm hồn phóng đãng, muốn giữ Tiểu Tiểu ở trong thuyền. Thế nhưng lại sợ quan châm⁽¹⁾ bắt tiễn, bèn uống úng ục cho thật say. Sau đó sau người đốt đèn sáng, cầm được đưa Tiểu Tiểu về nhà. Trái lại, ngầm hẹn với Tiểu Tiểu đến đêm khuya sẽ lẻ làng cưỡi thuyền đến gặp nàng tại gác kính. Cứ như vậy, liền trong ba đêm, lòng rộn lên sung sướng, đã tăng nàng một ngàn lượng vàng rồi mới từ biệt.

Thật là:

*Giận dữ mắt rách toạc
Hết giận mặt đầy xuân
Đau buộc tình tính đổi
Bởi tại sắc mè nhân!*

Sau khi Mạnh quan sát đi khỏi, dì Cổ mới hỏi:

- Tên quan sát này tới dón cháu mà cháu không đi, hẳn đã nhờ quan phủ huyền đến bắt, uy nghiêm đến mức như thế!

(1) Châm: lời khuyên mẫu mực. Quan châm: mẫu mực của một vị quan.

Cháu tự đến ta tội, dì còn canh cánh trong lòng sợ thay cho cháu. Không hiểu sao gặp cháu, cháu chỉ nói mấy câu mà hán cười vui ngay được. Đó là duyên cớ gì?

Tiểu Tiếu đáp:

- Dì Cổ còn chưa biết đó thôi! Phàm những người nào muốn được gặp cháu trước, sau vì không gặp được mà sinh buồn sinh giận, thì đều là những kẻ thèm muốn cái đẹp về tài sắc của cháu, nên khát khao được gặp mà thôi!. Đó là vì không được gặp mà sinh ra giận dữ, tất nhiên sự giận dữ ấy không phải là bản tâm của họ, đều chỉ vì không được gặp mà sinh ra. Cho nên cháu trang sức lộng lẫy tới an ủi để ổn định trái tim thèm muốn của họ trước, tất nhiên sự giận dữ đó không phải chờ nói câu nào, mà tự cười là xong hết. Nếu mặc áo xanh, để xõa tóc, sẽ bị hán coi là bất tài, xấu xí, không thể mừng thích được, chẳng làm tăng sự giận dữ của hán ư? Cháu biết chắc hán chỉ là một con người ngoài thì rắn mà trong thì mềm. Cho nên cháu dám đến thẳng để gặp mà không sợ!

Dì Cổ nghe nói, rất vui mừng:

- Dì cũng đã quá nửa đời người làm kỹ nữ. Bí quyết vào cửa, bí quyết trên chăn gối, bí quyết để gợi lấy tiền của, bí quyết để buộc chặt không buông tha. ..quả thật rất nhiều. Thế nhưng dì chưa hề biết trong nghề kỹ nữ, còn có biết bao nhiêu khiếu, bao nhiêu mạch nữa. Chẳng trách gì mà cháu gái của dì đã được hưởng tên tuổi lớn lao đến thế. Té ra còn có cái bí quyết ấy nữa cơ đấy!

Tô Tiểu Tiếu cười:

- Có bí quyết gì đâu? Tất thảy loài người đều có tình như

vậy cà mà thôi!

Kể từ khi Mạnh quan sát có hành động như vậy, xa gần đều lan truyền Tô Tiếu Tiểu chẳng những đẹp tuyệt vời mà còn có tài ứng biến. Thanh danh nàng ngày càng nổi bật. Thế nhưng Tiểu Tiểu lại nghĩ thầm rằng:

- Ta đã làm kỹ nữ nhiều năm. Phú quý vinh hoa không gì không tận hưởng. Phong lưu tư vị không gì không trải mùi. Thế nhưng ta chưa hề mảy may bị người đời khinh thường là dễ tiện. Điều đó có thể nói là hạnh phúc may mắn trời cho. Vậy nên thà dịp ngựa xe còn chưa vắng vẻ này sớm tìm chốn đào nguyên để ta về ở. Kiên quyết từ bỏ lò lửa khổn khổ này, buông tha cho các bậc vương tôn!

Chú ý đã định, nàng liền thác bệnh, lạnh nhạt từ chối mọi người, hoặc kiêng uống trước mặt tú Phật, hoặc độn tích dưới đuôi thần long, ong bướm lại qua mà lá hoa trên cành đau biết nèo. Lâu dài còn đó mà ca múa chẳng thấy âm thanh. Điều đó tuy con người nhìn rõ sự đời mà đâu có dễ dàng lẩn tránh. Ai biết đó là lòng trời tự tại nên nàng đã sung sướng thành toàn.

Bỗng một hôm Tô Tiếu Tiểu cùng người bạn tri kỷ ngâm hoa sen trở về, hít phải khí trời nồng nực, đến đêm lại ra hóng mát trên lô dài⁽¹⁾, lúc đó là hạ tuần tháng bảy, đã có gió lạnh giao thu, không ngờ ngồi lâu bị ngộ gió cảm lạnh. Nàng sinh bệnh nằm liệt giường không dậy được. Thày thuốc tới thăm đều nói là nàng bị lưỡng cảm, dữ nhiều lành ít. Ai cũng

(1) Đài hứng sương ban đêm

biết Tiểu Tiểu chàng có cha mẹ từ lâu, thân thích tuy có nhưng cũng đã thành số lạ. Duy chí có dì Cố là dì lại thân thiết, thấy Tiểu Tiểu bị bệnh mươi phần trầm trọng, dì vỗ cùng lo lắng, nước mắt nhỏ đầm đìa, dì nói:

- Cháu còn trẻ tuổi đã được hưởng đại danh. Đang thi bốn gió cợt trăng hưởng thụ sung sướng, sao trời nỡ bất nhân bắt cháu phải chịu trọng bệnh.

Tiểu Tiểu đáp:

- Dì ơi, dì đừng oán trách trời. Đó không phải là trời bất nhân mà chính là trời có nhân, đã chu toàn cho cháu. Dì nghĩ xem, cháu là một kỵ nữ sớm tối với quan lớn trong triều, khôi hài đàm tiểu mới được nổi danh như thế. Chẳng qua chỉ là cậy vào nhan sắc của tuổi trẻ. Cần phải biết rằng nhan sắc chỉ kỳ diệu ở tuổi thanh xuân. Hết qua tuổi thanh xuân thì dần dần suy bại, sẽ bị người đời vứt bỏ. Loài người đã vứt bỏ thì danh thơm ngày trước cũng chẳng còn gì. Nếu như lúc này, mày còn như hoa, tóc còn óng à, cháu nghỉ muôn tung hoành trăng gió, chẳng qua cũng chỉ được năm mươi năm nữa là hết. Mà năm mươi năm thì chỉ nhanh bằng một cái chớp mắt. Sao bằng thừa lúc hương dương nồng, vị dương ngọt, má đang hồng, người đời đang mê mệt, ta hãy mượn gió sương tuyêt lạnh, tỏa hương son một sớm, nghỉ ở Vu Sơn⁽¹⁾ Văn Mộng⁽²⁾ để tạ ơn tràn thế lúc dương thời, khiến cho hồng nhan tươi thắm không phải nhục nhã lúc bạo dàu. Lớp

(1) Vu Sơn: Tên núi và tên huyện trong tỉnh Tứ Xuyên

(2) Văn Mộng là hai con sông Mộng giang và Văn giang hợp thành một cái đầm lớn rộng tám chục nghìn dặm nay ở huyện Lương Sơn tỉnh Hà Bắc.

lớp đất vàng sẽ thức tỉnh bao mai đầu ống à. Mất đi trong chốc lát để còn lại đến muôn đời. Đây chẳng phải là đã mưu được kế lớn đó ư? Dì Cố hãy cho rằng cháu như thế là được sung sướng, chứ đừng cho thế là khổ sở!

Dì Cố nói:

- Nói thì nói như vậy, tĩnh thì tĩnh như vậy. Nhưng mạng người là quý, cho dù đói rét bức bách, con người vẫn cần phải chịu đựng để mà sống, huống chi cháu là người được sống trong nhung gấm. Nếu cháu có mệnh hệ nào, dù làm sao sống nổi? Cháu phải biết giữ gìn sức khỏe!

Tiểu Tiểu như là nghe lời, lại như là chẳng nghe lời, yên lặng không nói. Qua một ngày, dù Cố thấy bệnh tình trầm trọng, liền hỏi:

- Cháu giao thiệp rộng rãi, tình cảm chan hòa, chẳng biết còn có điều chi chưa nói hết. Có cần dù gọi người nào đến để dặn dò gì không? Lại việc hậu sự, dù xa hoa hay tùng tiệm, xin cháu cứ cho dù biết.

Tiểu Tiểu xong, miễn cưỡng nói:

- Giao thiệp chỉ là đám mây trời. Tình cảm tựa như dòng nước chảy. Tùy lúc có, tùy lúc không, thoát sinh thoát diệt, có gì cần nói đâu và gửi ý cho ai? Còn việc sau khi đã vào áo quan rồi, cháu sẽ vật hóa hình tiêu làm gì còn xa hoa tùng tiệm nữa. Cứ lắng nghe tình dân là biết cả? Nhưng cháu sinh ra ở Tây Linh, chết đi ở Tây Linh, hài cốt sẽ chôn ở Tây Linh, xin đừng phụ thối say mê sông nước của Tô Tiểu Tiểu.

Nói xong, nàng lặng lẽ qua đời. Dì Cố đau đau, khóc vật vã. Lúc này quần áo quan quách đều đã chán bị đầy đủ, thi hài đã liệm xong, đặt ở trong nhà. Dì Cố thấy Tiểu Tiểu đã

tích được bao nhiêu là vàng bạc, muốn dùng nhiều tiền trong việc tang lễ, lại sợ nhà kỹ nữ không nơi nương tựa sẽ gây nên bao điều thị phi. Cho nên dân đo mãi không dám cử hành.

Bỗng một hôm có ba bốn sai nhân, mặc áo xanh, chạy tới như bay, hỏi:

- Tô cô nương có nhà không? Nếu có nhà thì phải đi ngay! Nếu vắng nhà thì phải lập tức tìm gọi. Chúng tôi là người của quan Thích Sứ Hoạt Châu Bảo tướng công, phải lập tức cho chúng tôi được vái lạy.

Dì Cổ nghe nói, không nén nổi khóc lèm.

- Tô cô nương thì có nhà đây. Chỉ hận là cô nương đã mất rồi, không thể tiếp đài được nữa. Nếu như Bảo tướng công muốn dùa cợt mua vui, xin phiền tôn giá về bẩm báo, dừng đến đây nữa vô ịch.

Bọn sai nhân nghe nói giật mình kinh sợ:

- Nghe nói Tô cô nương chỉ mới ngoài hai mươi tuổi, làm sao đã chết được? Có thật vậy không?

Dì Cổ nói:

Hiện linh cữu đang còn ở trong nhà, làm sao lại nói dối được?

Bọn sai nhân không còn cách nào, đành phải phi ngựa về, Chẳng bao lâu từ xa đã nhìn thấy Bảo Thích Sứ mặc áo trắng đội mũ trắng, không ngồi kiệu, chỉ cưỡi ngựa đi đến. Tới bên cầu Tây Linh bèn xuống ngựa, đi bộ tới cửa, liền hô hô hu hu, khóc nức nở, bước vào nhà. Đến trước cữu chàng ôm chặt lấy quan tài, quá đau đớn nói:

- Tô phượng khanh nàng ơi! Nàng là một nhí nữ kỳ tài, có

tâm huyết, có đôi mắt tuệ của muôn đời. Nàng đã biết Bào nhân ta là một anh hùng, đã kháng khai tặng ta trăm lượng vàng để ta đi cầu lấy công danh. Sao nàng không đợi Bào nhân ta trở về, công đã thành danh đã tựu, để tạ ơn người tri kỷ. Sao nàng nỡ từ bỏ tràn thế mà ra đi? Phương khanh đã đi, để lại cho Bào nhân ta một bầu tình cảm tri kỷ biết nói cùng ai? Ta không dồn đau làm sao cho được?

Khóc lóc suy nghĩ hối lâu. Bỗng lại quá đón đau vật vã nói:

- Bầu tâm sự tri kỷ này, chỉ là tình riêng của Bào nhân thôi. Còn đối với công luận: trời đã sinh ra phương khanh có dung mạo tựa hoa, có kỳ tài vịnh tuyết. Tài sắc đẹp tuyệt vời đã làm cho đất trời ganh ghét. Sinh hoa thơm là khổ, trời đã biết, nên cũng hờ đã khoan dịu vài năm Hà cớ gì, hoa mới trổ nhụy chồi mầm, mà trăng đã buông câu đoạn mất? Trời xanh hối, trời xanh bất nhân thật.

Khóc mãi cho tới lúc đứt hơi, khản tiếng.

Đi Cố lúc này đã hỏi rõ bọn hầu gái mới biết đó là người mà Tô Tiếu Tiếu tặng vàng ngày trước. Nên đã đứng bên cạnh khuyên giải:

- Thưa tướng công quý nhân! Xin chờ vì việc mất đưa cháu gái là điều nhỏ mà để quá đón đau tái quý thể!

Bảo Thích Sử nói:

- Thưa mẹ, mẹ không hiểu đó! Con người với nhau, quý là ở chỗ biết lòng nhau. Tô Tiếu Tiếu là cô gái nhỏ, lúc con nghèo đã biết tới lòng con, mà tặng con vàng trăm lượng. Con đường đường là đấng nam nhi, nay được giàu sang phú quý ít ai bì, mà tới muộn thiếu phần báo đáp. Thế chẳng phu

bạc thì còn gọi là gì? Có nhát nguyệt cùng nhìn, sao không
thẹn chết?

Dì Cổ đáp:

- Tướng công đã có tình cảm không quên như vậy, muốn
báo đáp cháu già thì cũng dễ thôi!

Bào Thích Sử đáp:

- Nàng đã ngọc nát hương tàn rồi làm sao còn có thể báo
đáp được?

Dì Cổ nói:

- Cháu gái già đã phồn hoa một nửa, nay phải lạnh lẽo cô
hồn. Quan còn dây mà chưa biết mồ sẽ chôn ở nơi nào. Thật
quá thương tâm. Nếu tướng công có thể chọn cho ba thước
đất ở Tây Linh để chôn hài cốt, khiến cho nàng được phồn
hoa khi trước, nay lại được phồn hoa mãi về sau, thùy chung
như nhất, chắc cháu già ở dưới suối vàng biết được nhất định
sẽ cảm kích sâu sắc lắm đó!

Bào Thích Sử nghe lời mới nói:

- Lời nói của mẹ thật là vô cùng có lý!

Liền gọi kham du⁽¹⁾ tới, tìm chọn một mảnh đất lành ở
bên cầu Tây Linh. Lại gọi thợ thuyền, khởi công động thổ xây
lên một ngôi phần mộ. Lại tự xuất danh phát thiếp cho mồi,
cho gọi tất cả các sĩ đại phu, các hương thân trong quận hợp
đều đến chung tay xuất tảo Tô Tiểu Tiếu. Dân chúng thấy
quan Bào Thích Sử có nghĩa cử như vậy, ai dám không tới?
Lễ tang long trọng nhất một thời. Đến ngày hạ táng, người

(1) Kham du: người thày coi tướng xem địa lý, giờ mưa...

dừng xem hai bên đường đông như biển người, như núi người. Bào Thích Sứ vẫn mặc áo trắng, đội mũ trắng, tự thân đưa linh cữu Tô Tiếu Tiếu táng ở trong phần mộ Tây Linh, dựng một bia đá trên tạc chữ : "TIỀN DƯỜNG TÔ TIẾU TIẾU CHI MÔ". Lại lấy ra cho nàng một số ruộng gọi là tế diền, để làm kinh phí cho dì Cố trồng nom phần mộ. Lúc sắp đi Bào nhân còn quay lai khóc lóc hòi lau, rồi mới lên đường...

Có một giai thoại như thế đó đã nêu danh thơm của Tô Tiếu Tiếu, đến hôm nay vẫn còn lưu truyền với Tây hồ cùng bất hủ...

NHẠC PHẦN TRUNG TÍCH⁽¹⁾

Tây hồ là một vùng đất để du chơi ngâm nhìn núi sông hoa tiêu. Vì sao lại ghi tạc người đại anh hùng trung dung ngàn năm không thể phai mờ ở trên đó? Chỉ bởi vì người sinh tuy sinh ở vùng đất Thang Âm thuộc Thương Châu, người trú lại ở ty Án sát Hoàng Châu, người mất lại mất ở trong ngực Đại lý trên đỉnh Phong Ba, người tăng lại tăng ở đỉnh ngọn Lâu Hà, Bắc Sơn. Cho nên phải mượn tên của người để là tăng thêm vẻ hùng vĩ của Tây hồ mà thôi!

Bạn có biết vị đại anh hùng ấy là ai không? Người họ Nhạc, tên hay chỉ đơn lẻ một chữ Phi, biểu tự là Bằng Cử. Lúc sáu sinh, người mẹ nâm mộng thấy một vị tướng quân, mặc áo hồng bào giáp vàng, thần dàu dư trượng, bước vào cửa thết lớn:

- Ta là Trương Dự Đức triều nhà Hán đây. Nay ta tạm đến ở nhà ngươi.

Nói xong thì người mẹ đê ra không đau đớn gì. Vì vậy cha người lấy chuyện đó đặt tên người là Phi. Sinh ra chưa được bao lâu bỗng bị vỡ đê, nước sông tràn ngập, bà mẹ họ Điều kinh sợ không kịp trở tay, liền ôm chặt Nhạc Phi⁽¹⁾ vào lòng

(1) Sự tích về ngôi mộ của vị trung thần Nhạc Phi.

(2) Nhạc Phi(1103-1141)người Thang Âm đời Tống, tự Bằng Cử, làm quan đến chức Thái úy. Sau khi về nam, ông lập chí khôi phục trung nguyên, nhiều lần đánh bại quân Kim, từng đại phá quân Kim ở Châu Tiên trấn, giành lại nhiều vùng đất đã mất, đang chờ vượt sông tiến quân lên bắc thì tên hán giàn Tân Cối chủ hàng vu oan hâm ông và ngục cho tới chết. Nhạc Phi là vị anh hùng dân tộc nổi tiếng trong lịch sử Trung quốc.

ngồi trong chiếc vỏ mạc cho sóng gió trôi đi. Gió tạt vào bờ, bước lên, cả hai mẹ con đều không việc gì. Mọi người đều cho là chuyện lạ.

Người sinh ra đã giỏi võ nghệ, không chịu hủy hoại khí tiết, nhà nghèo mà châm học. Người ham thích học hỏi nhất là binh pháp Tôn Ngộ⁽¹⁾ và La thị Xuân Thu. Chưa đến tuổi dậy mồ⁽²⁾ đã có thể kéo nốt cung ba trăm cân, nỏ tám thạch⁽³⁾. Sư phụ người theo học họ Chu tên Đồng. Ngày ngày người được thầy dạy bao, chưa đầy mấy năm đã học hết phép diệu kỳ của thầy, tay trái tay phải đều kéo được dây cung, không mũi tên nào bắn chệch đích, kiêm được mười tám ban võ nghệ, ban nào cũng đều tinh thông cả. Nhạc Phi là người rất hay xúc động cảm kích. Về sau Chu Đồng mất, Nhạc Phi kêu khóc vật vã. Mỗi ngày sóc vọng⁽⁴⁾ người đều sửa rượu thịt, ra mộ cúng thầy, gió mưa không nghỉ. Cha người rất vui lòng nói:

- Ngày hôm nay có đức không quên thầy, ngày khác há lại quên cái ân của vua được hay sao?

Nhạc Phi đã lớn nghe biết Nhị đế mông trần⁽⁵⁾ không kìm nổi phẫn kích nên đã làm bài từ Mân Giang Hồng để tỏ ý chí như sau:

*Giận tóc mồ bay, tưa lan can, nước róc rách
mưa ngừng*

(1) Tô Vũ nhà quân sự đại tài thời xuân thu thế kỷ 5 trước công nguyên Ngộ Khởi nhà quân sự đại tài (2) 20 tuổi (3) Mười dấu là một thạch (4) Sóc mòng một. Vọng: ngày rằm.

(5) Mông trần: Có xu hướng đầu hàng, thiêu di theo về nước ngoài.

Mở mắt ngắm nhìn trời gào thét, hòng những xót xa.
Ba chục công danh bụi với đất
Tâm vạn dặm đường trống với mây
Chó nhàn chờ đầu thiêu niên học tráng, bì
thương thống thiết
Được yên mà nhục dầu còn trong sạch
Thần từ hận bao giờ rìa sạch nhuốm nho.
Cuối xe dài dẹp nát Hạ Lan sơn
Trang chí đổi thèm ăn thịt giặc
Nói cười khát uống máu dầu dao
Chó từ đầu thu thập lại son hà dâng của khuyết.

Chỉ một bài từ này mà gan trung mệt nghĩa, hiệp khí
hung tâm của Nhạc công đã hiện cả vào trong nét mực. Lúc
này quân Kim⁽¹⁾ nhiều lần xâm phạm biên cương, triều đình
ra lệnh cho Lưu Hiệp làm Bắc định Tuyên phủ ty chiêu mộ
các binh sĩ dũng cảm. Nhạc Phi nhận đơ ứng mộ. Tuy được
thu nhận tin dùng dưới trướng Lưu thủ ty, nhưng cũng chưa
ai biết. Bỗng một lần phạm trọng pháp, dao phủ trói chặt tay
đem đi chém. May được Lưu thư sứ Tông Trạch xuất trướng
ra ngoài, nhìn thấy người có hồng quang đầy mặt, dung mạo
dường đường, bất giác kinh ngạc, vội quát dao phủ ngừng
tay, đích thân tới cởi trói, nói:

- Vị đại tướng này có tài đó, chờ làm lỡ việc lớn!

(1) Kim là một triều đại năm 1115-1234 tộc Nô Chân diệt Liêu đánh Tống chiếm
cứ một số tỉnh đông bắc, lưu vực Hoàng hà và Giang Hoài hiện nay, sau bị
Mông Cổ tiêu diệt.



Nói chưa hết lời có thám mă tới báo, Kim Ngột Thuật tiến đánh Tị Thủy, binh mạnh tướng hùng ta không địch nổi. Tông Trạch điểm năm trăm binh mă cho Nhạc Phi đi lập công chuộc tội. Nhạc Phi lình mện ra đi, vừa hay gặp đội quân tiên phong của Kim Ngột Thuật, cạy thế hăm hở xông đến. Nhạc Phi cũng không chờ chúng đến trong vòng trăm bước, đã giương cung cứng, nhẹ đặt mũi tên thần, chỉ nghe tiếng "pàng" tên tiên phong đã bay cả hai chân lên trời, kết liễu một tinh mệnh. Chính trong mũi tên ấy, Nhạc Phi bay ngựa xông lên, lao chiếc thương sắt dài trượng tám, giống như con rồng đen quẩy sông lật biển, trúng người người chết, trúng ngựa ngựa vong, cả năm trăm quân lấy một địch mười. Trong trận này, sau khi đánh giết quân Kim không còn mảnh áo giáp, Nhạc Phi chỉnh đốn quân mà trở về. Thật là:

Vui bát tận, roi vùng, Kim đại bại

Cười hè hè, vui hát khai hoàn ca.

Tông Trạch thấy Nhạc Phi chiến thắng trở về liền mở to viễn môn⁽¹⁾ đón Nhạc Phi vào, đích thân rót rượu thường binh lính vất và, liền thăng Nhạc Phi lên chức quan Thống chế. Trong lúc uống rượu, Tông Trạch nói với Nhạc Phi:

- Người có trí dũng, có tài nghệ. Tuy tự cổ danh tướng không thể mắc sai lầm, cứ ham thích dã chiến không phải là kẽ vẹn toàn.

Nên dã đem trận đồ mà mình đặc ý nói với Nhạc Phi. Nhạc Phi nhận đó trả lời:

(1) Viễn môn: cửa ngoài phủ quan ở ngày xưa.

- Vào trận mà đánh dâng sau đó là sự thường của nhà binh. Nhưng lúc này quân đang còn ít, tất vạn dụng phải tài tình, phải giữ một lòng hết sức bí mật.

Tông Trạch cho là phải. Từ đó trở đi, thiên hạ mới biết Nhạc Phi là một viên đại tướng.

Dến đời Kiến Viên nguyên niên, Nhạc Phi thấy Cao Tông tâm trí lười nhác nên đã dâng thư lên rằng:

"Nay bệ hạ ngồi trên đại bão, quân Cần Vương⁽¹⁾ binh lính sẵn sàng. Chỉ chờ địch sơ hở là ta đánh sang!"

*Hoàng Tiềm Thiện, Uông Bá Ngạn không thể thua
Thánh ý khôi phục xa giá về nam
Sợ không đạt được ước nguyện lấy lại trung nguyên.
Xin bệ hạ thua lúc sào huyệt địch chưa vững vàng
Thần dân lục quân vượt lên bắc
Tất đại tướng thành thoi lấy lại trung nguyên!*

Thư vừa dâng lên, hai tên Hoàng Tiềm Thiện và Uông Bá Ngạn xem xong, nghiến chặt hai hàm răng kêu ken két nói:

- Tên tiểu tốt vô lễ dám nói điện rõ như thế này ư!
Liền đến trước mặt Cao Tông sàm báng, xúc xiếm. Cao Tông liền giáng chỉ:
- "Lời nói vượt chức, tước bỏ quan chức!"

Nhạc Phi biết bị sàm tấu, nhưng không biết làm cách nào, đành phải đến nương náu vào Trương Sở là quan Chiêu thảo

(1) Cần Vương: đội quân cứu vãn nhà vua, vì nhà vua lận đận.

sứ⁽¹⁾ ở Hà Bắc. Trương Sờ hiểu rõ Nhạc Phi là một vị anh hùng, bèn giao quyền cho làm chức Trung quân thống lĩnh rồi hỏi Nhạc Phi rằng:

- Ta nghe người ta đều nói ngươi kiêu dũng lầm, không biết ngươi đích nổi bao nhiêu người.

Nhạc công nói:

- Dũng không đủ tin cậy. Dũng binh trước hết phải định mưu kế. Xưa Tấn lấy cành loan kéo làm cùi nên đã hết gai, Sở không chơi với người kiếm cùi nên bị treo cổ, đều là do định mưu kế cả.

Trương Sờ đậm chấn xuống đất khen rằng.

- Chỉ sợ ông không là người trong hàng ngũ của ta thôi! Càng thêm kính trọng, bèn thăng chức cho Nhạc công làm Võ kinh lang. Nhạc công nói với Trương sờ rằng:

- Quốc gia đóng đô là đất Biện⁽²⁾, dựa vào thành quách của Hà Bắc kiên cố. Sao không xông vào đánh cứ điểm quan trọng ấy để giành lại đất dai phố xá mà ôi. Một thành bị vây tất các thành hoặc viện trợ hoặc đến cứu, khiến cho quân Kim không thể dòm xuống Hà Nam, tất nhiên kinh sư vẫn là đất cẩn bắn vững vàng.

Trương Sờ nghe xong, vui mừng, bèn ra lệnh cho Đô thống Vương Ngan soái dân Nhạc Phi với mười một quan tướng cùng bảy ngàn quân, qua sông đến Sát Bôn, Tân

(1) Là chức quan chuyên chiêu những người làm phản đến đầu hàng sau đồi Đường.

(2) Biện: sông Biện ở tỉnh Hà nam, do đó tỉnh Hà Nam còn gọi là đất Biện.

Hương. Đến Tân Hương đã nhìn thấy:

Đây trời rợp đất, quân đông tựa kiền ong
Nắng cháy gió rung, mạnh như cáo lồng thiêng chạy
Trái uất phai cuộn, cờ xí nốt nốt như mây bay mù torda
Tiền hò hậu ứng, lúc ra quân nhu quý khóc thán gào
Dao kiếm bày trâm đậm sáng nhu băng tuyết
Khói giáp ló mắt như những ngôi sao chí chít trên trời
Có là anh hùng cũng phai mặt rơi
Có là hào kiệt thì tâm cũng sợ.

Vương Ngạn nhìn thấy thế lớn của quân Kim, không dám tiến, dừng lại dựng doanh trại, lộc giác⁽¹⁾ xung quanh giải đầy gai. Nhận đó Nhạc công nói:

- Quân ta kéo đến phải lập tức đánh ngay! Trước hết phải làm cho chúng mất nhuệ khí. Nay đóng doanh trại cố thủ vững vàng, đâu phải là kế sách diệt giặc. Nếu cứ như vậy, biết ngày nào mới lấy được Tân Hương? Hơn nữa chúng có mười vạn quân, ta chỉ có bảy ngàn. Ta phải tiến đánh trước mới có thể giành được thắng lợi.

Vương Ngạn nghe nói, sợ hãi quân Kim, lặng yên chẳng nói. Mười vị quan tướng đều mặt mày tái mét, không dám hé răng. Nhạc Phi biết rõ các vị quan tướng này đều là đồ vô dụng, liền tự chiêu dẫn bộ hạ tám trăm quân tinh nhuệ, cũng không cần nghe hiệu lệnh của Vương Ngạn, dừng cảm xông vào doanh trại quân Kim chém giết. Kim Ngột Thuật nhìn thấy quân Nhạc công ít, nên xem thường. Đầu có ngò Nhạc

(1) Thời xưa dựng doanh trại ở bên ngoài chôn các cột gỗ bảo vệ gọi là lộc giác.

Phi tiết chế quân lính, lấy ít đánh nhiều, chỉ có tám trăm quân xông vào trận giống như tám trăm con hùm. Hơn nữa, Nhạc Phi cưỡi ngựa đi trước, địch ở xa dùng tên, tên bay tắt chết; địch ở gần dùng thương, thương lao, tất địch nhào. Cứ thế đánh đến bên đại đạo⁽¹⁾ của giặc. Từ trước, ở bên cờ lớn nhất định phải có đại tướng thủ giữ, không ngờ Nhạc công bước tới đại đạo, tay đánh thương lao vào đâm chết bao nhiêu giặc, đoạt lấy đại đạo nhanh như bay. Bọn giặc trông thấy, tim tan mật vỡ, tan nát toán loạn. Vương Ngạn nhìn thấy Nhạc Phi thắng lớn mới dẫn mười quan tướng cùng xông vào giết giặc, giành lại Tân Hương. Vương Ngạn thấy Nhạc Phi lập được công lớn, trong lòng không vui.

Ngày hôm sau, Nhạc Phi lại dẫn bộ hạ tiến đánh, Hầu Triệu Xuyên liều mình xốc tối, thân tuy trúng tên bắn thương đâm, máu đầm áo giáp vẫn không chịu lùi. Bình Nhã nhìn thấy chủ tướng như thế, ai dám thoát lui, nên lại thắng một trận nữa. Sau nghị đến chuyện thiếu lương thực, đành phải tới doanh trại của Vương Ngạn xin lương gạo. Vương Ngạn đang đầy lòng ghen ghét đồ kỵ, nên nhất định không phát.. Nhạc công không biết làm thế nào, đành phải dẫn quân đi lên hướng bắc đánh nhau với quân Kim, ở dưới núi Thái Hành. Một viên kiện tướng của Kim Ngột Thuật hiệu là Thác Bạt Ô mảnh cao hơn trung tượng, có kỳ hình quái dị, sức khỏe vượt người, sử dụng một chiếc tam tiêm lưỡng nhẫn bát

(1)Đại đạo: cờ lớn ở trung quân

hoàn dao⁽¹⁾ đã giết chết mấy viên dũng sĩ dưới trướng của Nhạc công. Nhạc công giận lắm, nhoai mình xông lên, trực tiếp lao vào đánh. Thác Bạt Ô tuy có sức lực nhưng sao địch nổi với Nhạc Phi dũng mãnh như thần. Dánh nhau suốt năm sáu chục hiệp, Nhạc công tay trái dùng thương đè bẹp được tam tiên lưỡng nhẫn dao, thét to lên rằng:

- Tên giặc khốn kiếp chạy đường nào!

Tiếp đó dùng tay phải nắm chặt lưng sồi từ trên ngựa, bắt sống được hán. Quân Kim nhìn thấy chủ tướng bị bắt, ôm đầu chạy toán loạn. Quân của Nhạc công nhất tề xông lên, giết chết giặc không biết bao nhiêu mà kể. Trở về đem Thác Bạt Ô chém đầu để tế cờ. Sau đó chưa đầy hai ngày lại cùng quân Kim đánh tiếp. Trong quân Kim có đại vương Hắc Phong cưỡi ngựa đi đầu, tay cầm song dao cứ như là đi vào chỗ không có người. Nhạc công bắn một mũi tên ra, Hắc Phong đại vương đã vung lưỡi dao chém đứt. Nhạc công nhìn thấy hán chém đứt mũi tên thứ nhất, liền già vờ kéo dây cung "păng" một tiếng. Hắc đại vương nghe thấy tiếng dây cung, né mình tránh, chàng ngờ Nhạc Công biết bắn "liên châu"⁽²⁾, đã đặt sẵn mũi tên thứ hai theo âm dây cung, liền phóng theo sau. Hắc Phong đại vương tránh không kịp, trúng ngay vào tấm kính che ngực kêu lên "pinh" một tiếng, tia lửa lóe sáng. Hắc Phong thấy Nhạc công vô nghệ cao cường như vậy, quay ngựa định chạy chốn đâu ngờ chiếc thương sắt dài trượng tám dãy tới sau lưng, đâm thủng buồng tim, xuyên

(1) Con dao có ba mũi nhọn, hai lưỡi sắc và lát khuy tròn.

(2) Liên châu là liên tục không ngừng nứa pháo liên châu, tên liên châu.

suốt ngực, làm cho Hắc Phong đại vương từ trên lưng ngựa, bay thẳng lên không trung như đứa trẻ con đang chơi trò nhảy múa, quấn Kim nhìn thấy đều ôm đầu chạy trốn. Quân đội Nhạc Phi ò ạt xông lên chém giết thật giống hệt như bão dưa, thái rau vậy. Những tên Kim sống sót đều khóc lóc chạy trốn, thật không gì khổ bằng. Có thơ làm chứng như sau:

*Hắc Phong, Thác Bạt quá kiêu hùng
Mùi tên, dầu mác xuyên thủng lung
Tất thấy quân Kim dầu dám cứu
Anh hùng gặp lại đại anh hùng!*

Sau khi Nhạc công giành thắng lợi, biết rõ Vương Ngan ganh ghét, liền dẫn quân lính bắn bộ và với Tông Trạch. Tông Trạch lòng chi muôn được khôi phục, nên cù Nhạc Phi làm Thống chế. Về sau chẳng may Tông Trạch mất, Cao Tông dùng Đỗ Sung thay Tông Trạch. Nhạc Công vẫn làm Thống chế quan. Ai ngờ Đỗ Sung ngu dốt đã rời về Kiến Khang. Nhạc công khổ sở khuyên can:

- Đất trung nguyên một tắc không di, một ly không bỏ. Nay hễ nhắc chân đí, đất này không thuộc sở hữu của ta nữa. Một ngày khác muốn lấy lại, không có mấy vạn lính thì không thể lấy lại được đâu!

Sung không nghe, cứ rời về Tiến Kiến Khang. Sau quân Kim kéo đại quân đến, Sung không địch nổi đã đầu hàng Kim Ngột Thuật, để đến nỗi Kiến Khang thất thủ. Cao Tông lo lắng sót ruột bỏ chạy về Minh Châu. Minh Châu tức là phủ Ninh Ba ngày nay. Nhạc công nghe tin, đậm chân thở dài than rằng:

- Sớm biết nghe lời ta, há dâu đến nỗi này!



Lại nghe tin Kim Ngột

Thuật đã giành được Kiến Khang và kéo quân tới chiếm Hoàng Châu. Nhạc công thấy sự nguy cấp đành phải soái lĩnh ba ngàn quân bộ hạ dũng cảm kéo tới địa phận Quảng Đức. Vốn bộ hạ của Nhạc Công có hai viên đại tướng, một người tên gọi Ngưu Cao một người tên gọi Vương Quý. Lại có con rể là Trương Hiến, con trai là Nhạc Văn, cả bốn người đều là dũng tướng vạn người khôn địch. Nhạc công liền sai Ngưu

Cao dẫn năm trăm quân cưỡi ngựa phục ở bên trái, hễ nghe tiếng pháo thì xông ra đánh. Lại sai Vương Quý dẫn năm trăm lính phục ở bên phải, hễ nghe tiếng pháo thì xông ra đánh. Còn mình tự dẫn Nhạc Văn, Trương Hiến cùng một ngàn lính, đều lệnh phải cho ngậm mai⁽¹⁾, phục ở đằng sau. Do thám được quân của Ngột Thuật đến, quân đằng sau sẽ phóng pháo hiệu liên châu, một cánh quân của Ngưu Cao từ bên trái xông ra giết, một cánh quân của Vương Quý từ bên phải xông ra giết. Nhạc công tự dẫn Nhạc Văn, Trương Hiến từ đằng sau di tát ra, hò thét vang trời, bụi bay mù mịt. Bọn

(1)Mai là một thứ vật binh lính khi hành quân phải ngậm trong miệng để khôi phát ra âm thanh (thời cổ).

quân Kim Ngột Thuật xuất kỳ bất ý, ló sơ rụng rời chân tay, toán loạn tú tung, tự đâm lên nhau, thấy chết cao như núi.

Ngay hôm sau, Kim Ngột Thuật hợp quân lại đánh. Nhạc Công thấy quân Kim kéo đến rầm rộ, tự dẫn quân kiêu kỵ⁽¹⁾ hầm hố xông lên, nhưng không đánh giết quân di trước, mà lại đánh quân bên cạnh, xông ngang vào trận, cắt quân lính của chúng thành hai khúc, khúc đầu khúc đuôi không giáp gì được nhau. Nhạc công ở giữa quân giặc, dậm ngang chém dọc, chỉ động giết tay, giống hệt như du long mãnh hổ, phá tan nát thế trận của quân Kim như phán bụi cát làm làm cho quân giặc thất diện bát đảo. Kim Ngột Thuật lại một trận đại bại. Nhạc công thu binh trở về, khao thường binh sĩ, rồi lại căn dặn Ngưu Cao, Vương Quý nói:

Quân Kim liên tục bại trận, hai người đừng tiếc công sức gian nan vất vả. Mỗi tướng dẫn năm trăm quân làm hai đường mà đi. Ban đêm chặt phá doanh trại của chúng, ta sẽ đi sau tiếp ứng, chờ để hỏng việc.

Hai tướng tuân lệnh ra đi. Vốn là Kim Ngột Thuật rất giỏi dùng binh cũng đã phòng bị cướp doanh trại, nên dù cho hai cánh quân cả người ngựa mai phục ở hai bên. Ngưu Cao, Vương Quý hai tướng vừa đến doanh trại quân Kim, ai ngờ phục binh của chúng từ hai phía xông ra, đánh thẳng vào chính giữa. Vừa hay lúc đó hai cánh quân của Nhạc Văn, Trương Hiến vừa di tới, tất cả tiếp ứng lẫn nhau, làm một cuộc hỗn chiến, suốt đêm tối sáng, bắt sống được tướng Kim

(1) Kiêu kỵ: lính giỏi sử dụng ngựa.

Vương Quyền và bốn chục viên thủ lĩnh Quân Kim lại thêm một trận đại bại.

Nhạc công về trong doanh, bắt giải Vương Quyền và bốn mươi thủ lĩnh tới. Bởi Nhạc công nghĩ binh Kim còn mạnh, có thể dùng trí để đoạt thì dễ, lấy lực mà đoạt thì khó, liền khoát tay cho các dao phủ lùi ra, tự tay cởi trói để kết tinh an nghĩa. Bốn chục viên thủ lĩnh ấy, biết có thể dùng được đều kết làm an nghĩa. Quân Kim cảm ơn, tình nguyện xin tận lực đến chết! Hàng binh có hơn năm trăm, Nhạc công cho quân mình, một nửa mặc áo giáp của quân Kim, cầm cờ hiệu của Ngột Thuật, lẩn vào trong đám hàng quân, giả làm những người bị bắt mới được tha về. Quân Kim tưởng là quân mình nên mở cổng cho vào. Mới bước vào cửa doanh trại, tất cả đều nhất tề xông vào đánh. Quân Kim hỗn loạn. Nhạc công đi theo sau tự dẫn hùng binh xông lên chém giết, đến nỗi:

Khói bụi mịt mù, bao trùm đầy trời trăng gió.

Sát khí mènh mang, phủ kín biển địa sơn hà

Lưỡi dao như ánh tuyết, vung lấp lánh dầu giặc bồng roi

Cung nỏ như trăng, bay vun vút, chân thù ngã gục

Một tiếng võ tay, đã tống tiền bao nhiêu binh sĩ

Binh bang mấy trận, kết liễu vô số tướng quân

Lúc mới đến nước tan núi đổ không người dám địch

Sau khi thua, mấy sầu trăng túi, khó bước chân di!

Quân Kim thua liền sáu trận, không dám tới xâm phạm Hoàng Châu nữa, muốn trở về Kiến Khang. Nhạc công nghe tin, liền phái trước ba ngàn khinh kỵ, ước hẹn chia quân mai

phục ở hai bên Ngưu Thủ sơn. Quân Kim vừa tới, cánh quân ở bên trái xông ra trước, tiếng pháo nổ đã thấy một lá cờ của Nhạc công dựng thẳng lên. Quân Kim đang lo tiếp ứng, bỗng nhiên cánh quân ở bên phải lại xông ra. Tiếng pháo thứ hai nổ, lại đã thấy một ngọn cờ của Nhạc công dựng thẳng. Quân Kim vội phản một cánh quân đối địch lại. Lại nghe thấy tiếng pháo thứ ba nổ, một lá cờ của Nhạc công lại dựng lên. Phía trước đột nhiên xuất hiện đại quân người ngựa vây tròn xung quanh, kéo tới chém giết. Quân Kim ba mặt bị vây chặt, thì liều chết xông về phía ít binh lính. Nhạc công biết vây không được, dành mõ cho cho chúng một con đường sống, để chúng thoát ra, nhưng lại dùng cung mạnh nỏ cứng, bắn như mưa vào sau lưng. Quân Kim hoảng loạn tự giẫm lên nhau, người chết không biết bao nhiêu mà kể, thêm một trận chúng bị đại bại.

Nhạc công lại cho nãm trăm quân quyết tử, lợi dụng đêm tối, mặc quần áo đen, xông vào doanh trại quân Kim. Lại một trăm quân đánh trống gỗ chiêng, hò reo làm ầm ỹ ở bên trái. Quân Kim lo sợ hoang mang không biết có bao nhiêu quân kéo đến, thế là xông vào đánh lẫn nhau, xác chết nhiều vô kể. Hò reo chém giết đến quá nửa đêm. Bọn hơn trăm người này nghe tiếng hò reo lại tụ tập vào một phía, đánh loạn rồi chạy ra. Trời tối, đêm đen, quân Kim không dám đuổi theo, chỉ nghe thấy tiếng trống thúc, tiếng tù và thổi làm ầm ỹ. Chờ đến khi trời sáng, quân Kim kiểm điểm binh mã thấy xác chết ngổn ngang. Thì ra quân mình lại giết quân mình. Đến canh hai ngày hôm sau, lại nghe thấy tiếng trống, tiếng tù và inh ỏi ở trước núi chấn động, làm rung núi lạch đất. Quân lính ở

trong trại rùng rợn, mặt gan rối loạn, kịp khi liều chết xông ra ngoài doanh trại, thì ở đầu núi lại yên lặng, không có một tiếng động nào. quân đội của Nhạc công đã di xa rồi.

Rối loạn liền mấy hôm, quân Kim sinh ra nghi hoặc, đứng ngồi không yên, đốt cháy doanh trại ở Kiến Khang rồi bỏ chạy về Hoài Tây. Nhạc công cho quân do thám biết chúng qua sông liền lặng lẽ cho quân đi tắt đường nhỏ ra đường lớn, hai cánh quân người ngựa mai phục sẵn, chờ quân Kim tới là phục binh xông ra đánh. Quân Kim nhìn thấy cờ hiệu của quân Nhạc, vô cùng hoảng sợ, sao dám đối địch? Quân Kim tuy có cẩm ước, nhưng sao có thể cám nổi, tất cả đều ôm đầu chạy như chuột rúc vào hang, tán loạn, tan nát. quân của Nhạc Công chiếm lại Kiến Khang, báo tin thắng trận cho Cao Tông biết. Cao Tông mừng lắm, liền thăng chức cho Nhạc Phi làm Giang Hoài phó Chiêu thảo sứ. Trương Tuấn làm Giang Hoài chánh Chiêu thảo sứ.

Lúc này chỉ vì Ngột Thuật làm rối loạn trung nguyên, nên có một đội quân giặc có thừa cơ nỗi lên cướp phá, chiếm cứ đất dai. Một tên gọi là Khổng Ngạn Châu biệt hiệu là Khổng Thiên Kim chiếm giữ vùng đất Vô Lăng. Một tên gọi là Trương Dung biệt hiệu là Trương Phi Hổ, chiếm giữ vùng Tương Hán. Một tên gọi là Lý Thành biệt hiệu là Lý Võ Dịch, chiếm giữ vùng đất Giang Hoài Tương Hồ. Ba tên này gộp lại có mảy vạn quân, đã vây chặt Giang Châu, vây chặt đến nỗi nước chảy không thông trong thành dần dần không thể giữ nổi. Lại có tên gọi là Mã Tiến biệt hiệu là Mã Bát Bách làm loạn ở vùng Dương Châu. Cao Tông liền ra lệnh cho Chiêu thảo sứ Trương Tuấn đốc Nhạc Phi, Dương Nghi Trung chia đường ra tiến đánh. Trương Tuấn nhận lệnh bèn triệu tập

các chư tướng vào bàn định. Nhạc công nói:

- Nếu muốn giải vây cho Giang Châu, trước tiên cần phải phá được Duân Châu. Duân Châu bị phá, chúng thấy sào huyệt bị thương, tất nhiên vòng vây ở Giang Châu không cần phải cứu, tự nó sẽ tan.

Trương Tuấn mừng lám, bèn làm theo lời Nhạc công. Lúc đó Nhạc công ẩn ở bên phải địch, bắn một mũi tên, đưa di dầu ngã ngựa. Sau đó ngồi lên thanh thông mã, tay cầm thương sắt, xông vào trong trận. Ngựa đến nơi nào, không dám dám địch. Bọn giặc thấy thế, vội ò xông tới. Nhạc tướng quân không chút biến sắc, giặc đến một đứa giết một, đến hai đứa giết hai. Giặc kéo đến quá đông, Nhạc công chuyển khơi thàn uy, thét to một tiếng, giữa đất bằng như nỗi cơn sấm sét, tay cầm thương lao, hâm hở giết giặc. Bọn giặc sợ quá, kêu khóc bỏ chạy. Nhạc công lại đuổi theo sau. Mã Tiến đại bại, chạy thẳng về Duân Châu. Nhìn thấy tình thế cấp bách, bèn tập hợp quân lính vây Giang Châu, bố trí trận địa ở sau Duân Hà, dày đặc chỉ chít như hình con rắn dài, suốt mươi lăm dặm.

Nhạc công trèo lên đèo cao ngắm nhìn thấy thế giặc lớn mạnh, nên nói với Trương Tuấn.

- Thế giặc quá đông, khó dùng sức địch nổi chúng. Cần phải dùng mèo mới thắng nổi.

Trương Tuấn nghe lời Nhạc. Nhạc công trao cho Dương Nghi Trung dân mấy ngàn quân tinh kỵ⁽¹⁾, dặn Trung bắt quân lính ngâm mai di đêm, vượt qua sông Duân, hẹn ngày

(1) Linh giời dùng ngựa

mai khi nghe tiếng pháo nổ ở trước núi thì kéo quân từ sau núi ra đánh. Dương Nghi Trung nhận kế hoạch kéo quân đi. Nhạc công tự dẫn ba ngàn người ngựa, ngầm mai phục ở nơi hiểm ái xa xôi. Lại mang một lá cờ lụa đỏ, trên cờ viết chữ NHẠC rất to, rồi cử hai trăm quân theo lá cờ di trước, để dụ địch. Bọn giặc nhìn thấy cờ của họ Nhạc, tuy khiếp sợ, nhưng lại nhìn thấy binh lính ít ỏi nên coi thường. Chúng chia một nửa số quân giữ trại, rồi dẫn hơn mươi vạn quân, hùng hổ kéo ra. Bọn hai trăm người này, sao dịch nổi, cuồn cờ chạy. Quân giặc đuổi theo, đuổi được hơn một dặm đường thì nghe tiếng pháo nổ. Phục binh của Nhạc công đã nhanh như điện chớp, lẹ như sao đổi ngôi, cùng xông ra. Quân giặc nhìn thấy, vô cùng hoảng loạn. Dánh đến giờ ngọ, chúng sập thua to, bỗng lại nghe thấy tiếng chuông tiếng trống nổi lên ở sau núi. Dương Nghi Trung dẫn mấy ngàn lính kỵ, từ sau núi băng ra. Trương Tuấn lại dẫn hai ngàn bộ binh, đánh vào doanh trại của giặc. Bọn giặc đầu không cứu được đuôi, đuôi chẳng cứu được đầu, cảm cổ chạy tán loạn. Nhạc công cho người thét to lên rằng:

- Dứa nào đầu hàng thì ngồi xuống đất.

Lúc này những đứa đầu hàng ngồi ở dưới đất đã có hơn tám vạn tên. Bọn giặc đại bại. Mã Tiến đã bị quân đuổi theo giết chết, thế là lấy lại được Giang Duân hai châu. Nhạc công lại dẫn binh vượt qua sông, truy đuổi tới huyện Hoàng Mai. Bọn Lý Thành, Khổng Ngạn Châu, nhìn thấy cơ sự bức bách đành phải chạy lên bắc, đầu hàng Lưu Dự. Duy có Trương Dụng còn tụ tập mười vạn quân cướp phá vùng Giang Tây. Nhạc công biết bẩn là người Thương Châu, nên đã viết một bức thư chiêu hàng như sau:

"Ta với ông là người cùng làng. Trận đánh ở Nam Huân
môn, Thiết Lộ bộ tất ông đã biết cả. Nay ta ở đây. Muốn đánh
thì ra đánh. Không đánh thì hàng đi!"

Trương Dụng đọc thư than rằng:

- Người thực là cha ta vậy! Nếu không chớp lấy thời cơ
này, sẽ chết cõi ngày!

Liền dẫn hết cả mười vạn quân, thân đến hàng ở ngoài
công. Nhạc công mừng lắm, bước ra khỏi trường nghênh tiếp,
nắm chặt tay kể lại chuyện xưa. Trương Dụng nguyễn thè
sống chết cõi nhau, nên được Nhạc công tin dùng. Kể từ đó
vùng đất Giang Hoài được yên bình. Trương Tuấn dâng biểu
tấu lên Cao Tông nới công của Nhạc Phi xếp vào hàng thứ
nhất.

Cao Tông hạ chiếu tiến cử Nhạc Phi làm Hữu quân Đô
thống chế, đóng giữ ở Hồng Châu để đàn áp bọn giặc cướp.

Dến năm thứ hai đời Thiệu Hưng lại sinh ra bọn giặc lớn
là Tào Thành, tụ tập được hơn mươi vạn, từ Giang Tây Lịch
Hồ Quảng, chiếm giữ Đạo Châu, Hạ Châu, Thiệu Châu, Sán
Châu, Liên Châu quấy nhiễu khắp nơi, quân dân vất vả khổ
khổ vì chúng. Cao Tông hạ chiếu cho Nhạc Phi giữ chức Kinh
hồ động lộ Đô thống quân. Nhạc công nhận mệnh, liền sai
một viên tướng cầm kim tự bài⁽¹⁾, cờ vàng, chiêu Tào Thành
tới hàng. Nếu không hàng tất đại binh sẽ kéo đến tiêu diệt
hết. Tào Thành nhìn thấy kim bài, cờ hiệu, đang ngồi ăn cơm
ở trong quân, hốt hoảng quá, run rẩy đánh rơi vũ khí bát, kinh

(1) Kim tự bài: láy thành gỗ sơn đỏ viết chữ vàng để xử lý lúc thời trước quân
lính, bài vàng tự ngự tiền phát xuống, còn gọi là kim bài.

sợ nỗi:

- Quân họ Nhạc đã tới! Làm sao ta địch nổi?

Vội nhớ trại, tìm đường chạy trốn. Nhạc công được tin báo tức thì tuyển lựa lính kỵ đuổi theo sau, thẳng tới Quế Linh. Tào Thành muốn dùng mười vạn quân giữ chặt Bồng Đầu linh. Bồng Đầu là vùng đất cửa ải, cực kỳ hiểm trở, thật là một quan ải chặn lối vạn người cũng khó qua. Nhạc công căn dặn tiền quân rằng:

- Vùng đất này vô cùng hiểm trở Dùng binh quý ở thân tộc Thùa lúc chúng mới dừng chân chưa yên ổn, ta xông tới phá ngay. Nếu để cho chúng đóng đồn dựng trại chắc chắn thì cho dù có thiên thần cũng khó phá nổi.

Lúc đó quân của Nhạc công chỉ có tám ngàn. Nhưng ai nấy đều phấn chấn dũng cảm. Quả nhiên họ hầm hố trèo lên núi. Tào Thành nhìn thấy lòng kinh sợ bèn chạy trốn tới Liên Châu. Nhạc công liền nói với Trương Hiến và các tướng sĩ khác:

- Tào Thành đã thua chạy. Nếu dùng hết quân đuổi đánh tất ức hiếp chúng phải thua thì cũng đáng thương. Nếu thả cho chúng chạy, chúng lại tụ tập làm giặc cướp. Nay các ông phải giết chết tên tướng ác cầm đầu. Bọn còn lại thì dùng an nghĩa, dụ chúng đầu hàng, tuyệt đối không giết bừa bãi để thể hiện đạo nhân của trời cao chấn dân vậy!

Bọn Trương Hiến linh mệnh, lập tức từ Hạ Châu thẳng tới Kháng, Sâm, Quế Châu, chiêu hàng được hơn một vạn tên, rồi gặp quân của Nhạc công ở Liên Châu. Tào Thành bị quân của Nhạc công truy đuổi đến mức muốn lên trời thì không có lối. Vừa hay Hàn Thế Trung⁽¹⁾ sai tướng chiêu du

Tào Thành đầu hàng. Tào Thành đánh thua cơ áy dẫn tám vạn người ngựa, đầu hàng dưới trướng Hán Thẽ Trung. Nhạc công do thám biết tin, liền lập tức hợp quân chiến thắng trở về. Vùng đất Linh Biểu được bình an. Báo tin thắng trận về triều đình. Cao Tông mừng lắm, bèn thưởng Nhạc Phi làm Võ An quân Thừa tuyên sứ.

Đến năm thứ ba Thiệu Hưng lại sinh ra Bành Hữu người Kiều Châu cầm đầu bọn cướp lớn ở Vu Đô. Chúng đã kéo quân cướp mười một quận ở Tuần Châu và Mai Châu. Thế lực của chúng vô cùng diên cuồng, tàn bạo. Cao Tông hạ chiếu cho Nhạc Phi vào triều, trực tiếp khuyên nhủ việc diệt giặc để giúp Thái hậu khỏi nỗi kinh hoàng, và kín đáo nói với Nhạc Phi rằng:

- Sau khi dẹp yên giặc đã rồi, có thể đem giết chết hết dân Kiều Châu đi, rồi báo cho trẫm biết!

Nhạc Phi vội khâu đầu lạy trước bệ rồng, nói:

- Mong bệ hạ chỉ giết bọn cầm đầu gây ác, mà tha cho những người bị bức hiếp phải theo. Như vậy mới không phụ đức hiếu sinh của trời đất.

Cao Tông trầm ngâm hồi lâu mới gật đầu:

- Khanh nói phải đó!

Nhạc công nhận mệnh vua rồi mang quân đến Kiều Châu. Tên tướng giặc Bành Hữu cậy người đông tu牆 mạnh, trong bọn tướng giặc cũng phải gọi hắn là một anh hùng. Ai ngờ

(1) Hán Thẽ Trung: một danh tướng chống quân Kim đời Tống, tự là Lương Thần, người Diên An (từng đại phá Kim Ngột Thuật ở Hoảng Thiện Thang)

nhin thấy quân của Nhạc công đã không cứu vãn được, đến trước trận đấu vài ba hiệp đã bị ngựa của Nhạc công hất tung lên, lần lượt bắt sống. Bọn giặc hoảng hốt, không dám xông lên, chạy tháo lui hết, chui vào trong động Cổ Thạch. Nhạc công sợ đánh trước mặt thì bọn ở đằng sau chạy mất, nên đã nhử một ông lão người địa phương đưa đường, dẫn ba trăm lính quyết tử đi theo đường nhỏ ở trong núi, ngầm mai qua sông, quay trở lại đằng sau động, đánh trống gỗ chiêng loạn xạ. Bọn giặc kinh sợ vô cùng. Lúc ấy quân của Nhạc công mới xông lên, phá tan cửa động. Hết như là bắt rùa ở trong vò, bọn giặc mới chịu ra hàng. Nhạc công chỉ tiêu diệt tên tướng ác đầu xỏ, còn những người khác đều được tha. Nhân dân Kiều Châu, mọi người đều cảm thấy được sống lại, nhà nhà đều thấp hương quỳ lạy, muôn được tiếp dài. Nhạc công dẹp yên được nạn Vu Đô rồi về triều phục mệnh. Nhà vua long nhan hán hở tự rót rượu mừng, tự tay viết bốn chữ "TINH TRUNG BÁO QUỐC", lại cho may lá cờ lớn thường cho. Nhạc Phi tạ an vua rồi ra về. Có thơ làm chứng như sau:

*Thương cờ dù biết tấm lòng trung
Là chân là tay vẫn một lòng
Cờ sao sóng gió vui ơng nhỉ
Nghe nịnh mà quên hết công ơng!*

Lúc đó rất nhiều sơn tặc đều bị Nhạc tướng quân dẹp yên. Ai ngờ ở trên mặt nước lại có một tên gọi là Dương Thái, còn gọi là Dương Ma, thừa dịp loạn triều Tống, không ai quản lý được hắn, liền kéo bè kết đảng, tụ tập được hơn vạn người chiếm cứ trong hồ, lấy hiệu là "Đại thánh Thiên vương", luôn luôn lên bờ quấy nhiễu nhiều các nơi, cướp bóc nhân dân. Quân

binh không ai dám mở mắt nhìn hắn. Hắn thường tự khoác lác rằng:

- Ta ở dưới nước có huyệt, ở trên bờ có sào, cho dù quan quân binh lính cũng chẳng làm gì được ta. Nếu chúng từ trên bờ tới đánh thì ta nấp dưới nước. Nếu chúng đánh ta từ dưới nước thì ta lại lên bờ. Chẳng làm gì nổi ta một ly? Nếu muốn xâm phạm vào ta chỉ trừ khi chúng biết bay!

Do đó càng kiêu căng. Cao Tông biết tin, bèn lệnh cho Thống chế Vương Hoàn hội binh tiến đánh Dương Ma. Không lâu, binh tới Định Giang đã bị quân Dương Ma liều thân, chỉ một trận, cả tướng cả quân đều bị giết chết. Tin báo tới Cao Tông, Cao Tông giận dữ lắm. Lúc này đã thắng Nhạc Phi kiêm Hoàng Phúc Châu Hán dương quân. Đức an phủ Chế tri sứ. Cao Tông liền giáng chiếu hạ lệnh cho Nhạc Phi di dời đến đất Ngạc⁽¹⁾ tiễu bắt Dương Ma. Có người nói với Nhạc Phi rằng:

- Dương Ma đóng đồn ở dưới nước, ra vào trong nước, đó là đường quen của chúng. Nay sở bộ của tướng quân đều đóng ở Tây Hán từ, thủy chiến sợ không phải sở trường.

Nhạc Phi cười nói:

- Dùng binh há chẳng có điều thường đó ư? Tất cả đều do chủ tướng cả. Bộ có cách dùng bộ. Thủ có cách dùng thủ. Chỉ có cách dùng như thế nào mà thôi. Làm sao lại có thể nói không quen thủy chiến được?

Nhạc công trước tiên sai người chiêu dụ hắn ra hàng. Dương Ma không nghe. Hắn có một người đồng đảng đặc lực,

(1) Ngạc: tiếng gọi tắt tỉnh Hồ Bắc

tên gọi Hoàng Tá, rất có kiến thức nghe Nhạc công đến chiêu dụ, liền thay đổi ý nghĩ, triệu tập tất cả quân bắn bộ tới thương lượng:

- Tôi thấy họ Nhạc dùng binh khác hẳn với mọi người, đúng là mờ cờ là thắng, ngựa tới công thành. Ngay đến quân Kim đông tới mấy chục vạn còn bị đánh thua tai bời. Quân ta đánh nhau với chúng, vạn lần không có lý do được sống. Chỉ bằng ta ra đầu hàng, đó mới là thương sách.

Tất cả đều cho là phải, liền thân tới cổng ngoài nộp khoản. Nhạc công rất vui mừng liền dâng biểu tấu cho Hoàng Tá làm Võ nghĩa đại phu, rồi đem ký mã đến doanh Hoàng Tá đóng đồn dựng lũy. Có người khuyên cẩn thận nhưng Nhạc công không nghe. Đến doanh Hoàng Tá, sự thế vượt qua ngoài ý muốn, tất cả quân giặc đều kinh sợ, phục phục ở dưới đất nói:

- Tướng quân thành tâm đối đãi như vậy chúng con xin tình nguyện rồi dát ngựa theo hầu.

Nhạc công lấy lời lẽ ôn tồn an ủi, tiếng hoan hô của mọi người kia vang lên như sấm. Nhạc công đóng doanh trại, lấy tay vỗ vai Hoàng Tá nói:

- Ông biết thuận biết nghịch, tất sẽ thành công. Phong hầu đâu đã đủ được. Nay tôi muốn ông tới trong hò, nhìn thấy người nào có thể khuyên giải được thì chiêu dụ họ về. Người nào đáng chăm sóc thì vỗ về họ!

Hoàng Tá cảm kích tấm lòng dãi người tử tế, thề lấy cái chết để báo đền. Lúc ấy Đô đốc Trương Tuấn và các quân sĩ đã tới Đàm Châu. Viên quan tham chính của ông là Tịch Ích nhìn thấy quân của Nhạc không đánh, nói mỉa là ngoan binh⁽¹⁾, liền muốn tâu lên trên.

Trương Tuấn nói:

- Nhạc công là một người trung hiếu, dùng binh có mưu sâu. Đầu có thể nới bừa như thế được!

Tịch lích thấy Trương Tuấn nói ra một câu như vậy, xấu hổ quá liền thôi. Sau đó vài ngày Hoàng Tá muốn mời một người tướng giặc là Chu Luân, cùng đến đầu hàng. Tên Chu Luân đó không chịu nghe lời. Hoàng Tá vì quá giận liền soái dẫn người ngựa quân bộ hạ của mình, ban đêm đánh vào trại chém chết Chu Luân, mà đem đầu dâng lên Nhạc công. Nhạc công mừng lắm bèn phong cho Hoàng Tá làm Võ công đại phu Thống chế.

Lúc này trong bụng Nhạc công đã có dự định đang muốn tiêu diệt Dương Ma, vừa hay lại có chiếu chỉ của Cao Tông, muốn triệu Trương Tuấn trở về để đề phòng nguy cấp bất trắc. Nhạc công vội vàng đi gặp Trương Tuấn, rút ra một bัน đồ nhỏ từ trong túi áo ra đưa cho Trương Tuấn xem. Trên giấy ghi rõ tì mỉ: Dương Ma đóng binh ở chỗ nào? Dương Khêm đóng quân ở chỗ nào? Du Doan Lưu Tiên dồn binh ở chỗ nào, nơi nào hiểm yếu nhất, nơi nào có thể tiến binh. Nhạc công đều chỉ rõ tì mỉ, rồi nói:

- Đã có chỉ định! Nếu Đô đốc lưu lại ít nữa, chưa đầy tám ngày thôi là có thể phá được giặc.

Trương Tuấn đáp:

Vương Hoàng đã có vết xe đổ cũ rồi. Sao quân hùa nói dễ như vậy được?

Nhạc Công nói

(1)Ngoạn binh: quân lính lười nhác, chỉ thích chơi bời.

- Hôm trước Vương Hoàn lấy quân của nhà vua đánh bọn thùy khẩu⁽¹⁾ tất gặp khó khăn. Hôm nay Phi tôi lấy thùy khẩu đánh thùy khẩu tất là dễ. Nếu lấy tướng của giặc để đánh quân giặc, lại doạt được sự giúp đỡ của chân tay chúng lại lì tán được kẻ tâm phúc của chúng. Trong tám ngày tất sẽ bát sống hết giặc.

Trương Tuấn cho là phải

Lại nói Dương Ma có một người tâm phúc⁽²⁾ tên gọi Dương Khâm, mạnh giỏi vượt người. Hoàng Tá đã dùng hết miệng dâng lời ngọt để thuyết phục được hán ra đầu hàng Nhạc công mừng lầm nói:

- Dương Khiêm kiêu dũng, nay đã đầu hàng. Tướng giặc đã mất người tâm phúc.

Liền dâng biểu rồi phong Dương Khâm làm Võ đồng đại phu, dải lê rất hậu. Nhận đó phái cử Dương Khâm tới trong hò để chiêu hàng. Dương Khâm cầm kích không gì hơn, nên ngãm ngầm nói với Nhạc công:

- Tướng quân chiêu hàng cố nhiên là rất giỏi? Thế mà chiêu hàng vẫn chỉ có hạn. Phải nên như thế, mới có thể hoàn tất được sự việc.

Nhạc công nghe xong, càng thêm vui sướng. Dương Khâm từ biệt ra đi quả nhiên đi tới bờ hò, đã chiêu hàng được Du Doan, Lưu Tiễn v.v.. Đến lúc bước vào cổng ngoài, Nhạc công nhìn thấy liền mắng chửi Dương Khâm.

(1)Giặc ở dưới nước

(2)Tâm là lòng phúc là bụng chỉ người hết sức tin cậy đã mất người tâm phúc.

- Ta sai người đi vào trong hồ, dù hàng tất cả quân giặc.
Nay người chỉ dụ được mấy đứa nhái nhép này tới hàng. Té
ra người là kè chằng ra gì, còn đến gặp ta làm chi nữa.

Liken lệnh cho ta hữu quật ngã xuống, đánh cho hai chục
trượng, nói:

- Hôm nay ta tha cho ngươi! Khá mau mau trở về hồ,
chiêu hàng hết bọn giặc mới đáng gọi là công to.

Dương Khâm vắng vắng dạ dạ xin đi. Nhạc công lại ngầm
diều ba vạn người ngựa chờ tối lúc trời tối mới cho binh mã
ngầm mai di đánh quân đường bộ của chúng. Khi quân mã
kéo đến cùng xông vào. Bọn giặc không kịp đề phòng, hoảng
sợ toán loạn, vô kẽ khai thi, đều hô to tinh nguyễn xin hàng.

Mọi người mãi sau mới hiểu được, việc đánh Dương
Khâm ban ngày đều là mưu kế của Nhạc công và Dương
khâm định sẵn. Chính là để đánh vào chỗ chúng không
phòng bị. Có thơ làm chứng như sau:

*Thần thánh đau lường hết binh thư
Đau đớ cho người biết thực hư
Chờ đánh thắng xong về triều tấu
Mới hay diệu kế vốn tay cù!*

Quân giặc ở hồ lúc này đã hàng được tám chín phần.
Riêng có Dương Ma vẫn thu thập được hơn năm vạn đóng
quân ở Tân Quan hiểm trở, không sao có thể mất được. Hắn
ý lại vào có thuyền lớn rất lợi hại, thường đi lại xung đột,
không ai ngăn cản nổi? Thuyền lớn đó dài tới mấy chục
trượng, hai bên cạnh thuyền ngựa có thể đi được, bên trên có
thành bầu, có cung rắn nỏ cứng, thương dao sắc nhọn, đều ẩn
dưới cá ở trong thành lầu. Chúng không dùng mái cheo, phía

trước phía sau dùng mày chục bánh xe to, nếu muốn vận động thì có mấy trăm người cùng dập bánh xe, thuyền sẽ đi nhanh như bay. Nếu hán muốn đuổi thuyền khác thì chỉ trong khoảnh khắc là tới liền. Thuyền khác muốn đuổi hán thì một năm cũng không thể đuổi kịp. Hai bên thuyền lại đặt dày gác gác. Nếu thuyền quân triều đình gặp thuyền của hán, hán cho quân dập nát như tượng ngay tức khắc. Vì thế quan quân của triều đình không làm gì nổi hán. Nhạc công nghĩ ra một kế, cho ba ngàn người lên núi, chặt những cây gỗ lớn đem về đóng thành phà to, dỗ dày khắp các nhánh sông cảng xá⁽¹⁾. Lại đem cùi mục cỏ rói, cho cháy từ thượng lưu xuống nối dày mặt nước. Rồi chọn nơi nước nông, dùng những người thiện thủy⁽²⁾ vừa chèo thuyền, vừa chửi rủa những câu thô thiển tục tếu, không nói nào không đến.

Dương Ma không biết đó là mèo, nhìn thấy bọn quan binh tướng lính kia chửi bới tục tếu, Dương Ma tức giận sôi sục, những đốm lửa nóng nhảy nhót loạn xạ trên hai thái dương, liền hét cho quân dập bánh xe để đuổi theo quan binh kia. Quan binh dần dần lửa được thuyền của Dương Ma vào chỗ nước nông. Cỏ rói, cùi mục quấn chặt vào các bánh xe, làm cho các bánh xe bị tắc, dập không nổi nữa. Bánh xe không quay, thuyền liền dừng lại, một bước cũng không chuyển động được. Nhạc công mới sai lính xông tới chém giết ở ạt. Bọn giặc kia hoảng sợ vội vàng chạy vào trong cảng xá.

(1) Cảng xá: Xá là nơi hai nhánh nước cùng đổ vào một chỗ. Cảng là bãi cho thuyền đậu.

(2) Thiện thủy: Giới về sống dưới nước.

Không ngờ trong cảng xá đã đỗ đầy phà lớn. Quan quân ngồi trên phà, trương những tấm da trâu sống lên để tránh mũi tên đá, rồi tật sức lao vào những cây gỗ lớn vào thuyền giặc. Quan lính nhìn thấy thuyền của Dương Ma đã co rúm lại, dùng mốc câu neo thuyền Dương Ma kẽ cùng với chạy về phía đuôi thuyền, nhảy từm lán xuống nước định trốn lùi. Chẳng bao lâu bị Ngưu Cao nhìn thấy, lấy mốc câu lên bờ, dùng dao đậm chém đứt thủ cấp. Bọn giặc nhìn thấy, ruột gan bùn rún, dàn phái đầu hàng.

Lúc này hai đường thủy lục của Dương Ma còn có tám trại⁽¹⁾. Nhạc công thân tới từng trại, dùng lời lẽ ngọt ngào, phù dụ, an ủi, người già yếu cho về quê quán làm ruộng, kẻ khỏe trai tráng cho nhập quân đội. Ai nấy đều cảm kích. Lương thảo trong các trại đều vận chuyển ra hết. Các lán đều đốt cháy tro trui. Quả nhiên chỉ có tám ngày đã chém được Dương Ma, bình được hồ Tương. Trương Tuấn nghe tin liền trầm trồ kêu lên:

Nhạc hầu tính toán giỏi như thần!

Ngày trước Dương Ma nói "Chỉ trừ khi chúng biết bay⁽²⁾ tới. Nay quả nhiên hắn đã chết trong tay Nhạc Phi. Thật là lời tiếng sấm vậy:

Có tho làm chúng như sau:

Dương Ma tự phụ tại hồ Tương

(1) Trại; xưa có nghĩa là nơi xây dựng để phòng ngự thôn xóm, nay có nghĩa là thôn xóm.

(2) Bay - hán là Phi - Phi có nghĩa là bay

*Cây có thuyền xe ai dám đương
Cô rời quán vào di chăng được
Phi bay tới diệt, thật thảm thương!*

Trương Tuấn thấy Nhạc Phi dùng binh như vậy, lại ra lệnh đóng quân ở Tương Dương để giành lấy trung nguyên và nói với Nhạc công rằng.

- Đó là tấm lòng trung thực của Ông!

Sau đó không lâu, Ngụy Tề Lưu Dụ sai con là Lưu Lan, Lưu Nghê chia hai đường đánh chiếm Hoài Tây, tiếng vang vỗ cung to lớn. Lúc này là đời Thiện Hưng năm thứ bảy. Nhạc công nghe tin, liền viết biểu thư tấu lên triều đình như sau:

"Quân Kim sở dĩ lập dựng Lưu Dụ ở Giang Nam là vì muốn làm khổ làm hại trung nguyên⁽¹⁾ để Trung Quốc đánh Trung Quốc, khiến cho Niệm Hữu⁽²⁾, được nhàn nhã nghỉ ngơi, xem ta chém giết lẫn nhau. Thần mong muốn được bệ hạ định ngày tháng cho thần được cắt binh đến Kinh Lạc chiếm lấy Hà Dương, Thiểm Phủ, Đông Quan để kêu gọi dân chúng. Năm vùng đã thu trở về, quân nhà vua tiến vào trước, giặc tất bỏ chạy về Hà Bắc. Kinh kỳ Thiểm Hữu có thể thu về một mồi

(1) Trung nguyên: vùng đất hạ lưu Hoàng Hà từ Hà Nam, miền tây Sơn Đông, miền nam Hà Bắc và Sơn Tây, đông bộ Thiểm Tây...

(2) Niệm Hữu: thái tử nhà Kim.

(3) Tấm cung: tấm lìa ngù, cung điện nơi vua ngủ

Cao Trung đọc xong thư, vui mừng nói:

- Có một bè tôi như thế này để nhỡ cậy thì còn lo lắng gì nữa. Tùy cơ dừng hay tiến trễ không áp đặt.

Cao Tông lại triệu Nhạc Phi vào trong tẩm cung⁽³⁾ nói:

- Việc hưng phục trung nguyên, ta ủy thác cả cho khanh.

Nhạc Phi ra khỏi triều đình, dự định cử binh xuất trận, chẳng ngờ được Tân Cối⁽¹⁾ chỉ muôn đầu hàng, ghét Nhạc công như cừu thù, vội vào yết kiến Cao Tông, nói:

- Không thể chủ chiến để mất tình hòa hảo của hai nước được.

Cao Tông nghe theo, liền hạ chiếu cho quân Nhạc dừng lại. Nhạc công lại bàn luận, không hợp ý của Trương Tuấn, bèn phải giải giáp binh lính và quyền hành, di bộ về Lư Sơn để tận hiếu tang mẹ. Sau Cao Tông nhiều lần hạ chiếu gọi, chúng tướng quỳ xuống van xin, đành phải vào triều chờ đợi. Cao Tông nhiều lần an ủi phủ dụ, lại cho phục nguyên chức. Sau mấy tháng, Nhạc công lại đăng biểu như sau:

"Thần nguyên khởi công đánh giặc là thuận đạo trời. Nhưng do lòng người lấy con thay thằng, lấy già thay trẻ, lấy nghịch làm thuận, lấy mạnh làm yếu, tất sự vạn toàn khó thể xuôi! Tiễn Đường xa xôi, ngoài noi góc biển, đâu có thể là chỗ dung vỗ được, Xin nguyện đóng đô ở Thượng Du, dùng chuyện Quang Vũ, thần dân lục quân, di về dốc chiến, tướng sĩ đều hay. Thánh ý chí dạy, người người tuân mệnh!"

(1) Tân Cối: Tên gian thần đời Tống tự là Hội Chi, người Giang Ninh là tể tướng, đứng đầu phái đầu hàng, thông với giặc Kim, vu ghét Nhạc Phi chủ trương kháng chiến.

Cao Tông không trả lời. Nhạc Phi lại dâng biển tấu, muốn tiến binh đóng đồn ở Hoài Diện, trinh sát kỹ càng rồi tiến đánh. Cao Tông không cho phép, nhưng lại hạ chiếu cho Nhạc Phi đóng quân ở Giang Châu để viện trợ cho vùng Hoài Tiết. Nhạc công biết rõ từ lâu, Lưu Dự một lòng kết giao với Niêm Hữu, chỉ riêng không hợp với Ngột Thuật mà thôi. Một đêm, binh sĩ đi tuần tiễu, bỗng nhiên bắt được một tên đầu mục là chân tay của Ngột Thuật, giải vào trong trướng. Lúc này Nhạc công đang muôn li gián Lưu Dự và Ngột Thuật, liền nghĩ ra một kế, xách đèn tới soi kĩ lưỡng, già vò quát:

- Người là Trương Bân có phải?

Tên đầu mục bị bắt kia, biết là sẽ chết, tự nhiên lại thấy Nhạc tướng quân nhảm lẩn tên hán, liền giả ý đáp lại:

- Vâng chính con là Trương Bân!

Nhạc công liền dập bàn giận dữ quát:

- Lần trước ta đã sai người đến Tề bang để hội ước Lưu Dự, dẫn dụ Thái tử⁽¹⁾ trở về. Cớ sao người không đến? Ta lại sai người đến Tề, tên Khấu Giang đã bàng lòng hội họp với ta vào mùa đông này để lừa Thái tử đến đất Thanh Hà. Người cũng không có thư về cho ta. Đó là vì sao vậy?

Nhân đó dập bàn chửi quát. Tên đầu mục kia quỳ dưới đất khóc lóc van lạy rối rít, xin được lập công chuộc tội.

Nhạc công nghe rồi nói:

- Đã như vậy, ta tha tội lần trước cho ngươi. Lần này ta

(1) Tứ c Niêm Hữu thái tử của nhà Kim.

lại gửi thư đi, cần phải ước hẹn thỏa đáng, làm cho cẩn mật. Nếu để tiết lộ mảy may chuyện gì hệ trọng, thì trị tội gấp hai lần.

Tên đầu mục nghe nói, biết là được sòng, bèn vâng dạ liền hời. Nhạc công liền viết một phong thư, ước hẹn với Lưu Dự, dẫn từ Thái tử ra cướp bóc rồi thừa dịp bắt lấy. Viết xong lấy sáp vàng niêm phong kín, rồi nói với tên đầu mục nhận giả là Trương Bân rằng:

- Người mang phong thư này tới nước Tề có chuyện cơ mật ở trong. Chớ để lỡ việc. Cầm được thư trả lời về ta sẽ trọng thưởng.

Rồi xéo một miếng thịt ở đùi tên giả Trương Bân ăn viên sáp vàng vào trong đó. Tên đầu mục kia đành chịu đau, trở về gặp từ Thái tử, nói hết mọi chuyện, rồi lấy dao rạch thịt đùi rút lạp thư⁽¹⁾ ra.

Ngột Thuật nhìn thấy kinh sợ, liền vào thương nghị với Kim chủ rồi lập tức dẫn quân tinh nhuệ đánh phá Biện kinh bát sống Lưu Dự, phế truất vua Thục⁽²⁾, trúng kế của Nhạc công. Có thơ sau đây làm chứng:

*Gửi một phong thư diệt gian thần
Thiên cơ huyền bí đã nhập thân
Có sao triều chính hai tai vênh
Mà sao không cách diệt sàm nhân*

Nhạc công thấy quân Kim đã phế bỏ Lưu Dự lòng tràn sung sướng, dâng biểu tẩy lên Cao Tông nên thừa dịp chúng

(1) Bức thư niêm phong trong sáp là lạp thư, lạp là sáp, nén.

(2) Thục Hán nay ở Tứ Xuyên, Văn Nam Quý Châu Thiểm Tây, Hoa Trung.

phế Lưu, sơ hở việc phòng bị, đem quân tiến đánh, để mong khôi phục lại trung nguyên. Cao Tông lại không trả lời.

Dến năm thứ tám, quân Kim sai sứ là Trương Thống Cố đến thương thuyết, muốn đem trả đất Hà Nam và Thị-m Bác để giảng hòa. Nhạc Công nhân đó lại dâng biểu nói:

- Lời nói của quân Kim không thể tin được. Ý chúng nói muốn hòa hảo là không thể tin cậy được. Các chung thành dựng nước không quản hay dở, chỉ sợ để lại điều phiền khổ cho hậu thế.

Tần Cối nhìn thấy, giận như muốn bầm nát xương ra. Tháng giêng năm thứ chín, quân Kim có ý đồ khác, lột nhiên đem trả đất Hà Nam. Cao Tông mừng lắm, cho rằng hiệp nghị hòa hợp đã thành, thiên hạ được bình an, bèn giáng đại xá cho thiên hạ:

"Cảm ơn trời xanh biến đổi chí kỳ, nên quân Kim đã báo hòa chi ước. Cắt đất Nam Hà trả về bản đồ ta như trước. Từ nay can qua được bình yên trong đất nước, mọi tinh mạng của dân được yên lành. Đại xá cho mọi sinh linh nơi nơi đều biết!"

Nhạc công nhìn thấy chiếu xá tối, nhìn không nổi da thớt lên rằng:

Đây là cái thế "Én tước sứ đường"⁽¹⁾

Rồi lại dâng sớ lên tâu:

"Xua Lâu Kính dâng lời lên Han đế, Ngụy Giáng vảy

(1) Én tước là một loại chim sẻ, cánh vàng phớt màu đen, có vằn đen, có thi bay di nhất sòi về làm đạn, người ta nuôi để làm trò chơi. Én tước sứ đường là cốt được yên trước mắt mà quên mất tai họa (trích trong truyện Khổng Tùng tử).

kết cho Tần Công, đều là thề ước chưa ráo mực, máu miệng vẫn còn. Bỗng nhiên xưa ngựa nuôi ở phương nam về cho quân bắc phạt cưỡi, Tình của bọn địch⁽¹⁾ như chó đẻ dâu có thể tin được. Dùng giữ ước đem vàng đá để mong lấp nổi biển ngòi. Ý đồ đó chỉ là tạm được yên, mà rút cục là cực nhục vô cùng. Còn nói có thể được ư? Xin hãy nghĩ suy sâu sắc mà tôn yêu đất nước, dâu thề như vật được sao? Thần nghỉ, kè vô sự mà đến cầu hòa, đó là muu. Kè nói khách khí mà cho nhiều của, đó là biển. Thần xin nguyện định muu toàn thắng, hẹn kỳ thu lại Lưỡng Hà, dễ dàng như én vào mây. Lòng muốn phục thù báo quốc, xin thề cùng trời đất, nguyện dập đầu để xứng chữ tôi trung!"

Lúc này hiệp nghị hòa hảo đã ký, chữ nghĩa rõ ràng ai còn bất bé? Nào ngờ chỉ yên ổn được một năm, đến năm sau nết cũ của quân Kim lại phát sinh. Ngột Thuật tử Thái tử dẫn một vạn năm ngàn ngựa quái tử⁽²⁾ đến đánh hai châu Cửng, Hào rất độc ác. Bọn quái tử mã này, quân sĩ đều ngồi trên ngực, khoác áo sát nặng, cho dù dao thương tên nhọn đến đâu cũng không thể làm tổn thương đến chúng được. Trên mình ngựa chúng cũng khoác áo giáp sắt, dùng dây da sâu buộc lại, cứ ba người thành một liên. Thủ ngựa ra một liên có

(1) Di là tộc ở phương đông, Định là tộc ở phương Bắc thời cổ.

(2) Quái là dùng trả thuật để lừa lấy người và cưa dem đi. Quái tử là kè di dụ dỗ để cướp người.

ba tứ⁽¹⁾, chúng cung lòng chạy, khí thế như điên cuồng như sấm sét, quan quân không sao địch nổi. Tiếp đó chúng chuyên chở, gặp trở ngại chúng liền chạy, vô cùng lợi hại.

Vị tướng giữ châu Cửng, châu Hào là Lưu Kỳ, vội vàng cấp báo. Nhạc công trước tiên cử tướng đi cứu Lưu Kỳ, sau đó tự dẫn hùng binh, rầm rầm rộ rộ sát khi dâng dâng tiến đến Yến Thành⁽²⁾. Đến Yến thành, cho quân thám thính biết được Ngột Thuật soái Hnh Long hổ đại vương Cái thiên đại vương, Hán Thường và các đầu mục, đã thả quái tử mã, xông đến đánh. Nhạc công nhìn thấy quái tử mã quân nhiên là hùng dung, sợ như nhuệ khí, nên đã gọi con trai là Nhạc Văn đán nói:

- Chỗ dựa cây của quân Kim chính là quái tử mã. Chúng ỷ vào người ngựa đều mặc áo giáp chắc chắn không thể nào bị thương được. Chúng không biết được, chân ngựa muốn chạy thì không thể mặc giáp được. Nếu con muốn vào trận, không thể đứng nhìn, mà phải dùng ma trát dao⁽³⁾ chặt đứt chân ngựa. Ngựa gáy một chân chắc chắn ba con kia đều ngã, tất cả tướng trên mình ngựa cũng phải ngã. Đánh được quân Kim là ở trận này. Nếu nhược bàng không thể thành công, tất sẽ phải đem con ra chặt làm hai khúc, chớ nói ta không có tình cha con. Con phải phanh thân xà mạng để bao đáp triều đình. Ta sẽ đem đại quân theo sau cứu ứng.

(1) Tứ: mỗi xe tứ có 4 con ngựa kéo gọi là xe tứ, hay xe tứ mã. Nhưng ở đây ba tứ là ba con ngựa.

(2) Yến tên huyện tỉnh Hà Nam

(3) Ma trát dao: dao nhọn vừa đâm vừa chặt.

Nhạc Văn vang lệnh cha, dẫn dội kỳ binh cầm tú, ai nấy đều cầm ma trát dao, chờ quái tử mã của quân Kim xông vào trận. Nhạc Văn liền tuyên truyền lệnh cho các tướng sĩ, không được nhìn lên trên, mà phải gục đầu, chỉ nhầm chặt chân ngựa thôi. Quả nhiên một liên quái tử mã có ba con, chặt chân một con thì cả ba con đều ngã. Chân ngựa đã chặt được rất nhiều, chỉ nhìn thấy từng hàng từng dãy cao như Thái sơn, đổ sập xuống. Các quan tướng trên ngựa tung hoành như rồng tựa hổ, ngựa ngã xuống, chúng cũng nhào theo như cây hành bạt gốc, lao vào giữa bầy ngựa, không trối dậy được. Quân của Nhạc công tay giơ dao chặt, cứ như băm đưa thái rau. Dang chém giết, thây chặt ngổn ngang khắp nơi, thì Nhạc công lại dẫn một chi binh có lực lượng mạnh xông vào tương trợ. Thế là đem cả một vạn năm ngàn quái tử mã, chém sạch, không để sót một con. Cái Thiêu đại vương đã bị băm nát thành tượng. Ngột Thuật với Long Hồ đại vương cùng với Hàn Thường vừa hay chạy thoát. Ngột Thuật kêu khóc lên rằng:

- Kể từ khi ta dãy binh từ biển lên đến nay đều giành được đại thắng. Nay trong trận này bị hán chém hết, đều vô dụng cả. Thủ này không thể không trả.

Đó là trận thắng ở Yến Thành. Thật là

*Binh chó khoe lùa giới
Gặp nước khó muôn phần
Nếu hỏi ai vô địch
Chỉ dội quân nghĩa nhân!*

Quái tử mã của Kim Ngột Thuật vốn có năm vạn, nay đã bị quân của Nhạc công chém chết một vạn năm ngàn con.

Trong lòng hắn không phục, vội đem số còn lại, chỉnh đốn từ đầu, bắt các tướng sĩ ở trên mình ngựa đều tập dùng thương dài dám xuống; để phòng quân tới chém chân ngựa. Chúng tập hợp như cũ, lại kéo đến Yến Thành để báo thù. Doanh trại Nhạc công nghe tin báo, Nhạc Văn lại lập tức lĩnh quân xuất trận. Nhạc công nói:

- Chúng đã dám kéo quân trở lại, nhất định là chúng biết phòng tránh chặt chân ngựa. Nếu ta ra trận như lần trước, tất nhiên sẽ bất lợi. Con nên dẫn ba ngàn quân Bối vĩ⁽¹⁾ đi mới có thể thành công được.

Bạn có biết Bối vì là quân có đặc điểm gì không? Vốn chúng đều là ba ngàn quân sĩ có sức khỏe do Nhạc nguyên soái tuyển chọn hàng ngày, bắt chúng trên thân mình phải mặc hai lượt áo giáp, tay trái cầm dăng bài⁽²⁾, tay phải cầm dao sắc, ngày ngày phải nhảy hào lội rãnh. Khi nhảy khi lội thân người lúc khom lúch thẳng đều phải theo đúng quy định. Nếu mặc hai tầng áo giáp, nhảy lội cao được năm bảy thước, cởi áo giáp sát ra, mặc áo giáp da trâu sống, liền cảm thấy thân thể nhẹ bồng giống như bướm bay. Nếu nhảy lên trên cao được một hai trượng thì chặt được đầu người, chỉ như trò chơi vậy. Cho nên bảy giờ dùng chúng trên thì chặt đầu người, dưới thì chặt chân ngựa, khiến cho quân Kim, phòng dưới không kịp phòng trên, phòng trên lại không thể phòng dưới.

(1) Bối vĩ: bối là lưng, vĩ là cao thấp không đều nhau.

(2) Dăng bài: Vũ khí của ngự binh.

Nhạc Văn điểm các đầu mục tới hội ý, rồi lệnh Bối vĩ quân ra đi. Chờ quái tử mã đến liền xông ra chém giết. Quái tử mã lần này, tuy đã bảo hộ phòng vệ chân ngựa rất kỹ lưỡng so với lần trước, nhưng làm sao địch nổi ba ngàn Bối vĩ quân, thân nhẹ lực khỏe, giống hệt như những con vượn, khỉ. Biết quân Kim đã để ý bảo vệ chân ngựa, trước tiên Bối vĩ quân nhảy lên chém đầu người. Đầu người bị chặt, chúng hoảng sợ, dàn hàng phải do thương lên để đâm ở bên trên. Bất ngờ Bối vĩ quân lại nhảy xuống, chặt chân ngựa, chân ngựa đứt, lại cà liên đốt nhào xuống. Nếu muốn giết Bối vĩ quân, thì họ nhảy đồng nhảy tay, tay nào đâm kịp. Họ giết quân Kim thật là mau chóng. Không bao lâu, rất nhiều quái tử mã đều bị kết liễu. Ngột Thuật không biết làm thế nào, dàn dǎn tàn binh hoảng loạn chạy trốn. Đây là trận thắng thứ hai ở Yến Thành. Có thơ làm chứng như sau:

*Chúng muốn phòng dưới đất
Ta lại nhảy lên trời
Quà tay cờ khôi nhất
Nước nước đứng trước người!*

Nhạc Văn tấu khai quay về. Nhạc công nói với con:

- Ngột Thuật mấy lần thất bại, đã không dám đến đây nữa, nhưng cũng không dám bỏ đi. Nhất định nó còn đánh Dinh Xương, Vương Quý ở Dinh Xương quân lính trơ trọi, sợ không thể giữ nổi. Con nên mang quân tới ngay đó, viện trợ giúp đỡ, mới không bị sơ hở.

Nhạc Văn vâng lệnh cha vừa tới Dinh Xương quả như dự đoán Ngột Thuật đã kéo quân tới. Nhạc Văn với dãy tám trăm kỵ binh xông lên trước quyết chiến. Vương Quý lại dẫn

du dịch⁽¹⁾ binh làm cánh trái cánh phải. Ngột Thuật nhìn thấy Nhạc Văn kinh sợ cho là thàn, vê cùng bối rối. Vào trận đánh nhau con rể Vua Kim là Hạ Kim Ngộ với Phó thống quan Niêm Hân Bột Cẩn đều bị ghiết chết. Ngột Thuật đại bại, chỉ muôn dặn thở chuồn đi. Nhạc công nhìn thấy quân đội Kim Ngột Thuật thế lực quá suy yếu, trung nguyên bị trấn động, liền dẫn hai mươi vạn quân tinh nhuệ, kéo thẳng đến Chu Tiên trấn⁽²⁾, cách Biện kinh. chỉ có bốn mươi nhăm dặm, đối lũy với Ngột Thuật. Trước tiên sai Nhạc Văn lính năm trăm quân Bối vĩ tiến ra đánh. Ngột Thuật mới nhìn thấy Bối vĩ quân đã sợ mất mặt mất gan đánh chưa được mấy chục hợp đã bị thua đau đai bại, Tự biết không chống nổi, chỉ muôn bỏ nén kinh chạy trốn. Đang nghĩ cách ra khỏi trại bỗng có một người thư sinh chán dầu ngựa ngăn lại mà khuyên rằng:

- Thái tử chờ bỏ chạy. Nhạc Thiếu bảo sáp tự rút lui rồi.

Ngột Thuật kinh sợ hỏi rằng:

Binh lính của học đang ở thế chẽ tre, sao lại tự rút được?

Người thư sinh đó nói:

Thái tử há lại không nghe thấy tự cổ đến nay, chưa từng thấy quyền thàn ở trong lại cho phép đại tướng lập công ở ngoài. Tôi sợ rằng Nhạc Thiếu bảo tự thân mình sẽ không

(1) Du dịch binh hạm đội tuần tra mặt biển trình sát thuyền địch.

(2) Chu Tiêu trấn ở tây nam huyện Khai Phong là một trong những trấn lớn nhất. Nhạc Phi từng đại phá quân Kim ở đây.

bảo được⁽¹⁾. Huống hò lại muốn thành công ư?

Ngột Thuật nghe lời chàng thư sinh, lúc ấy mới hiểu. Đó đó lại kéo quân trở lại đây ở Biện Kinh. Lúc này Nhạc công đã sai Lương Hưng lan truyền thiện ý, liên kết được hào kiệt của Lưỡng Hà như Vĩ Thuyên, Tôn Mưu v.v.. họ đã dẫn hết binh lính lập đồn kiên cố để đợi Nhạc nguyên soái tới. Lại có Lý Thông, Hồ Thanh, Lý Bảo, Tôn Kỳ v.v.. dẫn quân trở về nhập với quân của Nhạc. Lại có các châu Từ, Tương, Khai, Đức, Trạch, Lộ, Tấn, Giang, Phàn, Thấp đều hẹn ngày hội với Nhạc nguyên soái. Phàm là quân giúp Nhạc nguyên soái thì trên cờ đều viết chữ Nhạc làm hiệu. Lúc đó nhân dân tranh nhau đẩy xe, dắt trâu, trên xe chất lương thảo để úy lạo. Quân đội của Nhạc nguyên soái vừa kéo đến đâu là hương hoa đèn nến nghênh tiếp dày hai bên đường. Trong hàng ngũ của quân Kim, Thống chế Vương Trần, Thủ Khanh, Đường quan Lý Ký, Thủ Hổ, Hoa Vương v.v.. đều dẫn quân tới đầu hàng. Long Hổ đại vương Úc Tra, Thiên hổ Cao Dũng v.v.., đều ngầm nhận cờ hiệu của Nhạc nguyên soái làm nội ứng. Tướng quân Hàn Thường đem năm vạn quân bộ hạ làm chỗ dựa, Nhạc công mừng lắm nói với các quan tướng:

- Dánh thẳng vào phủ Hoàng Long rồi ta sẽ cùng các người uống rượu thỏa thích.

Lúc ấy nhân dân đứng chật đường, tiếng hoan hô như

(1) Ở đây tác giả chơi chữ "Thiếu bảo" là một chức quan nhưng chữ "thiếu" là ít, là thiếu. "Bảo" là bảo vệ. Thiếu bảo có nghĩa là thiếu được bảo vệ ít được hoặc không được bảo vệ.

sấm dậy, chỉ mong quân của Nhạc gia tới như sẽ trút bỏ được nỗi khổ cực vô cùng. Ai ngờ Tân Cối lại chỉ muốn chủ trương đầu hàng muốn đem hoài bá tặc tận số vứt bỏ, bắt các chúng tướng lính về triều. Nhạc công nghe tin liền dâng sớ tâu.

"Quân Kim nhuệ khí khiếp dám, uất bô binh lương, vượt sông run sợ. Hào kiệt như điều gặp gió, sợ tốt đều vang lệnh. Thời bát tái lai, dịp may chờ bờ".

Tân Cối nhìn thấy những dòng chữ này, hiểu được Nhạc công không chịu rút quân về. Liền hạ chiếu cho Trương Tuấn, Dương Tích Trung v.v... về trước, sau đó nói với Cao Tông rằng:

- Nhạc Phi là quân đội cùi độc, không thể giữ lâu được. Xin cho lệnh điều quân về.

Cao Tông đã nghe theo và tin vào hòa nghị của Tân Cối, liền trong một ngày phát mười hai đạo kim bài hạ chiếu bắt Nhạc Phi phải điều quân đội về. Thật là đáng tiếc lầm thay! Có thơ làm chứng như sau:

*Quân Kim lùi xa tám trăm dặm
Giặc Cối bắt về mười hai lần
Nếu nghe Nhạc Phi gắng tiêu giặc
Trung nguyên bão cát nối dược chăng?*

Nhạc công thấy kim bài liên tục chiếu gọi, biết rõ đó là ý của Tân Cối, phẫn oán rơi nước mắt, nhìn về hướng đông vái lạy, rồi nói với các tướng sĩ rằng:

- Mười năm tâm sức bỏ uống một ngày, biết làm sao! Biết làm sao!

Các tướng đều khuyên giải:

- Đây không phải là ý của triều đình mà là do Tần tặc che lấp thánh minh. Nay trung nguyên trấn động, bốn phương hướng ứng, là lúc ta khôi phục được. Huống hồ "tướng tại ngoại, quân mệnh có thể không nhận", xưa nay "kiểu chiếu hưng sự, quyền dĩ tế biến"⁽¹⁾. Nếu nguyên soái dẫn quân tiến lên, chúng tôi xin liều chết chằng nề thân, xin thề vì nguyên soái mà đứng lên đuổi giặc, bắt giết Ngột Thuật đem về dâng thiên tử. Sau đó về triều nhận tội cũng chưa muộn. Hơn thế nữa, phải giết chết tên Tần Cối để trừ ác cho vua, sau đó lại lập công, cũng không thể không làm như vậy được.

Nhạc công nói:

- Theo lời vua nói thì rõ ràng Nhạc Phi làm phản, chứ không phải Tần Cối làm phản. Kiên quyết không thể được.

Lиєn cho gọi các tướng quân, ngay hôm đó nhổ trại, kéo quân về triều. Nhân dân đứng chật bên đầu ngựa, khóc lóc:

- Chúng tôi đợi hương vác cỏ để nghênh tiếp quan quân. Bạn người Kim đều biết! Tướng quân đi khôi thì tính mệnh của chúng tôi cũng chẳng còn.

Nhạc công ngồi trên mìnhd ngựa, cũng gạt nước mắt nói:

- Chiếu thư đã hạ, ta sao dám có quyền lưu lại đây. Bà con nếu sợ bạn người Kim, thì hãy mau mau thu xếp theo ta dời về kinh. Chắc chắn tính mệnh bà con sẽ được yên lành. Ta sẽ vì bà con ở lại đây hai ngày nữa!

Nhân dân vội vàng thu xếp hành lý, dù già dát trẻ, theo

(1) Kiểu chiếu hưng sự: kiểu chiếu là chiếu chi giả, hưng sự là xuất binh, xuất binh theo mạo chiếu của vua, "quyền dĩ tế biến" là tùy cơ ứng biến.

Nhạc Phi đi. Nhạc Phi lại gửi một số vốn cho nhân dân sáu quận ở Hán Thượng dùng vì ruộng đất phải bỏ hoang.

Nhạc công đã rút quân đi, tiếng hoan hô của bọn quân Kim vang như sấm dậy. Chúng lại hung hăng tàn phá, cướp lại tất cả thành trì mà Nhạc nguyên soái đã giành được khi xưa!

Nhạc công về triều, vào gặp Cao Tông, không nói lời nào, chỉ xin trao trả mọi binh quyền. Hòa ước mà quân Kim đã ký, chưa đầy nửa năm chúng đã chia đường vượt qua sông Hoài, thế như mua như bão. Hơn thế chúng còn viết thư cho Tân Cối nói: "Không giết chết Nhạc Phi, hòa nghị tất sẽ không được bền vững". Cho nên Tân Cối đã gọi bọn Vạn Hầu Ô mang câu chuyện "Mạc tu hữu"⁽¹⁾ xếp đặt thành bài bản, nhiều lần thêu dệt, cuối cùng đã bắt cha con nhà họ Nhạc nhốt vào trong ngục Đại Lý, ở trên đỉnh Phong Ba, dày dọa cho đến chết. Hơn thế, chúng đã dâng giang sơn nhà Tống cho giặc, như vậy chúng mới sung sướng, mới cho là đắc kế, Ai hay:

*Hương thụ một thời dành có hạn,
Ngàn năm nguyên rủa đến vô cùng!*

Con người sinh ra ai chẳng chết, nhưng cái chết của Nhạc Phi là cái chết tỏa hương sức nức, tiếng thơm lưu mãi đến muôn đời. Ngày nay tuy xương cốt của ngài còn ở trên bờ, nhưng một dáng hình trung dung đã khiến cho bao nhiêu tài nhân, thi khách, du nhân, sĩ nữ, không ai không khẩu dùu

(1) Mạc tu hữu: Tân Cối mưu hại Nhạc Phi, nói Nhạc Phi muốn làm phản, nhưng lại không có chứng cứ, liền nói "Mạc tu hữu" nghĩa là "Có lẽ có". Người đời sau gọi mia là ngục ba chũ (Tam tự ngục).

kinh ngưỡng mà thương tiếc đến vô cùng. Ngay đến cả núi non hòn nước cũng thêm phần nhuộm sắc. Ngày xưa, Triệu Tử Ngang đã có thơ làm chứng như sau:

*Trên mồ Nhạc Vương có rậm sao
Ngày thu hoang lạnh thú đá cao
Về nam thần tướng khinh xá tặc
Trung nguyên già lão vong ai nào?
Anh hùng đã mất, than đâu lại⁽¹⁾*

(1) Về sau người đời gọi cái án kết tội Nhạc Phi là "Ngục ba chữ" (Tam tự ngục). ba chữ đó là "Có lẽ có" (Mặc tu hữu). Nhà Tống dành bỏ nửa nước ở phía bắc, bỏ kinh đô Lâm An dời xuống phía nam. Mộ Nhạc Phi được chôn ở chân núi Thế Hà. Người đời sau căm uất tên Tống gian Tân Cối đã dựng tượng Tân Cối và tượng vợ hắn là Vương Thị, tưng bằng sắt, bắt cả hai vợ chồng hắn phải quỳ trước mộ Nhạc Phi. Tất cả nhân dân ai đến chiêm bái đều và mộ Nhạc Phi đều cùng chửi mắng tái đánh và nhử vào hai cái tượng vợ chồng Tân Cối cho hả giận. Ba chữ "Có lẽ có" đã trở nên thành ngữ quen thuộc của nhân dân, có ý nghĩa hại hước, mỉa mai, nguyễn rủa và lèn án kề phàn hối, dựa vào quyền lực, bịa đặt ra tội danh để cố ý giết hại người trung thực có công với dân với nước.

Nhà thơ Nguyễn Du trong thời kỳ di sứ Trung Quốc qua đây thăm mộ Nhạc Phi đã có thơ bình luận về sự kiện Tân Cối và cũng là lời bình luận về tất cả những tên bán nước hại dân thông qua hai bài thơ "Tân Cối tượng".

Bài "Tân Cối tượng 1" nghĩa như sau:

Hay hoắc dở đã là chuyện của ngàn năm rồi, dù có đánh mắng cái thân già bằng sắt ấy phòng nó có biết đến đau gì. Coi bộ mi cứng cắt rõ ja thẳng người sắt, mà sao lại khum núm quy lụy quản Kim nhỉ? Ai bảo thẳng này ở đời không có công tráng gì? Cố chứ! Nó đã có công làm gương cho bọn loạn thần muôn đời sau phải sợ sệt.

Bài thơ "Tân Cối tượng 2" nghĩa như sau: "Bởi hắn có trái tim chứa đầy nọc độc, vì thế đã làm cho cục sắt phải sống sót bao ngàn năm để chịu cái án đị kỷ. Người ở trong ngục đã tót máu mà không được sống. Còn tên gian thì không chết mà chỉ bị đánh chui ở dưới trần. Sao nó lại được bất hủ cùng với các bậc trung thần? Cái điểm phúc tây trời của nó thật là quá vô lý!

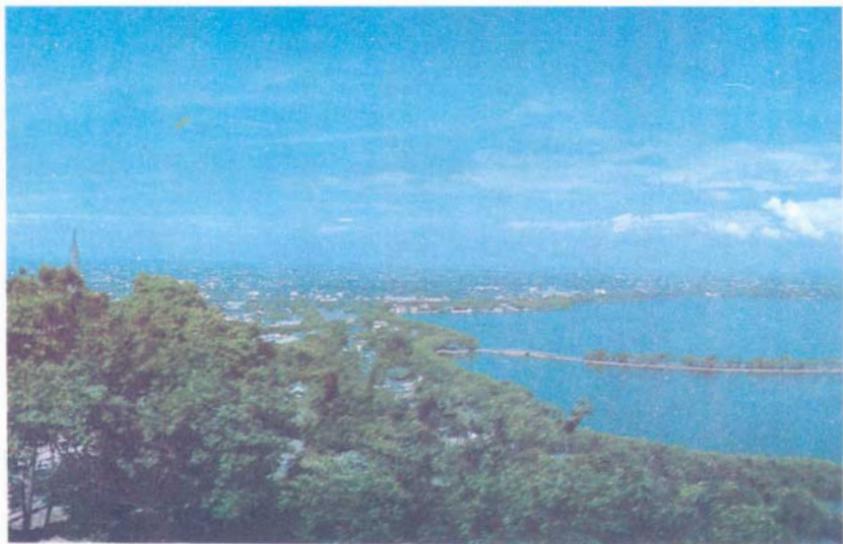
*Thiên hạ chia đều, dưới chảng sao
Đừng hướng Tây hồ ca khúc nô
Ánh nước màu non vẫn buồn sao!*



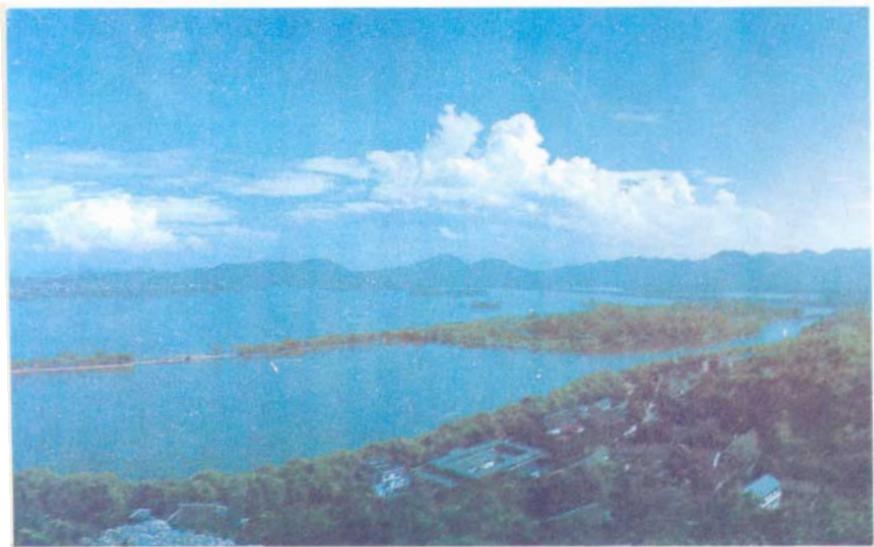
Tuyết tan ở Đoạn Kiều

Tây Hồ sau mưa

Một trong ba chùa ở giữa hồ cách đây 1700 năm



Tây Hồ, kho tàng những truyền thuyết dân gian nghìn từ xa





TAM ĐÀI MỘNG TÍCH⁽¹⁾

Tây hồ nắng mưa kỳ lạ! Người ta cho rằng ở đây có khí thiêng liêng tú lệ bao trùm, rồi đọng lại. Khí linh thiêng tú lệ đã kết thành núi sông linh thiêng tú lệ, đó là chuyện tất nhiên. Nào ai ngờ trong cái linh thiêng tú lệ, vốn có một dòng chính khí ở trong làm chúa tể, nên mới hợp khí của núi sông lại mà nhào nặn biến hóa để sinh ra chính nhân. Khí của chính nhân nếu tỏa hương thơm ngào ngạt không tan đi thì có thể ẩn hiện lung linh mà sinh ra mộng triệu xa xôi thiên cổ. Nói thì có vẻ kỳ dị, nhưng thực lý, tất đã có như vậy. Cho nên, khi tỉnh mà mộng thấy mộng, sao bằng tỉnh ra cái tỉnh ở trong mộng.

Biết ở trên Tây hồ đã sinh ra một chính nhân là ai không? Người này họ Vu, tên Khiêm, tự là Định Ích, người huyện Tiền Đường, Hàng Châu. Hàng Châu đã sinh ra nhiều người, làm sao bạn biết được người này vốn là do chính khí của Tây hồ sinh ra? Chỉ là bởi vì thời tiết mà khi người sinh ra, suốt ba năm trời đào mặn ở Hàng Châu không nở hoa; lại vào năm người mất, nước Tây hồ cạn kiệt đến đáy, lấy điều đó khảo sát thì biết. Hơn nữa, khi người sinh ra, phụ thân người là Vu Ngạn Chiêu lại mộng thấy diềm lành. Hôm mâu thân người là bà Lưu thị sắp đẻ thì trời mưa to bão lớn, sấm chớp dữ dội lạ kỳ. Khi người sinh ra, mặt mày khôi ngô tuấn tú, âm thanh trong trẻo. Đến năm lên sáu bảy tuổi đã thông

(1) Sự tích về các giấc mộng ở núi Tam Đài

minh là thường, đọc sách qua một lượt đã thuộc lòng, mở mộng ra là thành câu đối. Một hôm nhân tiết thanh minh, người cha họp người trong họ cùng đi tế tảo mộ tổ. Ngẫu nhiên đi qua Phượng Hoàng dài, người chú dắt tay Vu Khiêm hỏi:

- Ta có một câu đối, cháu có thể đổi được không? Rồi đọc:
Kim chiêu đồng thương Phượng Hoàng dài⁽¹⁾.

Vu Khiêm nghe xong, không một giây suy nghĩ, ứng thanh đối ngay:

Thập niên đọc chiếm Kỳ lân các⁽²⁾.

Khi đó cả họ nghe thấy đều kinh ngạc nói:

- Đây là con ngựa câu⁽³⁾ thiên lý của họ nhà ta.

Cúng bái xong về nhà, đi qua một ngôi nhà đẹp, trên ngôi nhà có ghi ba chữ "Quý tân nhai"⁽⁴⁾. Người chú hỏi Vu Khiêm:

- Ba chữ này là tên đất, sao lại có hai chữ thuộc hàng Can-Chi⁽⁵⁾? Cháu hãy tìm một tên đất khác đổi lại cũng có hàng Can-Chi xem nào. Tìm được rất khó đó. Liệu cháu của ta có thể đổi được không?

Vu Khiêm đáp:

(1) Sớm nay cùng tên Phượng hoàng dài

(2) Năm khác đọc chiếm Kỳ lân các

(3) Ngựa câu là ngựa non khỏe mạnh

(4) Nhai là phổ, phổ Quý Tân

(5) Can là thập can: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý. Chi là thập nhị chi: Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

- Sao lại không đổi được? Thời Tam quốc Ngụy Diên đã dùng Tý Ngộ cốc⁽¹⁾ để đổi lại Gia Cát Lượng. Há không phải là một vở đổi chính xác hay sao?

Người chủ và mọi người trong họ nghe xong đều kinh ngạc lạ lùng:

“Đứa cháu này tất sẽ làm rạng rỡ cho dòng họ nhà ta.

Một hôm Vu Khiêm đau mắt, người mẹ muốn hạ hỏa cho cậu, liền vắt hai bím tóc lên đầu rồi bảo Vu Khiêm đi dạo mát ở trước cửa. Cậu đi ra cửa ngoài, nhìn thấy rất nhiều người vây quanh một vị hòa thượng, để xem tướng mặt. Cậu cũng bước tới để xem. Vị hòa thượng đó nhìn thấy Vu Khiêm, vô cùng sững sốt, đưa tay vuốt sờ hai bím tóc rồi cười chế nhạo:

Dầu trâu lại thích mọc sừng rồng⁽²⁾

Vu Khiêm thấy hòa thượng nói nặng hờn liền trả lời:

Mầm chó sao từng lở rồng voi!⁽³⁾

Nói xong bỏ về nhà. Ngày hôm sau người mẹ thấy hỏa đã hạ, bệnh đau mắt khỏi, nên bóc hai bím tóc ở trên đầu xuống, lại tết thành ba bím, rồi bắt cậu ra cửa dạo chơi. Cậu ra khỏi cửa ngoài, nhìn thấy vị hòa thượng xem tướng mặt kia, vẫn còn xem tướng ở đó, bèn đi thẳng tới trước mặt. Vị hòa thượng đang giảng giải nào là thiên đình cao vời vợi, thiếu niên phú quý đợi thời, vừa nhìn thấy Vu Khiêm cũng không nói đến tướng số nữa, mà cười hì hì nói với cậu:

(1) Hang Tí Ngộ

(2) Nguyễn văn: "Ngưu đầu thả hỷ sinh long giác"

(3) Nguyễn văn: "Cậu khâu hà tầng xuất tượng nha"

- Hôm qua hai bím, hôm nay bồng hóa thành ba ngọc chỉ
cảm thấy:

Ba ngọc, thành đá trắng⁽¹⁾.

Vu Khiêm nghe xong trong đầu khinh ghét, vội đáp:

Một trọc, tựa chày dầm⁽²⁾.

Mọi người nghe nói, cùng cười rộ lên. Vì hòa thượng đó
nói:

- Các vị chờ có cười. Cậu bé này cốt cách chẳng phải
thường. Xuất khẩu thành chương. Một ngày nào đó sẽ trừ
loạn tể tướng nữa đó!

Vu Khiêm nghe nói thế cũng không để ý. Một hôm bồi gia
đồng⁽³⁾ đi vắng, người mẹ bắt cậu đến nhà Lý Tiêu Tuyền.
Không ngờ người vợ của Lý Tiêu Tuyền đang kỳ sinh đẻ, tuy
nhiên bị quỳ giữ chặt không để ra được, đau quá mà chẳng
nói lên lời. Lý Tiêu Tuyền vội vã đến nỗi không mở được cửa
hàng ra bán, cửa vẫn đóng chặt. Bỗng nhiên Vu Khiêm gõ
cửa đòi mua rượu. Lý Tiêu Tuyền vội chạy ra mở cửa. Người
vợ nằm trên giường nghe thấy có hai con quỳ ở dàn sau
giường hoảng sợ, vừa chạy vừa kêu:

- Không may rồi! Vu Thiếu bảo đã đến! Chúng ta phải
chạy trốn mau.

Quỳ vừa chạy khỏi thì người vợ cũng vừa đẻ ra một đứa
con trai, lòng sung sướng tràn trề, vội nói với Lý Tiêu Tuyền:

(1) Tam a thành cỏ dại

(2) Nhát thốc tự lối tròn

(3) Gia đồng: dứa hòn nhỏ

- May mắn được tiểu quan nhân họ Vu đến cứu mạng. Quý gọi là Vu Thiếu bao, nhất định là một quý nhân. Cần phải giữ ngài lại sấp rượu tạ ơn ngài.

Vu Khiêm nghe nói, chỉ đáp lại bằng một nụ cười, cũng chẳng đợi uống rượu, cứ thế bỏ đi.

Lại một hôm, đúng ngày tết nguyên đán, người cha cho cậu mặc một chiếc áo đỏ, cưỡi ngựa tới nhà họ hàng lể tết, từ trong đường nhỏ di ra, không ngờ quan Tuần án từ phố lớn tiến lại, ngựa xông lấn vào trong đám cờ quạt, tới trước mặt quan Tuần án, mới kìm được ngựa lại. Ta hữu định bắt cậu. Quan Tuần án nhìn thấy đó là một cậu bé, bèn lắc đầu gọi tôi, lại nhìn thấy hình dạng dường hoàng, cử chỉ tự nhiên, không chút lo sợ, liền hỏi:

- Người từng đọc sách đấy chứ?

Vu Khiêm đáp:

- Sao lại không?

Tuần án nói:

- Đã đọc sách. Ta ra cho một câu đối để người đối. Nếu đối được, ta sẽ không làm khó dễ cho người.

Rồi đọc:

- *Dứa trẻ dò cưỡi ngựa qua cầu*⁽¹⁾.

Nào ngờ quan Tuần án miệng vừa đọc xong, Vu Khiêm liền đã đối ngay:

(1) Hỗng hãi nhị kỹ mĩ quá kiều

- Quan xích để chém rắn giữa chợ⁽¹⁾

Quan Tuần án thấy cậu bé ứng đối nhanh nhạy, lời nói
hiên ngang, vừa kinh sợ, vừa mừng vui, bèn hỏi ta hữu:

- Dứa này là con nhà ai?

Có người biết, bẩm rằng:

- Nó là cháu Vu Chù sự ở làng Thái Bình, con trai Vu
Ngạn Chiêu.

Quan Tuần án mừng lắm, liền ra lệnh cho người về huyện
Mỹ mươi lạng vàng đưa cho cậu làm tiền ăn học. Chưa đầy
mấy năm, cậu đã vào học ở Phú Dương sơn. Một hôm cậu đi
đạo bước ở trước lò nung vôi, nhìn thấy người ta đốt than, có
cảm hứng ngâm một bài thơ:

Dục dẽ vạn lần núi thành tên
Qua ánh lửa nung sẽ luyện rèn,
Xương nát thân tan đâu có sợ.
Giữ gìn thanh bạch tại nhân gian

Nào ai ngờ bài thơ của Vu Khiêm làm ra sau này lại trở
thành lời sấm bảo để người tận trung mà chết.

Lại một hôm người học ở chùa Tuệ An Giang Cán, cùng
các bạn lên Tây hồ uống rượu, đi qua một rừng dâu, nhìn
thấy người dân chặt đốn cành dâu, ngẫu hứng lại ngâm một
bài thơ:

Một năm hai độ chặt chém cành
Cây trong rừng rậm, khổ nhất anh
Vì nước vì dân, do anh cả

(1) Xích để từ tràm sà dương đao.

Cho dào cho lý thường ca sênh!

Vu Khiêm ngâm xong liền cùng chúng bạn lên đầu hồ, uống rượu thỏa thích rồi mới trở về. Tới cổng chùa, bước chân loạng choạng, tự nhiên đến trước cửa chùa bị Cấp cước thần nặn bằng đất, níu chặt áo lại. Vu Khiêm thừa lúc đang say, quát mắng:

- Cứ sao nhìn thấy ta về lại không quỳ xuống tiếp đó, lại dám cả gan níu áo ta lại? Láo! Láo! Không có một đứa nào được láo ở đây! Ngày mai phạt người xung vào đội quân Linh Nam vẹ.

Vu Khiêm vừa nói vừa bước vào thư phòng, rồi ngủ. Nào ngờ, chính nhân có chính khí, đã thu phục được cả quỷ thần. Dêm hôm đó, Cấp cước thần liền thác mộng vào hòa thượng trú trì⁽¹⁾ tên gọi là Tây Trì, bèn rằng:

- Tôi hôm nay đặc tội với Thiếu bảo, phải biếm đến Linh Nam xung vào quân bảo vệ. Việc này quá khổ sở. Duy chỉ có thầy của tôi đến cầu khẩn, may ra mới có thể được tha thứ.

Tây Trì tỉnh dậy, lấy làm lạ lùng lắm. Sớm hôm sau, quái nhiên đến gặp Vu Khiêm nói:

- Dêm hôm qua tướng công muôn phạt tội Cấp cước thần, phải đến Linh Nam xung vào quân bảo vệ có phải không?

Vu Khiêm nói:

- Lời nói đùa sau lúc say đáy mà, đúng là có thể! Thày làm sao biết được?

Tây Trì nói:

(1) Trú trì: trú là ở, trì là giữ gìn, trú trì là ở để trông nom giữ gìn (Không gọi là "trụ trì" được! Sư trú trì chủ không phải là sư trụ trì, không có từ trụ trì.)

- Dêm hôm qua Cáp cước thần thác mộng vào lão tăng, nơi đường đi đến Linh Nam khổ sở lám! Cứ nài nỉ van xin lão tăng đến xin với tướng công tha thứ cho. Vì thế lão tăng mới biết.

Vu Công nghe nói thế, cười rồi nói:

- Thầy đã xin, thôi tha cho cũng được!

Dêm hôm ấy hòa thượng Tây Trì lại mộng thấy Cáp cước thần đến tạ ơn nói:

- Nhờ được lời nói khéo của thầy, Vu Thiếu bảo đã tha thứ cho. Nhưng cứ đứng mãi ở đó, Thiếu bảo ra vào thật là bất tiện quá. Phiền thầy ra lệnh nặn thêm một chân nữa để tôi quỳ xuống, mới có thể được tha hẳn tội.

Tây Trì tỉnh lại, quả như lời nói đã cho nặn thêm một chân. Đến nay bức tượng đó cũng vẫn còn. Chưa đầy mấy hôm, Vu Công lại uống say trở về, bỗng nhìn thấy Cáp cước thần đổi thành dáng quỷ, liền nghĩ thầm:

- Quỷ thần cũng cảm thông với mộng triều, vốn cũng không muốn như thế.

Vu Công trở về phòng sách, muốn đi qua trước điện Quan Đế. Lúc này trước điện Quan Đế đèn lưu ly vẫn đang còn sáng, nên Vu Công bước vào trong điện chúc tụng.

- Thưa Đế quân chính thần! Ta là Vu Khiêm, cũng tự phụ là một chính nhân. Sau này nếu quả có ngày ta đạt được công danh, lập nên sự nghiệp, hà có gì Đế quân chẳng bao cho ta biết được rõ để ta sửa soạn chuẩn bị.

Nói xong thì trở về phòng ngủ. Quả nhiên người có chính khí, có cảm tất có thông. Dêm hôm ấy Vu công thấy Đế quân thác mộng vào mình nói rằng:

- Công danh phú quý của ngươi, là việc suốt đời của ngươi. Ngươi không cần phải hỏi ta. Chỉ cần đến hỏi chị cả của ngươi, bà ấy nói ra sẽ biết!

Bỗng Vu công tinh ngù, té ra là mỉm nầm mộng, cảm thấy rất lạ lùng, thầm nghĩ:

- Chị của ta, cho rằng mình đã lớn, coi ta là đứa trẻ con, thường nói bông đùa để cười nhạo ta. Nay đem việc chính sự hỏi chị, sợ rằng chị lại nói ra những lời bông đùa, thì tất nhiên việc can hệ tới chung thân đại sự của ta, làm sao ta biết được.

Thế nhưng lời cẩn dặn của Quan Đế lại không thể không tin. Đến ngày hôm sau, Vu công vội vã về nhà tìm đến chị cả, vái một vái dài. Chị cả nhìn thấy cười to lên nói:

- Sao hôm nay cậu lại cung kính lẽ phép như vậy được? Vu công đem chuyện nầm mộng đêm qua, kể tường tận cho chị nghe, nói:

- Đây là việc công danh phú quý có can hệ đến cả đời của em. Mong chị nói mấy câu để em mừng. Một vạn lần mong chị đừng nói đùa.

Chị cả nghe thế lại cười ò lên nói:

- Cậu tuổi còn trẻ, lại nghĩ tới chuyện muốn làm quan à? Đã muốn làm quan thì chờ trách lời chị nói. Quan bát, cửu phẩm chắc không đến lượt cậu, cậu dành chịu khó làm quan nhất nhị phẩm vây thôi⁽¹⁾.

Vu công nghe nói lòng tràn sung sướng, lại hỏi:

(1) Thời cổ cấp bậc của quan chức từ nhất phẩm đến cửu phẩm, mỗi phẩm lại chia ra chín tông để phân biệt tôn ti, cao thấp.

- Cho dù làm quan nhất, nhị phẩm em cũng làm. Nhưng không biết là quan gì?

Chị cả lại cười nói:

- Không thể không trúng cử nhân, trúng tiến sĩ làm ngụ sủ, làm Thị lang, làm Thượng thư, Các lão⁽¹⁾ đó. Cậu là người thiên sát⁽²⁾ lại còn muốn làm đến chức gì nữa?

Vu công nghe nói càng thêm sung sướng, nhất thời lúc ấy cũng không nghĩ đến hai chữ "thiên sát". Chỉ đến khi sau này bị giết mới tinh nghệ, mới biết được sự linh thiêng của điều mộng đến mức như vậy. Cho nên Vu công suốt đời tin ở giấc mộng, sau khi trở thành thần rồi, thường lấy điều mộng báo cho người biết.

Lại một hôm, có nhiều bạn đến chơi nói:

- Nghe nói ở trên lầu gác Bảo Cực xem tinh tú có yêu quái lừa người, anh tự phụ là người gan góc, nếu anh dám một mình ngủ qua đêm ở trên gác, bình tĩnh không hoảng sợ, lũ chúng tôi sẽ chuẩn bị yến tiệc thết đãi anh, dám không?

Vu công đáp:

- Điều đó khó gì?

Các bạn dẫn Vu công lên gác, khóa cửa lại, bỏ đi, Vu công ngồi đến cạnh tư chưởng thấy động tĩnh gì. Giữa lúc đang buồn ngủ, tự nhiên ngoài cửa sổ phía xa đã có một tốp người từ trên trời bước xuống, giống như các quan phủ bước vào trong gác. Vu công quát lên một tiếng:

- Vu Khiêm ở đây, yêu ma nào dám tới xâm phạm!

(1) Các lão: giữ trọng trách trong nội các

(2) Thiên sát: Trời giết

Yêu quái nghe tiếng quát, vội vàng kinh sợ chạy tán loạn,
chỉ nghe tiếng nói ở trên trời.

- Thiếu bảo đây! Nguy quá! Suýt nữa ngài biết thì bại lộ hết!

Lát sau lại lặng yên vô thanh. Lúc Vu công đẩy cửa sổ ra nhìn, thấy ở cửa sổ rơi một vật nhặt lên nhìn thì hóa ra một chiếc cốc vàng. Vu công giấu vào trong túi áo, rồi lặng lẽ ngủ tiếp. Sáng hôm sau các bạn tụ tập cả dưới gác, gọi to:

- Anh Vu Đình Ích ơi, chúng tôi mở cửa đây!

Vu công cố ý không trả lời. Các bạn thấy không, có tiếng người đáp, họ oán trách nhau.

- Có gì mà hăm hại người ta ở đây. Nếu lỡ ra người ta bị quỷ giết chết, thì can hệ không nhỏ đâu.

Thế rồi tất cả ừa lên gác, mở khóa bước vào, đã nhìn thấy Vu công cười khà khà, nói:

- Hãy mau mau tới chơi hò để thết tiệc ta. Còn điều lợi hơn nữa đây.

Các bạn nói:

- Việc thết tiệc đó không phải nói nữa. Lại còn điều gì là nữa nào?

Vu công lấy cốc vàng ở trong túi áo ra rồi đem mọi chuyện đêm qua kể hết một lượt. Các bạn đều cho là chuyện lạ, nhưng không biết vật đó của nhà ai bị yêu quái cắp đến.

Vu công nói:

- Phải đi hỏi xem của nhà ai, để trả lại cho họ!

Các bạn nói:

- Chúng mình hãy đến quán cơm nhà họ Dương ở cầu Chung An ăn cơm đã. Việc đó tính sau!

Vừa đến quán cơm nhà họ Dương đã nghe thấy người ta bàn tán, đêm qua con gái nhà Hà Nhan Sắc bị ốm, rót rượu dâng ngũ thánh, không hiểu sao lại mất chiếc cốc. Thật là kỳ lạ! Lại có người nói:

- Người qua kẽ lại phức tạp. Bỗng nhiên mất đi vật gì, điều đó có chỉ là lạ.

Vũ công biết vật đó là của nhà họ Hà. Ăn cơm xong không lên hồ chơi nữa mà cùng các bạn đến nhà họ Hà, hỏi Lão Hà rằng:

- Đêm hôm qua trong phủ nhà mất vật gì?

Lão Hà đáp.

- Xin thưa bởi cháu gái nhà tôi bị ốm đã gần hai tháng, uống thuốc không khỏi. Đêm hôm qua rót rượu dâng Ngũ thánh, tự nhiên mất một cái cốc, không biết vì duyên có gì?

Vũ công nghe xong, liền lấy cốc từ trong túi áo ra, đưa cho Lão Hà nói:

- Đây có phải là cốc của nhà ta không?

Lão Hà nhận thấy cốc, vừa nhìn đã kêu to:

- Dúng rồi, đúng rồi! Tiên sinh lấy được từ đâu ạ?

Họ liền kể lại sự việc tối hôm qua một lượt. Lão Hà mừng lắm liền sắp tiệc rượu hậu đãi, cảm ơn sâu sắc về đức độ tìm người trả lại cốc của Vũ công. Vũ công nói:

- Cốc chỉ là việc nhỏ. Bệnh của lệnh ái mới là chuyện lớn. Cụ có muốn cho cô nhà khỏi bệnh không?

Lão Hà nói:

- Chạy chữa cả trăm ban thày thuốc mà bệnh tình vẫn không khỏi. Cũng dành chờ nghe số phận vội thôi!

Vũ công cười đáp:

- Muốn khỏi thì có khó gì?

Liền lấy giấy bút ra viết bốn chữ "Vu Khiêm tại thử" ⁽¹⁾ lên tờ giấy hồng, đưa cho lão Hà:

- Cụ đem bốn chữ này dán lên trên cửa buồng của bệnh ái, bảo đảm bệnh sẽ khỏi.

Nói xong cười rồi về.

Lão Hà đem tờ giấy đó dán lên. Con gái cụ quả nhiên nghe thấy các tà thần kháo nhau:

- Vu Thiếu bảo trấn giữ ở đây, ta lập tức phải chạy ngay để khỏi mang họa.

Nói xong, thì không nhìn thấy nữa. Từ đó về sau, con gái cụ khỏi bệnh. Và cũng từ đó, Vũ công càng nổi tiếng.

Đến năm mươi tám Vĩnh Lạc, liền hai năm canh ty, tân sửu, Vũ Khiêm liên tiếp hiển đạt, lúc đó mới 32 tuổi đã được nhận chức quan Giám sát Ngự sử ở Giang Tây đạo. Phong độ cốt cách của Vũ công đương hoàng, tiếng tăm lừng lẫy, mỗi lần tâu đối điều gì triều đình đều nghe theo cả.

Không lâu người đi tuần sát Giang Tây, thẩm tra ra những kẻ vu oan ức hiếp dân chúng bắt giữ các tên quan lộng hành ngang ngược ở Phù Ninh cùng bọn cường hào vận chuyển muối trái pháp luật, tuyệt không để cho bọn quyền quý có tội trốn thoát. Sau đó hai tỉnh Hà Nam, Sơn Tây các nơi tấu về bị tai họa. Triều đình muốn cử quan đại thần di kinh lể. Tuyên Tông thân gửi chiếu thư chỉ đích danh tên họ

(1) Vu Khiêm ở đây

Vũ Khiêm giữ chức Hữu thị lang Lại bộ Thiên binh bộ, đi tuần sát phủ dụ dân chúng ở Hà Nam và Sơn Tây. Vũ công cảm ơn tri ngộ, lập tức một mình cưỡi ngựa đến nhậm chức, thăm hỏi các cụ già hỏi han về phong tục, về lợi ích, về bệnh tật, ngày đêm trông nom coi sóc dân. Lại lập ra phép cấp gạo đều cho dân, mở kho cứu giúp người nghèo, nấu cháo phát cho người đói qua đường. Muôn dân được giúp đỡ, cho nên cứu được bao nhiêu người trong hai tỉnh sáp chết đói, được sống lại. Kể từ sau khi Vũ công tới nhậm chức ở đây thì nhà nhà được yên vui, người người được an lạc. Dày chín năm thì được thăng chức Tả thị lang, trả về triều. Có người hỏi ông:

- Ông đã không có vàng bạc để dâng ơn tiến cử, há lại không có một hai sản phẩm địa phương làm lễ vật để dâng tiến cho triều đình hay sao?

Vũ công dơ hai tui lên cười nói.

- Tôi duy chỉ có hai tui gió trong (1) này mà thôi!

Vũ công đã làm một bài thơ để nói rõ chí mảnh:

Lụa là, mộc nhĩ với nấm hương

Vốn để nuôi dân khỏi tai ương

Gió trong hai tui về triều ta

Trách được dân gian khôi luộn bàn!

Lúc này Tuyên Tông hoàng đế đã yên nghỉ, chuyển cho Chính Thống nối ngôi thiên tử. Khi đó Chính Thống mới lên chín tuổi, may mắn trên có Trương Thái hoàng Thái hậu

(1) Lưỡng lự thanh phong: Là hai tui gió trong, xưa đè chỉ quan thanh liêm, không có tiền của dư dật.

hiền lành đức độ, dưới có ba tướng công Sĩ Kỳ, Dương Bạc, Dương Vinh, cho nên thiên hạ vẫn được dân yên vật sản. Chỉ đáng tiếc là Chính Thống đã nhỏ tuổi lại yêu quý một nội thần tên gọi Vương Chấn là người Đại Đồng nhân thị Sơn Tây, làm quan tới chức Tư lỗ giám, tinh thông lục nghệ⁽¹⁾ tài giỏi thông minh, bởi được vua yêu quý nên đã lạm dụng chức quyền, tác oai tác quái bất nhân dân lỗ lạc biếu xén. Hơi không vừa ý hoặc biếm trích,⁽²⁾ hoặc bắt bớ, không nơi nào hắn không đặt chân đến. Vu công chỉ có hai túi giò trong, khí lạnh bốc thẳng⁽³⁾, đâu có được hắn thích. Một hôm Vu công ở triều về, vừa hay gặp Vương Chấn ngồi trên chiếc Tú Minh xa liễn⁽⁴⁾, người theo hầu đồng y như xa giá nhà vua đến.

Vu công nhìn thấy trong lòng đã cảm thấy bức tức. Không ngờ Vương Chấn và bọn lâu la tùy tùng lại quát thét àm ĩ.

- Tên kia là viên quan nào, sao giám không tránh cho Vương gia⁽⁵⁾ nhà ta?

Vu công nghe nói quát lớn:

- Vương gia nhà các ngươi là viên quan nào mà giám bắt người tránh?

Vừa nói chưa xong thì xa liễn của Vương Chấn tới. Vu

(1) Lục nghệ: 6 loại tài nghệ là Lê, Nhạc, Sá, Ngự, Thư, Số.

(2) Biếm trích: Phạt tội giáng chức dày dì nơi xa.

(3) Ý nói tay trắng không lỗ lạc biếu xén.

(4) Tú Minh xa Liễn là Xe giành riêng cho nhà vua ngồi (xe sáng bốn phương thông bốn hướng).

(5) Gia là cha, là ông tổ như Mao Gia, vương Gia

công chỉ mặt Vương Chấn nói:

- Nhà ngươi có tài năng đức độ gì mà ngông cuồng tự ngạo dám ngồi trên Tú Minh xa liễn?

Hai người tranh cãi nhau. Các quan viên đi trên đường nhìn thấy đều đến khuyên giải. Vũ công liền nói với các quan:

- Chiếc Tú Minh xa liễn này chính là chế ra từ đời Ngu Thuần, có ý nghĩa là "Minh tú mục, đạt tú thông" ⁽¹⁾, dành cho đế vương ngồi để chiêu nạp hiền tài bốn phương, tiếp nhận lời tiến dâng khắp bốn hướng, để thấu hiểu nỗi oan khuất của dân tình cả nước. Hán thuộc hàng người nào mà dám ngông cuồng tự ngạo chiếm ngồi trên xe này? Thật là mạo muội vượt quyền vô lễ! Chẳng qua, bởi nhà ngươi được vua trên yêu quý, cho nên ta không tranh luận với người đó thôi! Ta há lại sợ ngươi ư?

Nói xong đập mạnh vào cảng xe trước của Vương Chấn. Các quan tuy hiểu rõ lời tranh biện của Vũ công là thằng thẩn, thế nhưng không ai giám biện luận phải trái, chỉ ôn tồn can ngăn mà thôi. Tuy trong lòng Vương Chấn phẫn hận, nhưng bởi Vũ công là thần của Tiên đế đặc tuyển, lại sợ Trương Thái hoàng Thái hậu ở trên, cho nên không dám khinh thường làm tổn hại Vũ công. Không ngờ ngày hôm sau, Vũ công chuyển lên triều đình một bản sớ như sau: "Thần nghe phát hiệu thi lệnh ⁽²⁾ là việc lớn của quốc gia, truất u

(1) Sáng láng trước sau, đạt thông bốn phía.

(2) Phát ra hiệu là việc của nhà vua, thi hành lệnh là việc của quan và dân đó là kỷ cương.

trắc minh⁽¹⁾ là đại quyền của thiên tử.

*Nay Vương Chân lộng hành quyền bính, chém chết gián quan, với phi thông gian, lắp che thánh đức. Năm trước dem quân di chinh chiến ở nam Đào Mộc, Lộc Xuyên, chết quân ngàn vạn, mang về tai nạn, không biết đâu là tận cùng. Cầu Minh thánh truất ngay Vương Chân để ngăn mầm loạn, để sóng hận bốn phương thì may cho thiên hạ lâm lâm!**

Lúc đó Chính Thống xem sớ muốn đòi lại áo gấm, nghi trọng, lại nghĩ vì Vu công là thần của tiên đế, sợ xúc phạm sẽ làm cho Thái hậu giận dữ. Muốn giáng chỉ an ủi, lại sợ làm mất thể diện của Vương Chân, nên đã lưu chỉ lại không hạ xuống. Vu công lại dâng sớ nhiều lần xin nghỉ. Vương Chân bèn ý thế đuổi Vu công về quê cũ. Không bao lâu đã có trên ngàn người quê ở Sơn Tây, Hà Nam đang làm việc trong kinh đều dâng sớ lên xin cho Vu Khiêm được phục nhiệm. Lại có cả hai vua Chu, Tấn cũng đều có thư đòi giữ lại vốn quý. Vương Chân biết sự thế đã vang động dân chúng, ngay bây giờ không thể làm gì được Vu công, dành hạ chỉ cho Lại bộ giáng Vu công xuống hai cấp làm quan Thiếu khanh, ở chùa Đại Lý, vẫn làm tuần phủ hai tỉnh. Thật là:

*Trong triều có gian nhân
Đau dụng được chính thần
Kẻ nào thông với ngoại
Đều mang hoa cho dân!*

(1) Tuất là báu bô những cái vô dụng, trắc là tiến dùng. Tuất u trắc minh là báu bô những đồ tối tăm vô dụng, tiến dùng những người tài đức sáng láng, thẳng thắn có tài.

Vương Chấn đã khiến được Vu công đi xa, vừa may lúc đó
Thái hoàng Thái Hậu lên làm khách trời, ba tướng công họ
Dương đều lần lượt tạ thế, đại quyền trong triều đình đều ở
trong tay hán. hán bèn buông thả, ngạo ngược, ngày càng
thêm tệ!

Nhin thấy thiên tai, hán chẳng kinh sợ. Đến năm Chính
Thống mươi bốn, Khâm thiên giám ⁽¹⁾tấu:

- Huỳnh hoặc nhập nam đầu! Người xưa nói:

"Huỳnh hoặc nhập nam đầu.

Thiên tử hạ điện tấu⁽²⁾"

Vương Chấn biết thế cũng không thận trọng, mà lại càng
hung bạo gian tham.

Một hôm, Dã Tiên ⁽³⁾ theo lệ cũ, sai sứ đến bán ngựa.

Thực ra chỉ có hai ngàn con, hán đã khai man là ba ngàn
con. Vương Chấn giận vì hán khai man, đã giảm giá ngựa
xuống. Sứ trả về báo, Dã Tiên giận lắm, liền cát dứt sự hòa
hảo, đã cử binh đến đánh ở biên giới, giết tróc rất dã man.
Các thành lũy ở Đại Đồng, Tuyên Phủ bị vây hãm, giết tróc
và bị cướp đi hàng vạn gia súc. Khói lửa bốn phương nổi lên,
quân ở trong kinh phi báo mỗi ngày hơn chục bận. Vương
Chấn nghe báo, cũng không bàn bạc mưu kế gì với các quan,
lại chỉ khuyên bè trên thân dẫn quân ra đánh trận. Chính

(1) Khâm thiên giám tên một chức quan trông coi phép làm lịch, quản về thiền
văn thuộc đời Minh và đời Thanh.

(2) Ánh lửa chập chờn vào nam đầu thì thiên tử phải rời khỏi điện mà chạy!

(3) Tộc tướng dân tộc thiểu số (Dân tộc Hồi ở phía bắc Trung Quốc).

Thống nghe, tin lời hán Hèn hạ chiếu "Thân chính" ⁽¹⁾.

Lúc này Vu công đã trở về Bình bộ, liền bàn bạc với thượng thư Quảng Đa Dâng, Đồng Tiến Gian, nói:

Dà Tiên chỉ là một vai hè, ta điều khiển binh tướng dù để thắng chúng. Bệ hạ là chủ của tông miếu xã tắc, sao không biết tự trọng. Lại dì chơi bời giao du với bọn đê chớ?

Vương Chẩn ở bên cạnh nói:

- Từ khi có tổ tông đến nay. Mỗi lần nhà vua thân dẫn quân đi đánh giặc thì không chỉ có nhà vua. Bọn nhà ngươi có sao lại cố tình cản trở binh cơ?

Vu công vội nói:

- Tổ tông ngày xưa tướng soái nhiều trí dũng, binh mã đều tinh luyện, cho nên tự tuần hành biên giới, xa gần đều kinh phục. Đến nay thiên hạ được yên vui lâu dài không sợ sệt, tai không nghe tiếng binh cách ngựa xe, mắt không nhìn thấy bụi tràn khói lửa. Hơn thế, tướng cũ lịch lâm hiểu biết đều qua đời. Các tướng soái ngày nay là cháu chắt chút chít xa của các công hầu tướng lĩnh ngày xưa. Nay đem quân lính, vũ khí ấy ra nghênh địch làm sao có thể thắng được?

Nhưng làm sao lay chuyển nổi khi Chính Thống tin tướng sâu sắc lời Vương Chẩn! Tất cả các biểu táu trình đều không được chuẩn y. Đến ngày mười bảy hạ chỉ sai ngự dệ Thành Vương với Thái giám Kim Anh, Hưng An trấn giữ kinh đô. Vu Khiêm nắm giữ Bắc Kinh Bình bộ sự. Còn vua thâu dân quân đánh lên phía bắc, hạ lệnh cho Anh quốc công Trương

(1) Tự đích thân vua dẫn quân đi đánh giặc

Phụ Thành quốc công Chu Dung làm tiên phong. Bình hương bá Trần Hoài, Đô đốc Tỉnh Nguyên làm Tả Hữu dực. Nhà vua và Vương Chấn dẫn hai mươi vạn quân có bách quan hộ tống xa giá xuất quân đi đánh. Quân khởi được một ngày, Vu Khiêm lại dẫn các giàn quan đứng ở ngoài Ngọ môn khuyên can. Vương Chấn cưỡi ngựa vượt lên đầu nói:

- Thánh giá đã khởi binh có sao lại ngăn trở?

Lиền chửi mắng quân sĩ, và hộ tống xa giá ra ngoài cửa quan. Dương không có gió mà trời lại mưa, lòng người vô cùng hoảng sợ. Thanh thế của Dã Tiên càng lan nhanh. Vương Chấn hạ chiếu chỉ giả sai Đô đốc Tỉnh Nguyên đem hai vạn người ngựa xông ra trận trước. Chưa đầy hai ngày, phi mã vội về báo:

- Tỉnh Đốc đốc đã chết rồi!

Vương Chấn nghe tin báo lại hạ chỉ giả sai Bình hương bá Trần Hoài dẫn hai vạn người ngựa xông ra tiếp chiến. Quân địch xô đến đông như kiến, dày như núi. Trần Hoài vội hạ lệnh phỏng súng⁽¹⁾, mà thuốc súng thì đã bị nước mưa thấm ướt, nên đốt không cháy. Quân địch kéo đến, cả hai vạn người ngựa đều chết ở sa mạc. Đến được Đại Đồng, Vương Chấn đang sắp tiến binh, các quan đều hoảng sợ. Thượng thư bộ Hộ là Vương Tá quỳ xuống bãi cỏ mà can gián. Khâm thiên giám chính Bành Đức Thanh chửi Vương Chấn:

- Tượng Vĩ quá độc ác! Chỉ một sớm đã hâm xa vào nơi cỏ rậm, ai nhận tội ác này cho?

(1) Súng: 1 loại vũ khí bằng lửa thời cổ.

Học sú Tào Nãi nói:

- Èo tối là dĩ nhiên là không có gì được phép luyến tiếc.
Nhưng chúa thượng chính là sự an nguy của thiên hạ, đâu có thể Hieu linh tiến quân được?

Vương Chấn giận dữ quát:

- Nếu có như thế nào cũng đều do mệnh trời cả.

Chiều tối có đám mây đen như cái ô phủ kín doanh trại. Tự nhiên sấm to, mưa lớn, cả doanh trại người ngựa đều kinh hoàng. Vương Chấn trong lòng cũng lo sợ. Bỗng có tin báo Tây ninh hầu Chu Anh, Vũ tiến bá Chu Miện, toàn quân đều bị chết cả. Lại có tin báo Thành quốc công Chu Dũng dẫn năm vạn quân đánh ở Diêu Nhi linh, bị quân mai phục, cả năm vạn người chết không sót lấy một. Ngày mười ba tháng tám đến được đất Thổ Mộc, Thái giám Quách Kinh bí mật谈话 với Vương Chấn rằng:

- Thế lực của giặc mạnh lắm, ta không thể làm gì được.

Vương Chấn mới bắt đầu nghỉ lại. Vùng đất Thổ Mộc cách thành Hoài Lai chỉ có hai chục dặm. Vậy nên tiến vào thành Hoài Lai ngay thì có thể đảm bảo được vô sự. Bởi Vương Chấn có trên một ngàn xe chờ nặng đang đi ở đằng sau, còn phải chờ đợi, nên đành phải đóng quân lại ở Thổ Mộc. Mãi đến ngày mười bốn mới hành quân, mà quân của Da tiên đã kéo đến đông như núi, vây chặt cả bốn phía. Chỉ nhìn thấy thây chết nằm ngang dọc khắp đồng, máu chảy đầm bã cát vàng. Cả hơn năm vạn quân đều biến thành quý ở trên sa trường. Tất cả trăm quan xe pháo đều bị hăm trong sa mạc.

Chưa đầy mấy ngày, tin báo đến kinh sư, toàn thành đều

trấn động hốt hoảng. Bách quan không biết làm thế nào, tất cả đều tập trung cả ở trong triều đình, khóc rống lên thảm thiết, mời Tôn Thái hậu vào triều để nghe tấu sự. Tôn Thái hậu hoảng hốt, không hiểu đầu đuôi ra sao, liền hỏi quan cản thàn:

- Các thần tử ở trong triều, ai có tài an bang định quốc, có thể đảm nhận được việc đại sự này?

Thái giám Hưng An vội tâu:

- Kẻ nô tì này chỉ có Bình bộ Tả thị lang Vu Khiêm tam can trung thực, nếu nương nương giao việc đại sự này ủy thác cho người đó thì nhất định có thể an bang định quốc được.

Tôn Thái hậu nghe liền lập tức bước lên điện, hạ chiếu cho Vu Khiêm đến trước triều tấu sự. Vu Khiêm nghe tin gọi, vội dẫn các quan đứng ở dưới trường, tấu rằng:

- Thánh giá gặp vây hãm, chúng thần thề không đợi trời chung với giặc, nguyện xin nghênh mời thánh giá về triều. Thế nhưng xá tác phải coi là trọng. Đất nước không thể một ngày không có vua. Mong Thái hậu giáng chỉ lập Hoàng tử lên làm Hoàng thái tử.

Mùa hạ năm Ấy Tuyên Thành Vương giữ việc tổng quốc chính. Một mặt sai sứ mang vàng bạc, châu ngọc áo rồng, đoạn gấm doanh trại Dã Tiên để nghênh đón xa giá.

Dến ngày hai mươi hai, Thành vương bắt đầu nhiếp chính. Các quan thần lập tức tấu lên:

- Vương Chẩn làm khuynh nguy xá tác, tội ác dày trời, người người phản hận. Nếu không diệt cả họ để giữ vững luật

hình thì làm sao có thể làm yên lòng dân được.

TẤU XONG tất cả đều khóc lóc, âm vang vọng cả ra ngoài. Thành Vương còn trầm ngâm chưa quyết, tên Cầm y vệ Mã Thuận trong ác đảng của Vương Chấn đã quát chửi bá quan rồi bỏ đi. Cấp sự trung Vương Hồng nhìn thấy Mã Thuận không phung chì lại dám chửi người, không kìm nổi giận dữ, bèn thét chửi:

- Tên nghịch tặc Mã Thuận đã giúp Vương Chấn làm ác, gây họa cho xã tắc. Nay sự việc đã đến nồng nỗi này, lại còn dám hồn láo! Hồi tên loạn thần tặc tử, người người sẽ giết chết người!

Vừa chửi vừa tóm gọn Mã Thuận, cát một miếng thịt ở trên mặt. Các quan vô cùng căm phẫn, liền ra tay, kẻ đấm người đá, chỉ trong phút chốc óc phạt như tương bôi mặt đất, máu chảy đỏ lòm khắp cung đình.

Mã Thuận đã chết. Các quan còn đòi bắt hai tên tâm phúc của Vương Chấn là Vương, Mao hiện đang còn nhốt chặt trong cung tối không dám thả ra. Các quan chưa thấy hai tên bèn la thét om sòm không ngớt. Lễ nghi của triều đình chẳng thể khôi phục được nữa. Thành Vương hoảng sợ bất định, muốn đứng dậy chạy về cung. Vu Khiêm vội bước lên trước nắm chặt áo bào của Thành Vương, khéo đầu nói:

- Nay nếu điện hạ không thả hai tên đó ra. Sợ rằng các chủ thần xôn xao bàn tán, không phải là kế an dân định quốc!

Thành Vương liền truyền lệnh chỉ, thả hai người ra. Các quan cũng cùng ra tay đánh chết. Vu Khiêm vội nói to:

- Phụ đảng gian tà bị đánh chết rồi. Các quan ai về chức

ấy, không được làm huyền náo.

Chúng thần đã ai và chở ấy rời, Vu Khiêm lại tấu thỉnh Thành Vương giáng dụ để úy lạo quần thần. Thành Vương liền giáng dụ:

"Tên gian thần hại nước của Vương Chấn là Trước, Đô Ngự sử Trần Dật phải tịch thu hết tài sản của hắn"

Vu Khiêm lại tấu:

- Dã Tiên bất đạo, chí mẫn khí kiêu, thế đã ăn sâu lan rộng, không thể dè phong hậu hoa.

Thành Vương thấy Vu Khiêm có nhiều tài năng, liền nghe theo mọi mưu hoạch, nhất nhất đều truyền chỉ. Sai Đô đốc Tôn Thang, Phạm Quảng, Tân An, Lôi Thông... thủ giữ kinh sứ không được chống lại lỗ tiết. Lại hạ chiếu xá tội cho Thạch Hanh, giữ chặt Thủ Tuyên phủ không được đánh bừa bãi. Sai con của Dương Hồng là Dương Tuấn bổ sung làm Du kích tướng quân, dẫn binh ra ngoài cửa khẩu quy thuận lòng người, đi đến các nơi như Trác Châu, Bảo Định, Chân Định, Thương Châu, Hà gian v.v... tuần tra kiểm soát. Hết gặp quân lính của triều đình bị thương lật sán sóc giúp đỡ không thể để cho họ khổ sở. Lại sai Quách Đăng giữ chắc các vùng Đại Đồng v.v... gấp dịch có thể tiêu diệt, có thể hòa ước, có thể giữ, có thể đánh, tùy cơ thi hành. Lại bắt cùu biên tướng soái là Hứa Quý, Lực An v.v.. giữ chặt thành lũy, không được mạo hiểm. Lại sai cháu Thạch Hạnh là Thạch Bưu dẫn các quân du kích phòm thủ xung quanh thành, để dè phòng bất trắc. Lại phân Kim Anh, Hưng An làm trung lương nội tướng, phòng thủ nội thành.

Thành Vương thấy Vu Khiêm nhất nhất mọi việc lo liệu

đều là sách định quốc an bang, đều là mưu tìm người tài giỏi, trong lòng mới thực sự yên. Rồi ra lệnh cho các quan lui. Riêng lưu Vu Khiêm ở lại trong điện, nói thẳng hết mọi lời, một lúc lâu mới ra, nhưng chỉ nhìn thấy túi áo bào vẫn rỗng.

Lúc này Lại bộ Thượng thư Vương Trực và các quan văn còn tập hợp cả ở Ngọ môn chưa về. Nhìn thấy Vu công ra khỏi triều đình, Vương Trực liền nói trước:

- Công việc hôm nay, biến khôi gấp gáp, đều nhờ ông trấn định cả. Ông tấu cả trăm điều ngay thẳng, mà đâu ai có thể làm gì được.

Các quan đều nói:

- Thật là hòng phúc của triều đình. Hôm nay may mà có ông.

Vu công lạy tạ mọi người, rồi tất cả giải tán. Thật là:

Ngày xá tặc nghiêng ngừa

Tất thấy ván vũng vàng

Nếu chẳng gấp gốc cứng⁽¹⁾

Đao sắc ại tó tướng!

Từ đó Thái hậu biết rõ Vu Khiêm có tài năng, được mọi người trọng vọng, lập tức truyền chỉ thăng Vu Khiêm làm Bình bộ Thượng thư. Vu Khiêm vào triều tạ An, lập tức dẫn



(1) Nguyên văn câu trong Hậu Hán thư Ngu Hủ truyện:

Bất ngờ bàn cẩn thế tiết

 tè dí biệt lợi khí hờ.

(Nếu không gấp gốc cây rắn chắc sù sì thì làm sao biết được lưỡi dao sắc bén.)

trăm quan xin sớm định đại kế để yên gốc nước. Đến ngày hai mươi chín, Hoàng Thái hậu sai Kim Anh truyền chỉ:

"Hoàng Thái tử còn nhỏ tuổi chưa thể ngồi ngôi vua được, sợ hỏng việc lớn. Thành Vương đã trưởng thành nên sớm chính ngôi lớn để yên đất nước!"

Tức thì các quan thần đều đồng biểu mong Thành Vương nhận ngôi. Đến ngày mồng sáu tháng chín, Thành Vương lên ngôi Hoàng đế, dao tôn⁽¹⁾ Chính Thống làm Thái thượng Hoàng đế, tôn Thái hậu làm Thương thánh Hoàng hậu, đổi niên hiệu là Cảnh Thái nguyên niên. Tức thì thiên hạ mới biết là có vua, kỷ cương của triều đình mới bắt đầu nghiêm túc, pháp lệnh mới bắt đầu được thi hành.

Vu Khiêm đau buồn nói với nhà vua:

- Người Hò⁽²⁾ quyết tâm cao, nhất định chúng sẽ xâm nhập vào đất ta. Muốn thế tất chúng phải chuẩn bị trước. Ngày nay quân tinh nhuệ của ta đều đã chết hết bởi cuộc chiến vừa qua. Quân tư khí giới mười phần không còn lấy một. Ngày nay ta nên chia các quan đi chiêu mộ các dung sĩ định tráng có lòng hiếu nghĩa còn ẩn náu trong các quán xá, lại cần triệu tập dân phu ở vùng phụ cận đứng lên, thay đổi các quan quân vận chuyển trên sông, lệnh cho tất cả các doanh trại đều phải thao luyện võ nghệ. Lại lệnh cho Công bộ tập hợp vật liệu làm thành những khí cụ đánh nhau. Hộ bộ thương thư là Chu Thàm có mưu sâu rộng xin cho kiêm

(1) Dao tôn: chỉ tôn danh chứ không có thực chức

(2) Hò một tộc ở phương Bắc thời cổ đại, còn gọi là Bắc dịch.

chức việc sự vụ ở Công bộ. Chín cửa kinh thành vô cùng khẩn
yếu. Các nơi như Hương Giả, Tuyên Phủ, Đại Đồng v.v.. chưa
được bảo vệ, nay đã bị Đà Tiên tàn phá, rất có thể chúng sẽ
xâm phạm thẳng tới kinh sư. Hôm trước tuy đã phân cho các
tướng soái như Tôn Thang.. chống giữ, nay nên cử ngay
Thạch Hanh, Liễu Bạc làm tổng soái, dàn các doanh trại ra
để thao luyện. Lại cử Vương Hồng, Dương Thiên v.v... chia
nhau di tuần sát, không để chỗ nào sơ hở nhầm nhọ. Cư dân
ở ngoài thành đều đưa vào trong thành, không được để cho
giặc bắt đi. Tất cả các quan ái, tường thành, lầu gác đều phải
lúy cao hào sâu, nếu có nơi nào bị hủy hoại phải mau mau
xây dựng lại cho thật vững chắc kiên cố. Lại sai các linh phi
ky truyền chỉ thị đi khắp bốn phương: "Nếu Đà Tiên đưa
thượng hoàng thả xuống thành, phải trả lời: Tông miếu xá
tắc ta linh thêng, triều đình ta đã có vua rồi! Nếu vi phạm
quy định thì sẽ thi hành theo quân pháp".

Vừa tâu xong, bỗng có phi báo " Đà Tiên đưa thượng
hoàng từ Từ Kinh quan tiến vào. Miệng nói là hộ giá nhà
vua, thực chất đã giết hại chỉ huy là Hà Thành, bắt đi mấy
trăm nam nữ. Chúng đang kéo tới gần kinh sư, lòng dân
hoang mang lo sợ!" Thị giáng Từ Trinh là người Tô Châu tự
cho rằng mình biết xem thiên văn, nhìn thấy đốm lửa chập
chờn không lùi ra khỏi nhà, bèn đưa cả gia đình trở về Tô
Châu, nói:

- Nếu không ra khỏi nơi này, nhất định vợ con sẽ tan nát.

Quan Thái giám Kim Anh triệu các đình thần hỏi kế. Từ
Trinh nói rằng:

- Kinh sư không thể giữ được nữa. Nhất định phải dời về

nam.

Vu Khiêm khóc lóc thầm thiết tấu rằng:

- Kinh sư là gốc rễ của thiên hạ. Phận mờ của đế vương
xã tắc đều ở đây. Bách quan ngàn họ đều ở đây. Lục cung xa
giá đều ở đây. Nay không ở đây giữ lấy, còn muốn làm gì?
Nếu dời kinh đô thì đại sự hỏng hết. Gương Cao Tông dời
Tống dời đô về nam chẳng dù để soi sao? Một bước cũng
không thể rời khỏi nơi đây được.

Kim Anh, Hưng An đều cho lời của Vu Khiêm là phải, nên
cũng tâu lên:

- Chết thi vua tôi cùng chết một chỗ. Kẻ nào còn dâng lời
dời đô, bờ trên sẽ hạ lệnh giết ngay.

Rồi treo bảng hiếu dụ, lòng dân tạm được yên.

Lúc đó vì những ngày hòa bình yên à kéo dài đã lâu. Ở
ngoài thành chất đầy bãi chưa kho tàng, dân có tối mấy trăm
vạn. Vu Khiêm nghe tin dịch kéo vào cửa quan, vội hạ lệnh
cho quan quân phải chuẩn bị lương thảo dù dùng cho một
năm. Ai nấy tự vận chuyển lấy. Số không vận chuyển hết thì
phóng lửa đốt cháy cho kỳ sạch. Có người nói:

- Sự việc trọng đại đến thế, sao không báo lên vua?

Vu Khiêm nói:

Việc phải có kinh quyền⁽¹⁾. Nay kẻ địch đã ở trước mắt,
nếu cứ chờ báo mới thi hành, như vậy là nuôi dung kẻ địch.
Quân địch ăn lương thảo của ta, tất sẽ vây khốn ta lâu, đâu

(1) Kinh là cai trị, kinh bang tể thế, trị nước cứu đời. Ở đây ý là tùy liệu nà làm.

phải là kế sách. Nay ta thực hành kế vườn sạch tường chặc⁽¹⁾, chúng không có lương thảo, không thể ở lâu được, sẽ tự phải rút.

Chưa đầy mấy ngày quân lính của Dã Tiên đã đánh tới ngoài cửa ái tây bắc kinh thành. Lúc này Hỉ Ninh đã đầu hàng Dã Tiên, khai báo, khai báo hết mọi sự hư thực ở trong nước làm kè dân đường cho chúng. Thế lực của chúng dày đường, vô cùng lợi hại, đã đốt cháy Trường Lang, Hiếu Lang, Kinh Lang. Lúc này Thạch Hanh giữ hậu phủ, muốn đóng chặt Cửu Môn để ngăn tránh lực lượng địch. Vu Khiêm nói:

- Dứt khoát không được. Thế giặc vô cùng hung dũng. Nay nếu đóng cửa chúng tỏ lực mình yếu, chúng càng khinh Trung Quốc.

Rồi tự dẫn binh ra lối Đức Thắng môn, đeo cung, mặc giáp trụ chính đón người ngựa, dựng chín trại lớn ở sau thành, chia đều chín cửa, tất thảy có hai mươi hai vạn người ngựa. Vu công khích lệ tướng sĩ, lệnh cho Thạch Hanh đóng đồn ở Thành Bắc, tự đốc thúc quân, lệnh cho Tôn Thang đóng đồn ở Thành Tây, Hình bộ Thị lang Giang Uyên đốc quân ở đằng sau. Ngự sử Dương Thiện và các chúng thần đóng cửa giữ thành, để biểu thị lòng tất tử. Trong khoảnh khắc Dã Tiên tụ lại như ong, quân triều vẫn nghiêm chỉnh bất động. Biết Dã Tiên đặt Thượng Hoàng ở trong quân, cho nên không bắn bừa một mũi tên nào. Dã Tiên nhận đó lại sai

(1) Kiên bách thanh dã (ngôn ngữ quân sự) giữ chắc không cho địch vào Vườn trong không có gì cho giặc cướp.

sứ giả danh là dân Thượng Hoàng, bắt các quan đại thần phải ra thương nghị hòa hoãn để nghênh đón Thánh giá, đồng thời yêu sách trên vạn lượng vàng thì mới đưa giá về. Đại Đồng phó tổng binh Quách Dâng biết chúng dối trá, đóng cửa không cho vào, sai người truyền tin khắp trong thành, nói:

- Tổ tông xã tác linh thiêng nước ta đã có vua rồi.

Thế rồi Quách Dâng lập mèo, lấy danh nghĩa là cho chúng vàng ngầm ngầm liên kết được hơn bảy chục tráng sĩ trung nghĩa, ngầm lệnh cho họ đoạt giá đưa vào thành. Chẳng ngờ lưu lại lâu quá, Đã Tiên nghĩ là có biến, liền cưỡi to không nói năng gì, rời ra đi. Mèo này không thành, Quách Dâng rất hận!

Đến năm Cảnh Thái nguyên niên, Đã Tiên lại vào Sóc Châu. Quách Dâng tự dẫn tinh binh xuất kỵ bất ý, đánh thọc từ sau lưng, giết bọn giặc chết vô số. Báo tin thắng lợi về kinh, Vu Khiêm mừng lâm, tấn phong Quách Dâng làm Định Tương bá.

Đã Tiên ném một trận thất bại đau, liền chính đốn đại đội binh mã, muốn đến Đại Đồng để báo thù. Quân do thám báo vào trong thành, Vu Khiêm sợ mất cửa biển, tự dẫn quân đến biên chỉ rõ phương lược, trước hết tuần sát Đại Đồng rồi nói với Quách Dâng:

- Đã Tiên muốn đến rửa hận. Thế chúng rất lớn, khó bề đối địch. Không gì diệu hơn là dùng hỏa công. Nơi này phong

(1) Giảo địa long, phi thiên vông ý nói đào hào hổ để địch sa xuống, tung lưới ra để chụp quân địch.

thổ cao ráo, nếu như ngầm chôn địa lôi, hỏa súng tất sẽ phá được địch.

Quách Dăng lại xin được kiêm dùng giáo địa long, phi thiêng vồng⁽¹⁾. Vu công đều bằng lòng, sau đó đi tới Phủ Tuyên, nói với Dương Hồng:

- Quân lính ở lâu trên biên ái, lại vất vả nhiều, có thể nói là có công. Nhưng cứ sao quân ở Thổ Mộc lại không được cứu viện? Nay bởi việc nhiều, ta tha tội cho người. Từ nay về sau phải tận tâm báo quốc.

Dương Hồng vâng dạ liền hồi. Lại đi tuần đến Độc Thạch Vu công nói với chủ soái Chu Khiêm rằng:

- Ta thấy vùng thành trì Độc Thạch tất cả đều là đổ nát, có nhiều hao tổn. Đây là nơi vùng đất phên đậu quan trọng của quốc gia. Nếu bỏ không tu sửa, không những Phủ Tuyên khó giữ, mà kinh sư cũng sẽ vì thế bị lung lay!

Liền tiến dẫn đòn đốc Tôn An nhận để tu sửa phương lược. Các cửa ái Độc Thạch, Đô Long Môn vv... vừa giữ vừa xây dựng, có thể chắc chắn mà không sợ sai sót. Vu Khiêm tuần biên chỉ bảo vô cùng thỏa đáng, rồi mới về kinh. Vừa hay Dã Tiên muốn báo thù Đại Đồng, soái lĩnh dung tướng, cùng kéo đến đánh. Quách Dăng đã chuẩn bị đầy đủ, chỉ chờ hán đến. Pháo hiệu vừa nổ, tên nỏ, mồi lửa từ xa bắn tới, những cỏ nát cây khô, những dây thuốc dẫn nổ, những địa lôi súng lửa, như đất rung trời đổ, bay loạn tứ tung, khói lửa trên không, người chết ngựa vong, giặc chết vô số. Chúng hoảng sợ với chạy tháo mạng, lại bị sa vào trong phi thiêng và giáo địa long, quân chết không biết bao nhiêu mà kể. Tổng cộng hai mươi dặm đường máu đổ, Dã Tiên kêu khổ chẳng ngừng, nói:

- Ta trúng kế cửa Nam triều rồi!
Vu công lại treo ở kháp nơi bàng vân:
"Nếu ai bắt sống được Dã Tiên được phong quốc công lại
thưởng vạn tiền" Bởi thế Dã Tiên hoang mang lo sợ mà
không dám khinh suất đánh thành nữa.

Ban đầu Dã Tiên muốn đưa Thượng Hoàng về nước, đó là ý thực. Chỉ đáng hận là một viên thái giám hàng giặc tên gọi Hỷ Ninh đã nhiều lần khiến cho Dã Tiên làm hại Trung Quốc, vì thế cho nên không dám về nước nữa. Thượng Hoàng xét biết được ý hắn, nên giận dữ nói với Viêm Bân rằng:

- Nếu không giết Hỷ Ninh làm có thể có ngày trở về kinh được?

Do vậy Viêm Bân cùng bàn bạc với Thượng Hoàng, viết một phong thư, sai Tống kỳ Cao Bàn gửi đi. Cao Bàn vốn là người Trung Quốc, một ngày có thể đi được hơn hai trăm dặm, rất có lòng trung. Cao Bàn linh mệnh của Thượng Hoàng, liều rạch miếng thịt ở đùi nhét thư dấu vào trong, di nhanh như sao đổi đến Phù Tuyên dâng bức thư này lên. Vu Khiêm xem xong, lập tức viết thư cho Dương Hồng, dặn Hồng cứ theo kế mà làm, để bắt giữ Hỷ Ninh.

Quý vị có biết đó là kế gì không? Vốn con trai của Dương Hồng là Dương Tuấn, anh dũng không ai bì, sức kéo nổi ngàn cân, hai nách có thể kẹp hai con sư tử đá mà di được. Cho nên Vu công đã truyền kế cho Dương Hồng, dặn rằng:

- Chỉ nói là thường lừa rồi lừa Hỷ Ninh đến Phù Tuyên chờ tới khi hắn đến lừa lừa, thì từ trong cái bờ tre ở trên thành thả xuống, Dương Tuấn quấn chặt thân cổ màu sắc

giống như lụa, ẩn ở trong bồ. Đến khi nghe Cao Bàn gọi "Hỷ Ninh" chỉ cho người nhận rõ, thì người liền bắt sống, nhét hán vào trong bồ tre, từ trên thành lại kéo lên!

Dương Hùng đã nói tí mỉ cho Cao Bàn biết, Cao Bàn mừng lắm liền vội vàng đến gặp Dã Tiên nói:

Minh triều sai Phù Tuyên thường lụa cho!

Dã Tiên liền lệnh cho Hỷ Ninh di dẩn đường, giả danh là đi đưa Thượng hoàng để đến lính lụa. Bởi lần trước đã ném đòn của Quách Đặng, nên từng bước đều thận trọng. Mới cách thành năm sáu mươi dặm đã dừng lại, chỉ để cho Thượng hoàng đi trước. Trên thành nhìn thấy Thượng hoàng bèn liền vứt xuống mấy trăm chiếc bồ lụa. Cao Bàn đi sát gần ngựa của Hỷ Ninh, đuổi chạy theo sau. Lúc này Dương Tuấn đã ở trong bồ tre rồi. Cao Bàn xuống ngựa đến nhận lụa. Hỷ Ninh cũng xuống, tới nhận lụa. Cao Bàn thấy vậy vội gọi to lên ba bốn tiếng:

- Hỷ Ninh! Hỷ Ninh! Ngài không phải chuyển lụa. Cứ để chờ tôi chuyển cho!

Tiếng gọi chưa dứt, Dương Tuấn đã nghe rõ, đã nhận rõ nhảy ra khỏi bồ tre, thét to lên một tiếng:

- Ninh tặc chờ chạy! Trúng kế của Thượng thư ta rồi!

Liền tóm gọn Hỷ Ninh tựa như ta bắt con gà con, thả vào trong bồ, thén đè lên trên. Người trên thành nhìn thấy, vội vàng kéo dây thừng lên. Bọn giặc nhìn thấy Hỷ Ninh bị bắt lên thành, sợ có biến, vội vàng chuyển lụa đi nhanh như bay báo cho Dã Tiên biết. Dã Tiên thấy Hỷ Ninh bị bắt, biết Nam triều có kế, cùng vội vàng ôm Hoàng đế chạy đi. Dương Tuấn bắt được Hỷ Ninh lên trên thành, đè hán gần chết, tức thời

giải xe tù đến kinh sư rồi lang trì⁽¹⁾ cho đến chết. Thật là:

Kẻ gian chẳng biết có tâm gì,
Bỏ hết luân thường danh giá đi
Chỉ dưa bạo cương hòng sống mãi
Bỗng chốc bị tù hỏi còn chi!

Dã Tiên từ khi mất Hỷ Ninh, không người đưa dắt, lại thấy Trung Quốc có người, không như ngày trước nữa, liền có thực tâm quy hàng, liền sai sứ đem cổng vật và một đạo văn đến kinh xin giảng hòa. Lê bộ tấu lên triều đình, muốn nghênh thỉnh Thượng hoàng về nước. Cảnh Thái nói:

- Triều đình đã vì việc giao hảo ấy mà làm hỏng đại sự. Ta đang muốn tuyệt giao với chúng. Nay bọn các khanh lại xin về việc đó không biết vì có gì?

Lại bộ Thượng thư Vương Trực tâu:

- Muốn giảng hòa là bởi lẽ Thượng hoàng đang ở Bắc. Lê nên nghênh phục, xin cho mời sứ thần, không thể để hối hận về sau.

Cảnh Thái nghe vậy không vui nói:

- Lúc này ngôi lớn đã định. Bọn các khanh muốn trăm làm như vậy, chứ không phải xuất phát từ lòng của trăm.

Vu Khiêm dò biết ý của vua, liền vội tâu:

- Ngôi lớn đã định, ai dám bàn lại? Thế nhưng thượng hoàng ở Bắc nên sai sứ tận lễ, để ta được thành thạo, khỏi mối lo về biên ải.

Cảnh Thái nghe Vu Khiêm tâu vậy mới hiểu ra, vui vẻ

(1)Lang trì: Cắt thịt và chân tay của tội nhân cho đến lúc chết

nói:

- Ta theo người! Theo
người!



Liền sai Lý Thực làm Lẽ bộ
Tả thị lang, La Khởi làm Đại lý
tự khanh xưng làm chánh phó
sứ, cùng bàn bạc với sứ giả Ký
nhi Thát vương. Thoát Thoát
Bất Hoa cũng sai người đến
giảng hòa. Triều đình đành lại
phải sai Dô ngư sứ Dương
Thiện, Thị lang Triệu Vinh đi
sứ để báo mệnh. Công việc này
hoàn toàn giao cho hai người Lý
Thực, Dương Thiện, biết ý địch
đã thực, dùng lời nói khéo léo
đã làm cho Dã Tiên và Thát vương vui vẻ. Cũng may dòng
dõi ngôi vua hồng phúc còn lớn cho nên Dã Tiên, Thát Vương
đến có thực ý trao trả mở tiệc rượu thịnh soạn để tiến hành.
Đến ngày mồng tám tháng chín, Thượng hoàng khởi giá. Bá
Nhan dẫn binh hộ tống, ngày mười hai thì đến Giã Cô lĩnh,
Bá Nhan nói:

- Nơi đây chính là giới hạn của đất Hoa Di⁽¹⁾

Rồi khóc to lên, nói:

- Hoàng đế di nhé! Biết đến bao giờ lại được gặp nhau?

Tình xưa nghĩa cũ biệt ly, có hơn năm trăm đầu mục hộ
tống đến kinh sư. Ngày mười bốn đến Hoài Lai để nghỉ ở

(1) Hoa Di: tên 1 dân tộc thiểu số thường trú tại tây Tứ Xuyên, Vân nam.

Dung Quan rời báo vào triều đình. Các quan thần cùng Lê bộ tiến hành nghi lễ tiếp đón. Riêng Đô ngự sử Vương Văn nói lớn:

- Về à? Ai cho mà về? Quân giặc xảo quyệt thì làm gì có ý thực? Nếu không muốn lấy vàng bạc thì cũng muốn lấy đất dai. Dã có biết bao sự việc còn đó. Ai còn cho về nữa!

Các quan đều sợ Vương Văn, không ai dám nói. Riêng Vũ Khiêm nói:

- Bất tất phải cố chấp. Phương lược đề phòng tai biến ta đã có sẵn. Về hay không về với việc tiến hành nghi lễ giảng hòa không có hại gì.

Rồi tiến hành nghi lễ. Ngày mười lăm Thượng hoàng đến Đường Gia lĩnh, sai sứ vào kinh đô trước chiêu dụ việc nhường ngôi, các quan thần miễn cho việc nghênh tiếp.

Ngày mười sáu các quan chỉ đón tiếp ở An Định môn. Thượng hoàng từ Đông An môn tiến vào, Cảnh Thái vái chào, Thượng hoàng đáp vái. Vái xong cả hai ôm nhau khóc lóc. Cả hai đều có ý nhường nhau. Nhường nhau hồi lâu mới đến Nam cung, hậu thường sứ giả rồi về. Thật là:

*Thượng hoàng nhường ngôi tình kiêm lễ,
Cảnh Đế đón về lễ gần tình.
Vì sao Nam cung vừa bước tới
Đồng khi mà sao chẳng đồng thanh?*

Cảnh Đế thấy ngôi lớn đã định xong, nghe theo lời nói của Vương Hồng về việc dịch trũ⁽¹⁾ liền lập Hoàng tử Kiến Tế

(1) Dịch trũ: Lập sẵn con tên nối ngôi sau này

làm Hoàng Thái tử, đổi phong Hoàng Thái tử là Nghi Vương. Các quan văn võ trong triều đình chẳng ai dám khuyên ngăn. Không ngờ Hoàng Thái tử lập nên trong tháng năm thì đến tháng mười hai mắc bệnh rồi chết. Cảnh Đế khóc mãi không thôi. Ngự sử Chung Đồng, Lê bộ Trương Luân đang số, xin lập lại Nghi Vương làm Hoàng Thái tử. Cảnh Đế giận lắm nhốt hai người vào ngục tra khảo, máu tươi loangдов khắp người, rồi bức lệnh vu cho là dân đại thần thông謀 chiếm Nam cung. Hai người không chịu, lại càng bị già hình nặng thêm. Bỗng nhiên trời mưa to gió lớn, cát vàng tắc nghẽn bốn phương, mới được dừng tội hình. Một hôm Vu Khiêm thấy Cảnh Đế, vội tâu rằng:

- Thần thiết nghĩ Kiến Thái tử lập chưa dày năm đã bị bệnh mất đi. Đó là việc ý trời định sẵn. Còn điều tấu của hai người Chung Đồng, Trương Luân chưa có gì là chống đối. Cái xin bộ hạ dung thứ mà tha cho.

Cảnh Đế nghe nói thế, giận dữ không vui:

- Khanh cũng vì cái đó mà nói ư?

Liền định giá, vào cung. Khiêm hoàng sợ dì ra. Quan Nội giám Hung An nhìn thấy Vu công tấu; liền than rằng:

- Điều đó có thể nhìn thấy Vu Thương thư có đủ lòng trung, làm cho đất nước vững bền được.

Vu công tự biết uy quyền dã nang, nhiều lần dâng sớ nói thân thế dã già xin về Tay hồ nghi. Cảnh Đế vô cùng tin nhiệm, nhiều lần không cho phép. Vu công thấy trên không cho phép, tự biết tất sẽ chết, thường đập bàn than rằng:

- Ta một bầu máu nóng nhưng không biết tưới vào đâu.

Vu công bị ốm, Cảnh Đế sai Thái giám Hưng An, Thủ Lương thay phiên nhau chăm sóc. Hai người nhìn thấy Vu công ăn uống cần kiệm giản đơn, không ngăn nổi mình đã thở dài, tấu lên Cảnh Đế. Cảnh Đế cũng ngâm ngùi thở dài, rồi hạ lệnh bắt phải trọng coi việc ăn uống với mức thương thực ⁽¹⁾. Phàm những vật dùng hàng ngày tương, dấm, rau dưa, quả phẩm, các loại đều phải chu cấp thật đầy đủ. Vu công bị bệnh đờm, nguy y tấu trị đờm tất cần phải có trúc lịch ⁽²⁾. Trong kinh không có trúc, Cảnh Đế thần giá đến tận Vạn Tuế sơn chặt trúc, đốt lấy nước để chữa cho Vu Khiêm. Thật là yêu mến đến kỳ lạ! Các quan thấy Chúa thương ưu ái Vu Khiêm đều phì báng ông. Hưng An nghe thấy, giận lắm quát:

- Bọn các ngươi đều phì báng Vu Đình Ích. Bay giờ triều đình đang cần dùng người. Nếu có người không cần tiền tài, không tham quan túc, không quản thân mình, đêm ngày bỏ sức ra chia vui buồn với đất nước, sao không cử một người ra thay thế cho Vu Thương thư? Đó cũng là một người làm việc vì bọn thần tử các ngươi! Bọn các ngươi chờ có dem lòng riêng loạn báng! Các ngươi khó tránh khỏi công luận đâu!

Các quan nghe xong đều yên lặng không nói, lui ra về. Thật là:

Triều đình chỉ dựa trung thần kế

(1) Thương thực: Thực ăn tốt nhất

(2) Trúc lịch: (trung y) đem măng ngọt hoặc măng đắng thái mỏng hòa nước sắc cạn cõ đặc, dùng làm thuốc chữa bệnh hạ nhiệt. Trúc lịch là nước măng đặc.

Tai mất tay chân ở các quan

Hung An chẳng chửi phường bất nghĩa

Còn ai thay nước tiếc Vu Khiêm?

Đến năm Cảnh Thái thứ bảy, nước ở Tây hồ Hoàng Châu tự nhiên cạn khô đến đáy. Lúc này Tôn Nguyên Chân đang làm Tuần phủ ở Triết Giang, nhìn thấy thời tiết biến đổi liền than rằng:

- Người tài mất rồi sao? Ta biết rất lo cho Vu công!

Không ngờ đến ngày hai mươi tám tháng chạp, Cảnh Đế bỗng dột ngọt bị bệnh nặng, không thể ngồi triều được, trong lòng Vu công rất buồn. Đến tháng giêng năm sau bệnh của Cảnh Đế ngày càng nặng dần. Vu Khiêm liền cùng các quan thương nghị xin lập Nghi Vương vẫn làm Đông Cung⁽¹⁾. Tâu thỉnh không được phê chuẩn. Vu Khiêm lại định đến ngày mười bảy thì vừa tấu vừa khóc. Không ngờ Từ Hữu Chính nhìn thấy Cảnh Đế sáu kém, bèn thương nghị với Thạch Hanh, nên thừa cơ đoạt lấy cửa Nam cung, nghênh thịnh Thượng hoàng phụ vị để thành công lớn bao trùm trời đất. Thạch Hanh mừng vui cho thế là phải. Liền một mặt thông tri cho Thái tử giàm Tào Cát Tường, Tường Miện tau hết với Hoàng Thái hậu, một mặt thông tri cho Nam cung, lại một mặt hội cùng Trưởng binh Đô đốc Trương Ước, Trương Nghê cùng Đô Nghị sứ Dương Thiện, lại một mặt già báo có giặc phương bắc xâm lấn xuống phương nam để thừa lúc có tin

(1) Thời cổ gọi Thái tử là Đông Cung

giặc phương bắc, bí mật đưa quân vào thành. Tối hôm mười sáu, bọn Thạch Hanh tụ họp với nhau ở trong nhà Từ Hữu Chính. Từ Hữu Chính vội vàng bước lên trên dải cao nhìn tượng sao, rồi bước xuống nói:

- Thời cơ là ở đêm hôm nay. Không thể để lỡ!

Đến lúc trống điểm canh tư, sắc trời đen tối, bọn Thạch Hanh hoảng hốt nói:

- Sự việc thành công được chứ?

Từ Hữu Chính nói lớn:

- Đã đến lúc rồi đó!

Bèn kéo mọi người đến Nam cung thành. Cửa thành đó đều dùng than sát đóng chặt, họ bèn phá cửa thành xông vào. Thượng hoàng hỏi:

- Bọn các ngươi định làm gì?

Từ Hữu Chính, Thạch Hanh phủ phục tâu rằng:

- Xin Thánh giá phục đăng cửu ngũ⁽¹⁾

Rồi dùi Thượng hoàng cưỡi lên xe. Các binh sĩ run sợ, không ai dám cử động. Từ Hữu Chính vội bước lên trước tự du đầy, Thạch Hanh cũng dùi. Tự nhiên sắc trời lung sáng, trăng sao vàng vặc, mọi người hò hét, bước thăng lên trên điện gỗ chuông đánh trống. Tất cả quần thần đều mất sắc.

Đêm hôm đó Vu Khiêm ngũ ở trong triều, cùng các quan văn võ ước định ngày hôm sau sẽ khóc lóc tấu lên kiến nghị chặng ngờ Từ Hữu Chính, Thạch Hanh v.v... mong muốn

(1) Cửu ngũ: Đề chỉ ngôi vua, vốn là hào từ ở quê càn trong kinh dịch nói "Cửu ngũ là rồng bay ở trên trời. Có nghĩa là lại bước lên ngôi vua".

giành lấy công lao nghênh phục, lại đúng là việc thuận lý, nên cũng được may mắn. Vu Khiêm thấy mọi người có biến, tự biết không tránh khỏi nên thần sắc không thay đổi, chính đốn áo triều vào ban hành lễ. Đã nghe thấy trên điện truyền chỉ bắt Vương Văn, Vu Khiêm, Phạm Quảng cùng Thái giám Vương Thành, Thư Lương, Trương Vĩnh, Vương Cần v.v nhốt vào ngục. Tất cả đều do mưu kế của Từ Hữu Chính sáp đặt, bởi nguyên nhân nghênh lập ngoại phiên.

Sau hai ngày Cảnh Dế giá băng ⁽¹⁾ liền đổi năm thứ tam thành Thiên Thuận nguyên niên, lệnh cho Từ Hữu Chính vào nội các làm việc, Thạch Hanh được phong Trung Quốc công những người khác đều được thăng thưởng. Từ Hữu Chính lại dụ dỗ Cấp sự Vương Chấn dâng sớ kể tội Vương Văn, Vu Khiêm, khép vào tội có mưu đồ làm phản, phải tội lăng trì cho đến chết. Còn những người khác thì bị tra khảo cốt để phải nhận tội nghênh lập ngoại phiên. Vương Văn nói:

- Nếu muốn nghênh lập ngoại phiên tất phải cần đến kim bài phù sắc. Hiện nay kim bài phù sắc vẫn còn ở trong cẩm cung. Không tấu cho Hoàng Thái hậu biết, ai dám lấy trộm ra dùng?

Bọn Thạch Hanh nói:

- Tuy không có chứng cứ rõ ràng, nhưng trong ý muốn cũng đã có như vậy.

Vương Văn đáp:

- Nếu chỉ lấy hai chữ "ý muốn" để vu buộc, hâm hại bọn

(1) Vua chết

Văn này thực chẳng cam tâm!

Tranh biện với nhau mãi không ngót, Vu Khiêm nói:

- Ông cái họ phỏng có ích gì? Bọn Thạch Hanh ý đã như thế. Họ cố tình dâm lên vết chân Tần Cối trong vụ "Mạc Tu Hữu" đó rồi. Ông cái cũng chết, không cái cũng chết. Người trung thần há đâu tiếc cái chết!

Ngày hôm sau Thạch Hanh định thành tội "nghênh lập ngoại phiên, mưu nguy xã tắc" rồi bỏ ngục. Thiên Thuận xem xong, còn do dự chưa nỡ, nói:

- Vu Khiêm từng có công lao lớn!

Bọn từ Hữu Chính, Thạch Hanh vội bước lên trước tâu:

- Bọn thần đây đã xông vào nơi vạn tử nhất sinh để nghênh phục bệ hạ. Nếu không đặt bọn Vu Khiêm vào đất chết, tất việc tiến cử hiện nay sẽ trở thành vô danh.

Ý Chúa thượng đã quyết! Ngày hai mươi hai buổi sớm đã bắt Vương Văn, Vu Khiêm, Phạm Quảng, Vương Thành v.v... ra khỏi ngục đem ra thụ hình ở Tây thị. Vương Văn còn luôn miệng kêu oan. Vu Khiêm cười nói:

- Tôi với ông không cần tranh cái làm gì. Ngày sau tất sẽ có công luận.

Rồi miệng ngâm một bài thơ từ già cõi đời như sau:

Công danh thành bại vốn tương y

Dẫu dể cho ai biện thi phi

Gian dâng chí lo sàm kế hiềm

Trung thần coi chết tựa như vè!

Mọi việc do trời đều có số

Bỗng chốc thành ra hết thời cơ

Nhân được một giờ, ba khắc khé

Danh thơm hả quản cổ kim hi!

Ngâm xong lập tức thất cổ mà chết, để hoàn thành trọn vẹn một câu nói "Trung thần không sợ chết!" Năm đó Vu Khiêm sáu mươi tuổi. Ngày hôm ấy bầu trời tối tối, bốn phía âm u, nhát nguyệt vô quang, nhân dân cả đờ thành không ai không sụt sùi rơi lệ.

Vu Khiêm bị hại. Thái hoàng Thái hậu đều không ai hay, đến khi chết rồi mới biết. Sau Chúa thượng tiến cung vào triều, Thái hoàng Thái hậu mới than khóc rằng:

- Vu Khiêm từng có công lao lớn với đất nước nhà ta, vì sao lại tối nồng nỗi này? Khi Hoàng đế hãy còn đang ở ngoài, nếu không có Vu Khiêm, quốc gia không biết sẽ như thế nào! Tất cả đều do kẻ gian lừa dối Hoàng đế cả! Huống hồ như việc nghênh lập ngoại phiền, lấy đâu ra việc đó được?

Do đó mà buồn bã sầu thảm. Chúa thượng cũng vì thế mà động lòng thương xót, thế nhưng hối không kịp nữa. Thạch Hanh từng tiến dẫn Trần Nhữ Ngôn làm Bình bộ Thượng thư, chưa đầy nửa năm đã kết đảng với kẻ gian trộm cắp tiền của, chưa đầy nhà lớn nhà bé. Chúa thượng giận giữ quá:

- Cảnh Thái gián nhiệm ⁽¹⁾ Vu Khiêm, tự chuyên quyền đã lâu, chết không để lại tài sản gì. Người chưa được bấy lâu có sao tài sản lại nhiều đến thế?

Thạch Hanh chỉ gục đầu yên lặng. Do Chúa thượng biết Vu Khiêm bị oan nên đã oán ghét bọn Thạch Hanh lắm.

(1) Ngăn không cho làm nhiệm vụ,

Da Tiên nghe tin biết Vu Khiêm bị giết, biết trong nước không còn ai liền thừa cơ tiến quân! Người người hoảng sợ, kinh thành đại chấn động. Cung Thuận hầu Ngũ Cẩn ở bên cạnh nói:

- Vu Khiêm nếu còn sống, đâu có để cho bọn giặc đến đây!

Chúa thượng cũng nhiều lần than thở. Về sau hai tên Từ Thạch tranh giành quyền binh, Từ Hữu Chính bị biến đi Văn Nam làm vệ xung quân. Thạch Hanh mưu phản bị lộ, Thạch Bưu bị chém đầu, còn Thạch Hanh được cho theo tráng đế tự thát cổ chết. Vu Miện lúc đầu bị đầy đi Liêu Đông làm vệ xung quân, đến nơi thì được tha cho về, mới đưa quan tài cha về Hàng Châu, chôn trên núi Tam Dài ở Tây hồ. Đến khi Thành Hóa lên ngôi, Vu Miện dâng sớ tấu trình cha bị oan khuất, Chúa thượng rất thương xót, đã khôi phục quan tước cho Vu Khiêm, phát vàng phát ngọc cho người qua đường gọi là thường cho Vu Khiêm tế vật tế văn. Văn tế nói về người có đoạn viết:

"Khanh có chí anh minh vi đại, lại có tài tế thế kinh bang, từng phụng sự tiên triều công lao chói lọi huy hoàng. Giữa khi quốc gia da nẠn, khanh bảo toàn đất nước bình an, được lớn mạnh không chi sai sót!"

Khanh công bằng chính trực lại tự khép mình, chẳng may bị kẻ gian giết hại. Tiên đế đã biết khanh oan ướng, dạ trách thật thương xót một tấm lòng trung quân báo quốc!"

Dến đời Hoằng Trị nguyên niên có chiếu nói rằng:

"Thiếu bảo Vu Khiêm có công dụng xây xá tác, tặng Đặc tiến Quang lộc Đại phu, Trụ quốc Thái phó, thụy là Túc

Lại lập đèn thờ mộ tên là Tinh công, thờ phụng suốt từ mùa xuân đến mùa thu. Trong thời Vạn Lịch, Triết Giang Tuần phủ Phó Mạnh Xuân, bỗng gặp việc phải ngủ qua đêm ở mộ Vu công, cảm động mộng thấy Vu công. Bèn dâng sớ lên triều đình nói rằng tên thụy là Túc Mẫn chưa được hợp lâm, mà phải nên lấy tên thụy là Trung Túc⁽²⁾. Từ sau đó những người đến cầu mộng ở đèn Vu công liên tục không ngớt. Bên cạnh đèn còn tạc chữ "Cầu triệu sở"⁽³⁾ suốt đêm đèn nến thấp sáng như ban ngày Thành tâm vái cầu phúc lộc, không mộng nào là không hiến ứng.

Ta nói cái khí của chính nhân, nếu tỏa hương ngào ngạt không tan di thì có thể ẩn hiện long lanh mà sinh ra mộng triệu xa xôi thiêng cở, là như vậy đó. Từ đây ta có thể biết, trong cái khí linh thiêng tú lệ của Tây hồ có chính khí làm chúa tể giúp cho, nên đã được thiên hạ ngưỡng mộ đến muôn đời!

(1) **Thụy:** danh hiệu truy tặng cho đế vương, đại quan sau khi mất
Túc mẫn: nghĩa trung không sợ chết

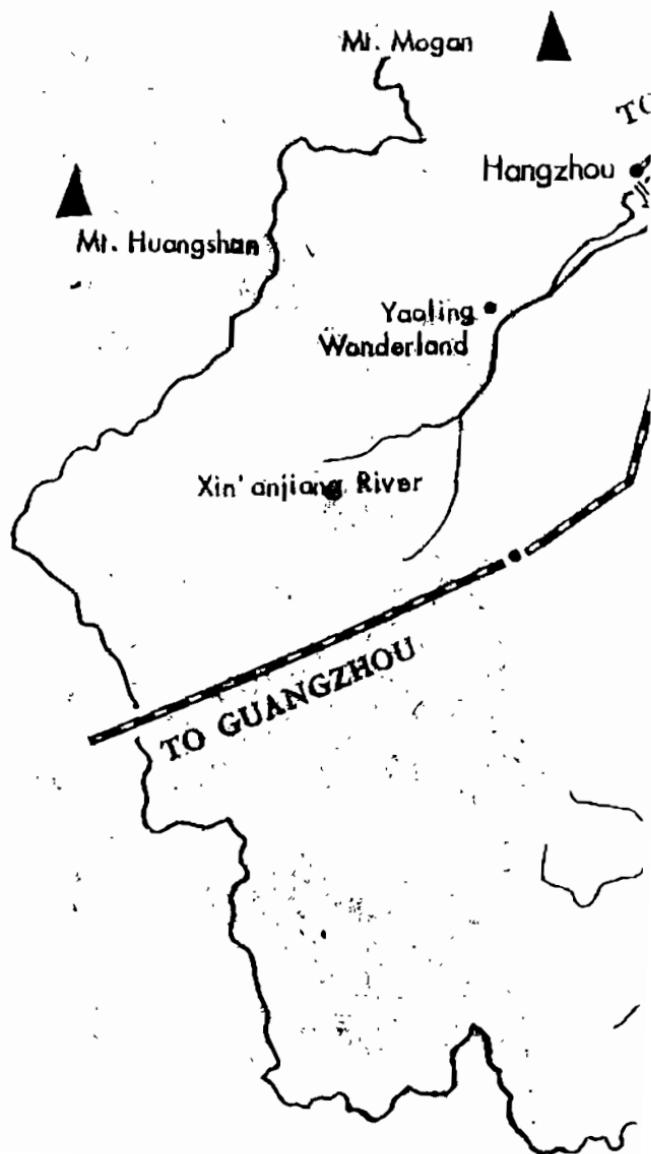
(2) **Trung túc:** trung thành nghiêm trang không sợ chết

(3) **Nơi cầu mộng.**

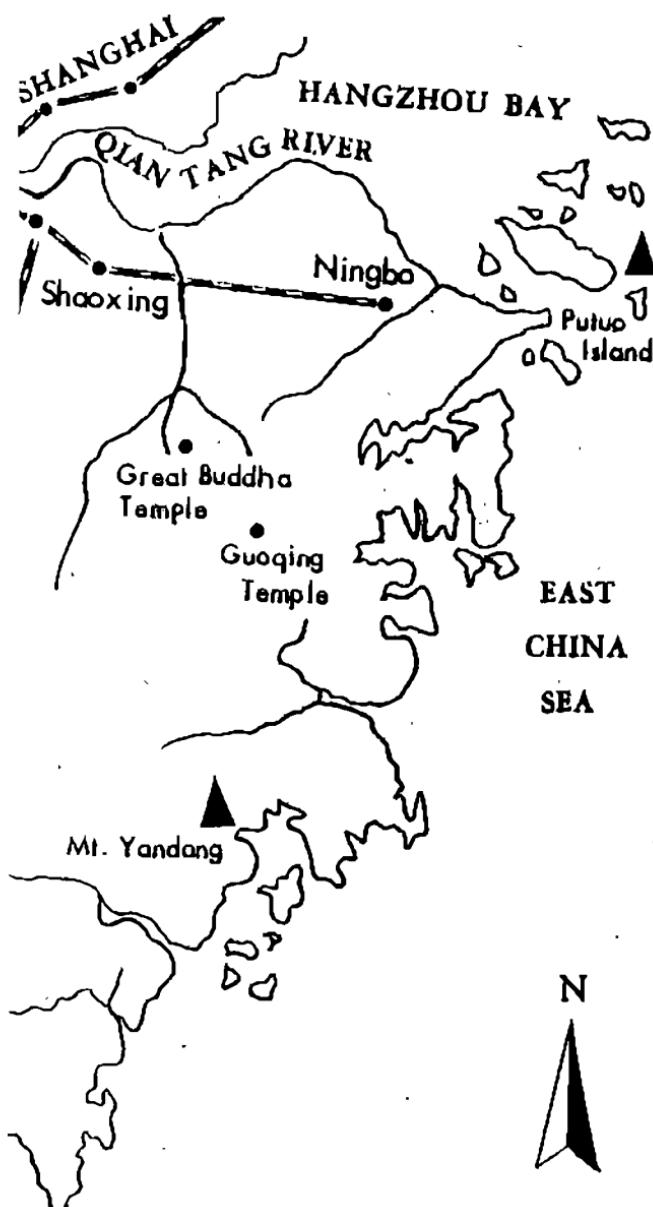


BUDGE MAP TO OTHER SCENES

GUIDE MAP TO OTHER SCENIC



iPOTS



MỤC LỤC

	Trang
1. Dấu tiên trên Cát Linh (Cát Linh tiên tích)	7
2. Dấu tích chính sự ở Bạch đê (Bạch đê chính tích)	41
3. Dấu tích tài hoa ở Lục Kiều (Lục Kiều tài tích)	68
4. Thi tích ở chùa Linh Ân (Linh Sơn thi tích)	117
5. Cố Sơn ấn tích	126
6. Sự tích phong nhà ở Tây Linh (Tây Linh văn tích)	142
7. Nhạc phần trung tích	195
8. Tam Đài mộng tích	241

TÂY HỒ GIAI THOẠI
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA. (43 LÒ ĐÚC - HÀ NỘI)

Chịu trách nhiệm xuất bản: QUANG HUY

Biên tập: NGUYỄN TÁT HÒA

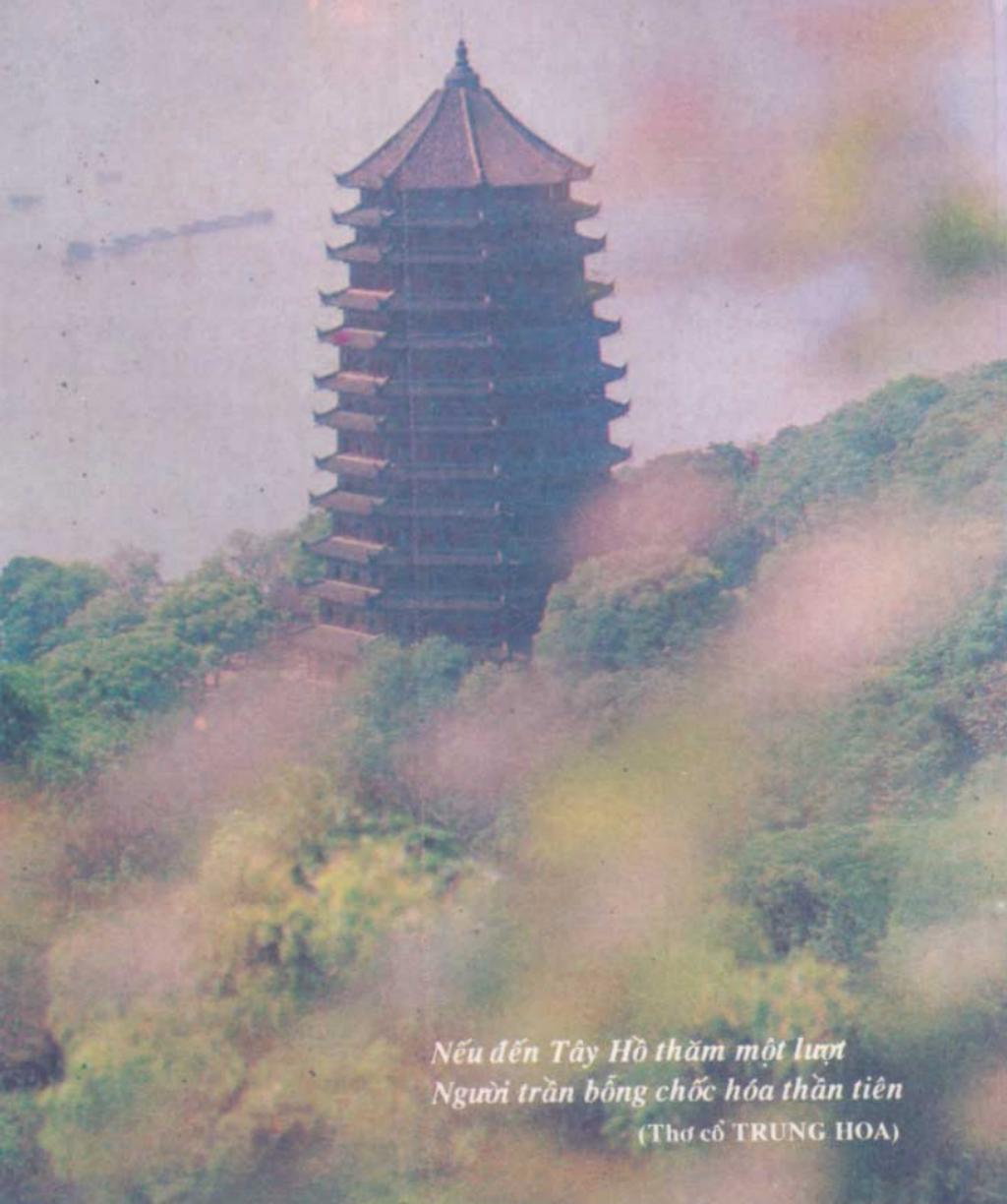
Vẽ bìa:

Trình bày:

Sửa bản in: NGUYỄN VŨ

In 1.000 cuốn khổ 13x19 cm tại Xí nghiệp in số 9.
Giấy đăng ký đề tài số 873CT/VHTT Cục xuất bản duyệt
ngày 29-6-1993. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12-1993.

TÂY HỒ, MỘT KHO TÀNG TRUYỀN
THIUYẾT DÂN GIAN



Nếu đến Tây Hồ thăm một lượt
Người trần bỗng chốc hóa thần tiên
(Thơ cổ TRUNG HOA)